

Theravāda
Phật Giáo Nguyên Thủy

Đức Thế Tôn
Và
45 năm Hoằng pháp độ sinh

Tập 6

Tỳkhuư Chánh Minh
Biên soạn

Những chữ viết tắt

-0-0-

A.	Āṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA.	Āṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap.	Apadāna (Ký sự).
ApA.	Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal.	Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật) (Kegan Paul).
Buv.	Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuvA.	Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
Cp.	Cariyapiṭaka (Hạnh Tạng)
Cv.	Cūlavāṃsa (Tiểu sử).
CvA.	Cūlavāṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
D.	Dīghānikāya (Kinh Trường bộ).
DA.	Dīghanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp.	Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA.	Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv.	Dīpavaṃsa (Đào sử).
DvA.	Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đào sử).
Dvy.	Divyāvādāna (Thiền nghiệp thí dụ).
Iv.	Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA.	Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
J.	Jātaka (kinh Bản sanh).
JA.	Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bản sanh).
Lal.	Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
M.	Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA.	Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv.	Mahāvāṃsa (Đại sử).
Mil.	Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu.	Mahāvastu (Đại Sự).
Pv.	Petavatthu (Ngạ quỷ sự).
PvA.	Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Ngạ quỷ sự).
S.	Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA.	Saṃyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng).
Sn .	Suttanipāta (Kinh Tiểu tụng)
SnA.	Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tiểu tụng).
Sp.	Samantapasādikā (Sớ giải Tạng Luật).
Thag .	Theragāthā (Kệ Trưởng lão Tăng).
ThagA.	Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão tăng).
ThigA.	Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão ni).
Ud.	Udāna (Phật tự thuyết).
UdA.	Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin.	Vinaya (Luật Tạng).
Vv.	Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA.	Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Lời nói đầu.

-o-o-o-

Vàng trắng rụng giữa muôn trùng tinh tú.
Rung chuyển tinh cầu, buốt lạnh triệu vì sao.
Thời gian dừng, không gian lắng đọng.
Tiễn người đi hòa nhập với tiêu dao.
Những quán trọ thế gian, thôi vẫy tay chào.
Cuộc đua cột tử sinh, sinh tử, thôi đến thời chấm dứt.
Đức Xá lợi phất viên tịch.

Lão bà Rūpasārī tuổi ngoài trăm, chưa uống cạn mật ngọt niềm vui thì trái sầu đã đắng đôi môi, bà oằn mình ngã quy dưới chân người con trai thân yêu, thân già nua run rẩy như gỏ nhịp theo tiếng khóc than muốn xé nát trời cao: "Không còn dịp cúng dường vật thực đến Ngài, không còn dịp dâng y vàng đến Ngài, không còn cơ hội sắp đặt chỗ cư ngụ cho Ngài". Không còn nữa, không còn gì nữa thật rồi, lá vàng còn trên cây sao lá xanh kia lại lìa nhành?.

Ồ! định luật sinh tử có chừa riêng ai, sự chia ly luôn gắn bó với pháp hành. Mỗi chúng sinh đều phải ra đi như định luật sẵn dành, vô thường là đây, khổ ải là đây.

Ngôn ngữ Chư Phật vốn súc tích và vi diệu thâm sâu, nhưng Đức Thế Tôn có đến 500 kệ ngôn tán thán công hạnh Đức Xá lợi phất, đủ thấy hạnh lành vô biên, đủ thấy sự nghiệp "hoằng pháp độ sinh" của Đức Xá lợi phất rộng lớn đến dường nào.

Người đi rồi, vắng người đã đi rồi. Nhưng chân dung vẫn còn đây, âm từ giải thoát vẫn còn vang vọng suốt hơn hai ngàn 500 năm trôi chảy và vẫn còn ngân xa, xa mãi đến tận cuối trời Giáo pháp.

Đức Thế Tôn đã cảm thán khi hội chúng vắng bóng hai vị Thượng thủ: "Hội chúng hôm nay dường như trống vắng, phương hướng nào có Xá lợi phất, Mụckiềnliên. Giờ đây phương hướng ấy không còn trông thấy Xá lợi phất, Mụckiềnliên".

Bấy nhiêu thôi, đủ nói lên sự trang trọng, tin yêu của Đức Thế Tôn dành cho vị hai đệ tử tối thắng của mình.

Suốt 44 năm vì đời để sống, vì an lạc của chúng sinh mà Ngài phải hứng nhận bao nỗi thăng trầm, chịu đựng những lời nguyên rủa của kẻ ngu nhân.

Tắm thân ngủ uẩn đầu quản hành trình diệu với gian nan, nào màng tuyết giăng sương phủ, mặc cho nắng bụi mưa rừng, mặc cho gió cuồng mưa lũ, mặc cho sấm sét mưa gào.

Kìa rừng vắng, nọ hang sâu, đây chốn phồn hoa, đây vùng biên trấn, nào đâu thiếu vắng dấu chân Ngài. Tạm ẩn mình hồi sức rồi lại lên đường nối nhịp độ sinh, chân khảy điệp khúc hoằng dương, tay gieo rắc suối nguồn giải thoát, môi hồng tươi thắm khai mở giòng sữa ngọt ngào Chánh pháp.

Suốt 44 năm vô số cánh hoa Thánh đạo rớt nở qua kim ngôn của Ngài, Ngài giúp cho người tẻ liệt đi đứng vững vàng, người câm biết nói, người điếc biết nghe, người mù thấy được ánh sáng, người nghèo trở thành bậc đại phú với Thánh sản diệu kỳ ...

Ngôn ngữ vốn hữu hạn, làm sao nói hết, làm sao nói hết niềm kính yêu vô hạn này. Xin được thấp nén tâm hương thành kính dâng đến Đức Ngài Xá lợi phất.

Tỳkhuu Chánh Minh cẩn bút.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Bạc Alahán Chánh Đẳng Giác.
-0-0-0-

E- Thân tộc của Đức Xá lợi phất (Sāriputta).

Kinh điển ghi nhận bà Rūpsārī có tất cả 7 người con, bốn nam ba nữ, Đức Xá lợi phất là con trưởng. Ba người em trai của Đức Xá lợi phất là: Upasena, Cunda và Revata; ba người em gái là Cālā, Upacālā và Sisupacālā (có nơi viết là Sisūpacālā hay Sisūpacālā); nhưng không định vị rõ thứ tự những người em của Đức Xá lợi phất, chỉ biết rằng Ngài Revata là em út, còn Ngài Upasena hay Ngài Cunda là anh hay em của các bà Cālā, Upacālā, Sisūpacālā thì không thấy nêu rõ thứ tự.

Tất cả những vị này đều xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Kinh điển chỉ ghi nhận: Bốn người con trai của bà Rūpasārī chưa lập gia đình, còn ba người con gái đã lập gia đình, mỗi bà có một người con trai rồi sau đó xuất gia trong giáo pháp này trở thành những Thánh nữ Alahán.

Bà Cālā có một người con trai là Cāla; bà Upacālā có người con trai là Upacāla, bà Sisupacālā có người con trai là Sisupacāla; cả ba người cháu trai của Đức Xá lợi phất được Ngài Revata tế độ xuất gia Sadi.

Ngoài ra, Đức Xá lợi phất còn có cháu trai khác là Uparevata, du sĩ Trưởng trào (Dīghanakha). Trong Bản Số giải Kinh Pháp cú có ghi nhận: Một Balamôn là cậu của Đức Xá lợi phất, một Balamôn là cháu của Đức Xá lợi phất; hẳn nhiên còn nhiều người khác, nhưng kinh điển không đề cập đến vì nhiều nguyên nhân.

1- Ngài Upasena.

Ngài là em trai kế của Đức Xá lợi phất⁽¹⁾, khi trưởng thành Ngài lầu thông ba Tạng Vệ đà (Veda), nghe tin anh mình là Xá lợi phất trở thành đệ tử của Samôn Gotama, nên tìm đến thành Vương xá (Rājagaha) để tìm hiểu Giáo pháp này.

Ngài Upasena được nghe Đức Phật thuyết pháp, khởi niềm tin, xin được xuất gia trong Tăng đoàn, các bậc Đồng phạm hạnh thường gọi là Upasena Vaṅgantaputta (Upasena con trai của Vaṅganta) để phân biệt với Ngài Upasena là cậu của Trưởng lão Vijitasena, và là em của Sena.

Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ khưu được một hay hai năm tuổi đạo đã tế độ đệ tử xuất gia Tỳ khưu, Ngài Upasena xuất gia được một năm, Ngài cũng tế độ cho một nam tử xuất gia Tỳ khưu.

Khi mãn mùa an cư thứ hai của mình, Ngài Upasena cùng với người đệ tử đến yết kiến Đức Thế Tôn, hai thầy trò đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Theo thông lệ của chư Phật Chánh Giác, Đức Thế Tôn niềm nở tiếp đón các vị khách Tăng đệ tử, Đức Thế Tôn hỏi Ngài Upasena Vaṅgantaputta rằng:

- Này các Tỳ khưu, sức khỏe của các người có tốt đẹp không? Mọi việc có được tốt đẹp chăng? Các người đi đường xa có ít mệt nhọc chăng?

- Bạch Thế Tôn, chúng con có được sức khỏe tốt, mọi việc đều được tốt đẹp. Bạch Thế Tôn, chúng con đi đường xa được ít mệt nhọc.

Các Đức Thế Tôn có khi biết không hỏi, có khi biết vẫn hỏi, Đấng Chánh giác thấu rõ: “Đây là thời không cần phải hỏi, đây là thời nên hỏi”, ***vì sao?***

Vì rằng. Những điều Đức Như Lai biết, nhưng không liên quan đến lợi ích, Đấng Như Lai không hỏi; những điều Đấng Như Lai biết có liên quan đến lợi ích, Ngài sẽ tùy thời hỏi. Đấng Như Lai hỏi để có duyên sự thuyết giảng Pháp; Đấng Như Lai hỏi để có duyên sự chế định điều học cho các đệ tử.

Đức Thế Tôn hỏi Ngài Upasena Vaṅgantaputta rằng:

- Này Tỳ khưu, người được bao nhiêu năm?

- Bạch Thế Tôn, con được hai năm.

- Còn vị Tỳ khưu này được bao nhiêu năm.

- Bạch Thế Tôn, được một năm.

- Này Tỳ khưu, vị Tỳ khưu này là gì của người?

- Bạch Thế Tôn, là đệ tử của con.

Đức Thế Tôn khiển trách Ngài Upasena Vaṅgantaputta rằng;

- Này Upasena, người đã quá vội vã, người là người còn đang được giáo huấn, còn được chỉ dạy, lại nghĩ đến giáo huấn người khác, nghĩ đến chỉ dạy người khác”.

⁽¹⁾- UdA. 266; DhpA. ii, 188.

Nhân đó Đức Thế Tôn chế định điều học là: "Vị Tỳkhuu phải tròn đủ 10 hay hơn 10 lần an cư mùa mưa⁽¹⁾, mới được cho thiện gia tử xuất gia Tỳkhuu, nếu chưa đủ 10 hạ mà cho giới tử xuất gia Tỳkhuu, vị ấy phạm "Tác ác" (dukkata)⁽²⁾."

Lời khiển trách của Đức Thế Tôn gây xúc động mạnh đến tâm của Ngài Upasena, Ngài suy nghĩ: "Chỉ vì ta chưa làm xong phận sự của bậc xuất gia, vì mục đích nào ta lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình, ta hãy đạt được mục đích ấy để làm hài lòng Đức Thế Tôn, ta phải nỗ lực hành pháp để được Đức Thế Tôn khen ngợi".

Ngài nỗ lực hành pháp samôn, thành đạt Thánh quả Alahán Lục thông. Sau khi thành tựu Thánh quả Alahán, Đức Upasena suy nghĩ: "Ta đã làm xong phận sự samôn, nhưng để khuyến khích những người có trí, ta hãy thực hành pháp *dhutaṅga* (đầu đà) để làm gương".

Ngài Upasena Vaṅgantaputta giữ ba hạnh: Ngụ trong rừng (sosānika), mặc y cũ rách (paṃsukūlika) và đi khất thực (piṇḍapātika) để nuôi mạng sống, Ngài thường sách tấn, khích lệ những vị Tỳkhuu khác thực hành pháp *dhutaṅga* để "búng tận gốc rễ phiền não".

Sở dĩ Ngài Upasena thu nhận đệ tử, cho xuất gia thọ giới Tỳkhuu với "mục đích làm gia tăng số lượng tu sĩ"⁽³⁾, điều này cho thấy khi ấy số lượng tu sĩ chưa phát triển nhiều, một năm sau số lượng tu sĩ tăng nhanh, do đó Đức Thế Tôn chế định điều học này. Như vậy, cho thấy Ngài Upasena xuất gia trong Giáo đoàn, có khả năng vào hạ thứ nhất hoặc hạ thứ hai của Đức Thế Tôn.

Khi tròn đủ 10 mùa an cư, những nam tử muốn xuất gia trong Giáo pháp này, Ngài thường ra điều lệ rằng:

- Nay cư sĩ, ta là vị hành pháp ở rừng, mặc y cũ rách, đi khất thực để nuôi mạng sống; nếu người cũng thực hành ba hạnh như thế, ta sẽ tế độ người xuất gia Tỳkhuu trong Giáo pháp này.

Nếu nam tử ấy đồng ý "thực hành ba hạnh Đầu đà ấy", Đức Upasena mới trở thành Tế độ sư cho vị ấy.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn lại điều tiết sự gia nhập Tăng đoàn của các nam tử?

Vi rằng. Vào năm thứ nhất của Đức Thế Tôn, khi Ngài tiếp nhận Đại tự "Rừng Trúc" (Veḷuvanavihāra), số lượng Tỳkhuu còn quá ít, sau đó số lượng Tỳkhuu tăng nhanh, do các vị Tỳkhuu phạm cho nhiều nam tử xuất gia để vị ấy trở thành "thầy tế độ", trong khi bản thân vị ấy có nhiều hành xử không đúng với Pháp luật, đồng thời phát sinh một số ô nhiễm trong Tăng đoàn như:

*Mặc y luộm thuộm không đúng quy cách, đi khất thực mở nắp bình bát rồi đưa bát đến trước thí chủ đang ăn; gây ồn ào trong nhà ăn (sđđ, số 77).

*Không thực hành đúng phận sự "người thầy", hay " người trò".

*Cho thọ giới Tỳkhuu mà không có sự thỉnh cầu của giới tử.

Có vị Tỳkhuu thực hiện những hành động sai trái, các vị Tỳkhuu đã nhắc nhở rằng: "Này Đại đức, chớ có làm như thế, điều này không được phép".

Vị Tỳkhuu ấy trả lời rằng:

- Tôi đâu có thỉnh cầu được tu lên bậc trên (là thọ giới Tỳkhuu), vì sao các Ngài chưa được tôi thỉnh cầu, lại cho tôi tu lên bậc trên.

Nhân đó, Đức Thế Tôn chế định rằng: "Vị nào cho thọ giới Tỳkhuu đến người chưa thỉnh cầu "tu lên bậc trên", phạm Tác ác (dukkata)" (sđđ, số 85).

*Một số xuất gia vì nuôi mạng sống (sđđ, số 87) ...

Trở lại Ngài Upasena Vaṅgantaputta, có lần Đức Thế Tôn trú ngụ trong Đại tự Kỳ viên của Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc), Đức Thế Tôn muốn tịnh cư ba tháng nên dạy các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, Ta muốn tịnh cư ba tháng. Không một ai đến gặp Ta ngoại trừ vị có phận sự mang vật thực.

Và không một ai được đến viếng Đức Thế Tôn ngoại trừ người có phận sự mang vật thực đến cho Đức Thế Tôn.

Các Tỳkhuu trong thành Xá vệ (Sāvatti) hội nhau lại qui định rằng: "Này chư hiền, Đức Thế Tôn muốn tịnh cư ba tháng, không ai được đi đến gặp Đức Thế Tôn, ngoại trừ vị có phận sự mang vật thực đến cho Đức Thế Tôn. Vị Tỳkhuu nào đi đến gặp Đức Thế Tôn, phạm giới Ứng đối trị (pācittiya)".

(1)- Nghĩa là phải tròn đủ 10 hạ hay trên 10 hạ, gọi là "hạ" do tính theo "an cư mùa mưa trọn ba tháng"- Ns .

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm I. Chương Trọng yếu, số 88- 90.

Cũng nên ghi nhận rằng: "Vị Tỳkhuu ấy phạm "tác ác", đồng thời Tăng sự cho xuất gia thọ giới Tỳkhuu ấy cũng không thành tựu -Ns.

(3)- ThagA. Sở giải Kệ ngôn Trưởng lão Upasena.

Khi ấy, Ngài Upasena cùng hội chúng Tỳkhuu đệ tử đến viếng Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, Ngài Upasena cùng hội chúng của mình ngồi xuống một bên hợp lễ.

Đức Thế Tôn sau những lời thăm hỏi với Tăng khách theo thông lệ của bậc Chánh Giác, rồi Đức Thế Tôn hỏi vị Tỳkhuu đệ tử của Ngài Upasena rằng:

- Nay Tỳkhuu, đối với người mặc y cũ rách (Pamsukūla) có dễ chịu không?

- Bạch Thế Tôn, đối với con mặc y cũ rách không dễ chịu.

- Nay Tỳkhuu, vậy vì sao người mặc y cũ rách?

- Bạch Thế Tôn, vì thầy của con là người "mặc y cũ rách", nên con cũng là người mặc y cũ rách.

Đức Thế Tôn khen ngợi Đức Upasena đã khéo huấn luyện hội chúng của mình, rồi hỏi Đức Upasena có biết về "quyết định của các Tỳkhuu trong thành Xávê, về việc "đến viếng Đấng Như Lai khi Ngài đang tịnh cư ba tháng", vị ấy phạm Ứngđối trị (pācittiya)" hay không?". Đức Upasena đáp lời Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, hội chúng ở thành Xávê (Sāvatti) sẽ được biết tiếng bởi những qui định của chính họ. Riêng chúng con sẽ không qui định những điều chưa được Đức Thế Tôn qui định, không hủy bỏ điều đã được Đức Thế Tôn qui định.

Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học đã được quy định.

- Lành thay, lành thay, này Upasena. ***Không nên qui định điều chưa được qui định hoặc không nên hủy bỏ điều đã được qui định.***

Nhân đó, Đức Thế Tôn ban một đặc ân cho các vị Tỳkhuu là: "*Vị Tỳkhuu nào giữ hạnh "ở rừng", giữ hạnh "mặc y cũ rách", giữ hạnh "đi khất thực để nuôi mạng sống", được đến viếng Đức Thế Tôn một cách thoải mái"*⁽¹⁾.

Từ đặc ân của Đức Thế Tôn ban cho, Ngài Upasena trở nên nổi tiếng khắp kinh thành Xávê.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: "Ngài Upasena là một vị thuyết pháp thiện xảo nổi tiếng (*paṭhavighuṭṭha-dhammakathika*), đồ chúng của Ngài Upasena rất đông", có đến 500 vị Tỳkhuu đệ tử⁽²⁾.

Khi đến thời thích hợp, giữa đại chúng, Đức Thế Tôn ban cho Ngài Upasena địa vị Tối thắng về hạnh "dễ mến toàn diện" (*samantapāsādikānam*):

Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakanāṃ bhikkhūnaṃ samantapāsādikānaṃ yadidaṃ upasena vaṅgantaputto:

"Này các Tỳkhuu, trong số những vị Tỳkhuu được những người đi theo "dễ mến toàn diện", tối thắng là Tỳkhuu Upasena con trai của Vaṅganta"⁽³⁾.

Khi các vị Tỳkhuu ở kinh thành Kosambi chia rẽ, gây nạn phá hòa hợp tăng, một vị Tỳkhuu hỏi Đức Upasena phải làm gì? Đức Upasena dạy Tỳkhuu ấy rằng:

577- Vivitam appanighosaṃ; vālamiganisevitaṃ,

Seve senāsaṃ bhikkhu; paṭisallānāraṇā.

"Ít ồn ào nơi thanh vắng; nơi thú rừng đuổi theo mỗi

Tỳkhuu mang sàng tọa; thực hành sự an tịnh".

578- Saṅkhārapuñjā āhatvā; susānā rathiyāhi ca.

Tato saṅghātikaṃ katvā; lūkhaṃ dhāreyyacivaraṃ.

"Nhặt lấy, nối kết từ đồng rác; đường đi cùng mộ địa.

Từ đó làm thành Tănggià-lê; mặc chiếc y cũ rách".

579- Nīcaṃ maṇaṃ karitvāna; sapadānaṃ kulā kulāṃ.

Piṇḍikāya care bhikkhu; guttadvāro susaṃvuto.

"Đã thực hành ý khiêm hạ, liên tục từ nhà sang nhà.

Tỳkhuu tìm vật thực; khéo canh phòng, gìn giữ các cửa".

580- Lūkhenapi vā santusse; nāññaṃ patthe rasaṃ bahuṃ.

Rasesu anugiddhassa; jhāne na ramatī mano.

Bằng lòng với thức ăn thô; không nghĩ, tìm nhiều vị chất khác.

Nếu tham đắm vị chất; ý không thích thú thiền tịnh.

581- Appiccho ceva santuṭṭho, pavivitto vase muni.

Asaṃsaṭṭho gahaṭṭhehi, anāgārehi cūbhayaṃ.

"Ít ham muốn và biết đủ; ẩn sĩ sống viễn ly.

(1)- ĐĐ Indacando (d). Luật Phân tích Tỳkhuu II. Số 91.

(2)- AA. i. 152; xem thêm Mil. 360 để biết chi tiết về việc cho tu sĩ gia nhập Tăng Đoàn và giới luật liên hệ; Vin. iii. 230 ff. có một ít chi tiết khác biệt; sau khi Upasena yết kiến Phật, Phật cho phép tỳkheo tu hạnh đầu đà được yết kiến Ngài, cả trong lúc an cư kiết hạ. Xem thêm Sp. iii. 685.

(3)- A.i, 24. Phẩm "người tối thắng".

Không thân cận người tại gia; lần bậc xuất gia”.
582-Yathā jaḷo va mūgo va, attānaṃ dassaye tathā.
Nāṭivelaṃ sambhāseyya, saṅghamajjhamhi paṇḍito.
*"Hãy như ngu và câm; người khác thấy mình như vậy.
Chớ bàn luận nhiều; bậc trí giữa Tăng chúng”.*

583- Na so upavade kañci, upaghātaṃ vivajjaye.
Saṃvuto pātimokkhasmiṃ, mattaññū cassa bhojane.
*"Không chỉ trích người khác; tránh làm hại kẻ khác.
Giữ gìn trong giới hạnh; điều độ trong ăn uống”.*

584-Suggahītanimitassa, cittassuppādakovidō.
Saṃaṃ anuyuñjeyya, kālena ca vipassanaṃ.
*"Khéo nắm giữ ấn tướng; tâm sinh khởi thiền xả.
Thường thực hành an tịnh; và tùy thời quán xét”.*

585-Vīriyasāttaccasampanno, yuttayogo sadā siyā.
Na ca appatvā dukkhantaṃ, viśāsamaṃ eyya paṇḍito.
*"Tinh tấn, nhẫn đầy đủ; luôn thực hành phân sự.
Không còn chút khổ nhỏ; bậc trí tiến triển rõ”.*

586- Evaṃ viharamānassa, suddhikāmassa bhikkhuno.
Khīyanti āsavā sabbe, nibbutiñcādhigacchatī”ti.
*"Sống nếp sống như vậy; Tỳkhuu vui an tịnh.
Diệt trừ mọi ô nhiễm; đi đến cao tột an tịnh”⁽¹⁾.*

Khi trú ở rừng, có lần trong lúc xuất khỏi thiền tịnh, cảm nhận được sự an lạc của thiền tịnh, Ngài Upasena quán xét lại các ân đức mà mình đã đạt được, Ngài suy nghĩ rằng: “Ta chỉ là một đệ tử mà thành đạt được những ân đức như vậy, thì còn nói gì đến Bậc Đạo sư”.

Rồi Ngài chuyển tâm hướng đến “quán xét ân đức Tam Bảo”, những ân đức ấy dần dần hiện rõ trong tâm Ngài với trăm ngàn khía cạnh. Ngài suy nghĩ:

-Thật khéo lợi ích cho ta, ta có bậc Đạo sư là Đức Thế Tôn, bậc Alahán Chánh giác. Ta được xuất gia sống đời sống không gia đình trong Giáo pháp được khéo thuyết, các bậc đồng phạm hạnh của ta là bậc có giới hạnh theo thiền pháp.

Chúng ta có thiên, có định, là bậc Alahán đã diệt trừ mọi ô nhiễm, là bậc có đại uy lực, có đại thần lực. Hiền thiện là sự sống của chúng ta, hiền thiện là sự mệnh chung của chúng ta.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi “rừng Trúc” (Veluvana) gần thành Vương xá (Rājagaha), với tâm mình Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của Ngài Upasena, hiểu được ý nghĩa này, Đức Thế Tôn nói lên “Cảm hứng ngữ” (udāna) như sau:

Yaṃ jīvitaṃ na tapati, maraṇante na socati;
Sa ve ditṭhapado dhīro, sokamajjhe na socati.
*"Ai sống không sầu muộn; khi chết không sầu muộn.
Bậc trí nếu thấy đường; giữa sầu, không sầu muộn.”*

Ucchinnabhavataṇhassa, santacittassa bhikkhuno.
Vikkhīṇo jātiśamsāro, natthi tassa punabbhavo”ti.
*"Cắt đứt hết hữu ái; Tỳkhuu tâm an tịnh.
Đứt bỏ sinh luân hồi; không còn tái sinh nữa”⁽²⁾.*

Khi Ngài Upasena ngụ chung với Đức Sāriputta (Xá Lợi Phất) ở “hang Đầu rắn” (*Sappasonḍika-pabhāra*), trong khu rừng Lạnh (Sītavana).

Một hôm, sau khi thọ thực xong, Ngài Upasena ngồi vá đại y gần cổng vào hang, Ngài Upasena nhìn thấy hai con rắn đang nô đùa trên giấy leo phủ miệng hang, một cơn gió mạnh thổi đến bất ngờ, một con rơi xuống vai và cắn Ngài.

Đây là loại rắn có nọc cực độc, chỉ chạm vào người nọc độc của rắn có thể gây tử vong. Nọc rắn lan nhanh trong cơ thể, toàn thân Đức Upasena nóng bừng lên như tim bốc bốc cháy.

Ngài Upasena gọi các Tỳkhuu rằng:

- Này chư hiền, hãy mang cái giường cùng với thân này ra trước hang, trước khi nó bị phân tán như nằm rơm.

Đức Xá Lợi Phất hỏi rằng:

- Nhưng chúng tôi không thấy thân của Tôn giả Upasena thay đổi, các quyền không bị biến hoại.

(1)- Thag. Chương 10 kệ, kệ ngôn Trưởng lão Upasena con trai Vaṅganta (Upasena Vaṅgantaputtottheragāthā).

(2)- Ud.45, Phẩm Meghiya, kinh Upasena (Upasenasuttaṃ)

Ngài Upasena đáp rằng:

- Thừa Tôn giả Xá lợi phất, tôi không nghĩ: "Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ... là tôi hay của tôi", thì làm sao thân đổi khác hay các quyền biến hoại.

Khi Ngài Upasena được mang ra trước cửa hang, tại nơi ấy, thân của Ngài phân tán như năm rơm⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân của Ngài Upasena là một gia chủ danh tiếng ở thành Hamsavatī.

Một lần nọ, được chứng kiến Đức Phật Padumuttara ban cho một Trưởng lão địa vị đệ nhất về hạnh "dễ mến toàn diện".

Gia chủ ấy ước muốn đạt được địa vị ấy trong thời Đức Chánh Giác tương lai, nên đã cúng dường đến Đức Phật Padumuttara cùng 68 ngàn vị Tỳkhuu trọn 7 ngày, vào ngày thứ 7, gia chủ ấy ước nguyện thành tựu địa vị "dễ mến toàn diện" trong thời Đức Chánh giác tương lai dưới chân Đức Phật Padumuttara⁽²⁾.

Trong tập Ký sự (Apadāna) ghi nhận:

Tiền thân Ngài Upasena cúng dường vật thực đến Đức Phật Padumuttara cùng tám Tỳkhuu; Ngài còn kết lộng bằng bông *kanikāra* để che Đức Phật lúc Đức Phật thọ thực. Do công hạnh, hậu thân gia chủ ấy được làm Thiên vương 30 lần và làm Chuyển luân vương 21 lần⁽³⁾.

Ngài Upasena là điển hình của bậc trì Luật nghiêm mật, không chế ra luật lệ nào khác, tương tự như Đức Upasena là Ngài Yasa Kālaṇḍakaputta (vị phản đối 10 điều phi Luật của nhóm Tỳkhuu Vajjiputtaka, tạo ra tiền đề để rồi có cuộc Kết tập Phật ngôn lần thứ 2)⁽⁴⁾.

***Hang Đầu rắn (Sappasonḍika pabbhāra).**

Là một hang động nằm trong rừng Lạnh (Sītavana), gần thành Vương xá (Rājagaha)⁽⁵⁾. Động được các vị Tỳkhuu từ phương xa đến thành Vương xá dùng làm nơi trú ngụ⁽⁶⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: Hang có tên là "đầu rắn" (Sappasonḍika) vì có hình như đầu con rắn hổ mang đang há miệng⁽⁷⁾.

a- Trưởng lão Upasena (2).

Ngài là em của Trưởng lão Sena, trước khi xuất gia Ngài Upasena là quản tượng của vua Pasenadi (Patanh), Trưởng lão Sena và Upasena là cậu của Trưởng lão Vijitasena.

Ngài Upasena nghe được pháp thoại từ Đức Thế Tôn, hoan hỷ với pháp thoại Ngài xin được xuất gia Tỳkhuu trong Tăng đoàn, về sau chứng Thánh quả Alahán.

Trưởng lão Upasena sách tấn, khích lệ người cháu là Vijitasena xuất gia trong Giáo pháp này, chính Ngài truyền giới Tỳkhuu cho Ngài Vijitasena⁽⁸⁾.

Theo sách Đại sự (Mahāvastu), Đức Xá lợi phất được chuyển hóa không phải bởi Đức Assaji như nói trong Kinh tạng Pāli, mà bởi một Trưởng lão tên Upasena; vị Trưởng lão này có thể chính là Trưởng lão Upasena nói trên⁽⁹⁾.

Sách Mahāvastu (Đại sự) còn nói đến một Trưởng lão Upasena là cháu của ba đạo sĩ tóc bện Kassapa (Tebhātika Jaṭila). Khi ba đạo sĩ tóc bện (Tebhātika) nhận Đức Phật làm bậc Đạo sư, họ quẳng bỏ "những búi tóc bện" cùng những dụng cụ thờ "lửa thiêng" xuống sông Niliên (Nerañjarā), những tóc bện cùng dụng cụ thờ "lửa thiêng" theo dòng nước trôi đến chỗ ẩn cư của Upasena.

Thấy những búi tóc bện, đạo sĩ Upasena nghĩ "đã có chuyện gì đó xảy ra cho các người cậu của ta". Ngài đến gặp ba vị Tỳkhuu trước là ba đạo sĩ tóc bện. Nghe ba người cậu nói "đã tìm thấy giáo pháp an lạc từ Đức Thế Tôn", đạo sĩ Upasena cũng chuyển hóa, xin xuất gia Tỳkhuu trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn⁽¹⁰⁾.

Không biết Upasena này có phải là vị Trưởng lão trùng tên và là bốn sư của Tôn giả Sāriputta đã nêu trên chăng?

b- Trưởng lão Upasena (3).

(1)- S.iv, 40. Kinh Upasena (Upasenasuttam).

(2)- ThagA. i. 525

(3)- ĐĐ Indacando (d). Thánh nhân Ký sự (tập I). Ký sự trưởng lão Upasena.

(4)- DA. ii. 525.

(5)- D.ii, 116.

(6)- Vin.ii, 76.

(7)- SA. iii. 10.

(8)- ThagA. i. 424.

(9)- Mt.iii, 60.

(10)- Mt.iii, 431.

Được nói đến trong *Gandhavamsa*⁽¹⁾ như là tác giả của *Saddhammappajjotikā*, chú giải của *Mahā Niddeśa* (Đại Xiển Minh).

Tên thật của vị Trưởng lão này là *Upatissa*, bản Sớ giải Mahāniddeśa được soạn ra theo lời yêu cầu của Trưởng lão Deva⁽²⁾.

Trưởng lão Upatissa này trú trong một tự viện do Đại thần Kittissena xây, nằm về phía Tây của Mahā Cetiya trong Mahāvihāra ở Anurādhapura.

Chính vì lý do này nên Ngài được gọi là *Upasena* (là dùng chữ *senā* tên của vị Đại thần thay thế chữ *tissa* trong tên của Ngài).

***Về tên Upatissa.**

Ngoài Đức Xá lợi phất mang tên Upatissa, còn có những vị khác mang tên là Upatissa như:

1'- **Upatissa.** Tên Đức Phật Độc giác trong danh sách của 100 Phật Độc giác từng trú trên núi Isigili⁽³⁾, tên vị Phật Độc giác này còn được thấy trong *Apadāna*⁽⁴⁾.

2'- **Upatissa.** Là tên gọi của thân phụ Đức Xá lợi phất, thôn trưởng của làng Nālaka hay Upatissagāma. Tên riêng của ông là *Variganta* còn Upatissa là tên của dòng tộc⁽⁵⁾.

3'- **Trưởng lão Upatissa** (1). Được gọi là *Pāsāṇadīpavāsi Upatissa*, Ngài là người soạn bộ Sớ giải *Mahāvamsa*, cũng là tác giả của *Mahāvamsa Tikā* dùng làm tài liệu cho công trình mình⁽⁶⁾.

4'- **Trưởng lão Upatissa** (2). Ngài ở Tambapaṇṇidīpa (Tích Lan), có thể là Trưởng lão Upatissa (1) nói trên.

Ngài cùng Trưởng lão *Phussadeva* được xem như "Giáo thọ sư về Luật".

Ngài có hai môn đệ là Trưởng lão Mahāpaduma và Trưởng lão Mahāsumma, nổi tiếng là "bậc tri luật" (*vinayadharā*).

Ngài Mahāpaduma "tụng thuộc lòng" Luật Tạng với sư phụ 18 lần, với Trưởng lão Mahāsumma 9 lần⁽⁷⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) tán thán nhiệt tình các giảng giải của Trưởng lão Upatissa và thường dẫn chứng đến Ngài⁽⁸⁾.

5'- **Trưởng lão Upatissa** (3). Còn được gọi *Arahā Upatissa*, tác giả của bộ *Vimuttimaggā* (Giải thoát đạo)⁽⁹⁾.

Có thể Ngài sống vào thế kỷ thứ nhứt trước Tl⁽¹⁰⁾.

6'- **Trưởng lão Upatissa** (4). Tác giả của bộ *Đại Giác sử* (Mahābodhivamsa) Pāli. Ngài sống ở Tích Lan, có thể vào thế kỷ thứ 10⁽¹¹⁾.

7'- **Trưởng lão Upatissa.** Tác giả của bộ *Sớ giải Vị lai sử* (Anāgatavamsa-atthakathā) của Ngài Kassapa⁽¹²⁾.

***Trưởng lão Vijitasena.**

Ngài sinh ra trong một gia đình quản tượng ở xứ Kosala (Kiềutấtla), Ngài có hai cậu là Sena và Upasena, cũng là quản tượng đã xuất gia Tỳkhuu trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Khi trưởng thành Ngài Vijitasena thuần thục trong nghệ thuật huấn luyện voi, chứng kiến được Song thông lực của Đức Thế Tôn, Ngài khởi xuất niềm tin, lại được sự sách tấn của Trưởng lão Upasena, Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Upasena, nỗ lực hành pháp. Tuy đạt được trạng thái "quán minh", nhưng tâm trí của Ngài lại thiên về lý luận, chạy theo những sự vật bên ngoài.

Ngài lấy việc "huấn luyện voi" để tự răn dạy tâm mình, như sau:

355- Olaggeṣāmi te citta; āṇidvāreva hatthinam.

Na tam pāpe niyojessam; kāmajāla sarīraja.

"Ta sẽ chế ngự người; như cửa khóa ngăn voi.

Ta sẽ không thúc người; này tâm trong điều ác.

(1)- Gv. 61, 66; xem thêm Svđ. 1197.

(2)- NidA. ii. 108.

(3)- M. iii. 69.

(4)- Ap. i, 280; Ap. ii, 454.

(5)- SnA. i. 326.

(6)- Xem MṬ. 47.

(7)- Sp. 263.

(8)- Sp. ii. 456; iii 624, 714; iv. 890.

(9)- P.L.C. 86.

(10)- J.P.T.S. 1919, pp. 69 ff.; xem thêm NidA. (P.T.S.); introd. vi.

(11)- Chi tiết: xem P.L.C. 156 ff.

(12)- Gv. p. 72.

Người chính là lưới dục; người do thân sinh ra”.

356. Tvaṃ olaggo na gacchasi; dvāravivaraṃ gajova alabhanto.

Na ca cittakali punappunaṃ; pasakka pāparato carissasi.

"Chế ngự người không đi; như voi không cửa mở.

Này tâm, kẻ phù thủy; dẫu người cố gắng mãi.

Người không còn lang thang; ưa thích làm điều ác”.

357. Yathā kuñjaraṃ adantaṃ; navaggahamañkusaggaho.

Balavā āvatteti akāmaṃ; evaṃ āvattayissaṃ taṃ.

"Như người cầm câu móc; huấn luyện voi chưa thuần.

Như người dùng sức mạnh; cải hóa kẻ không muốn.

Cũng vậy, đối với người; ta sẽ cải hóa người”.

358. Yathā varahayadamakusalo, sārathi pavaro dameti ājaññaṃ.

Evaṃ damayissaṃ taṃ, patitthito pañcasu balesu”.

"Như bánh xe tuyệt hảo; khéo huấn luyện ngựa hay.

Cũng vậy, ta điều người; dựa lên trên năm lực”.

359. Satiyā taṃ nibandhissaṃ, payutto te damessāmi.

Vīriyadhuraṇiggahito, na yito dūraṃ gamissase cittā”ti.

"Ta sẽ cột chặt người; với chánh niệm vững bền.

Tự mình đã chế ngự; ta sẽ chế ngự người.

Nhờ sức mạnh tinh tấn; người bị ta áp lực.

Do vậy, hồi này tâm,; người sẽ không xa ta” (HT.TMC dịch)⁽¹⁾.

Nhờ tinh cần như vậy, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán, hồi tưởng lại Ngài nói lên những kệ ngôn trên như tuyên bố chánh trí của mình.

Tiền sự.

Vào thời Phật Atthadassī, tiền thân Ngài là một ẩn sĩ từng cúng dường đến Đức Phật trái cây⁽²⁾. Ngài có thể là Trưởng lão Bhallātakadāyaka được nói đến trong tập Ký sự (Apadāna)⁽³⁾.

2- Trưởng lão Mahā Cunda. (Xem tập 3).

Trưởng lão Cunda (còn được gọi là Cundaka) là em trai của Đức Xá lợi phất, nhưng là anh hay em của ba bà Cālā, Upacālā và Sisūpacālā. lịch sử không ghi rõ, có khả năng Ngài là em của ba bà.

Vì Ngài xuất gia là Sadi nên còn được gọi là Cunda Samaṇuddesa (Sadi Cunda), tuy về sau Ngài trưởng thành thọ giới Tỳkhu nhưng các vị Trưởng lão vẫn quen gọi Ngài là Sadi Cunda.

Điều này cho thấy khi xuất gia Ngài còn nhỏ tuổi, nhưng cụ thể là bao nhiêu? Vào hạ thứ mấy của Đức Thế Tôn?

Đáp. Có lẽ khoảng 17- 19 tuổi, đồng thời vào khoảng hạ thứ 2 -5 của Đức Thế Tôn, không thể vượt khỏi hạ thứ 6 của Đức Thế Tôn. **Vì sao?**

Vì rằng.

a- Ngài Cunda khi chưa chứng đạt Thánh quả Alahán, có lúc Ngài làm thị giả của Đức Thế Tôn⁽⁴⁾, như có Pāli .

1253. "Upaṭṭhahim mahāvīraṃ; aññe ca pesale bahū.

Bhātaraṃ me cupaṭṭhāsīm; uttamattassa pattiyā.

"Tôi phục vụ đấng Đại Hùng; với nhiều vị hiền đức khác.

Cùng với anh trai của tôi; để đạt mục đích tối thượng”⁽⁵⁾.

Là thị giả cho Đức Thế Tôn thì không thể là "đứa bé 11 hay 12 tuổi", tối thiểu cũng phải từ 17 tuổi trở lên.

Tuy nhiên, khi còn là Sadi, Ngài Cunda đã chứng đạt Thánh quả Alahán, như trong tập Ký sự (Apadāna) có ghi nhận:

1252. Sāmaṇero’va so santo; khiṇāsavo bhavissati.

Sabbāsavo pariññāya; nibbāyissatināsavo.

"Vị sadi ấy an tịnh; thành bậc diệt tận ô nhiễm.

Sau khi thấu hiểu trọn vẹn tất cả;

Vị ấy viên tịch không còn dư sót.”

(1)- Thag. Chương năm kệ, kệ ngôn Trưởng lão Vijitasena (Vijitasenattheragāthā).

(2)- ThagA,

(3)- Ap. ii. 398.

(4)- ThagA. ii. 124; JA. iv. 95.

(5)- Ap.i, Ký sự Trưởng lão Cunda (Cundattherāpadānaṃ).

Theo thông lệ, Đức Thế Tôn không nhận vị Thánh Alahán là thị giả, vì các bậc Alahán không còn việc gì để làm.

b- Bản Sở giải "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng" (Theragāthā-Atthakathā) cho biết: Ngài Cunda xuất gia trong Tăng đoàn dưới sự hướng dẫn của Đức Xá lợi phất, Tể độ sư của Ngài Cunda là Ngài Ānanda, Ngài Cunda tu tập rất tinh tấn và đắc quả Alahán khi còn là Sadi⁽¹⁾.

Trước khi an cư mùa mưa lần thứ 7 tại cung trời Ba mươi ba (Tāvātimsa) để thuyết Tạng Thắng pháp (Abhidhamma), Đức Thế Tôn dùng thần thông để nhiếp phục ngoại đạo, bấy giờ Ngài Cunda xin phép Đức Thế Tôn "thi triển thần thông lực để nhiếp phục ngoại giáo", tránh cho Đức Thế Tôn khỏi phải mệt nhọc⁽²⁾. Điều này cho thấy Ngài Cunda xuất gia trước hạ thứ sáu của Đức Thế Tôn.

Trong thời gian 2 hay 3 năm tu tập để trở thành vị Thánh Alahán là điều không kỳ lạ đối với Ngài Sadi Cunda, vì Ngài được Đức Xá lợi phất hướng dẫn.

c- Vào hạ thứ 3 của Đức Thế Tôn, nơi thành Vương xá, một nhóm 17 thiếu niên có thiếu niên Upāli là người đứng đầu, cha mẹ thiếu niên Upāli xin cho nhóm thiếu niên Upāli này xuất gia, thọ giới Tỳkhưu.

Khi xuất gia Tỳkhưu rồi, vì nhóm thiếu niên này (khoảng 12-14 tuổi), vào hừng sáng đã kêu khóc inh ỏi, đòi ăn sáng. Lại nữa, tự chăm sóc cho mình không được, có khi đại tiểu tiện ngay chỗ mình nằm ngồi. Nhân đó, Đức Thế Tôn chế định học giới:

"Này các Tỳkhưu, người chưa đến 20 tuổi khi biết được không nên cho tu lên bậc trên (là thọ Tỳkhưu giới – Ns). Vị nào cho tu lên bậc trên thì nên được hành xử theo pháp (là liên quan đến tội pācittiya (Ứng đối trị, điều học 65))⁽³⁾.

Nhưng 20 tuổi được tính như thế nào? Được tính khi còn nằm trong bụng mẹ⁽⁴⁾, nhưng phải tròn đủ tháng.

Điều này do ai định ra? Do Đức Thế Tôn định đặt.

Khi Đức Kumāra Kassapa được 20 tuổi tính theo thai bào, Ngài được thọ giới Tỳkhưu. Nhưng sau đó Ngài phân vân:

"Đức Thế Tôn đã quy định rằng: "Không nên cho tu lên người chưa đủ 20 tuổi", ta được 20 tuổi tính theo thai bào, đã được tu lên bậc trên. Vậy ta đã được tu lên bậc trên hay chưa được tu lên bậc trên?"

Các vị Tỳkhưu trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn dạy:

- *Này các Tỳkhưu, Ta cho phép tu lên bậc trên người được 20 tuổi tính theo thai bào (sđd, số 141).*

(Đức Kumāra Kassapa thọ Tỳkhưu giới, sớm lắm cũng phải vào hạ thứ 24 của Đức Thế Tôn).

Mặt khác, Đức Ānanda là Tể độ sư của Ngài Cunda⁽⁵⁾, Ngài Ānanda xuất gia Tỳkhưu, khoảng nửa tháng sau thì bước vào mùa an cư lần thứ hai của Đức Thế Tôn.

Trong mùa an cư thứ nhất của Đức Ānanda, Ngài an cư mùa mưa tại làng Doṇavatthu trú xứ của Đức Puṇṇa Mantāniputta.

Trong mùa an cư này, nhờ nghe pháp thoại của Đức Puṇṇa Mantāniputta, Đức Ānanda chứng Thánh quả Dự Lưu.

Khi mãn mùa an cư, Đức Ānanda đến ngụ nơi rừng Trúc (Veluvana) gần thành Vương Xá, nên sự kiện "nhóm 17 thiếu niên Upāli", Đức Ānanda nắm bắt rất rõ. Khi Đức Thế Tôn hỏi về sự kêu khóc inh ỏi của "nhóm 17 Tỳkhưu thiếu niên Upāli", Đức Ānanda trình lên Đức Thế Tôn về sự kiện ấy.

Kết hợp những điều trên, cho thấy Ngài Cunda xuất gia thọ giới Sadi vào khoảng hạ thứ 2 -5 của Đức Thế Tôn.

Ngoài ra, Đức Mahā Cunda được xem như "đại đệ tử" của Đức Phật, thường được Đức Thế Tôn kể chung với Đức Xá lợi phất, Đức Mục kiền liên, Đức Mahā Kassapa, Đức Mahā Kaccāna, Đức Mahā Kottṭhika và các vị đại đệ tử nổi tiếng khác.

Trong kinh điển Pāli, có nhiều kinh⁽⁶⁾ do Đức Mahā Cunda thuyết cho các Tỳkhưu, khi Ngài trú ở Sahajāti giữa các người Cetī, có thể là sau khi Phật nhập diệt.

(1)- ThagA. i. 261; xem thêm DhA. ii. 188 và AA. ii. 674.

(2)- DhpaA. iii. 211.

(3)- ĐĐ Indacando(d). Luật Đại phẩm I, số 111.

(4)- Nếu tính tuổi theo Tây lịch thì được cộng thêm một tuổi trong bụng mẹ. Giả như có người sinh năm 1940, vào năm 1950 thì người đó được 10 tuổi, cộng thêm một tuổi trong bụng mẹ là 11 tuổi –Ns.

(5)- SA.iii,178. Có lẽ Ngài Ānanda là "Tuyên ngôn sư" –Ns.

(6)- A. iii. 355; A.v. 41; A.v, 157.

Đức Mahā Cunda (còn gọi là Cundaka) có du hành cùng với Đức Thế Tôn đến Kusinārā lần cuối cùng của Đức Thế Tôn) và có xếp chiếc y Tănggià-lê (Saṅghati) làm bốn, để Đức Thế Tôn nằm nghỉ trong vườn Xoài gần sông Kakutthā⁽¹⁾ (vườn xoài này được gọi là vườn xoài Kakutthā).

***Sông Kakutthā.** Là con sông nhỏ gần Kusinārā, Đức Thế Tôn xuống sông này tắm và uống nước. Rồi Đức Thế Tôn sang bên kia bờ sông, nằm nghỉ trong vườn xoài trước khi Ngài vào kinh thành Kusinārā để viên tịch.

Khi nằm trên chiếc Tănggià-lê (Saṅghati) do Đức Mahā Cunda trải sẵn, rồi khi ngồi dậy Đức Thế Tôn dạy Đức Ānanda "hãy làm cho thợ rèn Cunda tiêu tan hối hận, vì cúng dường bữa cơm cuối cùng, khiến Đức Như Lai viên tịch. Hãy dạy người thợ rèn Cunda rằng: *"Có hai bữa cúng dường vật thực có đồng quả báu, có lợi ích lớn, có quả báu lớn, các sự cúng dường vật thực khác không thể sánh bằng. Đó là bữa cơm đầu tiên trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh giác và bữa cơm sau cùng trước khi Như Lai viên tịch"*.

Rồi Đức Thế Tôn sau khi thấu hiểu ý nghĩa này, Ngài nói lên Cảm hứng ngữ (Udāna) như sau:

Dadato puññaṃ pavaḍḍhati; saṃyamato veraṃ na cīyati;

Kusalo ca jahāti pāpakam; rāgadosamohakkhayā sanibbutoti.

"Công đức người bố thí; luôn luôn được tăng trưởng.

Trừ được tâm hận thù; không chất chứa chể ngự.

Kẻ chí thiên tử bỏ; mọi ác hạnh bất thiện.

Mọi ác hạnh bất thiện; diệt trừ tham, sân, si.

Tâm giải thoát thanh tịnh (HT.TMC dịch)⁽²⁾.

Truyền thuyết nói lúc Phật xuống sông tắm, bờ sông và cá trong sông đều trở thành màu vàng⁽³⁾.

Có hai nhóm Tỳkhuu sống ở Sahājāti trong xứ Ceti⁽⁴⁾. Nhóm tu thiền không thích các Tỳkhuu chuyên tâm về Pháp, nhóm Tỳkhuu chuyên tâm về pháp không thích các Tỳkhuu tu thiền.

Nhóm Tỳkhuu chuyên tâm về Pháp chỉ trích nhóm Tỳkhuu tu thiền, tán thán nhóm Tỳkhuu chuyên tâm về Pháp.

Nhóm Tỳkhuu tu thiền chỉ trích nhóm Tỳkhuu chuyên tâm về Pháp, chỉ tán thán nhóm Tỳkhuu tu thiền.

Đức Mahā Cunda khuyên dạy rằng: "Như vậy không mang lại lợi ích, không mang an lạc đến người và chư thiên.

**Này chư hiền, cần phải học tập như sau: "Chúng ta là những người chuyên tâm về Pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỳkhuu tu thiền". Vì cố sao?*

Thật vậy, những người vi diệu như thế khó tìm ở đời, những người tự thân cảm nhận được Bất tử giới và an trú.

**Này chư hiền, cần phải học tập như sau: "Chúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán những Tỳkhuu chuyên tâm về Pháp". Vì cố sao?*

Thật vậy, những người vi diệu như thế khó tìm ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích⁽⁵⁾.

Cũng tại Sahājāti trong xứ Ceti, Đức Mahā Cunda giải thích: "Vị Tỳkhuu có thể phân biệt thật, giả khi nói về mình và sự chứng đắc của mình".

a- Vị Tỳkhuu thuyết pháp, thuyết về tu tập, thuyết pháp và thuyết về tu tập.

*Nếu bị tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, ngã mạn, ganh tỵ ... chi phối. Như vậy, các ác dục chinh phục vị ấy và còn tồn tại.

Ví như người nghèo nói về giàu sang, không có tài sản nói về có tài sản, không có sở hữu nói về sở hữu. Khi có cơ hội tạo thành tài sản, vị ấy không tạo được tài sản.

b- Vị Tỳkhuu thuyết pháp, thuyết về tu tập, thuyết pháp và thuyết về tu tập.

*Nếu không bị tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, ngã mạn, ganh tỵ ... chi phối. Như vậy, các ác dục không chinh phục vị ấy.

Ví như người giàu sang nói về giàu sang, có tài sản nói về có tài sản, có sở hữu nói về sở hữu⁽⁶⁾. Đồng thời, Ngài cũng nói đến sự "khoe khoang" của vị Tỳkhuu⁽⁷⁾.

(1)-D. ii. 134 ; Ud. viii. 5.

(2)- D. ii. 129, 134; Ud. viii. 5. Kinh Cunda (Cundasuttaṃ); UdA. 402.

(3)- DA. ii. 571.

(4)- Hai địa danh Sahājāti (còn gọi là Sahañcanika) và Ceti; xem giải thích ở tập 3 – Ns.

(5)- A.iii, 355. Kinh Mahā Cunda (Mahā Cundasuttaṃ).

(6)- A.v,41. Kinh Mahā Cunda (Mahācundasuttaṃ).

(7)- A.v, 157.

***Những vị Cunda khác.**

a- Cunda người thợ rèn.

Thợ rèn Cunda là người xứ Malla với kinh đô là Pāvā⁽¹⁾. Đức Thế Tôn nhiều lần du hành đến xứ Pāvā, trú ngụ nơi rừng xoài (ambavana) của thợ rèn Cunda.

Lần đầu tiên, thợ rèn Cunda đến viếng Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Cunda, trong những lễ tịnh hạnh (*soceyyāni*), người ưa thích những lễ tịnh hạnh của ai?

Cundabày tỏ sự thích ưa thích những lễ tịnh hạnh của các Bàlamôn ở phương Tây (Pacchābhūmakā). Đức Thế Tôn dạy:

- Nay Cunda, có sự sai khác giữa "lễ tịnh hạnh của người phương Tây" với "lễ tịnh hạnh trong Luật bậc Thánh".

Tiếp theo, Đức Thế Tôn giảng về "lễ tịnh hạnh trong luật bậc Thánh" là gìn giữ "10 thiện hạnh:

**Thân có ba là*: Không sát sinh, không lấy của không cho, không làm sai quấy trong dục lạc,

**Ngữ có bốn là*: Không nói dối, không nói ác, không nói chia rẽ, không nói vô ích.

**Ý có ba là*: Không tham ác, không sân ác và không có tà kiến ác.

Được nghe vậy, Cunda nguyện trọn đời quy ngưỡng Đức Thế Tôn⁽²⁾.

Sớ giải kinh Trường bộ (Dīghanikāya-Atthakathā)⁽³⁾ nói rằng: "Thợ rèn Cunda chứng quả Dự lưu sau lần đầu tiên đến viếng Đức Thế Tôn". Có khả năng chính là bài kinh trên.

Sau khi nghe pháp thoại Đức Thế Tôn, thợ rèn Cunda đã cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu ngự đến tư gia của mình để thọ thực vào ngày mai.

Sớ giải kinh Tiểu Tụng (Suttanipāta - atthakathā)⁽⁴⁾ nói rằng: "Trong buổi cúng dường vật thực ấy, thợ rèn Cunda có dọn ra những bát bằng vàng, một số Tỳkhuu dùng bát vàng để thọ thực, một số Tỳkhuu không dùng.

Có một vị Tỳkhuu lấy đi một bát vàng, thợ rèn Cunda thấy nhưng không nói gì.

Vào buổi chiều thợ rèn Cunda đến viếng Đức Thế Tôn, hỏi về các bậc Samôn (*samaṇa*) rằng:

83- *Cunda con người thợ rèn (Cunda kammāraputto) hỏi.*

Pucchāmi munim pahūtapaññam; buddham dhammassāmiṃ vītataṇham.

Dvipaduttamaṃ sārathīnaṃ pavaram; kati loke samaṇā tadinṅha brūhi.

"*Con hỏi bậc Đại sĩ; bậc trí tuệ rộng lớn.*

Đấng Giác ngộ, Pháp chủ⁽⁵⁾; đã đoạn tận khát ái.

Bậc tối thượng hai chân; bậc đánh xe tối thắng⁽⁶⁾.

Xin Ngài nói ở đời; có bao nhiêu Samôn?"

84- *Đức Thế Tôn đáp.*

Caturo samaṇā na pañcamatthi; (cundāti bhagavā).

Te te āvikaromi sakkhiputtṭho;

Maggajino maggadesako ca, magge jīvati yo ca maggadūsi.

"*Chỉ có bốn Samôn; hạng thứ năm không có.*

Thế Tôn đáp Cunda.

Này Cunda là vậy; Ta tỏ bày cho người.

Được hỏi điều tự thấy⁽⁷⁾.

Bậc chiến thắng con đường; bậc thuyết giảng con đường.

Bậc sống trên con đường; kẻ làm ô uế đạo⁽⁸⁾.

Rồi Cunda con người thợ rèn hỏi Đức Thế Tôn về từng bậc Samôn ấy. Đức Thế Tôn đáp rằng:

86- Yo tiṇṇakathamkatho visallo; nibbānābhirato anānugiddho.

Lokassa sadevakassa netā; tādiṃ maggajinaṃ vadanti buddhā.

"*Ái vượt khỏi nghi hoặc; vị thoát khỏi mũi tên.*

Ưa thích cảnh Nípàn; không tham đắm vật gì.

Bậc lãnh đạo thế gian; chư thiên và loài người.

Chư Phật gọi vị ấy; bậc chiến thắng con đường.

87. Paramaṃ paramanti yodha ñatvā; akkhāti vibhajate idheva dhammaṃ.

Taṃ kaṅkhachidaṃ munim anejaṃ; dutiyaṃ bhikkhunamāhu maggadesiṃ.

(1)- Xứ Malla có hai kinh đô là Pāvā và Kusinarā.

(2)- A.v, 263.

(3)- DA.ii, 568.

(4)- SnA. I, 159.

(5)-Dhammassa-amim

(6)- Pavaram..

(7)- Sakkhiputtṭho.

(8)-Maggadūsi.

"Ai ở đời biết được; pháp cao tột tối thượng.

Nói lên và phân tích; Pháp ở đây là vậy.

Vị chặt đứt nghi hoặc; bậc ẩn sĩ không dục.

Bậc Tỳkhuu thứ hai; được gọi "**thuyết con đường**".

88. Yo dhammapade sudesite; magge jīvati saññato satimā.

Anavajjapadāni sevamāno; tatiyaṃ bhikkhunamāhu maggajīvim.

"Ai sống trên con đường; con đường Pháp khéo giảng.

Sống chế ngự⁽¹⁾ với niệm; trên đường không lỗi lầm.

Tỳkhuu thứ ba này; được gọi "**sống trên đường**".

89. Chadanaṃ katvāna subbatānaṃ, pakkhandī kuladūsako pagabbho;

Māyāvī asaññato palāpo, patirūpena caraṃ sa maggadūsi.

"Ai sống ưa che đậy; dưới hình thức giới cấm.

Xông xáo nhóp gia đình; bạt mạng⁽²⁾ và man trá".

Không chế ngự nhiếp phục; sống lảm mồm, lảm miệng.

Người sở hành như vậy; là kẻ "**ô uế đạo**" (HT. TMC dịch)⁽³⁾.

Bản Sớ giải kinh này nói rằng: "Ngài Cunda không chứng đắc gì thêm, nhưng giải trừ được sự khó chịu, đồng thời làm tăng thêm niềm tin nơi Tam bảo".

Và Ngài Cunda cúng dường vườn xoài của mình đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng, Ngài Cunda xây dựng một Tự viện (vihāra) trong vườn xoài này, cúng dường đến Tăng chúng có Đức Thế Tôn là vị lãnh đạo Tăng chúng⁽⁴⁾.

Vào năm 80 tuổi, Đức Thế Tôn trên đường đến kinh thành Kusinarā để viên tịch (parinibbāna), Ngài đi đến kinh thành Pāvā trú trong vườn xoài của thợ rèn Cunda.

Ngài Cunda thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng đến tư gia thọ thực; bữa cơm gồm gạo nếp, bánh và thịt heo sữa (*sūkaramaddava*).

Đức Thế Tôn dạy: "Món *thịt heo sữa* chỉ có Ngài được dùng, phần *thịt heo sữa* còn thừa phải đem chôn.

Đó là bữa cơm cuối cùng của Đức Thế Tôn, sau bữa ăn đó Đức Thế Tôn bị bệnh kiết lỵ⁽⁵⁾. Và Đức Thế Tôn viên tịch vào rạng sáng hôm sau.

b- Hoàng tử Cunda (Cunda rājakumāra). Là con vua Binsā (Bimbisāra), là anh của công chúa Cundī.

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại tiền, công chúa Cundī là một trong 3 nữ nhân có 500 cỗ xe và 500 nữ nhân tùy tùng; ngày nàng sinh ra đời có 500 bé gái cũng cùng sinh ra trong ngày; vua Binsā cho mang tất cả 500 bé gái về Hoàng cung để nuôi dưỡng và trở thành tùy tùng của công chúa Cundī, đồng thời ban cho công chúa Cundī 500 cỗ xe⁽⁶⁾. Hai người kia là công chúa Sumanā (con vua Pasenada) và bà đại tín nữ Visākhā.

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ tại rừng Trúc (Veluvana), nơi nuôi dưỡng những con sóc (Kalandakanivāpa), công chúa Cundī cùng với 500 *thiếu nữ* (kumārī) hộ tống trên 500 cỗ xe, đến viếng Đức Thế Tôn⁽⁷⁾, bạch hỏi rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, anh của chúng con là Hoàng tử Cunda có nói như sau: "Nếu có người nữ hay nam nương nhờ Đức Phật, nương nhờ Đức Pháp, nương nhờ Đức Tăng, từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói dối, từ bỏ uống rượu men, rượu nấy. Người ấy sau khi mệnh chung được tái sinh về nhàn cảnh, không rơi vào cõi dữ.

Bạch Thế Tôn, con xin hỏi:

- Với niềm tin **Bậc Đạo sư** (satthari) như thế nào, sau khi thân hoại mệnh chung nhất định được sinh về cõi lành (sugati), không rơi vào cõi dữ (duggati)?

- Với niềm tin **pháp** như thế nào, sau khi thân hoại mệnh chung nhất định được sinh về cõi lành, không rơi vào cõi dữ?.

- Với niềm tin **Tăng chúng** (Saṅgha) như thế nào, sau khi thân hoại mệnh chung nhất định được sinh về cõi lành, không rơi vào cõi dữ?.

(1)- Saññato

(2)- Patirūpena.

(3)- Sn.16. Kinh Cunda con người thợ rèn (Cunda Kammāraputtasuttaṃ).

(4)- SnA. i. 159.

(5)- D.ii, 126; Ud. viii. 5.

(6)- AA.ii, 596.

(7)- Có khả năng vào hạ thứ 1 hay hạ thứ 2 của Đức Thế Tôn.

- Như thế nào là "**làm cho giới được trọn vẹn**" (sīlesu paripūrakārī), sau khi thân hoại mệnh chung nhất định được sinh về cõi lành, không rơi vào cõi dữ ?.

Đức Thế Tôn dạy:

*Này Cundī, trong các loài hữu tình không chân, hay hai chân, bốn chân hoặc nhiều chân, có sắc hay vô sắc, có thường, hay không có tướng hay "*phi tướng phi phi tướng*". Đức Thế Tôn, bậc Alahán Chánh Đẳng Giác là tối thượng.

*Này Cundī, trong các pháp hữu vi hay vô vi "*vô nhiễm*" (virāga) là tối thắng.

*Này Cundī, trong hội chúng Tăng đệ tử của Đấng Như Lai, "**bốn đôi tám vị**"⁽¹⁾ được xem là tối thắng.

Tức là Đức Thế Tôn giải thích: "Người gọi là có niềm tin nơi Tam bảo, nên đặt sự tin tưởng như thế. Và niềm tin ấy, được xem là chánh tín".

* Trong các loại giới, giới được bậc Thánh ái kính, được gọi là "**Giới tối thượng**". Giới không bị bể vụn, không bị sút mẻ, không bị ô nhiễm, không bị lung lay, dẫn đến giải thoát (bhujissāni), được bậc trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến chứng đắc định.

Nghĩa là "Đức Thế Tôn chỉ ra phương pháp "*làm cho giới được viên mãn*".

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên bốn kệ ngôn:

a-Aggato ve pasannānaṃ; aggaṃ dhammaṃ vijānataṃ.

Agge buddhe pasannānaṃ, dakkhiṇeyye anuttare.

"*Tin tưởng vào tối thượng; biết được pháp tối thượng*".

Tin tưởng Phật tối thượng. đáng tôn trọng tối thượng".

b-Agge dhamme pasannānaṃ, virāgūpasame sukhe.

Agge saṅghe pasannānaṃ, puññakkhette anuttare.

"*Tin tưởng Pháp tối thượng; ly tham an tịnh lạc*".

Tin tưởng Tăng tối thượng; là ruộng phước vô thượng".

c- Aggasmim dānaṃ datataṃ, aggaṃ puññaṃ pavaḍḍhati.

Aggaṃ āyu ca vaṇṇo ca; yaso kitti sukhaṃ balaṃ.

Bố thí bậc tối thượng; phước tối thượng tăng trưởng.

Tối thượng về thọ mạng; dung sắc và danh xưng.

Tối thượng về an lạc; tối thượng về sức mạnh".

d- Aggassa dātā medhāvī; aggadhammasamāhito.

Devabhūto manusso vā; aggappatto pamodati'ti.

"*Bậc trí thí tối thượng; pháp chánh định tối thượng*".

Chư thiên hay loài người; đạt được hỷ tối thượng". (HT. TMC dịch)⁽²⁾.

Bản Số giải kinh này cho biết "công chúa Cundī" nghe dứt bài kinh này, nàng chứng Thánh quả Dự Lưu.

Nàng được liệt kê vào bảng danh sách các nữ cận sự ưu tú như nàng Visākhā ...⁽³⁾.

c- **Đồ tể Cunda** (Cunda sūkarika).

Là một đồ tể mổ heo, Cunda sống gần rừng Trúc. Ông Cunda hành nghề sát hại heo rông rã 55 năm dài.

Khi có nạn mất mùa, ông mang lúa gạo đến vùng quê, dùng gạo lúa để đổi lấy heo con, mỗi con heo ông trả một hoặc hai lon lúa. Đồ tể Cunda trở về nhà với một xe đầy heo, nuôi những heo con trong vuông đất lộ thiên được rào kín, ở phía sau nhà.

Muốn làm thịt heo, Cunda trói heo vào gốc cây, dùng cây vuông đánh khắp mình heo cho thịt mềm và nặng cân, xong rồi Cunda chổng một khúc cây vào miệng heo, dùng nước sôi đổ vào miệng heo để rửa sạch ruột heo, bao giờ trong ruột còn chất bẩn thì nước tuôn ra hậu môn heo còn đục, khi nước trong tuôn ra từ hậu môn heo thì Cunda mới ngưng.

Sau đó, Cunda dùng nước nóng tưới khắp mình heo để lột hết lớp da bên ngoài, đốt hể râu trên mồm heo. Rồi mới dùng dao bén chặt đầu heo, hứng lấy huyết heo để rưới vào thân heo khi nướng heo.

Một phần thịt heo để gia đình dùng, phần còn lại ông bán cho khách hàng.

Tuy sống gần Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra), nhưng Cunda không một lần đến Tự viện, cũng không hề cúng dường đến các Tỳkhu cho dù là một muống cơm hay một nắm hoa.

(1)- Bốn đôi là chỉ cho 4 Thánh Quả: Dự Lưu quả, Nhất Lai quả, Bất lai quả và Alahán quả.

Tám vị là tính theo "Đạo - quả", tức là: Dự lưu đạo - Dự lưu quả, Nhất lai đạo - Nhất lai quả, Bất lai đạo - Bất lai quả, Alahán đạo - Alahán quả.

(2)- A.iii, 35..

(3)- A.iv, 347.

Khi ác nghiệp chín muồi, ông phát bệnh thành linh tuy chưa mệnh chung, nhưng ông nhìn thấy “lửa địa ngục Atỳ (avīci) đang bùng phục cháy”, sức nóng của ngọn lửa Atỳ thiêu đốt toàn thân của ông, như có Pāli sau.

Samantā yojanasatam.

Pharitvā tiṭṭhati sabbadāti.

"Trọn vẹn cả trăm dotuần.

Lửa bùng cháy tất cả".

Để mô tả sức nóng của lửa địa ngục Atỳ, Đức Nāgasena có cho ví dụ sau đây để trả lời câu hỏi của vua Milinda:

- Thưa Đại vương, ví như có một tảng đá to như căn nhà, tảng đá rơi vào trung tâm địa ngục Atỳ, chỉ trong giây phút trở thành tro bụi. Nhưng chúng sinh trong địa ngục này vẫn sống được, đó là do ác nghiệp gìn giữ, như hải nhi sống trong thai bào.

Trong 7 ngày sau cùng của kiếp sống ấy, đồ tể Cunda kêu la như tiếng heo khi bị hành hình, ông bò từ trước ra sau nhà rồi từ sau nhà ra phía trước như con heo. Người nhà phải bắt trói ông lại, ông Cunda như con heo đang bị trói sắp bị hành hình, tuy nhiên miệng ông vẫn kêu la như tiếng heo đang bị chọc tiết.

Đến ngày thứ 8 ông mệnh chung rơi vào địa ngục Atỳ.

Các Tỳkhuu đi ngang qua nhà Cunda nghe tiếng Cunda kêu la như heo đang bị chọc tiết. Vào buổi chiều thứ 8 các Ngài không còn nghe tiếng “heo kêu”, nên đi đến trình lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, bảy ngày qua đồ tể Cunda đóng kín cửa nhà, có lẽ ông mở tiệc lớn nên giết heo trọn 7 ngày qua.

- Nay các Tỳkhuu, Cunda không phải giết heo để làm đại tiệc, tiếng kêu như heo đang bị chọc tiết chính là tiếng kêu la của Cunda. Đồ tể Cunda bị thọ khổ do lửa địa ngục Atỳ đốt, nay Cunda mệnh chung tái sinh vào địa ngục Atỳ.

- Bạch Thế Tôn, đồ tể Cunda lúc sống nhận thọ khổ như vậy, mệnh chung rồi vẫn còn phải rơi vào địa ngục nữa sao?

- Đúng vậy, nay các Tỳkhuu người *khinh thường* (pamatta) ác nghiệp, cho dù là tại gia hay xuất gia; khi sống nhận quả khổ, mệnh chung cũng rơi vào khổ cảnh.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

Idh socati pecca socati; pāpakāri ubhayattha socati.

So socati so vihaññati; disvā kammakiliṭṭhamattano.

"Sống khổ, chết cũng khổ; kẻ ác hai đường khổ.

Đã khổ càng thêm sâu; thấy nghiệp mình lem ố" (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

3- Trưởng lão Revata.

Bà Rūpasārī có tất cả là 7 người con, bốn trai và ba gái. Khi Đức Xá lợi phất từ bỏ tài sản hơn 800 triệu đồng vàng ra đi xuất gia, tiếp theo hai người con trai là Ngài Upasena và Cunda cũng ra đi xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Khi Ni đoàn được thành lập, Đức Xá lợi phất sách tấn ba người em gái là Cālā, Upacālā, Sisūpacālā xuất gia trong Ni đoàn. Gia đình ông Vaṅganta và bà Rūpasārī chỉ còn người con út là Revata.

Bà Rūpasārī suy nghĩ: “Giờ chỉ còn Revata, không khéo Xá lợi phất lại dẫn đi xuất gia nữa. Bấy nhiêu tài sản sẽ tiêu hoại, dòng họ của ta sẽ gián đoạn. Ta hãy buộc chặt Revata trong đời sống thế tục”.

Đức Xá lợi phất tiên liệu: “Cha mẹ ta sẽ ngăn cản không cho Revata xuất gia, vì gia đình chỉ còn lại Revata. Nhưng Đức Thế Tôn có dạy: “Giới tử muốn xuất gia phải được sự đồng ý của cha mẹ”, như thế các Tỳkhuu sẽ không dám cho Revata xuất gia. Vậy ta hãy thu xếp trước cho Revata”.

Đức Xá lợi phất nói với các vị Tỳkhuu rằng:

- Thưa chư hiền, tôi có người em trai út là Revata, nếu Revata đến xin xuất gia, chư hiền hãy cho xuất gia, không cần sự đồng ý của mẹ tôi. Vì mẹ tôi không hoan hỷ với Giáo pháp này, tôi là anh cả trong gia tộc, tôi đại diện gia tộc cho phép Revata được xuất gia”.

Hỏi. Vì sao có điều luật “người con phải được cha mẹ đồng ý cho xuất gia, mới được các Tỳkhuu cho xuất gia”?

Đáp. Lần trở về kinh thành Catỳlavê (Kapilavatthu) đầu tiên sau 7 năm xa cách để tế độ quyến thuộc, Đức Thế Tôn trú ngụ ở tự viện Nigrodha (cây Bàng), vào ngày thứ ba Ngài tế độ cho Hoàng tử Nanda (con của bà Pajāpati Gotamī) xuất gia Tỳkhuu. Vào ngày thứ 7, thái tử Rāhula (Lahāula)

(1)- DhpA. Kệ ngôn số 15.

khi ấy được 7 tuổi vâng theo lời mẹ là bà Yasodharā (Daduđàla) đi theo Đức Thế Tôn xin tài sản thừa kế.

Đức Thế Tôn dạy Đức Xá lợi phất tế độ cho Thái tử Lahūla xuất gia sadi.

Nghe tin này, vua Tịnh Phạn (Suddhodana) vô cùng đau khổ, đến xin Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài nhận lời thỉnh cầu của tôi là: "Khi người con muốn xuất gia, phải được cha mẹ đồng ý".

Đức Thế Tôn với pháp thoại làm hoan hỷ đến vua Tịnh Phạn, rồi Ngài dạy các Tỳkhuu rằng:

"Này các Tỳkhuu, không nên cho người con trai chưa được phép cha mẹ xuất gia; vị nào cho xuất gia thì phạm tội *dukkata* (tác ác)"⁽¹⁾.

Ông bà Vaṅganta thảo luận với nhau rằng: "Không có vật gì ràng buộc nam nhân chắc chắn cho bằng nữ nhân".

Do vậy, tuy Revata mới được 7 tuổi, nhưng ông bà vẫn tìm nơi tương xứng với gia tộc về tài sản, giai cấp và tộc họ. Một cô gái đang ở thời kỳ đầu⁽²⁾, được cưới về làm vợ cho cậu bé Revata 7 tuổi.

Đến ngày ấn định hôn lễ, ông bà trang điểm cho Revata thật xinh đẹp, cùng thân tộc đến nhà bên gái để rước dâu (cô dâu có lẽ cũng khoảng 7 tuổi).

Thân tộc hai bên đến chúc tụng cho "*tân lang và tân nương*". Theo phong tục người Ấn cổ lúc bấy giờ, họ đến xới nước vào tay "*cặp vợ chồng trẻ*" này, chúc rằng:

- Chúc cho hai con hạnh phúc, sống lâu nhất như lão bà trong gia tộc này.

Revata hỏi: "Lão bà sống lâu nhất trong gia tộc này là ai?"

Gia tộc bên đàn ông nói rằng:

- Này con, con chưa gặp lão bà sao?

Rồi họ đưa Revata đến gặp lão bà, lão bà là bà nội của cô gái nhỏ; bà đã sống 120 tuổi, răng rụng hết, tóc bạc trắng, da mặt, da tay nhăn nhúm lại, toàn bộ thân mình bao phủ bởi những chấm màu đen, thân hình còm xuồng cong như chiếc sừng bò.

Chưa từng thấy "hình ảnh này", ngạc nhiên Revata hỏi?

- Thừa cha mẹ, vì sao lão bà có hình dáng như thế?

- Này con, vì người già nên có thân hình như thế?

- Thừa cha mẹ, sự trẻ trung của cô gái này có trở nên già nua giống như lão bà này không? Rồi con có bị già như thế không?

- Này con, lão bà là người đại phúc nên mới có được tuổi thọ như thế. Bất kỳ ai sống có tuổi thọ như thế đều trở nên già nua như thế cả.

Nghe vậy, Revata suy nghĩ: "Ồ! Như vậy rồi đây cô gái này cũng sẽ trở nên như lão bà, tóc cô sẽ bạc trắng, răng sẽ rụng hết, như vậy có gì đáng thích thú với thân hình già nua, còm cõi này. Nếu ta sống trong nhà, rồi đây ta cũng phải già, có thân hình như thế này ư? Ta phải tìm cách thoát ra "sự già" này,

Anh Upatissa của ta chắc cũng thấy hình ảnh này, nên xuất gia để thoát ra "sự già", các chị, các anh của ta cũng đã xuất gia để tìm cách thoát khỏi "cái già". Vậy ta ở lại nhà làm gì, ta nên theo anh Upatissa xuất gia thôi.

Mẹ ta thường than phiền về các anh chị của ta, chắc chắn sẽ không cho ta xuất gia đâu, ta phải tìm kế trốn thoát vậy".

Trên đường trở về nhà, Revata ngồi chung xe với "cô dâu", phía sau là đoàn xe của hai gia tộc hộ tống.

Revata giả vờ đau bụng, bảo dừng xe đợi mình giây phút, Revata đi vào một bụi cây, giả vờ giải quyết những bức bách cơ thể, ngồi nán một lúc lâu rồi lại đi ra.

Revata cứ làm như thế nhiều lần, đến một khúc quanh, Revata bảo đoàn hộ tống rằng:

- Có lẽ tôi dùng phải vật thực không thích hợp nên bụng cứ đau quặn thắt, thôi các ông hãy về trước tôi sẽ về sau.

Rồi Revata lại đi vào bụi rậm như những lần trước, đoàn hộ tống ngỡ là "Revata" mắc bệnh "kiết lỵ" nên cho xe đi đến nhà Revata.

Khi đoàn hộ tống khuất xa, Revata từ bụi rậm bước ra, chạy nhanh đến một trú xứ, có 30 vị Tỳkhuu đang trú ngụ, các Ngài thực hành hạnh "ở trong rừng", "mặc y cũ rách" (*paṃsukūlita*) và đi khất thực để sống.

Revata đi đến đánh lễ các Tỳkhuu, rồi xin được xuất gia. Các vị Tỳkhuu hỏi:

(1)- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm I. Chương I, Trọng yếu, số 118

(2)- Các Giáo thọ sư tiền thân phân chia cuộc đời con người (tính theo tuổi thọ trung bình là 100 năm) thành 10 thời kỳ. Thời kỳ đầu là 10 tuổi – Ns.

- Nay cậu trai, cậu được cha mẹ cho phép chưa? Lại nữa, cậu trang phục xinh đẹp và đặc giá như thế này, chắc chắn là con nhà "danh gia vọng tộc", chúng tôi không biết rõ cậu là ai, làm sao dám cho cậu xuất gia. Chúng tôi không cho cậu xuất gia đâu, cậu hãy đến nơi khác đi.

- Thưa các Ngài, con là Revata em trai út của Upatissa.

- Upatissa nào? Chúng tôi đâu có biết là ai?

- Thưa các Ngài, Upatissa là tên trong gia tộc, người ngoài thường gọi anh trai con là Sāriputta.

- Ô! Nói vậy cậu là em trai út của Tướng quân chánh pháp sao?

- Thưa vâng, bạch các Ngài.

- Vậy hãy đến đây, chúng tôi sẽ cho cậu xuất gia, vì Tướng quân chánh pháp đã cho phép cậu được xuất gia rồi.

Trong Bản Sớ giải kinh Tăng chi thì có khác biệt chút ít chi tiết là:

Khi cậu bé 7 tuổi Revata nhìn thấy "sự già lão của bà ngoại cô dâu", Revata bị kích động tâm tìm cách đi theo các anh mình để xuất gia.

Cậu giả vờ như còn trẻ thơ, rủ các cậu bé cùng trang tuổi đến cùng mình chơi trò "đuổi bắt", cha mẹ cậu ngăn cấm:

- Nay Revata, đừng ra khỏi nhà trong ngày cưới.

Tuy nhiên, Revata vẫn cùng các bạn trẻ vui đùa, đến khi cậu chạy để các bạn trẻ rượt theo bắt, cậu chạy một khoảng cách ngắn rồi quay trở lại liền, lần thứ hai cậu chạy xa hơn rồi nhanh chóng quay trở lại. Đến lần thứ ba cậu tự nhủ "đây là cơ hội tốt, ta chạy càng nhanh càng tốt", và Revata chạy nhanh về hướng rừng trước mặt.

Cậu chạy sâu vào rừng, tìm đến nơi trú ngụ của những vị Tỳkhuu hạnh ẩn lâm, mặc y củ rách, đi bát khất thực để sống.

Revata đi đến xin các vị Tỳkhuu cho mình xuất gia, nhưng các vị ấy từ chối, Revata đưa tay ôm lấy mặt, buồn khổ than rằng: "Tôi đang bị cướp rồi, tôi đang bị cướp rồi". Các Tỳkhuu nói:

- Nay cậu trai, không ai cướp trang sức cùng y phục của cậu, vì sao cậu lại than khóc: "Tôi đang bị cướp rồi, tôi đang bị cướp rồi"?

- Bạch các Ngài, con không có ý nói là "bị cướp tư trang hay y phục". Trong thực tế con đang bị cướp mất sự an lạc cõi người, sự an lạc cõi trời và sự an lạc Nípàn.

Các Ngài không cho con xuất gia, nghĩa là con "đang bị cướp mất ba sự an lạc này".

- Nhưng này cậu trai, chúng tôi không biết cậu là ai, làm sao dám cho cậu xuất gia?

-Thưa các Ngài, con là em út của Upatissa.

- Người có tên gọi là Upatissa đó là ai?

- Thưa các Ngài, Upatissa là tên của gia tộc đặt cho anh ấy, người ta thường gọi anh ấy là Sāriputta.

- Ô! Thì ra người là em út của Tôn giả Xá lợi phất. Tôn giả Xá lợi phất có thông tri trong Tăng chúng rằng: "Cho phép người em út là Revata được xuất gia". Vậy người hãy đến đây, chúng tôi cho xuất gia ⁽¹⁾.

Và Ngài Revata được xuất gia sadi, các vị Tỳkhuu báo tin đến Đức Xá lợi phất rằng:

- Thưa Tôn giả Xá lợi phất, em trai của Tôn giả là Revata đã xuất gia sadi.

Được tin này, Đức Xá lợi phất vô cùng hoan hỷ, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, các Tỳkhuu hành hạnh "ở rừng", "mặc y củ rách", đi bát khất thực để sống.

Các vị ấy đã cho người em trai con là Revata xuất gia sadi.

Bạch Thế Tôn, con xin phép Ngài đến thăm Revata rồi sẽ trở về.

- Nay Xá lợi phất, hãy chờ đợi.

Vài ngày sau, Đức Xá lợi phất lại đến xin phép Đức Thế Tôn đến thăm em, Đức Thế Tôn dạy:

- Nay Xá lợi phất, hãy nán đợi, Đấng Như Lai cũng sẽ cùng đi.

Ngài Revata sau khi được xuất gia sadi, suy nghĩ rằng: "Nơi đây cũng không xa làng Nāḷaka lắm, nếu ta ở đây người nhà sẽ tìm thấy, sẽ bắt ta trở về nhà".

Sadi Revata đi đến các Tỳkhuu học đề mục thiền tịnh để rồi triển khai trở thành tuệ quán chứng đắc Thánh quả Alahán.

Sau khi thọ trì xong, Sadi Revata xin phép chư Tỳkhuu đến thành Xá vệ để đánh lễ Đức Thế Tôn và tìm anh mình là Đức Xá lợi phất.

Khi đi đến rừng Keo gai (khadiravana), cách xa nơi cũ 30 do tuần, một khu rừng gỗ ghè, đầy đá, sỏi. Bấy giờ lại đến mùa an cư, Ngài Revata suy nghĩ: "Nơi đây cũng vắng vẻ an tịnh, ít người lai

(1)- AA.i.126.

vãng, ta nên an cư mùa mưa nơi rừng Keo gai này, mãi mùa an cư ta sẽ đến Đại tự Kỳviên đánh lễ Đức Thế Tôn cùng với các anh của ta”.

Trong lần an cư mùa mưa này, Ngài Revata nỗ lực hành pháp, chúng đắc Thánh quả Alahán cùng với Tuệ Phân Tích.

Khi mãn mùa an cư, sau khi làm lễ Tự tứ (pavāraṇā), Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu (trong đó có Đức Xá lợi phất, Ngài Ānanda, Ngài Sīvali) đến rừng Keo gai để thăm Ngài Revata. Đức Thế Tôn chọn con đường gần nhất là 30 do tuần⁽¹⁾.

Biết được Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng du hành đến rừng Keo gai, Ngài Revata dùng thần thông tạo ra những chỗ ngụ trong khu rừng, một Hương thất dành riêng cho Đức Thế Tôn, 500 liêu thất dành cho các vị Tỳkhuu tùy tùng, 500 con đường kinh hành, 500 nhà mát dùng cho ban ngày, những nơi dành riêng cho ban đêm ...

Đức Thế Tôn sau một tháng du hành tuần tự, đến rừng Keo gai, Ngài Revata đến đánh lễ Đức Thế Tôn cùng chư Tăng, rồi rước Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng vào nơi cư ngụ. Khi Đức Thế Tôn đi vào Hương thất rồi, các vị Tỳkhuu theo hạ lạp cao thấp đi vào liêu thất.

Chư thiên ngụ trong rừng Keo gai, hóa thân thành nhân loại, mang những loại nước uống dùng cho ban chiều đến cúng dường, chư thiên hóa ra những thôn xóm cách khu tự viện của Ngài Revata không xa lắm, để chư Tỳkhuu thuận tiện đi khát thực vào ban ngày, và chư Thiên hóa thân thành “dân làng” cúng dường vật thực đến Đức Phật và các Tỳkhuu (đây là do phước riêng của Ngài Revata).

Vì trú ngụ trong rừng Keo gai nên Ngài Revata còn được gọi là Revata “ở rừng Keo gai” (Khadiravaniya Revata) để phân biệt với vị trưởng lão cũng có tên là Revata. Vị này được gọi là Kaṅkha Revata (Revata nghi ngờ).

Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trú nơi rừng Keo gai được nửa tháng, bấy giờ có một số Tỳkhuu háo động, khi ngồi lại với nhau đã bàn luận vô ích rằng:

- Nay chư hiền, sadi Revata này, mãi lo xây dựng nhiều liêu thất như thế này, thời gian đâu mà thực hành Samôn pháp chứ? Chỉ vì sadi Revata là em trai của Tôn giả Xá lợi phất (Sāriputta), nên Đức Thế Tôn biệt đãi, Ngài ngụ đến nơi này.

Đức Thế Tôn nghe được sự bàn luận của các vị Tỳkhuu, Ngài suy nghĩ: “Các thiên nhân ngụ trong rừng, ưa thích sự yên tĩnh, các Tỳkhuu này gây náo động đến nơi yên tĩnh này rồi. Vậy Như Lai sẽ rời khỏi nơi này”

Đức Thế Tôn đi đến chỗ nghỉ ban ngày của Revata, thấy Đức Thế Tôn từ xa ngụ đến, Ngài Revata đang ngồi trên tảng đá cuối con đường kinh hành, liền đứng dậy đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rước Đức Thế Tôn ngồi vào nơi được soạn sẵn.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Revata con, nơi đây là nơi trú ngụ của những loài thú hoang dã như voi, hổ, báo, sư tử ... Khi nghe những tiếng gầm thét của chúng, con cảm giác như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, khi con nghe những âm thanh của các loài thú hoang dã, tâm con vui thích khi sống trong rừng (arañña rati).

- Lành thay, lành thay này Revata.

Rồi Đức Thế Tôn dạy Revata 500 kệ ngôn về những lợi ích khi sống trong rừng, và Đức Revata vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn. Từ đó Ngài Revata thường xuyên sống trong rừng, đó là những khu rừng nhiều gai góc, nhiều chướng ngại, đường đi gồ ghề khó khăn.

Rồi Đức Thế Tôn thông báo “sẽ lên đường về thành Xá vệ”.

Sáng hôm sau Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng lên đường trở về thành Xá vệ, Đức Thế Tôn dùng thần thông khiến các vị Tỳkhuu háo động bỏ quên những món vật dụng riêng của mình ở tại nơi ấy.

Sau khi đi đến ranh tự viện, Đức Thế Tôn thu hồi thần lực, những vị Tỳkhuu ấy chợt nhớ những vật dụng còn bỏ quên, nên quay trở lại tìm.

Bấy giờ “những liêu thất” đã biến mất, các vị Tỳkhuu ấy ngỡ mình đi lạc đường, phải len lỏi qua những bụi Keo gai, rồi mới nhìn thấy những vật dụng của mình treo trên những nhánh Keo gai.

Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng theo đường cũ trở lại thành Xá vệ, cũng mất 30 ngày, nhưng tất cả đều an vui do nương vào phước báu của Đức Sīvali.

Đức Thế Tôn đến thành Xá vệ, Ngài đến ngụ trú ở chùa Đông Phương (Pubbārāma) của bà tín nữ Visākhā.

⁽¹⁾- Xem Tập 5. Câu chuyện Ngài Sīvali.

Vào sáng hôm sau, các vị Tỳkhuu đến nhà của bà Visākhā để dùng cháo buổi sáng, bà Visākhā hỏi:

- Bạch các Ngài, các Ngài cùng đi du hành với Đức Thế Tôn, các Ngài đi đến nơi nào?
- Nay bà đại tín nữ, chúng tôi tháp tùng cùng với Đức Thế Tôn, đi đến rừng Keo gai nơi trú ngụ của sadi Revata, em trai của Tôn giả Xá lợi phất (Sāriputta).
- Bạch các Ngài, nơi đó như thế nào?
- Nay bà tín nữ, nơi ấy xinh đẹp không thể tả được, rất thanh nhã và an tịnh, chẳng khác nào cảnh giới chư Thiên.

Các vị Tỳkhuu “để quên vật dụng” nghe vậy, liền nói rằng:

- Không phải đâu, này bà đại tín nữ, nơi ấy chỉ toàn là cây Keo gai trắng, nơi ấy giống như nơi trú ngụ của hàng “ma đói” (peta).

Bà Visākhā suy nghĩ: “Vì sao các Ngài nói không phù hợp với nhau? Chắc có duyên sự chi đây. Ta sẽ hiểu điều này từ Đức Thế Tôn”.

Vào trưa hôm ấy, Đức Thế Tôn cùng ngàn vị Tỳkhuu tùy tùng, ngự đến nhà của bà Visākhā thọ thực theo lời thỉnh của gia chủ.

Bà Visākhā cung kính cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng, sau khi Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng thọ thực xong rồi, bà Visākhā đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, ngồi vào nơi hợp lễ, bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, các vị Tỳkhuu cùng với Đức Thế Tôn du hành đến rừng Keo gai, nơi trú ngụ của Tôn giả Revata. Có vị mô tả “nơi ấy xinh đẹp như cảnh giới chư thiên”, có vị lại mô tả “nơi ấy chỉ toàn là cây Keo gai trắng, như cảnh giới “ma đói”.

Bạch Thế Tôn, nơi rừng Keo gai ấy như thế nào?

- Này Visākhā, cho dù là làng mạc với đầy đủ những dục lạc thế gian, hay rừng núi hoặc thung lũng thanh vắng, nơi nào có bậc Alahán trú ngụ, nơi ấy thật xinh đẹp.

Do nhân duyên này Đức Thế Tôn thuyết lên kinh Ấn sĩ (Munisutta), rồi xác nhận Ngài Revata thành tựu phẩm vị Alahán qua kệ ngôn⁽¹⁾:

Aññāya sabbāni nivesanāni, anikāmayam aññatarampi tesam;

Sa ve munī vītagedho agiddho, nāyūhatī pāragato hi hoti.

“Đã rõ mọi trú xứ; không ham trú xứ nào.

Vị ấy chân ấn sĩ; không tham, không say đắm⁽²⁾.

Không còn phải ra sức⁽³⁾; đã đạt đến bờ kia⁽⁴⁾ (HT.TMC dịch).

Sau đó, Đức Thế Tôn kết thúc pháp thoại với kệ ngôn như vầy:

Gāme vā yadi vāraññe; ninne vā yadi vā thale.

Yatthārahanto viharanti; tam bhūmiṃ rāmaṇeyyakam.

“Làng mạc hay núi rừng; đất thấp hay đồi cao.

Nơi nào Alahán trú; nơi ấy thật khả ái⁽⁵⁾.”

Trong Tương Ưng kinh cũng ghi nhận rằng:

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ tại Đại tự Kỳ viên của ông Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xá vệ (Sāvatti).

Vào một đêm trăng sáng, vua trời Đêthích (Sakka) đến hầu Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng vào một bên hợp lễ vua Trời Đêthích bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

Kim nu kho, bhante, bhūmirāmaṇeyyaka’nti?

“Bạch Thế Tôn, đất nơi nào được xem là xinh đẹp và an lạc?”.

Đức Thế Tôn đáp rằng:

Āramacetyā vanacetyā, pokkharañño sunimmitā.

Manussarāmaṇeyyassa, kalam nāgghanti soḷasim.

“Các cảnh, rừng sai khác; những hồ sen mỹ diệu.

Loài người xem khả ái; thật có giá trị nhỏ nhoi.”

Gāme vā yadi vāraññe, ninne vā yadi vā thale;

Yattha arahanto viharanti, tam bhūmirāmaṇeyyaka’nti.

“Làng mạc hay núi rừng; đất thấp hay đồi cao.

Nơi nào Alahán trú; nơi ấy thật khả ái⁽¹⁾.”

(1)- SnA.i,261.

(2)- Agiddho.

(3)- Nāyūhati.

(4)- Sn.212, kinh Ấn sĩ (Munisuttam).

(5)- Dh.p. Câu số 98.

*** Chùa Đông Phương (Pubbārāma).**

Đây là ngôi đại tự do bà tín nữ Visākhā xây dựng, cúng dường đến chư Tăng có Đức Phật là vị đứng đầu. Tương truyền bà có 20 người con, 400 người cháu và 8.000 người “chắt” (cháu gọi bà là bà cố), như có Pāli:

Visākhā vīsati puttā, nattā ca caturo satā;

Panattā atthasahassā, jambudīpe supākata'ti.

"Visākhā có 20 người con, và 400 người cháu.

Tám ngàn người chắt; trong cõi Diêmphù không ngủ yên"⁽²⁾.

Ngày Đại tự Đông Phương hoàn tất, vào xế chiều bà dẫn đầu con, cháu, chắt đông đảo (puttanattapanattaparivutā) đi nhiễu quanh ngôi Đại tự Đông Phương (sđd).

Bà Visākhā chứng Thánh quả Dự lưu vào hạ thứ nhất của Đức Thế Tôn, khi ấy bà là cô bé 7 tuổi, nếu 16 tuổi bà Visākhā thành lập gia đình (bà Visākhā là con nhà danh giá vọng tộc, bà không thể lập gia đình sớm hơn 16 tuổi), 17 tuổi bà có con trai đầu lòng; 34 tuổi bà có người cháu đầu (nếu tính Migāra 16 tuổi lập gia đình, thì 17 tuổi có con đầu lòng); khi có chắt đầu lòng, tối thiểu bà Visākhā ở vào độ 49 tuổi hay 50 tuổi. Và khi ấy khoảng hạ thứ 42 hay thứ 43 của Đức Thế Tôn, điều này không hợp lý, vì vào hạ thứ 30-35, Đức Thế Tôn an cư mùa mưa ở Đông Phương Tự.

Mặt khác, tuổi của Ngài Revata và bà Visākhā không chênh lệch nhau nhiều lắm, phải chăng Sơ giải kinh Pháp cú có sự nhầm lẫn ở điểm này.

Vậy chùa Đông Phương được xây dựng vào thời điểm nào?

Có khả năng chùa Đông Phương được xây dựng vào hạ thứ 13 - 14 của Đức Thế Tôn. Và khi ấy bà Visākhā khoảng 18 -21 tuổi, do dựa vào những sự kiện sau đây:

- Khi ấy bà Visākhā còn trẻ tuổi, khoảng 19 – 21 tuổi, thông thường những nữ nhân ở vào độ tuổi này, thường thích trang điểm để đi dự những lễ hội.

Trong một lễ hội được tổ chức cho thị dân thành Xávé, bà Visākhā mang chiếc “áo choàng” đặc giá nhất thời đó, để đi dự lễ hội. Rồi bà để quên chiếc “áo choàng” này trong Đại tự Kỳ viên, từ duyên sự này mà chùa Đông Phương được hình thành (sđd).

- Theo Bản Sơ giải Miến Điện: Đức Thế Tôn chỉ đọc “Lời Giải thoát” (Ovāda Pāṭimokkha) trong 15 năm đầu. Vào một ngày lễ Bōttát (uposatha), nơi chùa Đông Phương, Đức Thế Tôn cho phép chư Tăng tụng Giới bốn (pāṭimokkha), riêng Đức Thế Tôn thì Ngài không còn tụng “Lời Giải thoát” nữa.

Như vậy, chùa Đông Phương phải hoàn tất chậm lắm là vào hạ thứ 15, như vậy chùa Đông Phương phải được xây dựng sớm lắm cũng phải vào hạ thứ 14 của Đức Thế Tôn.

- Vào hạ thứ 12, Đức Thế Tôn mới chế định học giới cho chư Tỳkhuu.

Ngài Revata xuất gia vào hạ thứ mấy của Đức Thế Tôn?

Theo các Bản Sơ giải thì khi ấy ba người chị của Ngài Revata đã đi xuất gia theo lời sách tấn của Đức Xá lợi phất, bấy giờ trong gia đình của bà Rūpasārī chỉ còn Ngài Revata. Như vậy, Ngài Revata xuất gia sớm nhất cũng phải vào hạ thứ 6 của Đức Thế Tôn (vì Ni đoàn được thành lập vào cuối hạ thứ 5), và đây là khả năng có thể có được với Ngài Revata, nếu như luận cứ này đúng thì ba người chị của Ngài Revata xuất gia Tỳkhuu ni vào hạ thứ 6 của Đức Thế Tôn.

Chính vì ba người con gái cùng bỏ gia đình đi xuất gia nên bà Sārī lo ngại cậu con trai út sẽ theo các anh chị đi xuất gia, nên tuy cậu con út chỉ mới 7 tuổi ông bà Vaṅganta lo tìm vợ cho con để “cột chân” con trai. Và trước khi Đức Thế Tôn thành đạo 1 năm thì Ngài được sinh ra.

Nhưng có nghi vấn khác nảy sinh là: Khi Ngài Revata sinh ra thì bà Sārī được bao nhiêu tuổi?

Được biết Đức Xá lợi phất lớn hơn Đức Thế Tôn trên 10 tuổi³, khi Đức Thế Tôn thành đạo thì Đức Xá lợi phất được hơn 45 tuổi, khi ấy bà Sārī khoảng 61 -62 tuổi (nếu tính bà Sārī lập gia đình vào năm 16 tuổi, có khả năng năm 17 tuổi bà sinh ra Đức Xá lợi phất), như vậy có khả năng bà Sārī sinh ra cậu trai út vào năm bà 61 tuổi.

Nhưng lại nảy sinh vấn đề khác là: “Ngài Xá lợi phất và Ngài Muckiēnliēn lìa bỏ gia đình đi xuất gia lúc bao nhiêu tuổi? Và sống đời sống du sĩ được bao lâu trước khi Ngài Xá lợi phất gặp được Ngài Assaji? Vì khi gia nhập Giáo đoàn khi ấy các Ngài trên 45 tuổi .

Thông thường, những gia tộc có đại tài sản thường cưới vợ cho con rất sớm, như Ngài Yassa đã có vợ khi được 20 tuổi. Hẳn hai Ngài Xá lợi phất và Muckiēnliēn chưa có vợ nên lịch sử không nhắc đến, điều này cho thấy hai Ngài xuất gia khi còn trẻ (độ khoảng 25 – 30 tuổi), và nếu giả thuyết “hai Ngài xuất gia vào lúc 25 tuổi” là đúng, thì hai Ngài đã sống đời du sĩ suốt 20 năm, trước khi

(1)- S.i, 232. Tương ưng Sakka. Kinh Khả ái khả lạc (Rāmaṇeyyakasuttam).

(2)- DhpA. Câu số 53.

(3)-Có một số tư liệu ghi nhận “Ngài Xá lợi phất lớn hơn Đức Thế Tôn từ 12- 15 tuổi”.

gặp Giáo pháp của Đức Thế Tôn. Những dữ kiện lịch sử này chúng tôi chưa tìm được tư liệu chính xác cũng như cách lý giải minh bạch, xin các vị Đa văn hoan hỷ và bổ túc giúp.

Trở lại Ngài Revata, trong Bản Sở giải “Kệ ngôn Trưởng lão Tăng”, đề cập đến sự xuất gia của Ngài Revata ngắn gọn hơn, đồng thời ghi nhận rằng: “Trong hạ đầu tiên của mình, Ngài Revata chúng đạt Thánh quả Alahán, khi mùa an cư Ngài Revata đi đến Đại tự Kỳ Viên yết kiến Đức Thế Tôn và Tôn giả Xá lợi phất”⁽¹⁾.

Khi Đức Thế Tôn từ rừng Keo gai trở về thành Xá vệ, Ngài Revata cũng theo chư Tăng đến thành Xá vệ để cộng trú, Ngài là một trong 4 Sadi Alahán 7 tuổi: Sankicca, Paṇḍita, Sopāka và Revata, bị ông Balamôn bỏ đói⁽²⁾ (Ngài Revata xem như nhỏ nhất trong 4 vị, so về thời gian xuất gia trong Giáo đoàn của Đức Thế Tôn).

Một lần nọ, các Tỳkhuu bàn luận với nhau ở Giảng pháp đường rằng:

- Nay chư hiền, sadi Revata tạo thật nhiều công hạnh, đã kiến tạo Hương thất cho Đức Thế Tôn cùng với 500 liêu thất cho các vị Tỳkhuu, phước báu ấy thật to lớn.

Đức Thế Tôn nghe được sự bàn luận của các Tỳkhuu, Ngài đến Giảng pháp đường, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, rồi dạy các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, Revata con của Như Lai chẳng còn thiện ác nữa, con của Như Lai đã vượt ra khỏi thiện ác rồi.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

Yodha puññañca pāpañca, ubho saṅgamupaccagā;

Asokaṃ virajaṃ suddhaṃ, tamahaṃ brūmi brāhmaṇa’nti.

“Người sống ở đời này; không nhiễm cả thiện ác.

Không sâu, sạch không bụi; Ta gọi Balamôn” (HT.TMC dịch)⁽³⁾.

Khi tròn đủ tuổi, Ngài được thọ giới Tỳkhuu, vào thời điểm thích hợp giữa hội chúng Tỳkhuu, Đức Thế Tôn ban cho Đức Khadiravaniya Revata là “đệ nhất tu trong rừng” (*araññakānaṃ*):

Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ araññakānaṃ yadidaṃ revatokhadiravaniyo:

“Này các Tỳkhuu, trong những Tỳkhuu đệ tử của Ta, tôi thẳng “ngụ trong rừng” là Tỳkhuu Khadiravaniya Revata”.⁽⁴⁾

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân của Đức Revata là một gia chủ có niềm tin trong sạch, giữ giới hạnh tinh nghiêm trong thành Hamsavatī. Vị Gia chủ này là người điều hành những con thuyền ở bến nước Payāga.

Có lần Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) cùng 100 ngàn Tỳkhuu đi đến bến nước Payāga để sang sông.

Được tin Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng sắp sang sông, đang hướng về bến cảng Payāga; vị gia chủ ấy suy nghĩ rằng:

- Ta không có dịp thường xuyên đến đánh lễ, cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng. Hôm nay được duyên lành này, ta nên cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trọng thể.

Cận sự nam ấy cho kết những con thuyền lại với nhau thành một “màng thuyền lớn”, tạo mái vòm để che nắng, trang trí mái vòm bằng những cánh hoa hương sắc xinh đẹp, sàn thuyền cho lót những tấm thảm nhung dày mịn.

Rồi cận sự nam ấy thỉnh Đức Thế Tôn cùng 100 ngàn vị Tỳkhuu sang sông, tự thân vị gia chủ ấy chèo “màng thuyền” lớn cùng với những tay chèo dưới quyền, đưa Đức Thế Tôn Padumuttara sang sông.

Cũng trong lần này, cận sự nam ấy chứng kiến một vị Trưởng lão được Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho địa vị “đệ nhất trú trong rừng”, gia chủ này ước nguyện được địa vị ấy trong thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác vị lai. Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) tiên tri rằng:

“Ước nguyện của gia chủ này sẽ trở thành hiện thực trong thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác có Hồng danh là Gotama”⁽⁵⁾.

Vào 58 kiếp trái đất trước (tính từ hiện kiếp này trở về trước), tiền thân của Đức Revata là vua Chuyển Luân có vương hiệu là *Tāraṇa*, vào kiếp trái đất thứ 57 là vị đại đế có vương hiệu là *Campaka*⁽¹⁾.

(1)- ThagA. i. 108.

(2)- Dhpa. iv. 176.

(3)- Dhpa. Câu số 412.

(4)- A.i, 24. Phẩm “người tối thẳng”.

(5)- ThagA. i. 108; AA. i. 126.

***Bến nước Payāga.**

Theo bản Sở giải kinh Tăng chi, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) có một bến nước tên là *Payāga*⁽²⁾.

Trong thời Đức Phật Gotama, một bến nước cũng mang tên là *Payāga* (còn được gọi là *Payāgatittha*, *Payāgapatitthāna*), bến nước này là nơi giao hội của hai con sông Yamunā và sông Hằng (Gaṅgā).

Trên đường đi từ xứ *Verañja* đến *Balanai* (*Bāraṇasī*) phải lần lượt đi qua thị trấn *Soreyya*, thành *Sankassa*, thị trấn *Kaṇṇakujja*, rồi từ bến nước *Payāga* sang sông Hằng, đến kinh thành *Balanai* (*Bāraṇasī*)⁽³⁾.

Payāga còn là bến tắm thiêng liêng để tẩy trần⁽⁴⁾, tại đây có cung điện của vua *Mahāpanāda* (con vua *Surici*) trị vì kinh thành *Mitthilā* thuở xưa (vua *Mahāpanāda* là tiền thân của Trưởng lão *Bhaddaji*). Cung điện này làm bằng 7 loại ngọc báu, có 6.000 nhạc công phục vụ cho vua *Mahāpanāda*, cung điện này bị chìm xuống dòng sông Hằng⁽⁵⁾. Ngài *Buddhaghosa* (Phật Âm) nói rằng: “Bến tắm *Payāga* chính là tam cấp của cung điện trên”⁽⁶⁾.

Payāga hiện nay là *Allahabad*.

Thời gian sau, Ngài *Revata* trở về làng *Nāḷaka*, rồi mang theo ba người cháu trai (gọi Ngài bằng cậu) con của ba người chị là: *Cāla*, *Upacāla* và *Sīsupacāla*, Ngài *Revata* cho ba cháu trai xuất gia *sadi*, Ngài luôn sách tấn các vị *sadi* này nỗ lực tu tập, về sau cả ba vị đều chứng đạt Thánh quả *Alahán*, trở thành những vị Trưởng lão danh tiếng trong Giáo đoàn của Đức Thế Tôn.

Có lần Ngài *Revata* bị bệnh nặng, nghe tin này Đức *Xá Lợi Phất* đến viếng thăm, nhìn thấy Đức *Xá Lợi Phất* từ xa, Ngài *Revata* nhắc nhở đệ tử rằng:

Cāle upacāle sīsupacāle patissatā nu kho viharatha;

Āgato vo vālaṃ viya vedhīti.

"Hỡi này cháu Cāla; này Upacāla.

Sīsupacāla; hãy sống trú với niệm.

Vị đang đến các người; như vị bấn chế tóc”(HT.TMC dịch)⁽⁷⁾.

Và Đức *Xá Lợi Phất* rất hoan hỷ với sự tinh cần của các người cháu của mình⁽⁸⁾, Đức *Xá Lợi Phất* nói lên hai kệ ngôn tán thán Đức *Revata*:

991- *Gāme vā yadi vāraññe, ninne vā yadi vā thale;*

Yattha arahanto viharanti, taṃ bhūmirāmaṇeyyakam.

"Làng mạc hay rừng núi; thung lũng hay đồi cao.

Lahán trú chỗ nào; đất ấy thật khả ái”(Dhp. 98).

992- *Ramaṇiyāni araññāni, yattha na ramatī jano;*

Vitarāgā ramissantī, na te kāmāgavesino.

"Khả ái thay núi rừng; chỗ người phạm không ưa.

Vị ly tham sẽ thích; vì không tìm dục lạc”(HT. TMC dịch)⁽⁹⁾.

(Kệ ngôn 991 là lời khen ngợi của Đức Thế Tôn đối với Ngài *Revata*, Đức *Xá Lợi Phất* lập lại để tôn vinh Ngài *Revata*, câu kệ 992 là lời tán thán của Đức *Xá Lợi Phất* đối với Ngài *Revata*).

Có cận sự nam *Atula* dẫn đầu tùy tùng 500 người đi đến viếng Đức *Revata*, muốn nghe Đức *Revata* thuyết pháp. Đức *Revata* có khuynh hướng độc cư, thích sống một mình nơi thanh vắng, nên Ngài im lặng.

Cận sự nam *Atula* bực tức bỏ đi, đến thỉnh cầu Đức *Xá Lợi Phất* giảng pháp, Đức *Xá Lợi Phất* giảng về Thắng pháp (*Abhidhamma*), cận sự nam *Atula* cũng không hài lòng, dẫn nhóm tùy tùng đến viếng Đức *Ānanda*.

Đức *Ānanda* nghe cận sự nam *Atula* phê bình: “Tôn giả *Revata* thì im lặng, Tôn giả *Xá Lợi Phất* lại giảng quá nhiều về Thắng pháp”, nên Đức *Ānanda* thuyết lên thời pháp vừa phải, giải rành mạch về pháp, nhưng cận sự nam *Atula* cũng không hài lòng. Cận sự nam *Atula* dẫn hội chúng đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, nghe cận sự nam *Atula* tường trình lại ba sự kiện trên, Đức Thế Tôn dạy rằng:

(1)- Ap.i, Ký sự Trưởng lão *Khadiravaniyarevata* (*Khadiravaniyarevatattherāpadānaṃ*).

(2)- AA.i, 126.

(3)- Vin. iii. 11

(4)- M. i. 39; JA. vi. 198.

(5)- JA. Chuyện số 264 (*Mahāpanāda-jātaka*)

(6)- MA. i. 145; DA. iii. 856.

(7)- Thag. 42.

(8)- ThagA.i, 110

(9)- Thag. 991-992.

- Nay cận sự nam Atula, từ xưa đến nay con người vẫn có thói quen chê trách kẻ lặng thinh, kẻ nói nhiều, kẻ nói ít. Không một ai không bị chê trách hay được khen ngợi. Cho dù là đức vua cũng có người chê trách, có người khen ngợi, ngay cả mặt trời, mặt trăng, hư không; chí đến Đấng Như Lai thuyết pháp giữa hội chúng, cũng có người khen ngợi, có người không hài lòng.

Này Atula, bậc hiền trí khi khen thì khen ngợi điều đáng khen, khi chê trách thì chê trách điều đáng chê trách.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

Porāṇametam atula, netam ajjatanāṃviva;
Nindanti tuṇhimāsīnaṃ, nindanti bahubhāṇīnaṃ;

Mitabhāṇīmpi nindanti, natthi loke anindito.

"Atula nên biết; xưa vậy nay cũng vậy.

Ngồi im bị người chê; nói nhiều bị người ghét.

Nói vừa phải bị chê; làm người không bị chê.

Thật khó tìm ở đời⁽¹⁾. (HT.TMC dịch).

Lối sống an tịnh viễn ly của Đức Revata làm cho Trưởng lão Sammajjana (còn viết là Sammuṇḍjani) hiểu lầm là "Ngài Revata biếng nhác".

Trưởng lão có tên là Sammajjana vì lúc nào Ngài cũng quét dọn, một hôm thấy Tôn giả Revata ngồi yên lặng nơi chỗ ngồi ban ngày, nên nói rằng:

- Vị trưởng lão này lười nhác quá, dùng vật thực tín thí xong rồi, đi đến đây ngồi yên, cầm chổi quét dọn cũng không làm.

Đức Revata suy nghĩ: "Ta nên giáo giới Tỳkhuu này", Ngài bảo rằng:

- Nay hiền giả, hiền giả đi tắm rửa xong rồi đến đây.

Trưởng lão Sammajjana đi tắm rửa xong, đến viếng Ngài Revata. Ngài Revata giáo giới Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Nay hiền giả, vị Tỳkhuu lúc nào cũng quét dọn là điều không hợp lẽ. Tỳkhuu chỉ nên quét dọn vào buổi sáng, rồi đi khất thực, khi về đến Tự viện, ngồi vào chỗ ngồi ban ngày hay ban đêm, đưa tâm quán xét về thể trước, để thấy được sự sinh diệt của "năm nhóm", hãy dành thời gian tạo lợi ích cho mình, đừng lãng phí thời gian quét dọn như thế.

Nghe lời giáo giới của Đức Revata, Trưởng lão Sammajjana nỗ lực hành pháp, chẳng bao lâu chứng Thánh quả Alahán.

Từ khi ấy, trong Tự viện có nhiều chỗ rác ứ đọng, các Tỳkhuu nói với Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Nay hiền giả Sammajjana, trong Tự viện có nhiều chỗ rác ứ đọng, vì sao hiền giả không quét dọn?

- Thừa chư hiền, trước đây tôi để đuôi phóng dật quét rác, giờ đây tôi không còn để đuôi quét rác nữa.

Các Tỳkhuu mang việc này trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, thật vậy con Như Lai giờ đây không còn để đuôi quét dọn nữa, con Như Lai sống an tịnh phát sinh từ Đạo quả.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

Yo ca pubbe pamajjitvā, pacchā so nappamajjati;

Somaṃ lokam pabhāseti, abbhā muttova candimā'ti.

"Ai trước sống buông lung; sau sống không phóng dật.

Chói sáng rực đời này; như trăng thoát mây che" (HT. TMC dịch)⁽²⁾.

Lúc tuổi khá cao Trưởng lão Revata gặp một chuyện không may, một lần nọ trên đường đến yết kiến Đức Thế Tôn ở thành Xá Vệ,

Trưởng lão trú trong khu rừng gần thành Xá Vệ, có tên trộm bị quân lính rượt đuổi, tên trộm bỏ tang vật cạnh chỗ của Trưởng lão.

Trưởng lão bị bắt dẫn đến vua Patuññā (Pasenadi), đức vua tha cho Trưởng lão, nhưng hỏi: "Có phải Ngài lấy trộm đồ chăng?"

Trưởng lão nói lên 14 kệ ngôn, giải thích rằng: "Ngài không có ác sở hành như vậy":

645- Yadā ahaṃ pabbajito; agārasmānagāriyaṃ;

Nābhijānāmi saṅkappaṃ; anariyaṃ dosasaṃhitam.

"Từ khi ta xuất gia, bỏ nhà sống không nhà.

Ta không biết tư duy; phi Thánh liên hệ sân".

(1)- Dhp. Câu 227.

(2)-Dhp. Câu 172.

646-Ime haññantu vajjhantu; dukkhaṃ pappontu pāṇino;
 Saṅkappaṃ nābhijānāmi; imasmim dīghamantare.
*"Hãy làm hại, sát hại; hãy làm khổ hữu tình.
 Ta không biết tư duy; trong thời gian dài này".*

647- Mettañca abhijānāmi; appamāṇaṃ subhāviṭṭhaṃ;
 Anupubbaṃ paricitaṃ; yathā buddhena desitaṃ.
*"Và ta biết lòng Từ; vô lượng khéo tu tập.
 Ta thứ lớp tích lũy; như lời Đức Phật dạy".*

648- Sabbamitto sabbasakho; sabbabhūtānukampako;
 Mettacittañca bhāvēmi; abyāpajjarato sadā.
*"Là bạn thân tất cả; từ mẫu mọi hữu tình.
 Ta tu tập tâm Từ; luôn vui không sân hận."*

649- Asaṃhiraṃ asaṃkappaṃ; cittaṃ āmodayāmaṃ;
 Brahmavihāraṃ bhāvēmi; akāpurisasevitaṃ.
*"Ta thích thú với tâm; không động, không giao động.
 Ta tu tập Phạm trú; được bậc thiện hành trì".*

650- Avitakkaṃ samāpanno; sammāsambuddhasāvako;
 Ariyena tuṇhībhāvena; upeto hoti tāvade.
*"Ta đạt được vô Tâm⁽¹⁾; đệ tử bậc Chánh giác.
 Với im lặng bậc Thánh; ta trực diện (tāvada) đạt được".*

651- Yathāpi pabbato selo; acalo suppatitṭhito;
 Evaṃ mohakkhayā bhikkhu; pabbatova na vedhati.
*"Như núi đá không động; đứng vững khéo an trú.
 Cũng vậy, là Tỳkhu; đạt được si mê diệt.
 Vì ấy như ngọn núi; không làm gì giao động".*

652- Anaṅgaṇassa posassa; niccaṃ sucigavesino;
 Vālaggamattaṃ pāpassa; abbhamaṭṭaṃva khāyati.
*"Con người không ứ nhiễm; luôn tìm sự trong sạch.
 Tôi nhẹ như ngọn tóc; xem nặng như mây khói."*

653- Nagaraṃ yathā paccantaṃ; guttaṃ santarabāhiraṃ;
 Evaṃ gopetha attānaṃ; khaṇo vo mā upaccagā.
*"Như thành trì biên địa; phòng hộ cả trong ngoài.
 Hãy phòng hộ tự ngã; sátna không bỏ qua".*

654- Nābhinandāmi maraṇaṃ; nābhinandāmi jīviṭṭhaṃ;
 Kālañca paṭikaṅkhāmi; nibbisaṃ bhatako yathā.
*"Ta không thích thú sống; ta không thích thú chết.
 Ta chờ thời gian đến; như thợ làm việc xong".*

655- Nābhinandāmi maraṇaṃ; nābhinandāmi jīviṭṭhaṃ;
 Kālañca paṭikaṅkhāmi; sampajāno patissato.
*"Ta không thích thú sống; ta không thích thú chết.
 Ta chờ thời gian đến; tỉnh giác, giữ chánh niệm".*

656- Paricīṇṇo mayā satthā; kataṃ buddhassa sāsaṇaṃ;
 Ohito garuko bhāro; bhavanetti samūhatā.
*"Đạo sư, ta hầu hạ; lời Phật dạy làm xong.
 Gánh nặng, đặt xuống thấp; gốc sinh hữu nhỏ sạch".*

657- Yassa catthāya pabbajito; agārasmānagāriyaṃ.
 So me attho anuppatto; sabbasaṃyojanakkhaya.
*"Vì đích gì xuất gia; bỏ nhà, sống không nhà.
 Mục đích ấy, ta đạt; mọi kiết sử diệt tận".*

658 - Sampādeṭhappamādena, esā me anusāsani;
 Handāhaṃ parinibbisaṃ, vippamuttomhi sabbadhīti.
*"Nỗ lực chớ phóng dật; đấy lời ta giáo giới.
 Ta sẽ đại viên tịch; ta thoát mọi sinh y⁽²⁾ (HT.TMC dịch).*

(1)- Chỉ tăng Thiên thứ 2.

(2)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Khadiravaniya Revata.

Khi dứt kệ ngôn, Đức Revata ngồi “tréo chân” ở giữa hư không, viên tịch với đê mục “lửa”, ngọn lửa tự phát ra thiêu thân xác của Ngài⁽¹⁾.

*** Trưởng lão Kaṅkhā Revata.**

Một trưởng lão khác cũng có tên là Revata, thường được gọi là “Kaṅkhā Revata” để phân biệt với “Khadiravaniya Revata”.

Chữ “Kaṅkhā” nghĩa là “sự hoài nghi, sự nghi ngờ”, Kaṅkhā Revata là “Revata đa nghi”. Trưởng lão có biệt hiệu này do nguyên nhân như sau:

Một lần nọ, Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng du hành từ thành Xá-vệ (Sāvatti) đến thành Vương xá (Rājagaha), trong hội chúng ấy có trưởng lão Revata.

Trưởng lão Revata nhìn thấy người nấu “mật đường”, cho bột mì và tro vào trong “mật đường” để kết dính, Ngài Revata suy nghĩ: “Bột mì là vật thực, vậy đường không nên dùng vào buổi chiều”. Ngài cùng hội chúng của mình ngăn ngại, không dùng đường vào buổi chiều.

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề này, Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay các Tỳkhuu, vì mục đích nào mà họ bỏ bột mì và tro vào trong mật đường?

- Bạch Thế Tôn, với mục đích kết dính.

- Nay các Tỳkhuu, nếu vì mục đích kết dính thì “bột mì và tro” cùng với mật đường quện vào nhau thành khối, khối ấy được gọi là “đường”. Nay các Tỳkhuu, ta cho phép thọ dụng đường thoải mái⁽²⁾.

Trên đường đi Ngài Revata nhìn thấy “cây đậu tây” (mugga)⁽³⁾ nảy mầm, sinh trưởng trong bãi phân. Sau khi nhìn thấy vị ấy suy nghĩ rằng: “*Các hạt đậu tây không được phép dùng, mặc dầu đã được nấu chín, nhưng các hạt đậu vẫn mọc mầm sinh trưởng được*”.

Nên Ngài Revata không dùng “loại đậu” này mặc dù đã được nấu chín, một số vị Tỳkhuu cũng nghe theo Ngài Revata, không dùng loại đậu ấy. Chư Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn dạy:

- Nay các Tỳkhuu, loại đậu ấy tuy đã được nấu chín, nhưng vẫn mọc mầm sinh trưởng. Nay các Tỳkhuu, ta cho phép thọ dụng đậu ấy một cách thoải mái (sđd).

Do những sự kiện trên, Ngài Revata được các vị Tỳkhuu gọi là “Kaṅkhā Revata”.

Trưởng lão Revata sinh trưởng trong một gia tộc trưởng giả trong thành Xá-vệ (Sāvatti). Vào một buổi chiều, thanh niên Revata theo đại chúng đến Đại tự Kỳ viên để nghe pháp, sau thời pháp thoại của Đức Thế Tôn, thanh niên Revata suy nghĩ:

“Theo như lời dạy của Đức Thế Tôn, đời sống tại gia giới hạnh không được trong sáng như vỏ ốc xacừ được đánh bóng. Vậy ta hãy xuất gia sống không nhà trong Giáo đoàn này”.

Và Ngài được xuất gia thọ giới Tỳkhuu, trước khi chứng Thánh quả Alahán, tâm Ngài luôn phân vân “cái gì được phép dùng, cái gì không được phép dùng?” (*akappiyā muggā, na kappanti muggā paribhuñjitum...*).

Theo tập Apadāna, Ngài Kaṅkhā Revata sinh trong gia tộc Sátđếly trong thành Koliya, và Ngài nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp ở thành Catỳlavê⁽⁴⁾.

Ngài tinh tấn thực hành thiền định và chứng Thánh quả Alahán. Ngài được Đức Thế Tôn tuyên bố:

Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ jhāyīnaṃ yadidaṃ kaṅkhā Revato:

“Này các Tỳkhuu, trong số những Tỳkhuu thường an trú trong thiền, tối thắng là Kaṅkhā Revata”⁽⁵⁾.

Khi Đức Thế Tôn an trú ở Đại tự Kỳ viên do trưởng giả Cấpcôđộc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, bấy giờ Ngài Kaṅkhā Revata ngồi không xa Đức Thế Tôn, với tư thế “tréo chân”, lưng thẳng, tự mình quán xét sự thanh tịnh do vượt qua được sự nghi ngờ. Hiểu được ý nghĩa này, Đức Thế Tôn hoan hỷ nói lên “Cảm hứng ngữ”:

Yā kāci kaṅkhā idha vā huraṃ vā,

Sakavediyā vā paravediyā vā;

Ye jhāyino tā pajahanti sabbā,

Ātāpino brahmacariyaṃ carantā’ti.

“Phàm những nghi hoặc gì; đời này hay đời sau.

(1)- ThagA. i, 555.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm II, số 48.

(3)- Không rõ là loại đậu gì? Ngài Buddhaghosa giải thích: “*Chúng được phép, vì đã được nấu chín*”. Theo mạch văn thì: Loại đậu này dù được nấu chín, nhưng chúng vẫn mọc mầm sinh trưởng được.

(4)- ĐĐ Indacando (d). Th1nh nhân Ký sự. Ký sự trưởng lão Kaṅkhārevata.

(5)- A.i, 24. Phẩm “Người tối thắng”.

*Tự mình chưa cảm thọ; hay người khác cảm thọ.
Người hành thiền từ bỏ; hoàn toàn tất cả chúng.
Nhiệt tâm hành Phạm hạnh⁽¹⁾ (HT. TMC dịch).*

Ngài thường được kể chung với một số đệ tử xuất sắc như Tôn giả Anurudha, Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila, Tôn giả Bhagu, Tôn giả Kuṇḍadhāna, Tôn giả Ānanda cùng một số thiện gia nam tử ...

Trong lần thuyết kinh Naḷakapāna, Tôn giả Revata được đề cập trong bài kinh này là chỉ cho Tôn giả Kaṅkhā Revata.

Kinh này có tên là Naḷakapāna vì được thuyết ở làng Naḷakapāna, trong rừng cây Palāsa thuộc quốc độ Kosala.

Làng được đặt tên là Naḷakapāna vì có hồ lớn mang tên là Naḷakapāna-pokkharani⁽²⁾, như được nói đến trong Bốn sự Naḷāpana. Gần làng có hai khu rừng là Ketakavana và Palāsavana.

Trong kinh Naḷakapāna⁽³⁾, Đức Thế Tôn hỏi các Tôn giả Anuruddha (Analuật), Nandiya, Kimbila ... rằng "các vị có hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh không?".

Tôn giả Anuruddha đáp: "Chúng con rất hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh".

Đức Thế Tôn khen ngợi các vị ấy, rồi Ngài tiếp tục thuyết về các ô nhiễm (āsava) mà Ngài đã đoạn tận và lợi lạc mà chư đệ tử đạt được.

Khi nói về tái sinh của tứ chúng, Đức Thế Tôn không vì mục đích lường gạt, nịnh hót, được lợi lộc, được trọng vọng, mà chỉ muốn người nghe được an lạc lâu dài.

Khi Ngài tuyên bố vị tỳkhuru có giới hạnh như vậy, trí tuệ như vậy và đã an trú chánh trí, Thiện nam tử nhớ đến những điều ấy để chú tâm trên như thật và được an lạc lâu đời.

Trong kinh Mahāgosinga (Đại kinh Rừng sừng bò), ghi nhận cuộc đàm luận giữa Tôn giả Xá Lợi phất cùng các Tôn giả Mahā Moggallāna, Tôn giả Mahā Kassapa, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Revata (là Tôn giả Kaṅkhā Revata) và Tôn giả Ānanda.

Vào một đêm trăng sáng ở giữa rừng cây sala Gosinga, những cây sala đang trổ hoa. Các Tôn giả danh tiếng của Đức Thế Tôn đi đến chỗ ngụ của Tôn giả Xá Lợi phất, Tôn giả Xá Lợi phất hỏi các Tôn giả ấy về quan điểm riêng của mỗi người về "vị Tỳkhuru lý tưởng trong Giáo pháp này", qua câu hỏi đầy ý vị rằng:

"Hạng Tỳkhuru nào có thể làm chói sáng khu rừng Gosinga?"

Tôn giả Ānanda đáp: Hạng Tỳkhuru đa văn.

Tôn giả Revata đáp: Hạng Tỳkhuru độc cư thiền định⁴.

Tôn giả Anuruddha (Analuật) đáp: Hạng Tỳkhuru có thiên nhãn.

Tôn giả Mahā Kassapa đáp; Hạng Tỳkhuru hạnh *đầu đũa* (dhutaṅga).

Tôn giả Muckiēnliēn đáp: Hạng Tỳkhuru giỏi Thăng pháp (abhidhamma).

Rồi các Tôn giả hỏi lại quan điểm của Tôn giả Xá Lợi phất về "hạng Tỳkhuru lý tưởng trong Giáo pháp này", Tôn giả Xá Lợi phất đáp:

"Hạng Tỳkhuru có khả năng điều phục tâm".

Chư vị đến bạch Phật về cuộc luận đàm này, Đức Thế Tôn khen chư vị đều khéo nói theo đúng sở hành của mình. Và Đức Thế Tôn dạy thêm rằng:

- Ở đây, này Xá Lợi phất, vị Tỳkhuru sau khi thọ thực vào buổi trưa, ngồi "kiết già" lưng thẳng, đặt niêm trước mặt và nghĩ rằng: "Ta sẽ không từ bỏ tư thế ấy, cho đến khi tâm ta được khéo giải thoát các ô nhiễm". Hạng Tỳkhuru này có thể làm chói sáng khu rừng Gosinga⁽⁵⁾.

***Rừng Sừng bò** (Gosiṅgavana).

Đây là khu rừng Sāla, có hình dạng như "sừng bò", nên được gọi là "rừng Sừng bò" (Gosiṅgavana), rừng này nằm trong kinh thành Vesāli (Vê xá).

Trong rừng có Giảng đường Gosinga (Gosiṅgasālanadāya), từ Giảng đường này có con đường rừng dẫn đến làng Nādika (hay Nāḍika).

Một thời các Tôn giả Anuruddha, Nandiya và Kimbila trú tại rừng Sừng bò, khi nhóm Tỳkhuru ở Kosambi (Kiēuthūṅgi) gây sự rạn nứt trong Tăng đoàn, không nghe lời Đức Thế Tôn hòa giải.

Đức Thế Tôn đi từ Giṅjakāvasatha ở làng Nādika, đến thăm ba vị Tôn giả, và Đức Thế Tôn thuyết lên "Tiểu kinh Sừng bò" (Cūḷagosiṅgasutta)⁽⁶⁾.

(1)- Ud.v. 7. Kinh Kaṅkhārevata (Kaṅkhārevatasuttaṃ)

(2)- MA.ii, 664.

(3)- M.ii, kinh số 68.

(4)- Không phải là "hạnh ở rừng". Hạnh "ở rừng" là của Ngài Khadiravaniya Revata.

(5)- M.i, Mahāgosiṅgasutta (Đại kinh Rừng sừng bò), kinh số 32.

(6)- M.i, kinh số 31.

Giñjakāvasattha là “ngôi nhà bằng gạch” ở trong làng Nāḍika, Đức Thế Tôn khi du hành đến làng Nāḍika, Ngài thường trú ngụ nơi “ngôi nhà bằng gạch” này.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích⁽¹⁾: Đức Thế Tôn du hành đến xứ Vajjī, Ngài đi đến làng Nāḍikā lần đầu tiên.

Dân làng Nāḍikā đã sùng kính Đức Thế Tôn, xây dựng một “ngôi nhà bằng gạch” (*giñjakā*) cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng, nên ngôi nhà được gọi là “*Giñjakāvasattha*”, về sau có xây thêm nhiều liêu thất cho các Tỳkhuu.

Nhà bằng gạch là một kiến trúc đặc biệt thời bấy giờ, vì hầu hết các nhà thời ấy được cất bằng gỗ. “*Nhà bằng gạch này*” không chỉ là trú xứ của Phật mà còn là chỗ an trú của nhiều tu sĩ thuộc các môn phái khác, như Du sĩ Sabhiya Kaccāna⁽²⁾. Có thể đó là nơi nghỉ của lữ khách.

Tại *Giñjakāvasattha*, Đức Phật thuyết các bài kinh như: *Janavasabha Sutta*⁽³⁾, nhiều kinh nói về “niệm sự chết”(marāṇasati)⁽⁴⁾ ...

Đức Phật còn thuyết nhiều kinh khác cho Trưởng lão Sandha, Đức Thế Tôn dạy Trưởng lão Sandha tu thiền như “con ngựa thuần thục”⁽⁵⁾, dạy trưởng lão Saddha Kaccāyana về: “Do duyên giới tưởng sinh khởi, kiến sinh khởi, tầm sinh khởi”⁽⁶⁾.

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ ở Kūṭāgārasāla (Giảng đường có nóc nhọn) trong khu Đại lâm (Mahāvana) ở thành Vesālī (Vệ xá). Những vương tử danh tiếng người Licchavī đến viếng Đức Thế Tôn, họ gây ồn ào náo động, khiến một số trưởng lão danh tiếng như Ngài Cāla, Upacāla (cháu trai của Đức Xá lợi phất), Ngài Kakkata, Kalimbha, Nikata, và Kaṭṭissaha bị quấy rầy, các Ngài rời khỏi “*Giảng đường có mái nhọn*”, đi đến rừng Sùng bò trú ẩn, sau khi nói rằng:

- Thế Tôn có dạy: “*Tiếng ồn là cây gai của thiền*”. Vậy chúng ta hãy đi đến Gosiṅga khu rừng cây Sāla. Tại đây chúng ta có thể sống an ổn, không ồn ào, không chen chúc.

Đức Thế Tôn khen ngợi các vị Tôn giả ấy, nhân đó Đức Thế Tôn giảng về “10 loại *gai*”:

- 1- Với người ưa thích viễn ly, thân cận hội chúng là *cây gai*.
- 2- Với người tu tập tướng không trong sạch, thích thú tướng trong sạch là *cây gai*.
- 3- Với người gìn giữ các cửa⁽⁷⁾, đi xem ca múa, nhạc kịch là *cây gai*.
- 4- Với người sống Phạm hạnh, thân cận nữ nhân là *cây gai*.
- 5- Với người chứng Sơ thiền, tiếng ồn là *cây gai*.
- 6- Với người chứng Nhị thiền, tâm - tứ (vitakkavicāra) là *cây gai*.
- 7- Với người chứng Tam thiền, hỷ (pīti) là *cây gai*.
- 8- Với người chứng Tứ thiền, hơi thở vô hơi thở ra là *cây gai*.
- 9- Với người chứng Diệt thọ tưởng định, thọ-tướng là *cây gai*.
- 10- Tham, sân, si là *cây gai*⁽⁸⁾.

***Làng Nāḍika (hay Nāṭika).**

Địa danh này nằm trên đường giữa Kotigāma và Vesālī trong xứ Vajjī (Bạt kỳ).

Lần sau cùng Đức Thế Tôn đến Nāṭikā là trên đường đi đến Kusināra, bấy giờ Đức Ānanda có bạch hỏi Phật về cảnh giới tái sinh của một số đông dân Nāḍikā sùng đạo và là đệ tử trung kiên của Đức Phật, như Tỳkhuu Sālha, Tỳkhuu ni Nandā, cư sĩ Sudatta, nữ cư sĩ Sujātā, cư sĩ Kakudha, cư sĩ Kālīṅga, cư sĩ Nikata, cư sĩ Tuṭṭha, cư sĩ Santuṭṭha, cư sĩ Bhadda và cư sĩ Subhadda.

Đức Thế Tôn giải thích “cảnh giới tái sinh” của các vị ấy, ngoại trừ Trưởng lão Sālha viên tịch. Đức Thế Tôn dạy: “Hơn chín mươi phần trăm dân chúng Nāḍikā đắc quả Nhất lai (sakadāgāmi) và hơn 500 người đắc quả Dự lưu (sotāpanna)”⁽⁹⁾.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên “pháp kính” để các vị hành đệ tử tự soi rọi, nếu muốn vị ấy có thể tự tuyên bố “tôi là bậc Dự lưu”.

Pháp kính ấy gồm bốn chi phần là:

- Niềm tin bất động nơi Bậc đạo sư.
- Niềm tin bất động nơi Giáo pháp.
- Niềm tin bất động nơi Đức Tăng.

(1)- MA. i. 424.

(2)- S. iv. 401.

(3)- D. ii. 200.

(4)- A. iii. 303; A.iii, 306; A.iii, 391; A. iv. 320.

(5)- A. v. 322

(6)- S. ii. 153; xem thêm S. ii. 74; S. iv. 90.

(7)- Là : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

(8)- A.v, 133.

(9)- D.ii, kinh Đại viên tịch (Mahāparinibbāna sutta).

- Giới hạnh được hoàn toàn viên mãn trong sạch (sđd).

Rất nhiều bài kinh được Đức Thế Tôn giảng thuyết ở làng Nātikā, như: *Janavasabha Sutta*⁽¹⁾, trong Tương ưng bộ kinh (Saṃyutta nikāya) và Tăng chi bộ kinh (Aṅguttara nikāya) còn ghi lại nhiều kinh được Phật thuyết tại Nātika⁽²⁾.

Cũng tại làng Nādika, Tôn giả Sabhiya Kaccāna có cuộc đàm luận với du sĩ Vaccagotta và được du sĩ Vaccagotta tán thán⁽³⁾.

Trong kinh điển có hai từ: Nātika và Nādika. Trong Sớ giải Kinh Tương ưng, Ngài Buddhaghosa giải thích: "*Nātiketi dvinnam nātakānam gāme*."⁽⁴⁾, còn trong Sớ giải kinh Trường bộ, thì Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: "*Nādikā ti etaṃ talākam nissāya dvinnam cullapitumahāpituputtānam dve gāmā. Nādike ti ekasmiṃ nātigāme*."⁽⁵⁾

Sự giải thích hai từ này hình như nhận cả hai chữ, chứ không phải viết nhầm.

Nātika là tên làng (nātigāma), cũng là một ngôi làng Nādika vì gần ao Nādika. Trong bản Sớ giải kinh Trung bộ có khẳng định rằng: Tên của ao nước cũng là Nādikā (*Nādike vihrati ti Nādiki nāma eka*)⁽⁶⁾.

Bà Rhys Davids cho rằng: *Nādikā* (viết với số nhiều) là chỉ cho "bộ tộc chung", còn *Nādika* (viết với số ít) là chỉ "một bộ tộc riêng trong bộ tộc chung"⁽⁷⁾.

Ông Woodward chỉ đồng ý có chữ Nādika và nghĩ rằng Nādika liên quan đến *nadī* (sông), ông dẫn chứng trong Walters Chwang (ii. 86) nói về Nātaka nằm trên sông Hằng giữa Vesāli và Patna⁽⁸⁾.

Tiền sự của Đức Kaṅkhārevata.

Vào thời Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân của Ngài là một Bàlamôn ở thành Hamsavatī, rất thông thạo ba tạng Veda (Vêđà).

Một hôm nghe Phật tuyên bố một đệ tử của Ngài là đệ nhứt về thiền, Bàlamôn mong ước địa vị này trong thời Đức Chánh giác vị lai.

Bàlamôn ấy cúng dường đến Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) cùng Tăng chúng trọn 7 ngày, rồi ước nguyện địa vị trên⁽⁹⁾.

Trưởng lão Kaṅkhā Revata vẫn còn sống thêm một thời gian dài sau khi Đức Thế Tôn viên tịch.

Tương truyền, sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, cuộc Kết tập Phật ngôn lần I kết thúc, Trưởng lão Mahā Kaccāna cùng 12 vị Trưởng lão trú ngụ trong khu rừng cách thành Kosambi (Kiêuthường di) không xa lắm.

Bấy giờ viên đại thần trong coi thành Kosambi mệnh chung, vua Udena cử con của vị Đại thần quá cố là Uttara vào chức vụ "trong coi thành Kosambi".

Một hôm, thanh niên Uttara cùng tùy tùng đi vào rừng tìm gỗ tốt để chỉnh trang lại thành phố Kosambi (Kiêuthường di), thanh niên Uttara nhìn thấy Trưởng lão Mahā Kaccāna đang thiền tịnh trong rừng, trên người đắp chiếc y "cũ rách", thanh niên Uttara phát sinh niềm tin, đi đến đánh lễ Trưởng lão Mahā Kaccāna, rồi ngồi xuống một bên hợp lễ.

Trưởng lão Mahā Kaccāna thuyết lên pháp thoại, an trú thanh niên Uttara "nương nhờ Tam bảo", thanh niên Uttara thỉnh Trưởng lão Mahā Kaccāna cùng 12 vị Tỳkhuu tùy tùng của Ngài, thọ thực vào ngày mai tại tư dinh của mình.

Sau đó, thanh niên Uttara nghe được pháp thoại của Đức Mahā Kaccāna, chứng đạt Thánh quả Dự lưu.

Từ đó thanh niên thường xuyên thỉnh chư Tăng có Đức Mahā Kaccāna đến tư dinh để cúng dường, rồi thanh niên Uttara xây dựng một tự viện cúng dường đến Tăng chúng có Đức Mahā Kaccāna là vị Thượng thủ, trong cuộc lễ khánh thành tự viện, thanh niên Uttara tổ chức lễ trọng thể, cúng dường vật thực thượng vị đến các vị Tỳkhuu.

Mẹ Uttara thấy con mình hao tổn quá nhiều tài sản, tâm bòn xén nổi lên, bà không hoan hỷ với phước báu của thanh niên Uttara. Tuy nhiên khi thấy tự viện được trang hoàng xinh đẹp, bà hoan hỷ hùn phước vào sự trang điểm ấy bằng những chiếc lông công xinh đẹp.

(1)- D.ii.200

(2)- S. iv. 90; A. iii. 303; A.iii, 306 ; A. iv. 316 và A.iv, 320.

(3)- S.iv,401.

(4)- SA. ii. 56.

(5)- DA. ii. 543.

(6)- MA.ii, 424.

(7)- Dial. ii. 97, n. 1.

(8)- GS. iii. 217, n. 4.

(9)- Ap. ii. 419.

Khi nhìn thấy chư Tăng được cúng dường những vật thực thượng vị, tâm “tiếc của” của bà nổi lên, bà đã nguyện rủa rằng:

“Mong rằng những vật thực mà con ta đã dâng đến các người, chúng hãy biến thành máu đi”.

Chẳng bao lâu sau, bà mệnh chung, tái sinh vào cảnh giới nạ quý (peta), do hùn phước vào việc trang hoàng tự viện bằng những chiếc lông công, nên nữ nạ quý (ma đói) có mái tóc đen dài mượt mịn. Nữ nạ quý này được gọi là Uttaramātu.

Nữ nạ quý “mẹ Utta” khi xuống sông Hằng tắm, có ý muốn uống nước thì nước sông biến thành máu đỏ. Suốt cả 55 năm lang thang đây đó, nữ nạ quý “mẹ Uttara” luôn chịu đói khát.

Thế rồi, một hôm nữ nạ quý nhìn thấy Đức Kaṅkhā Revata đang ngồi nghỉ trưa cạnh sông Hằng, nữ nạ quý lấy tóc quấn quanh thân mình, đến cầu xin Ngài tế độ.

Khi hiểu được ác nghiệp của nữ nạ quý, Đức Kaṅkhā Revata đi khất thực, nhân danh “nữ nạ quý” cúng dường nước, vật thực đến các Tỳkhuu.

Ngài Kaṅkhā Revata giặt sạch những “y cũ rách”, làm thành những tấm thảm chùi chân hay lót nền tự viện, rồi nhân danh “nữ nạ quý” cúng dường đến chư Tăng.

Nhận được những phước lành này, nữ nạ quý Uttaramātu (mẹ Uttara) được tái sinh về thiên giới, là một thiên nữ⁽¹⁾ (câu chuyện này được đưa vào lần Kết tập Phật ngôn II).

4- Trưởng lão ni Cālā.

Bà là em gái của Đức Xá lợi phất, bà có hai người em gái khác là Upacālā và Sīsupacālā (chưa xác định rõ thứ bậc trong gia tộc giữa ba bà với hai Tôn giả Upasena và Mahā Cunda).

Bà nghe Đức Xá lợi phất xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, ba bà suy nghĩ rằng:

-Với sự thông minh tốt bậc của anh trai ta, nhưng anh trai ta quy ngưỡng Giáo pháp này, thì Giáo pháp này không phải tầm thường.

Khi Ni đoàn được thành lập, ba bà cùng nhau lìa bỏ gia đình, xin xuất gia trong Ni đoàn. Nhờ nỗ lực hành pháp, trong thời gian ngắn ba bà thành đạt quả vị Alahán.

Sau khi xuất gia, Tỳkhuu ni Cālā cư ngụ trong rừng Andha (Andhavana), vào một hôm sau khi đi khất thực nơi thành Vương xá, thọ thực xong rồi, bà Cālā đi vào rừng Andha để thiền tịnh. Ác ma muốn khuyến dụ bà, hóa ra một người đàn ông, đi đến gần bà Cālā, gạ gẫm rằng:

Kiṃ nu tvaṃ, bhikkhuni, na rocesi'ti?

"Này Tỳkhuu ni, người không thích điều gì?"

Nghĩa là. Ác ma hỏi: "Người buồn phiền điều gì mà đi xuất gia như vậy?"

Trưởng lão ni Cālā đáp rằng:

Jātiṃ khvāhaṃ, āvuso, na rocemī'ti.

-Ta không thích sinh, này hiền giả, điều đó ta không thích.

Nghĩa là. Trưởng lão ni Cālā đáp: "Ta không thích thú với sự tái sinh, chính vì điều này ta sống đời sống không nhà".

Ác ma.

Kiṃ nu jātiṃ na rocesi, jāto kāmāni bhuñjati;

Ko nu tvaṃ idamādapayi, jātiṃ mā roca bhikkhuni'ti.

"Vì sao không thích sinh, sinh để hưởng dục lạc.

Ai dạy người điều này; này Tỳkhuu ni, đừng thích thú sự sinh?.

Cālā.

Jātassa maraṇaṃ hoti: jāto dukkhāni phussati.

Bandhaṃ vadhamaṃ parikilesaṃ, tasmā jātiṃ na roca ye.

"Nơi sinh ra là sự chết, sinh ra thấy nhiều đau khổ.

Giây trói buộc đầy nóng bức; do vậy không thích thú sinh.

Buddho dhammadesesi; jātiyā samatikkamaṃ.

Sabbadukkhappahānāya; so maṃ sacce nivesayi.

"Đức Phật giảng pháp này; thoát khỏi mọi tái sinh.

Diệt trừ tất cả khổ; giúp ta thấy rõ sự thật".

Ye ca rūpāgā sattā; ye ca arūpaṭṭhāyino.

Nirodhaṃ appajānantā, āgantāro punabbhava'nti.

"Chúng sinh hướng đến sắc; hay hướng đến vô sắc.

Nếu không biết diệt trừ; chúng đi đến tái sinh".

Và ác ma thất vọng biến mất tại chỗ⁽²⁾.

Trong tập "Kệ ngôn Trưởng lão ni" (Therīgāthā) ghi nhận chi tiết hơn, với các kệ ngôn như sau:

(1)- Tỳkhuu Siêu Minh (d). Chú giải chuyện nạ quý. Chuyện nạ quý "mẹ Uttara" (Uttaramātipetavatthuvanā)..

(2)- S.i, 132. Tương ứng Tỳkhuu ni. Kinh Cālā (Cālāsuttaṃ).

182- Saṭṭi upatṭhapetvāna bhikkhunī bhāvitindriyā.
Paṭivijjhi padamaṃ santamaṃ, saṅkhārūpasamaṃ sukhaṃ.
"Sau khi an trú niệm; Tỳkhuu ni tu tập quyền.
Hướng thông đạt con đường an tịnh; pháp hữu vi được tịnh lạc".
Ác ma.

183- Kam nu uddissa muṇḍāsi; samaṇī viya dissasi.
Na ca rocesi pāsaṇḍe; kimidaṃ carasi momuhā.
"Người vì ai đầu cạo trọc; hiện tướng nữ Samôn.
Và không thích thú ngoại giáo; ở đây, sao thực hành mê muội".
Cālā.

184- Ito bahiddhā pāsaṇḍā; diṭṭhiyo upanissitā.
Na te dhammaṃ vijānanti, na te dhammassa kovidā.
"Vì các ngoại giáo bên ngoài; thân cận nương sai lạc.
Chúng không hiểu rõ Pháp; chúng không thuần thực pháp."

185- Atthi sakyakule jāto, buddho appaṭipuggalo.
So me dhammadesesi, diṭṭhinaṃ samatikkamaṃ.
"Có sinh tộc ThíchCa; Đức Phật bậc tối thượng.
Ngài thuyết pháp đến ta; vượt thoát mọi sai lạc".

186- Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ, dukkhassa ca atikkamaṃ.
Ariyaṃ catṭhaṅgikaṃ maggaṃ, dukkhūpasamaḡāminaṃ.
"Khổ, tập khởi mọi cái khổ; và vượt qua các khổ.
Thánh đạo tám chi phần; dẫn đến diệt tận khổ".

187- Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā; vihariṃ sāsane ratā.
Tisso vijjā anuppattā; kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
"Ta nghe lời dạy của Ngài; sống vui thích với pháp.
Ba Minh ta chứng đạt; làm xong lời Phật dạy".

188- Sabbattha vihatā nandī, tamokhandho padālito.
Evaṃ jānāhi pāpima, nihato tvamasi antaka.
"Diệt trừ mọi hoan lạc (nandī); khối si ám không còn.
Kẻ ác xấu hãy biết như vậy; người bị bại trận rồi"⁽¹⁾.

Theo tập Chánh giác Tông (Buddhavaṃsa), nữ cận sự hộ trì chính của Đức Phật Sumaṅgala cũng có tên là **Cālā**⁽²⁾.

Nữ cận sự hộ trì chính của Đức Phật Phussa, cũng có tên gọi là **Cālā**⁽³⁾.

5- Trưởng lão ni Upacālā.

Bà là em gái thứ hai của Đức Xá lợi phất, bà với người chị là Cālā và người em gái là Sīsupacālā cùng xuất gia trong Ni đoàn của Đức Thế Tôn.

Tương tự như bà Cālā, khi xuất gia bà trú trong rừng Andha. Một ngày nọ, vào buổi sáng bà đi vào thành Xá vệ khất thực, sau khi thọ thực xong rồi bà đi vào rừng Andha tìm nơi thanh vắng để thiền tịnh.

Rồi ác ma muốn dụ dỗ bà, hóa thân thành một nam nhân đi đến gần bên bà, hỏi rằng:

Kattha nu tvamaṃ, bhikkhuni, uppajjitukāma'ti?

Này Tỳkhuu ni, nàng muốn tái sinh về đâu?

Upacālā.

Na khvāhaṃ, āvuso, katthaci uppajjitukāma'ti.

"Này hiền giả, ta không muốn tái sinh nơi nào cả".

Ác ma.

Tāvatiṃsā ca yāmā ca, tusitā cāpi devatā.

Nimmānaratino devā, ye devā vasavattino.

Tattha cittaṃ paṇidhehi, ratiṃ paccanubhossasī'ti.

"Cõi Ba mươi ba và cõi Dạ ma; cũng vậy với cõi Đẩu suất.

Chư thiên cõi Hóa lạc; cùng thiên nhân cõi Tha hóa tự tại.

Nàng hướng tâm đến những cõi này; hưởng an lạc nơi cõi ấy".

Upacālā.

Tāvatiṃsā ca yāmā ca, tusitā cāpi devatā.

(1)- Thig. Kệ ngôn Trưởng lão ni Cālā.

(2)- Bu.v, 28.

(3)- Bu.xix, 20; JA.i, 41.

Nimmānaratino devā, ye devā vasavattino.
 Kāmabandhanabaddhā te, enti māravasaṃ puna.
*"Cõi Ba mươi ba và cõi Dạ ma; cũng vậy với cõi Đâu suất.
 Chư thiên cõi Hóa lạc; cùng thiên nhân cõi Tha hóa tự tại.
 Người bị ái trói buộc; bị ác ma chế ngự".*
 Sabbo ādīpito loko, sabbo loko padhūpito.
 Sabbo pajjalito loko, sabbo loko pakampito.
*"Tất cả thế gian bị cháy đỏ; tất cả thế gian bị lửa đốt.
 Tất cả thế gian bị cháy sáng; tất cả thế gian bị rung động".*
 Akampitaṃ apajjalitaṃ, aputhujjanasevitaṃ.
 Agati yattha māraṣṣa, tattha me nirato mano'ti.
*"Không rung, không giao động; không dính mắc phàm phu.
 Không đến bất luận nơi nào của ác ma;
 Ý ta vui thích thế ấy".*

Và ác ma thất vọng, biến mất tại chỗ⁽¹⁾.

Trong tập "Kệ ngôn Trưởng lão ni" ghi nhận chi tiết hơn, qua các kệ ngôn của Trưởng lão ni Upacālā như sau:

189- Satimatī cakkhumatī, bhikkhunī bhāvitindriyā.
 Paṭivijjhiṃ padaṃ santaṃ, akāpurisasevitaṃ.
*"An trú niệm với mắt; Tỳkhuu ni gìn giữ quyền.
 Thế nhập đường an tịnh; thực hành theo thượng nhân".*
 Ác ma.
 190- Kim nu jātiṃ na rocesi, jāto kāmāni bhuñjati.
 Bhuñjāhi kāmaraṭṭiyo, māhu pacchānutāpinī.
*"Vì sao không thích sinh; sinh để hưởng dục lạc.
 Sinh để thọ nhận dục lạc; chớ hối tiếc về sau.
 Upacālā.*
 191- Jātassa maraṇaṃ hoti, hatthapādāna chedanam;
 Vadhabandhapariklesaṃ, jāto dukkhaṃ nigacchati.
*"Có sinh là có chết; tay chân bị đứt đoạn.
 Bị giết, trói, nhiều nóng bức; sinh dẫn đến đau khổ".*
 192- Atthi sakyakule jāto, sambuddho aparājito.
 So me dhammadesesi, jātiyā samatikkamaṃ.
*"Có sinh tộc ThíchCa; Bậc Chánh giác bất bại.
 Ngài giảng pháp đến ta; vượt thoát khỏi tái sinh".*
 193- Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ, dukkhassa ca atikkamaṃ.
 Ariyaṃ cattṭhaṅgikaṃ maggaṃ, dukkhūpasamagāminam.
*"Khổ, tập khởi khổ; về vượt khỏi khổ.
 Thánh đạo tám chi phần; dẫn đến diệt tận khổ".*
 194- Tassāhaṃ vacanaṃ sutvā, vihariṃ sāsane ratā.
 Tisso vijjā anuppattā, kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
*"Ta nghe lời dạy của Ngài; sống vui thích với pháp.
 Ba Minh ta chứng đạt; làm xong lời Phật dạy".*
 195- Sabbattha vihatā nandī, tamokhandho padālito.
 Evaṃ jānāhi pāpima, nihato tvamasi antaka.
*"Diệt trừ mọi hoan lạc (nandī); khối si ám không còn.
 Kẻ ác xấu hãy biết như vậy; người bị bại trận rồi"⁽²⁾.*

Trong tập Chánh giác tông (Buddhavaṃsa), hai nữ cận sự của Đức Phật Phussa là Cālā và Upacālā⁽³⁾, nhưng trong bản Sở giải Chánh giác Tông (Buddhavaṃsa Atthakathā) thì ghi là Sālā và Upasālā⁽⁴⁾

6- Trưởng lão ni Sīsupacālā.

Bà là em gái nối tiếp theo bà Upacālā; cũng như hai người chị, bà từ bỏ gia đình xuất gia trong Giáo pháp này cùng một lượt với hai người chị.

(1)- S.i, 133. Tương ứng Tỳkhuu ni. Kinh Upacālā (Upacālāsuttaṃ).

(2)- Thig. Kệ ngôn Trưởng lão ni Upacālā.

(3)- Buv. 194.

(4)- BuvA. xix, 20.

Tập Tương ưng Kinh ghi nhận: “Cả ba bà đều bị ác ma quyến rũ, nhưng cả ba đều chiến thắng ác ma”.

So với tập Kệ ngôn trưởng lão ni (Therīgāthā) thì kệ ngôn của bà Cālā được gán cho bà Sisūpacālā; kệ ngôn của bà Upacālā được gán cho bà Cālā; kệ ngôn của bà Sisūpacālā được gán cho bà Upacālā.

Khi xuất gia trong Ni đoàn, Trưởng lão ni Sisupacālā cư ngụ trong rừng Andha.

Một lần nọ ác ma gia dạng một nam nhân đến gần bên bà để khuyến dụ bà, ác ma hỏi: Kassa nu tvam, bhikkhuni, pāsaṇḍaṃ rocesi'ti?

"Này Tỳkhuu ni, nàng thích thú tà thuyết của ai vậy?"

Nghĩa là. Ác ma hỏi: “Này Tỳkhuu ni, nàng xuất gia do thích thú với một Giáo thuyết, giáo thuyết ấy là một tà thuyết. Vậy tà thuyết này của ai?”.

Sisupacālā.

Na khvāhaṃ, āvuso, kassaci pāsaṇḍaṃ rocemī'ti.

"Không phải vậy, này hiền giả, ta không thích thú bất luận tà thuyết nào”.

Ác ma.

Kaṃ nu uddissa muṇḍāsī, samaṇī viya dissasi;

Na ca rocesi pāsaṇḍaṃ, kimiva carasi momūhā'ti.

"Vì ai nàngạo tóc; hiện tướng nữ samôn.

Nàng không thích tà thuyết; kẻ ngu muội xuất gia với ai?"

Sisupacālā.

Ito bahiddhā pāsaṇḍā, ditthīsu pasīdanti te;

Na tesam dhammaṃ rocemī, te dhammassa akovidā.

"Những ngoại thuyết bên ngoài; những người nương tà kiến.

Ta không thích pháp của họ; ta không rành pháp của chúng”.

Atthi sakyakule jāto, buddho appaṭṭipuggalo;

Sabbābhībhū māranudo, sabbatthamaparājīto.

"Có sinh tộc ThíchCa; Đức Phật bậc tối thượng.

Thông suốt mọi trói buộc, ác xấu; Ngài chiến thắng tất cả.”

Sabbattha mutto asito, sabbam passati cakkhumā;

Sabbakammakkhayaṃ patto, vimutto upadhisaṅkhaye;

So mayham bhagavā satthā, tassa rocemī sāsana'nti.

"Cắt đứt, giải thoát tất cả; mắt thấy tất cả.

Chúng đạt diệt mọi nghiệp; giải thoát không còn trói buộc.

Đức Thế Tôn, ngài là Bậc đạo sư của ta;

Ta thích thú lời Ngài dạy⁽¹⁾.

Và ác ma thất vọng biến mất tại chỗ.

Trong Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgāthā) có ghi nhận 8 kệ ngôn của Trưởng lão ni Sisupacālā, khi bà đối thoại với ác ma như sau:

196- Bhikkhuni silasampannā, indriyesu susamvutā.

Adhigacche padaṃ santaṃ, asecanakamojayaṃ.

"Tỳkhuu ni giữ giới; khéo hộ trì các quyền.

Đạt được đạo an tịnh; nước cam lồ thuần tịnh”.

Rồi ác ma đi đến khuyến dụ bà:

197- Tāvatiṃsā ca yāmā ca, tusitā cāpi devatā.

Nimmānaratino devā, ye devā vasavattino.

Tattha cittaṃ paṇīdhehi, yattha te vusitaṃ pure.

"Chư thiên cõi Ba mươi ba; Dama và Đấnguất.

Chư thiên trời Hóa lạc; chư thiên cõi Tự tại.

Hãy hướng tâm chỗ ấy; chỗ xưa kia nàng sống”.

Nghe vậy, Trưởng lão ni Sisupacālā nói rằng:

- Này ác ma, hãy dừng lại đi. Dục giới mà người nói đến, luôn cả tất cả thế giới đều bị cháy rục bởi lửa tham, lửa sân và lửa si. Người có trí chẳng hề ưa thích các nơi ấy.

Để nêu rõ cho ác ma thấy tâm mình đã xa lìa ma giới, bà khiển trách ác ma bằng những kệ ngôn như sau.

198- Tāvatiṃsā ca yāmā ca, tusitā cāpi devatā.

(1)- S.i, 134. Tương ưng Tỳkhuu ni. Kinh Sisupacālā (Sisupacālāsuttam)

Nimmānaratino devā, ye devā vasavattino.

"*Chư thiên cõi Ba mươi ba; Dama và Đấnguất.*

Chư thiên trời Hóa lạc; chư thiên cõi Tự tại".

199- Kālaṃ kālaṃ bhavābhavaṃ, sakkāyasmim purakkhatā.

Avītivattā sakkāyaṃ, jātimaraṇasārino.

"*Thời này thời kia, hữu này hữu khác; bị thân kiến chi phối.*

Chúng không ra khỏi thân kiến; luân chuyển mãi trong sinh tử".

200- Sabbo ādīpito loko, sabbo loko padīpito.

Sabbo pajjalito loko, sabbo loko pakampito.

"*Tất cả thế gian bốc cháy; tất cả thế gian bùng cháy.*

Tất cả thế gian cháy sáng rực; tất cả thế gian đều rung chuyển".

201- Akampiyam atuliyam, aputhujjanasevitam.

Buddho dhammadesesi, tattha me nirato mano.

"*Bất động, không gì sánh bằng; vượt thoát khỏi phạm phu.*

Đức Phật giảng pháp ấy; ý ta hân hoan vui thích".

202- Tassāham vacanam sutvā, vihariṃ sāsane ratā.

Tisso vijjā anuppattā, katam buddhassa sasanam.

"*Ta nghe lời dạy ấy; sống vui thích trong Pháp.*

Ba Minh ta đạt được; lời Phật dạy làm xong".

203- Sabbattha vihatā nandī, tamokhandho padālito.

Evam jānāhi pāpima, nihato tvamasi antaka.

"*Không vui thích mọi chỗ; khỏi si ám tan vụn.*

Kẻ ác xấu, biết như thế; ác ma, người bại trận rồi"⁽¹⁾.

7- Người cậu của Đức Xá lợi phất.

Một người cậu của Đức Xá lợi phất sống trong thành Vương xá (Rājagaha). Để tế độ cậu mình, Đức Xá lợi phất đến viếng thăm người cậu, hỏi rằng:

- Này Bà lamôn, ông có làm việc thiện nào không?

- Thưa Ngài Samôn, tôi có làm việc thiện.

- Này Bà lamôn, ông làm việc thiện gì?

- Thưa Ngài Samôn, mỗi tháng tôi bỏ ra ngàn đồng vàng (kahāpaṇa) để cúng dường.

- Này Bà lamôn, ông cúng dường đến những ai?

- Thưa Ngài Samôn, đến nhóm Niganṭha (Nikiēntử).

- Này Bà lamôn, mục đích và cứu cánh của họ là gì?

- Thưa Ngài Samôn, là Phạm thiên giới.

- Này Bà lamôn, ông có biết con đường dẫn đến Phạm thiên giới không?

- Thưa Ngài Samôn, không.

- Các vị Giáo thọ sư của ông có biết con đường dẫn đến Phạm thiên giới không?

- Thưa Ngài Samôn, không?.

- Này Bà lamôn, ông không biết "con đường dẫn đến Phạm thiên giới", các Giáo thọ sư của ông cũng không biết. Vậy sao ông không đến hỏi Đức Thế Tôn về con đường dẫn đến Phạm thiên giới?

Này Bà lamôn, tôi sẽ đưa ông đến diện kiến Đức Thế Tôn để tìm hiểu "con đường dẫn đến Phạm thiên giới".

Bà lamôn suy nghĩ: "Cháu của ta rất thông minh, nay tôn Samôn Gotama là Bạc Đạo sư thì Samôn Gotama không phải tầm thường. Ta nên đến đảnh lễ Ngài và hỏi đạo". Nên ông đồng ý theo Đức Xá lợi phất đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Đức Xá lợi phất đưa Bà lamôn là người cậu của mình đến viếng Đức Thế Tôn ở Đại tự Trúc Lâm. Đức Xá lợi phất tường trình lên Đức Thế Tôn việc đối thoại trên.

Đức Thế Tôn hỏi Bà lamôn để xác nhận rằng:

- Này Bà lamôn, sự thật là như vậy phải chăng?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là như vậy.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Bà lamôn, dù người có bố thí cúng dường trọn cả trăm năm, cũng không bằng trong giây phút gặp được Thánh nhân, cung kính và cúng dường đến vị ấy.

Rồi Đức Thế Tôn giảng thuyết về "Tuần tự pháp", Ngài nói về bố thí, trì giới, mô tả những cảnh trời, nói lên nguy hại của dục lạc, sau cùng Đức Thế Tôn thuyết lên "sự ra khỏi" những ô nhiễm.

(1)- Thig. Kệ ngôn Trưởng lão ni Sisupacālā.

Khi nhận thấy tâm của Balamôn đã sẵn sàng, như mảnh vải trong sạch sẵn sàng nhuộm màu, Đức Thế Tôn nói đến "Tứ đế".

Kết thúc pháp thoại, Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

106- Māse māse sahasena; yo vajetha satam samam.

Ekañca bhāvitattānam; muhuttamapi pūjaye.

Sā yeva pūjanā seyyo; yañce vassasatam hutam.

"Tháng tháng bỏ ngàn vàng; tế tự cả trăm năm.

Chẳng bằng trong giây lát; cúng dường bậc tự tu.

Cúng dường vậy, tốt hơn; hơn trăm năm tế tự"(HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Nghe dứt kệ ngôn, Balamôn cậu của Đức Xá lợi phất chứng quả Dự Lưu.

8- Balamôn cháu của Đức Xá lợi phất.

Một người cháu họ của Đức Xá lợi phất trú ngụ trong thành Vương xá (Rājagaha), Balamôn này mỗi tháng đều giết một con thú để lấy máu tế thần lửa.

Đức Xá lợi phất đến viếng người cháu họ, nhân đó đã cảnh tỉnh người cháu, rồi đưa người cháu họ đến yết kiến Đức Thế Tôn. Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp thoại đến Balamôn, Ngài chấm dứt Pháp thoại bằng kệ ngôn:

107- Yo ca vassasatam jantu; aggim paricare vane.

Ekañca bhāvitattānam; muhittamapi pūjaye.

Sā yeva pūjanā seyyo; yañce vassasatam hutam.

"Dầu trái một trăm năm; thờ lửa tại rừng sâu.

Chẳng bằng trong giây lát; cúng dường bậc tự tu.

Cúng dường vậy tốt hơn; Hơn trăm năm tế tự"(HT.TMC dịch).

Cuối thời pháp, Balamôn cháu của Đức Xá lợi phất chứng Thánh quả Dự Lưu⁽²⁾.

Tương tự với người Balamôn cháu của Đức Xá lợi phất, một Balamôn là bạn của Đức Xá lợi phất khi trước, Balamôn này thường hay bỏ tài sản để cúng tế thần lửa.

Đức Xá lợi phất đến viếng thăm, rồi đưa Balamôn này đến yết kiến Đức Thế Tôn. Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn như sau:

108- Yañkiñci yitthañca hutañca loke;

Samvaccharam vajetha puññapekkho.

Sabbampi tam na catubhāgameti;

Abhivādanā ujjugatesu seyyo.

"Suốt năm cúng tế vật;

Để cầu phước ở đời.

Không bằng một phần tư;

Kính lễ bậc chánh trực"(HT. TMC dịch)⁽³⁾.

9- Uparevata.

Là cháu họ của Đức Xá lợi phất, khi Đức Xá lợi phất trở về làng Nālāka lần cuối cùng để viên tịch. Ngài đi đến đầu làng, ngồi dưới tàn cây cổ thụ.

Cậu bé Revata đi ra khỏi làng vì có việc cần phải làm, nhìn thấy Đức Xá lợi phất đang ngồi dưới tàn cây cổ thụ, cậu bé Uparevata đi đến đánh lễ Đức Xá lợi phất.

Đức Xá lợi phất dạy Uparevata về thông báo cho bà Sāri biết : " Chú Upatissa đã về", và yêu cầu dọn 500 phòng nghỉ cho 500 vị Tỳ khưu tùy tùng⁽⁴⁾.

***Uparevata khác.**

Uparevata là tên của vị sati, con của Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa).

Tuy còn nhỏ tuổi nhưng Ngài Uparevata đăc nhiều loại thần thông, khiến Long vương Paṭhavindhara⁽⁵⁾ rất thán phục, long vương mong muốn mình trở thành "con của Đức Phật Chánh giác trong tương lai", nên cúng dường đến Đức Thế Tôn Padumuttara cùng tăng chúng, rồi phát nguyện "được thành tựu là con trai của Đức Chánh giác tương lai" (chính là tiền thân của Ngài Rahula)⁽⁶⁾.

Nhưng theo Chánh giác tông (Buddhavaṃsa) thì con của Đức Phật Padumuttara là Ngài Uttara⁽⁷⁾.

(1)- DhpA. Câu số 106.

(2)- DhpA. Câu số 107.

(3)- DhpA. Câu số 108.

(4)- DA.ii, 551; SA.iii, 175.

(5)- .i, 142.

(6)- SnA.i, 340; MA.ii, 722.

(7)- Buv. xi, 21.

F- Kinh điển từ Đức Xá lợi phất.

Đức Xá lợi phất thuyết giảng rất nhiều bài kinh, xin được nêu ra như sau:

1- Trường Bộ kinh (Dīghanikāya).

Có ba bài kinh được tìm thấy là:

a- Kinh Tự Hoan hỷ (Sampasādanīyasutta)⁽¹⁾.

Tóm lược nội dung.

Tại làng Nālanda trong vườn xoài của trưởng giả Pāvārika (Pāvārika-ambavana), của xứ Makiệtđà (Magadha), Đức Xá lợi phất bạch với Đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở vị lai, hay ngay trong hiện tại này, không thể có một Samôn, Bàlamôn cao hơn (bhiyyo) Đức Thế Tôn, sáng suốt hơn Đức Thế Tôn

- Theo con nghĩ: "Trong quá khứ, vị lai cũng như trong hiện tại không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ".

Đức Thế Tôn rầy Đức Xá lợi phất là "đại ngôn (ulārā)", rồi hỏi rằng:

- Có phải với tâm mình, người biết được tâm của tất cả chư Chánh giác quá khứ, biết được giới các vị Chánh giác là như vậy (evam-sīla te Bhagavanto), pháp là như vậy ... an trú là như vậy ... tuệ là như vậy ... giải thoát là như vậy?

- Có phải với tâm mình, người biết được tâm của tất cả chư Chánh giác vị lai ...

- Hay trong hiện tại, với tâm mình, người biết được tâm của Thế Tôn, giới của Thế Tôn là như vậy, pháp là như vậy ... an trú là như vậy ... tuệ là như vậy ... giải thoát là như vậy?"

Trả lời Đức Thế Tôn, Ngài Xá lợi phất thưa nhận: "Ngài không biết rõ ràng về giới, pháp, an trú, trí, giải thoát của chư Chánh giác quá khứ, chư Chánh giác vị lai hay Đức Thế Tôn trong hiện tại.

Nhưng nhờ biết truyền thống của chánh pháp, Ngài có thể suy ra các hạnh của chư Phật quá khứ và vị lai. Ví như thành trì kiên cố, chỉ có một cổng vào, người giữ thành thông minh, giàu kinh nghiệm chỉ cho những người quen biết vào thành, ngăn chặn người lạ. Người giữ thành đi tuần tra có thể không thấy hết tất cả các mối nối và khe hở nhỏ của các tường thành đủ để con mèo nhỏ đi vào; nhưng người giữ thành chỉ cần biết "các sinh vật to lớn" muốn vào ra cửa thành phải qua cổng thành.

Cũng vậy, tất cả chư Chánh giác quá khứ, vị lai hay Đức Thế Tôn hiện tại đều diệt trừ "năm pháp chướng ngại" (pañca nīvaraṇa), khéo an trú tâm vào "bốn niệm xứ", tu tiến "7 giác chi", chứng đạt Vô thượng Chánh giác".

Tiếp theo, Đức Xá lợi phất kể các pháp mà Đức Phật thuyết giảng:

*Pháp sau cao thượng hơn pháp trước, pháp đen và pháp trắng đối chiếu nhau phân minh, nên một pháp được hiểu rõ ràng trọn vẹn. Pháp được Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng được thành lập tốt đẹp.

*Các thiện pháp cao thượng là: 4 Niệm xứ, 4 Chánh cần, 4 Như ý, 5 Quyền, 5 Lực, 7 Giác chi, Thánh đạo 8 chi phần.

* Sáu ngoại xứ, 6 nội xứ.

*Bốn loại nhập thai là:

- *Không biết cả ba thời*: Nhập thai bào, trú trong thai bào, ra khỏi thai bào⁽²⁾.

- *Nhập thai bào biết*, nhưng trú trong thai bào và ra khỏi thai bào thì không biết⁽³⁾.

- *Nhập và trú trong thai bào biết*, nhưng ra khỏi thai bào thì không biết⁽⁴⁾.

- *Biết cả ba thời*: Nhập thai bào, trú trong thai bào và ra khỏi thai bào⁽⁵⁾.

*Bốn cách biết tâm (cetasso).

- Biết do kẻ ấy tự tỏ lộ bằng hình tướng.

- Biết do được thiên nhân, phi nhân mách bảo.

- Sau khi nghe tiếng, suy gẫm biết được tâm người ấy.

- Biết được do năng lực thiên định (tha tâm minh).

*Bốn cách "thấy do chứng đạt định" (dassanasamāpatti).

- An trú trong định, thấy được 32 thể trước là: Tóc, lông, móng".

(1)- D.iii. Kinh số 28.

(2)- Chỉ cho chúng sinh thường tình hay Bôtát thường.

(3)- Chỉ cho Bôtát Đại đệ tử kiếp chót.

(4)- Chỉ cho Bôtát hượng thủ tinh văn và Bôtát Độc giác kiếp chót.

(5)- Chỉ cho Bôtát Chánh giác kiếp chót.

- An trú trong định thấy được từ bàn chân đến đỉnh tóc như túi da, bên trong chứa đầy những vật nhơ bẩn khác biệt, như Tóc, lông ...).

- An trú trong định, thấy được quá khứ và vị lai.

- An trú trong định, thấy giòng tâm không gián đoạn không an trú trong đời này lẫn đời sau.

*Bảy bậc Thánh nhân.

1'- *Bậc Lưỡng biên giải thoát* (ubhatobhāgavimutta) (giải thoát hai phần: Hiệp thế lẫn Siêu thế). Là bậc Alahán chứng đạt thiên Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

2'- *Bậc Tuệ giải thoát* (Paññāvimutta). Là bậc Alahán không chứng đạt thiên hiệp thế.

3'- *Bậc Thân chứng* (Kāyasakkhī). Là bậc Thánh Hữu học có định quyền mạnh, diệt trừ một số ô nhiễm.

4'- *Bậc Kiến đặc* (Ditṭhipata). Là bậc Thánh hữu học có tuệ quyền mạnh, diệt trừ một số ô nhiễm, nhưng không chứng được thiên hiệp thế.

5'- *Bậc Tín giải* (saddhāvimutta). Là bậc Thánh hữu học có tín quyền mạnh, diệt trừ một số ô nhiễm, nhưng không chứng thiên hiệp thế.

6'- *Bậc Tùy pháp hành* (Dhammānussārī). Là bậc Thánh **Dự lưu đạo** với tuệ làm trưởng. Khi tâm Dự lưu quả xuất hiện trở thành bậc Kiến đặc.

7'- *Bậc Tùy tín hành* (Saddhānussārī). Là bậc Thánh **Dự lưu đạo** với tín là trưởng. Khi tâm Dự lưu quả xuất hiện trở thành bậc Tín giải.

*Vấn đề tinh cần với 7 giác chi.

* Bốn cách thực hành pháp có kết quả.

- Thực hành khó khăn, chứng quả chậm.

- Thực hành khó khăn, chứng quả nhanh.

- Thực hành dễ dàng, chứng quả chậm.

- Thực hành dễ dàng, chứng quả nhanh chóng.

*Giới hạnh.

*Bốn sự biết qua suy nghiệm pháp (anussāsana-vidhā).

- Người này đã diệt trừ ba giây trói buộc là "Thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ" (chỉ cho bậc Dự lưu).

- Người này đã diệt trừ 3 giây trói buộc, làm giảm nhẹ 2 giây trói buộc: Tham dục và sân (chỉ cho bậc Nhất lai).

- Người này đã diệt trừ 5 giây trói buộc bậc thấp (chỉ cho bậc Bất lai).

- Người này đã diệt trừ tất cả ô nhiễm (chỉ bậc Thánh Alahán).

*Ba thường trú luận.

- Phàm nhân chứng đắc Túc mạng minh (chưa đến 1 kiếp trái đất), đi đến kết luận "bản ngã và thể giới thường hằng".

- Phàm nhân chứng đắc Túc mạng minh (từ 1-10 kiếp trái đất), đi đến kết luận "bản ngã và thể giới thường hằng".

- Phàm nhân chứng đắc Túc mạng minh (đến 40 kiếp trái đất), đi đến kết luận "bản ngã và thể giới thường hằng".

*Về Túc mạng trí.

* Về Sinh tử trí.

*Hai loại Thần thông.

- Thần thông "không phải bậc Thánh". Như đi xuyên qua đất, một thân hiện thành nhiều thân

...

- Thần thông "bậc Thánh".

a- *Đối với vật đối nghịch*. Nếu muốn, vị ấy an trú trong "tưởng không đối nghịch".

b- *Đối với vật không đối nghịch*. Nếu muốn, vị ấy an trú trong "tưởng đối nghịch".

c- Đối với sự vật đối nghịch và không đối nghịch. Nếu muốn, vị ấy an trú trong "tưởng không đối nghịch"; hay là an trú trong "tưởng đối nghịch"; hoặc an trú trong "xả, niệm, tỉnh giác".

Và Đức Xá lợi phất tán thán rằng: Tất cả điểm này Đức Thế Tôn đã biết, ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa, và không có một ai khác có thể chứng biết hơn Đức Thế Tôn.

Đức Phật tán thán Ngài Xá lợi phất đã trả lời thuận pháp và đúng pháp.

Ngài Mahā Udāyī có mặt lúc bấy giờ bạch rằng: Đức Thế Tôn có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ. Ngoại giáo chỉ cần đạt được một pháp đã giống trống rao truyền khắp nơi rồi.

Kinh được kết thúc bằng lời dạy của Đức Thế Tôn:

-“Này Xá lợi phất, phải luôn luôn thuyết pháp phân biệt này cho mọi người nghe, để diệt trừ nghi ngờ của họ đối với Như Lai”.

b- Kinh Phúng Tụng (Saṅgīti sutta).

Dân chúng xứ Malla ở Pāvā vừa xây xong hội trường Ubbhataka, thỉnh Phật đến an trú để họ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Tại đây Đức Thế Tôn giảng pháp đến khuya, thấy hội chúng còn muốn nghe pháp, Đức Thế Tôn dạy Ngài Xá lợi phất thuyết pháp để Đức Thế Tôn nằm nghỉ lưng.

Lúc bấy giờ, Tôn chủ Nigaṇṭha Nātaputta vừa mới từ trần ở tháp Pāvā trong xứ Malla. Sau khi Tôn chủ Nigaṇṭha Nātaputta mệnh chung, môn đệ của vị ấy chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, đã kích nhau với binh khí bằng miệng lưỡi: “Người không biết pháp này, ta biết pháp này”; “người theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh”; “điều đáng nói trước, người lại nói sau; điều đáng nói sau, người lại nói trước ...”.

Chính vì lý do này, để ngăn chặn sự tranh chấp, đã kích nhau giữa các Tỳkhuu sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, Đức Xá lợi phất hệ thống lại lời dạy của Đức Thế Tôn, để cùng nhau tụng đọc không có tranh luận, để phạm hạnh được trường tồn, được duy trì lâu ngày. Pháp được hệ thống từ “pháp một chi đến pháp 10 chi”, và bài kinh này được gọi là Saṅgīti (Phúng tụng)⁽¹⁾.

Sau khi pháp thoại chấm dứt, Phật tán thán Tôn giả khéo giảng, khéo tụng kinh này.

Các Tỳkhuu phái Hữu bộ (Sarvāstivāda) rất quý và xếp kinh này với tên *Saṅgītipariyāya*, là một trong 7 trong của Tạng Abhidhamma (Thắng pháp).

Các Tỳkhuu Tây Tạng thuộc phái “xét lại” nói kinh này là của Trưởng lão Mahā Kottṭhika⁽²⁾. Kinh đề cập đến 10 pháp như *Puggalapaññati* đề cập đến 10 hạng người.

***Kinh thành Pāvā.**

Vương quốc Malla có hai kinh đô tự trị, đó là kinh thành Pāvā và kinh thành Kusinārā, người ở Pāvā được gọi là Pāveyyakā-Mallā và người ở Kusinārā là Kosinārakā-Mallā.

Lần cuối cùng Đức Thế Tôn đến kinh thành Pāvā, rồi Ngài đi đến kinh thành Kusinārā để viên tịch. Những lần du hành đến Pāvā, Đức Thế Tôn thường trú trong vườn xoài của thợ rèn Cunda.

Kinh thành Pāvā là một trung tâm hoạt động mạnh của các Nigaṇṭha, khi Tôn chủ Nigaṇṭha Nātaputta từ trần, môn đệ chia thành hai phái đã kích lẫn nhau.

Đức Mahā Cunda biết được sự kiện này khi an cư mùa mưa ở làng Sāmā, khi mãn mùa an cư, Ngài Mahā Cunda đi đến đánh lễ Đức Ānanda ở làng Sāmā trong vườn xoài của một gia đình Thíchca (Sakka) tên là Vedhaññā, trình lên Đức Ānanda việc “môn đệ của Tôn chủ Nigaṇṭha Nātaputta chia rẽ”, Đức Ānanda cùng Ngài Mahā Cunda trình lên Đức Thế Tôn, do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh Thanh tịnh⁽³⁾.

Pāvā cách Kusinārā chỉ có ba gāvuta (12 km), thế mà Đức Thế Tôn phải nghỉ đến 25 lần, vì bấy giờ Đức Thế Tôn đã quá mệt mỏi⁽⁴⁾.

Dân chúng thành Pāvā được chia phần phần xá lợi và xây một bảo tháp tôn trí Xá lợi được chia phần ở trước cổng thành Pāvā⁽⁵⁾.

Pāvā cũng là sinh quán của Trưởng lão Khaṇḍasumana.

***Làng Sāmā.**

Là làng của họ Thíchca (Sakka), gia đình Vedhaññā sinh sống ở làng này, trong làng có một hồ sen⁽⁶⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: “Những người giòng Thíchca sống trong làng này được gọi là Vedhaññā, vì họ là “những cung thủ thiện xảo”.

Trong làng Sāmā có một “xạ trường” là nơi để các cung thủ tập luyện, xạ trường này nằm trong vườn xoài⁽⁷⁾. Vào lúc Tôn chủ Nigaṇṭha Nātaputta từ trần, Đức Thế Tôn an cư mùa mưa ở vườn xoài này.

***Trưởng lão Khaṇḍasumana.**

Ngài Khaṇḍasumana sinh vào một gia đình tộc trưởng xứ Malla trong kinh thành Pāvā. Ngày hài tử chào đời, trong nhà những cánh hoa lài nở rộ, nên hài tử được đặt tên là Khaṇḍasumana.

(1)- Xem D.iii, kinh số 33.

(2)- Xem Takākusa về Sarvāstivāda (J.P.T.S. 104-5).

(3)- D.iii. Kinh Thanh tịnh (Pāsādikasuttanta); M.ii, Kinh làng Sāmā (kinh số 104).

(4)- UdA. 403.

(5)- D. ii. 167; Bu. xxviii. 3.

(6)- A.iii, 309.

(7)- MA.ii, 244.

Khi Đức Thế Tôn du hành đến xứ Pāvā, ngụ trong vườn xoài của thợ rèn Cunda, Kaṇḍasumana được nghe pháp thoại từ Đức Thế Tôn, phát khởi niềm tin, xin xuất gia trong Giáo đoàn.

Nhờ tinh cần hành pháp, về sau Ngài chứng Thánh quả Alahán cùng 5 Thăng trí.

Tiền sự.

Sau khi Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) viên tịch, một bảo tháp được đại chúng kiến tạo để tôn thờ Xá lợi Phật.

Tiền thân của Ngài Khaṇḍasumana lúc bấy giờ là một gia chủ, xây một hàng rào bằng gỗ đàn hương chung quanh Bảo tháp của Đức Phật Padumuttara.

Vào thời Đức Phật Kassapa (CaDiếp), gia chủ này muốn cúng dường hoa đến Bảo tháp thờ Xá lợi Phật Kassapa, nhưng nhà vua đã mua hết tất cả hoa để cúng dường đến Bảo tháp, nên gia chủ này dùng cánh hoa Khaṇḍasumān (hoa lài) dâng cúng đến Bảo tháp, việc lành này đã trợ duyên giúp Ngài Khaṇḍasumana chứng Thánh quả Alahán. Nhờ Túc mạng minh, nhớ lại việc lành này, Ngài Khaṇḍasumana hân hoan nói lên kệ ngôn:

Ekapuppham cajitvāna; asīti vassakoṭṭiyo.

Saggesu paricāretvā; sesakenamhi nibbuto'ti.

"Do một bông từ bỏ; được hưởng tám ức năm.

Sống trong cảnh cõi trời; còn số năm còn lại.

Ta được sống tịch tịnh"(HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Sapparivāriya nói trong tập "Thánh nhân Ký sự"(Apadāna)⁽²⁾, nhưng Kệ ngôn ghi trong "Ký nhân Thánh sự" của Ngài lại giống kệ ngôn trong "Kệ trưởng lão Tăng" của Ngài Nandiya⁽³⁾.

c-Kinh Thập thượng (Dasuttara sutta)⁽⁴⁾.

Là bài kinh cuối cùng trong tập Trường bộ, do Ngài Xá lợiphất thuyết tại bờ hồ Gaggarā trong xứ Campā trước sự hiện diện của Đức Thế Tôn.

Đây là bài kinh mang tính "pháp số" rất quan trọng.

Mở đầu Đức Xá lợiphất đã tuyên thuyết rằng:

Dasuttaram pavakkhāmi dhammam nibbānappattiyā. Dukkhasantā kiriyāya sabba ganthapamocaram ...

"Pháp mang tên Thập thượng mà tôi sắp giảng, là giáo lý đạt đến Nípàn, đưa đến chấm dứt khổ, cắt đứt mọi trói buộc ..."

Đức Xá lợiphất đưa ra tổng thể 10 chi phần là:

1'- Pháp có nhiều tác dụng (dhammo bahukāro).

2'- Pháp cần phải tu tập (dhammo bhāvetabbo).

3'- Pháp cần phải hiểu rộng (dhammo pariññeyyo).

4'- Pháp cần phải đoạn trừ (dhammopahātabbo).

5'- Pháp đưa đến tai hại (dhammo hānabhāgiyo).

6'- Pháp đưa đến thù thắng (dhammo visesabhāgiyo).

7'- Pháp rất khó thể nhập (dhammo duppaṭivijjho).

8'- Pháp cần phải sinh khởi (dhammo uppādetabbo).

9'- Pháp cần phải thăng tri (dhammo abhiññeyyo).

10'- Pháp cần phải chứng ngộ (dhammo sacchikātabbo).

Từ tổng thể này, Đức Xá lợiphất nêu ra từ 1 pháp cho đến 10 pháp, như:

* Một pháp có nhiều tác dụng, một pháp cần phải tu tập một pháp cần phải chứng ngộ.

* Hai pháp 9 pháp ...

* Mười pháp có nhiều tác dụng, mười pháp cần phải tu tập ... mười pháp cần phải chứng ngộ.

Cứ mỗi loạt pháp, Ngài Xá lợiphất khẳng định rằng: "Pháp này là như thực, như chân, không thể sai khác, được Đức Như Lai chân chánh giác ngộ".

Được biết sau pháp thoại có 500 Tỳkhuu chứng quả Thánh quả Alahán⁽⁵⁾.

2- Trung bộ kinh (Majjhimanikāya).

Có 10 bài kinh được tìm thấy là:

1'- Kinh Thừa tự pháp (Dhammādāyāda sutta)⁽⁶⁾.

(1)- Thag. 96; ThagA. i. 198.j

(2)- Ap.i, 172.

(3)- Xem ThagA.i, 182.

(4)-D.iii. Kinh số 34.

(5)- DA.iii, 104.

(6)- M.i. Kinh số 3.

Một thời, Đức Thế Tôn trú ở Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra) của Trưởng giả Cấpcôđộc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xávé (Sāvatthi).

Đức Phật khuyến khích các Tỳkhuu ở Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra) hãy là người thừa tự Pháp của Ngài chứ không phải thừa hưởng của cải vật chất.

Lúc Phật đi ra, các Tỳkhuu vây quanh Đức Xá lợiphất để hỏi làm thế nào các đệ tử cần phải tu tập để trở thành những vị thừa kế của Đức Phật trong lĩnh vực Pháp.

Ngài Xá lợiphất triển khai rộng lời dạy vắn tắt của Đức Thế Tôn là:

- Bậc Đạo sư sống viễn ly (viveka), nhưng đệ tử không sống viễn ly; pháp được Bậc Đạo sư dạy từ bỏ, nhưng đệ tử không từ bỏ; sống dẫn đầu đọa lạc, từ bỏ gánh nặng viễn ly (được xem là "người thừa tự tài vật").

- Bậc Đạo sư sống viễn ly, đệ tử sống viễn ly; từ bỏ những pháp được Bậc Đạo sư dạy từ bỏ, không lười biếng bỏ rơi gánh nặng viễn ly (được xem là "người thừa tự pháp"). Sự sống viễn ly gồm ba việc:

* *Thực hành viễn ly. Thân viễn ly* là sống độc cư, sống nơi thanh vắng như núi, rừng ...; *tâm viễn ly* là "biết đủ và ít ham muốn"; *hữu viễn ly* là xa lìa dính mắc với ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

* *Từ bỏ 16 pháp* mà Bậc Đạo sư dạy từ bỏ, là: Tham, sân, phần nộ, hiểm hận, giả dối, nã hại, tật đố, bòn xén, man trá, phản bội, ngoan cố, thô tháo, ngã mạn, tăng thượng mạn, tự kiêu và phóng dật.

* *Không bỏ rơi gánh nặng viễn ly* là: Thực hành Thánh đạo tám chi phần.

Bài kinh này sách Milindapañhā (Milinda hỏi) gọi là "Lời dạy về hạnh mãn nguyện"⁽¹⁾.

2'- Kinh "Không ô nhiễm" (Anaṅga sutta)⁽²⁾.

Một thời, Đức Thế Tôn trú ở Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra) của Trưởng giả Cấpcôđộc (Anāthapiṇḍiya) cúng dường, gần thành Xávé (Sāvatthi).

Đức Xá lợiphất giảng cho các Tỳkhuu về 4 hạng người:

- Có ô nhiễm nhưng không tự biết.
- Có ô nhiễm, tự biết mình có ô nhiễm.
- Không có ô nhiễm nhưng không tự biết,
- Không có ô nhiễm, tự biết mình không có ô nhiễm.

Trong bốn hạng người trên, hạng người thứ 3 và thứ 4 là ưu thắng; hạng người thứ 1 và thứ 2 là thấp kém.

* *Hạng người có ô nhiễm nhưng không tự biết.* Khi mệnh chung sẽ mệnh chung với tâm ô nhiễm còn nguyên vẹn. Ví như cái bát dơ lại bị ném vào nơi đầy bụi bặm thì càng ngày bát càng thêm dơ,

* *Hạng người có ô nhiễm, tự biết mình có ô nhiễm.* Sẽ khởi lên tinh tấn để diệt trừ ô nhiễm, và sẽ mệnh chung với tâm không còn ô nhiễm. Ví như cái bát dơ được người chủ thường xuyên lau chùi, không để vào nơi bụi bặm thì bát càng ngày càng trong sáng thêm.

* *Hạng người không ô nhiễm nhưng không tự biết.* Khi mệnh chung sẽ mệnh chung với tâm có ô nhiễm. Ví như cái bát trong sáng nhưng người chủ không biết dùng, ném vào chỗ bụi bặm, dần dần nó sẽ trở thành bát dơ.

* *Hạng người không ô nhiễm, tự biết không ô nhiễm.* Khi mệnh chung sẽ mệnh chung với tâm không ô nhiễm. Ví như cái bát trong sáng, người chủ biết trong sáng nên gìn giữ không đặt vào chỗ bụi bặm, bát càng lúc càng trong sáng.

3'- Kinh Chánh tri kiến (Sammādiṭṭhi sutta)⁽³⁾.

Một thời, Đức Thế Tôn trú ở Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra) của Trưởng giả Cấpcôđộc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xávé (Sāvatthi).

Đức Xá lợiphất giảng cho các vị Tỳkhuu phương xa đến viếng Ngài bài kinh này.

Đây là một bản kinh quan trọng về "cái thấy đúng - biết đúng".

"*Chánh kiến*" (thấy đúng). Có hai loại: Chánh kiến hiệp thế và chánh kiến siêu thế.

Chánh kiến hiệp thế có hai là: Thấy được nhân, thấy được quả (ngoại giáo cũng có được cái thấy này); thấy theo lý "bốn sự thật", cái thấy này chỉ có trong Phật giáo.

Chánh kiến Siêu thế là chỉ cho trí trong tâm Đạo và tâm quả Siêu thế.

4'- Đại kinh "Ví dụ đầu chân voi" (Mahāhatthipadopama sutta)⁽⁴⁾.

(1) - Mil. 242; Sp. iii. 694.

(2) - M.i. Kinh số 5.

(3) - M.i. Kinh số 9.

(4) - M.i. Kinh số 28.

Một thời, Đức Thế Tôn trú ở Đại tự Kỳ viên (Jetavanavihāra) của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xá vệ (Sāvatthi).

Đức Xá lợi phất giảng cho các vị Tỷ khưu bài kinh này.

Tứ đế là pháp thù thắng nhất trong tất cả thiện pháp, ví như dấu chân voi là lớn nhất so với các dấu chân.

Đức Xá lợi phất phân tích “khổ đế” qua năm uẩn. Sự tham đắm năm uẩn là “khổ tập”; sự từ bỏ dục tham với năm uẩn là “khổ diệt”.

5’- Đại kinh Phương quảng (Mahāvedalla sutta)⁽¹⁾.

Một thời, Đức Thế Tôn trú ở Đại tự Kỳ viên (Jetavanavihāra) của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xá vệ (Sāvatthi).

Bài kinh này là “đại tập hợp” các câu hỏi vấn - đáp giữa Ngài Xá lợi phất (Sāriputta) và Ngài Mahā Kottḥika.

Phân biệt giữa ác tuệ và trí uê; giữa tuệ tri và thức tri; tương quan giữa thức - tưởng - thọ.

Nhận thức về năm giác quan; các điều kiện cho chánh tri kiến; có bao nhiêu hữu; tái sinh như thế nào; thiên thứ nhứt từ bỏ gì, thành tựu gì

Kinh Mahāvedalla là một tập hợp hơn là một pháp thoại giữa Ngài Xá lợi phất và Ngài Mahā Kottḥika.

Kinh này đưa Ngài Mahā Kottḥika lên bậc tối thắng về vô ngại giải (*paṭisambhidā*)⁽²⁾. Bài kinh này được tóm tắt như sau.

Mahā Kottḥika hỏi (M).

- Thừa hiền giả Xá lợi phất, thế nào là *ác tuệ* (dupañño)?

Đức Xá lợi phất đáp (S).

- Vì không biết rõ (nappajjānāti): “Đây là khổ, đây là sự tập khởi của khổ, đây là sự diệt khổ và đây là con đường dẫn đến diệt khổ”, nên gọi là “ác tuệ”.

M. Thế nào là có trí (paññāva)?

S. Biết rõ (pajānāti) Tứ đế, gọi là “*có trí*”.

M. Thế nào gọi là *thức* (viññāṇa).

S. Vì có nhận biết (vijānāti), nên gọi là *thức*. Nhận biết gì? Là lạc (sukhanti pi), là khổ (dukkhanti pi), là không khổ không lạc (adukkhamasukhanti pi).

M. Trí và thức có kết hợp (saṃsatṭhā) với nhau hay không kết hợp? Sau khi phân tích nhiều lần, có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp ấy chăng?

S. Trí và thức có kết hợp với nhau, không phải không có kết hợp. Sau khi phân tích nhiều lần, không thể nêu ra sự sai khác giữa những pháp này.

M. Sự khác biệt ra sao giữa trí và thức sau khi những pháp này kết hợp với nhau?

S. Trí và thức sau khi kết hợp với nhau; trí cần được *tu tiến* (bhāvetabbā), thức cần được “*hiểu trọn vẹn*” (pariññeyya), đó là sự khác biệt giữa các pháp này⁽³⁾.

M. Như thế nào được gọi là *thọ* (vedanā)?

S. Nhận lãnh (vedeti) gọi là thọ. Nhận lãnh gì? Nhận lãnh lạc (sukhampi vedeti), nhận lãnh khổ (dukkhampi vedeti), nhận lãnh không khổ không lạc (adukkhamasukkhamampi vedeti).

M. Như thế nào gọi là *tưởng* (saññā)?

S. Biết do nhớ lại (sañjānāti) gọi là tưởng. Nhớ lại gì? Nhớ lại màu xanh, nhớ lại màu vàng, nhớ lại màu đỏ, nhớ lại màu trắng.

M. Thọ và tưởng có kết hợp với nhau hay không kết hợp? Sau khi phân tích nhiều lần, có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp ấy chăng?

S. Thọ và tưởng kết hợp nhau, không phải không kết hợp nhau. Sau khi phân tích nhiều lần, không thể nêu ra sự sai khác giữa những pháp này.

M. Từ bỏ 5 quyền, ý thức thanh tịnh, biết được gì⁽⁴⁾? (Nissatṭhena pañcahi indriyehi parisuddhena manoviññāṇena kim neyyañti?).

S. Có thể biết được “Không vô biên xứ” là vô biên xứ, “Thức vô biên xứ” là vô biên xứ, có thể biết được “Vô sở hữu xứ” là “không có gì”.

M. Nhờ gì biết được pháp có thể biết?

S. Nhờ *tuệ nhãn* (paññācakkhunā)⁽¹⁾.

(1)- M.i. Kinh số 43.

(2)- AA.i, 150.

(3)- Bản Sớ giải giải thích: Thức hợp với trí để tu tiến; trí hợp với thức để “hiểu trọn vẹn” (xem MA.ii, 342).

(4)- Chỉ cho Tứ thiền.

M. Trí tuệ có ý nghĩa gì?
 S. Trí tuệ có ý nghĩa là “biết cao tột” (abhiññāthā); có nghĩa là “biết trọn vẹn” (pariññāthā); có ý nghĩa là “từ bỏ” (paṇaṭṭhā).

M. Có bao nhiêu duyên khiến chánh trí sinh khởi?
 S. Có hai duyên khiến chánh kiến (sammādiṭṭhi) sinh khởi là: *Tiếng nói người khác và sinh khởi tác ý đúng* (yoniso manasikāro)⁽²⁾.

M. Có bao nhiêu pháp trợ duyên cho chánh kiến để có được “quả tâm giải thoát” (cetovimuttiphala), “quả tâm giải thoát bất động” (cetovimuttiphalanisaṃsā)⁽³⁾, “quả tuệ giải thoát” (paññāvimuttiphala), “quả tuệ giải thoát bất động” (paññāvimuttiphalanisaṃsā)?
 S. Có 5 pháp trợ giúp là: *Giới* (sīla), *nghe* (suta), *đàm luận* (sākacchā), *an tịnh* (samatha) và *quán xét* (vipassanā).

M. Có bao hữu (bhava)?
 S. Có ba hữu là: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

M. Như thế nào là sự tái sinh trong tương lai được xảy ra?
 S. Do vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích chỗ này chỗ kia, nên sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.

M. Như thế nào sự tái sinh trong tương lai không xảy ra?
 S. Do buông bỏ vô minh, minh sinh khởi, diệt trừ tham ái. Như vậy sự tái sinh trong tương lai không xảy ra.

M. Thế nào là Sơ thiên?
 S. Vị Tỳkhuu ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Sơ thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sinh, có tầm có tứ. Đó là Sơ thiên.

M. Sơ thiên có bao nhiêu chi phần?
 S. Sơ thiên có 5 chi là: *Tâm* (vitakka), *tứ* (vicāra), *hỷ* (pīti), *lạc* (suha) và *nhất tâm* (cittakaggatā).

M. Sơ thiên từ bỏ bao nhiêu chi phần? Thành tựu bao nhiêu chi phần?
 S. Sơ thiên từ bỏ được 5 chi phần là: Tham dục, sân, hôn trầm- thụ miên, phóng dật - hối tiếc và nghi. Thành tựu được 5 chi phần là: Tâm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

M. Năm quyền là: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân; chúng có cảnh giới khác nhau (nānāvisāyānaṃ), chúng có hành giới khác nhau (nānāgocarānaṃ), không thọ lãnh cảnh giới hành giới lẫn nhau. Chúng nương sinh (paccaṇubhoti) từ đâu để nhận lãnh cảnh giới hành giới?
 S. Chúng lấy ý là nơi nương sinh, ý thọ lãnh cảnh giới hành giới của chúng.

M. Năm quyền: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân quyền; năm quyền này do duyên gì an trú?
 S. Năm quyền này do duyên tuổi thọ (āyu) an trú⁽⁴⁾.

M. Tuổi thọ do duyên gì an trú?
 S. Do duyên hơi nóng an trú.

M. Hơi nóng do duyên gì an trú?
 S. Do duyên tuổi thọ an trú.

M. Cần phải hiểu ý nghĩa: “*Tuổi thọ do duyên hơi nóng, hơi nóng do duyên tuổi thọ an trú*”, như thế nào?
 S. Ví như ánh sáng của cây đèn được hiện ra do duyên tim và dầu; tim và dầu được thấy do duyên có ánh sáng.

M. *Thọ hành* (āyusaṅkhāra) và “*cảm thọ*” (vedaniya); là khác nhau hay giống nhau?
 S. Khác nhau, nếu giống nhau thì không thể nêu rõ sự xuất khởi Định diệt thọ tướng của vị Tỳkhuu đã thành tựu.

M. Đối với thân này, từ bỏ bao nhiêu pháp thì thân này gọi là “mệnh chung”?
 S. Từ bỏ ba pháp: Tuổi thọ, hơi nóng và thức, thì thân này gọi là “mệnh chung”.

M. Có gì khác biệt giữa “chết” và vị Tỳkhuu nhập Định diệt thọ tướng?
 S. Gọi là *chết* là *thần hành* (kāyasaṅkhārā)⁽⁵⁾ được chấm dứt; *ngũ hành* (vācisaṅkhārā) được chấm dứt; *ý hành* (manosaṅkhārā) được chấm dứt; tuổi thọ chấm dứt, hơi nóng được diệt tận, các quyền (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) bị hư hoại.

(1)- Là trí trở thành chánh kiến, thấy được tướng vô thường, tướng khổ hay tướng vô ngã. Bản Sớ giải thích: Trí có hai loại: Trí trong định và trí trong tuệ quán (xem MA.ii, 345).

(2)- Bản Sớ giải thích: Ngài Xá lợi phất do nghe Đức Assaji thuyết pháp chứng đắc thánh quả, còn các bậc Độc giác (pacceka buddha) nhờ tự mình tác ý mà chứng đạo (xem MA.ii, 346).

(3)- Nisaṃsā = Ni (không) + saṃsāra (luân hồi, chuyển động trở lại).

(4)- Āyu. MA.ii, 349 giải thích là “jīvitindriya: Mạng quyền”.

(5)- Chỉ cho hơi thở.

Vị Tỳkhuu đang nhập định diệt thọ tướng: Thân hành, ngữ hành, ý hành được chấm dứt; nhưng thọ thọ, hơi nóng không bị tiêu diệt; các quyền không bị hư hoại.

M. Có bao nhiêu duyên để chứng nhập tâm giải thoát “không khổ không lạc”?

S. Do bốn duyên là: Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ, diệt ưu có từ trước. Vị Tỳkhuu chứng và trú Tứ thiền “không khổ không lạc, xả niệm thanh ịnh”.

M. Có bao nhiêu duyên chứng nhập “vô tướng tâm giải thoát”?

S. Có hai duyên chứng nhập “vô tướng tâm giải thoát” là: Không tác ý đến các tướng, tác ý đến vô tướng giới (animittāta dhātuyā)⁽¹⁾.

M. Có bao nhiêu duyên an trú trong Vô tướng tâm giải thoát?

S. Có ba duyên an trú tâm trong “Vô tướng tâm giải thoát” là: Không tác ý đến các tướng, tác ý đến vô tướng giới và có sự chuẩn bị trước.

M. Có bao nhiêu duyên xuất khỏi “Vô tướng tâm giải thoát”?

S. Có hai duyên xuất khỏi “Vô tướng tâm giải thoát” là: Tác ý đến các tướng, không tác ý đến vô tướng giới.

M. *Vô lượng tâm giải thoát* (appamāṇā cetovimutti), *vô sở hữu tâm giải thoát* (ākiñcaññā ceto vimutti), *không tâm giải thoát* (suññatā cetovimutti) và *vô tướng tâm giải thoát*. Những pháp này nghĩa sai biệt danh sai biệt, hay nghĩa đồng nhất danh sai biệt?

S. Những pháp này:

* Do một pháp môn, các pháp ấy “nghĩa sai biệt danh sai biệt”.

- Thành tựu tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) biến mãn cùng khắp thế giới, gọi là “*vô lượng tâm giải thoát*”.

- Chứng đạt thiền *Vô sở hữu xứ*.

- Vị Tỳkhuu đi đến khu rừng, gốc cây ... suy nghĩ: “Đây trống không, không có tự ngã, không có cái của ta, gọi là “*không tâm giải thoát*”.

- Vị Tỳkhuu không tác ý đến các tướng, tác ý đến vô tướng giới và an trú trong vô tướng tâm giải thoát, gọi là “*vô tướng tâm giải thoát*”.

Do pháp môn này, các pháp ấy “nghĩa sai biệt danh sai biệt”.

* Do một pháp môn, các pháp ấy “nghĩa đồng nhất danh sai biệt”.

- Tham, sân, si là hạn lượng. Vị Tỳkhuu diệt trừ được tham, sân, si không còn dư sót, gọi là “*vô lượng tâm giải thoát*”⁽²⁾.

- Bất động tâm giải thoát (akuppā cetovimutti) là tối thượng đối với các tâm giải thoát. Bất động tâm giải thoát không có tham, sân, si, không có chướng ngại do tham, sân, si tạo ra, gọi là “*vô sở hữu tâm giải thoát*”.

- Bất động tâm giải thoát không có tham, sân, si tạo ra hình tướng⁽³⁾, gọi là “*vô tướng tâm giải thoát*”.

- Bất động tâm giải thoát này không có tham, sân, si, gọi là “*không tâm giải thoát*”.

Do pháp môn này, các pháp ấy “nghĩa đồng nhất danh khác biệt”.

6’- Kinh Gulissāni (Gulissāni sutta)⁽⁴⁾.

Một thời Đức Thế Tôn trú gần thành Vương xá, nơi “rừng Trúc”, chỗ nuôi dưỡng những con sóc.

Đức Xá lợi phất nhận thấy trong số tỳkhuu ở thành Vương xá có một vị sống trong rừng rất thô tháo và vụng về, tên gọi *Gulissāni*.

Đức Xá lợi phất dạy các Tỳkhuu trú ở rừng, khi đến giữa chư Tăng phải biết tôn trọng, cung kính các đồng Phạm hạnh, phải biết khéo léo về chỗ ngồi, không nên vào làng quá sớm và trở về ban ngày, không nên đi đến các gia đình trước buổi ăn hay sau buổi ăn, không nên trạo cừ, dao động, không nên nói nhiều lời và nói tạp nhạp, phải là người dễ nói và là người thiện hữu, phải thủ hộ các căn, phải tiết độ trong sự ăn uống, phải chú tâm cảnh giác, phải tinh cần tinh tấn, phải chánh niệm tỉnh giác, phải có Thiền định, phải có trí tuệ, phải thực tập thẳng pháp, phải thực tập các pháp tịch tịnh giải thoát (*santavimokha*), phải thực tập các pháp thượng nhân.

Nghe vậy, Đức Mục kiền liên (Moggallāna) hỏi: “Các pháp này cần phải được chấp trì và thực tập chỉ bởi tỳkhuu sống ở rừng núi hay bởi tỳkhuu sống ở gần xóm làng?”.

Đức Xá lợi phất đáp: “Các pháp này cần phải được chấp trì và thực tập bởi tỳkhuu sống ở rừng núi, huống chi tỳkhuu sống gần xóm làng”.

(1)- M.ii, 352 giải thích “chỉ cho Nípàn”. **Tướng** chỉ cho các pháp hữu vi; “**Vô tướng**” chỉ cho sự vắng bóng các pháp hữu vi, là Nípàn.

(2)- M.ii, 354 nói: “Có 12 tâm được gọi là “vô lượng” là: Tứ vô lượng tâm, 4 Thánh đạo, 4 Thánh quả và thêm Nípàn.

(3)- Chỉ cho “tái sinh” (hình tướng).

(4)- M.ii. Kinh số 69.

7'- Kinh Dhānañjāni (Dhānañjāni sutta)⁽¹⁾.

Một thời Đức Thế Tôn trú gần thành Vương xá, nơi "rừng Trúc", chỗ nuôi dưỡng những con sóc. Đức Xá lợi phất thuyết kinh này đến Balamôn Dhānañjāni, khi ông sắp mệnh chung. Nghe xong bài kinh này, Balamôn Dhānañjāni an trú tâm theo lời dạy của Đức Xá lợi phất, mệnh chung tái sinh về cõi Phạm thiên.

8'- Kinh Nền hành trì và không nên hành trì (Sevitabba – asevitabbasutta)⁽²⁾.

Một thời Đức Thế Tôn trú gần thành Xá vê, ở Đại tự Kỳ viên của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường.

Đức Phật dạy các Tỷ khưu: Có 10 pháp khi hành trì khiến thiện pháp tăng trưởng, ác pháp bị thối giảm, đó là pháp nên hành trì. Ngược lại là không nên hành trì.

Mười pháp đó là: Thân hành, ngữ hành, ý hành, tâm sinh, tướng đặc, kiến đặc, ngã tính đặc (attabhāva patilabha: Ở đây chỉ cho sự tái sinh), sáu đối tượng giác quan (xúc, thính, hương, vị, xúc và pháp), bốn vật dụng pháp và người giao du.

Đức Xá lợi phất triển khai rộng như sau:

**Thân hành nên hành trì* là: Từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ thực hành sai quấy trong dục lạc (kāmesu micchācārā).

**Ngữ hành nên hành trì* là: Từ bỏ nói dối, từ bỏ nói ác, từ bỏ nói chia rẽ, từ bỏ nói vô ích.

**Ý hành nên hành trì* là: Ly tham, ly sân và có chính kiến.

**Tâm sinh nên hành trì* là: Không nên đào luyện những tâm tục sinh có khuynh hướng bất thiện.

**Tướng đặc nên hành trì* là: Tường ly dục, tường ly sân, tường ly hại.

**Kiến đặc nên hành trì* là chánh kiến.

**Ngã tính đặc vô hại*, khiến thiện pháp tăng, bất thiện pháp tổn giảm.

**Sáu đối tượng nên hành trì* là: Loại sắc nào khi mắt tiếp xúc làm sinh khởi thiện pháp, làm thiện pháp đang có được tăng trưởng. Tương tự như thế với các tiếng, các mùi, các vị chất, các xúc chạm và các pháp.

*Bốn vật dụng và người giao du cũng tương tự.

Đức Thế Tôn tán thán lời triển khai pháp của Đức Xá lợi phất.

9'- Kinh Giáo giới Cấp cô độc (Anāthapiṇḍikovāda sutta).

Một thời Đức Thế Tôn trú gần thành Xá vê, ở Đại tự Kỳ viên của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường.

Tóm lược nội dung.

Bấy giờ Trưởng giả Cấp cô độc lâm trọng bệnh, ông cho người đi đến Đức Thế Tôn, nhân danh ông đành lễ Đức Thế Tôn, rồi thỉnh cầu Đức Xá lợi phất đến tư gia của ông.

Đức Xá lợi phất cùng Ngài Ānanda đến thăm Trưởng giả Cấp cô độc ở tư gia, nơi đây Đức Xá lợi phất dạy Trưởng giả Cấp cô độc học tập như sau:

*Ta sẽ không nắm giữ *nhãn thức* và ta sẽ không có thức y cứ vào nhãn thức.

- Ta sẽ không nắm giữ nhĩ thức ... ta sẽ không nắm giữ tỷ thức ... ta sẽ không nắm giữ thiệt thức ... ta sẽ không nắm giữ thân thức...

Ta sẽ không nắm giữ *ý thức* và ta sẽ không có thức y cứ vào ý thức.

*Ta sẽ không nắm giữ *nhãn xúc* và ta sẽ không có thức y cứ vào nhãn xúc....

Ta sẽ không nắm giữ *ý xúc* và ta sẽ không có thức y cứ vào ý xúc.

*Ta sẽ không nắm giữ *thọ do nhãn xúc sinh khởi* và ta sẽ không có thọ y cứ vào nhãn xúc sinh khởi ...

Ta sẽ không nắm giữ *thọ do ý xúc sinh khởi* và ta sẽ không có thọ y cứ vào ý xúc sinh khởi.

*Ta sẽ không nắm giữ "nguyên chất đất" (paṭhavīdhtu) và ta sẽ không có thức y cứ vào "nguyên chất đất ... nguyên chất nước ... nguyên chất lửa ... nguyên chất gió ... nguyên chất hư không ...

Ta sẽ không nắm giữ *ý giới* (manodhātu) và ta sẽ không có thức y cứ vào ý giới.

*Ta sẽ không nắm giữ *sắc* và ta sẽ không có thức y cứ vào sắc ... Ta sẽ không nắm giữ *thọ* ... ta sẽ không nắm giữ *tướng* ... ta sẽ không nắm giữ *hành*...

Ta sẽ không nắm giữ *thức* và ta sẽ không có thức y cứ vào thức giới.

*Ta sẽ không nắm giữ "Không vô biên xứ" và ta sẽ không có thức y cứ vào "Không vô biên xứ" ... "Thức vô biên xứ" ... "Vô sở hữu xứ" ...

(1)- M.ii. Kinh số 79.

(2)- M.iii. Kinh số 114.

Ta sẽ không nắm giữ “Phi tướng phi phi tướng xứ” và ta sẽ không có thức y cứ vào “Phi tướng phi phi tướng xứ”.

*Ta không nắm giữ những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận thức, được mong cầu, được thẩm xét với ý và ta sẽ không có thức y cứ (các pháp trên).

Nghe xong bài pháp vi diệu này, Trưởng giả Cấpcôđộc sa nước mắt, Ngài Ānanda hỏi: “Này gia chủ, ông đang gượng lên sống hay đang chìm xuống (sự chết)?”

- Thưa Tôn giả Ānanda, con không gượng lên mà sống, con đang chìm xuống sự chết. Dầu con hầu hạ Bậc Đạo sư đã lâu, dầu con đã từng gần gũi với chư Tỳkhuu, nhưng con chưa từng nghe được bài pháp vi diệu như vậy.

Đức Xá lợi phất nói:

- Này gia chủ, pháp này không thuyết cho hàng cư sĩ, chỉ thuyết cho hàng xuất gia.

Trưởng giả thỉnh cầu Đức Xá lợi phất thuyết pháp vi diệu như vậy đến hàng cư sĩ.

Sau khi Đức Xá lợi phất và Ngài Ānanda ra về, Trưởng giả Cấpcôđộc mệnh chung, tái sinh là vị Thiên tử cõi Đầusắt (Tusita).

Vào rạng sáng đêm ấy, Thiên tử Cấpcôđộc (Anāthapiṇḍika) từ cõi Đầusắt xuống Đại tự Kỳ viên đánh lễ Đức Thế Tôn, thiên tử Cấpcôđộc tán thán Đức Phật, Giáo pháp cùng Tăng chúng, rồi tán thán Đức Xá lợi phất.

Trong tập Tương ưng kinh cũng ghi nhận bài kệ này của Thiên tử Cấpcôđộc⁽¹⁾.

10’- Kinh Giáo giới Channa (Channovādasuttam)⁽²⁾.

Một thời Đức Thế Tôn trú gần thành Vương xá, ở “rừng Trúc” chỗ nuôi dưỡng những con sóc.

Tóm lược nội dung.

Bấy giờ Tôn giả Channa⁽³⁾ lâm trọng bệnh, Đức Xá lợi phất cùng Ngài Mahā Cunda đến thăm Tôn giả Channa. Khi biết Tôn giả Channa có ý định tự sát, Đức Xá lợi phất khuyên Tôn giả Channa hãy từ bỏ ý định ấy, nhưng Tôn giả Channa vẫn quyết định tự sát, sau khi tuyên bố “mình vô tội”.

Đức Xá lợi phất hỏi Tôn giả Channa rằng:

- Này hiền giả Channa, hiền giả có xem con mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức: “Cái này là tôi, cái này là của tôi, cái này là tự ngã của tôi?”

Có xem tai, nhĩ thức ... có xem mũi, tỷ thức ... có xem lưỡi, thiệt thức ... có xem thân, thân thức

...

Có xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức: “Cái này là tôi, cái này là của tôi, cái này là tự ngã của tôi?”

Tôn giả Channa đáp rằng: “Không”.

Đức Xá lợi phất hỏi tiếp: “Do chứng tri được gì mà Tôn giả Channa không có ý nghĩ: “Là tôi, là của tôi, là tự ngã của tôi?”

- Do thấy được sự diệt (nirodha) của các pháp trên.

Nghe vậy, Đức Xá lợi phất dạy Tôn giả Channa rằng:

“Do vậy, này hiền giả, lời dạy này của Đức Thế Tôn thường phải tác ý đến: “Ai có chấp trước là có dao động, ai không chấp trước là không có dao động. Không có dao động thời có khinh an, có khinh an thời không có mong cầu (nati), không có mong cầu thời không có “đi, đến” (āgatigati), không có “đi, đến” thời không có sinh tử, không có sinh tử thời không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời. Như vậy là diệt tận khổ đau”.

Sau khi Đức Xá lợi phất cùng Ngài Mahā Cunda ra về, Tôn giả Channa tự sát. Và Đức Thế Tôn tuyên bố “Tôn giả Channa vô tội”.

(Trong tập Tương ưng kinh có đề cập đến bài kinh này, cùng với những chi tiết khác biệt)⁽⁴⁾.

3- Tăng chi bộ kinh (Aṅgutāranikāya).

1’- Samacitta sutta (kinh Tâm thẳng bằng).

Khi ở “Giảng đường mẹ Migāra”⁽⁵⁾ (Migāramatūpāsāda), Đức Xá lợi phất thuyết giảng đến các Tỳkhuu về hai hạng người: Người bị trói buộc bên trong (nội kiết sử) và người bị trói buộc bên ngoài (ngoại kiết sử).

Quần tiên *Samacittā* đến Đại tự Kỳ viên yết kiến Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, tại “Giảng đường mẹ của Migāra”, Tôn giả Xá lợi phất thuyết về “người bị trói buộc bên trong và người bị trói buộc bên ngoài”, hội chúng rất hoan hỷ.

(1)- Xem S.i, 33. Kinh Kỳ viên (Jetavanasuttam.).

(2)- M.iii, kinh số 144.

(3)- Không phải người hầu Channa của Bôtát Siddhattha (Sīḍatta).

(4)- Xem S.iv, 65.

(5) Migāramātu (mẹ Migāra) là tên gọi khác của bà đại tín nữ Visākhā.

Rồi quần tiên Samacittā (Tâm thăng bằng) thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến “Giảng đường mẹ Migāra”.

Đức Phật im lặng nhận lời và xuất hiện tại Migāramaṭṭupāsāda, Ngài Xá Lợi Phất đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

Đức Phật kể lại chuyện quần tiên đến viếng Ngài và đứng trong một chỗ không lớn hơn đầu cây kim mà không chen lấn nhau, nhờ từng tu tập quyền an tịnh và ý an tịnh, sự an tịnh này đưa đến thân, ngữ, ý an tịnh. Các du sĩ ngoại đạo không được nghe pháp môn này sẽ bị tổn hại lớn⁽¹⁾.

Trong bài pháp mà quần tiên kể lại, Ngài Xá Lợi Phất giảng như sau: Tỳkhuu có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn Pāṭimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới.

Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào một trong các Thiên giới, sau khi từ chỗ ấy mạng chung, vị ấy sinh lại làm người, trở về ở thế giới này.

Vị ấy được gọi là người bị “trói buộc bên trong”.

Vị Tỳkhuu có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn Pāṭimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy thực hiện sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt các dục vọng, vị ấy thực hiện sự đoạn diệt khát ái, vị ấy thực hiện sự đoạn diệt tham, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào một trong các Thiên giới. Sau khi từ chỗ ấy mạng chung, vị ấy không còn trở lui, không còn trở lại trạng thái này nữa.

Vị này được gọi là người bị “trói buộc bên ngoài” (HT. TMC dịch).

Được nghe rằng: Sau bài pháp thoại, cũng như sau khi các kinh *Mahā samaya* (Đại hội), *Maṅgala* (Hạnh phúc) và *Cūḷa-Rāhulovāda* (Giáo giới Lahūla tiểu kinh) được thuyết, có một triệu chúng sinh đắc Thánh quả Alahán⁽²⁾.

Bài kinh này được Trưởng lão Mahinda thuyết lại ngay trong đêm Ngài đến Tích Lan, sau khi Ngài hội kiến với vua Devānampiyatissa và bảo Sadi Sumana thông tin buổi thuyết kinh với đại chúng.

Ngài Sadi Sumana thông báo lan truyền trên trọn đảo quốc và lên tận đến cõi Phạm thiên. Và có quần tiên xuống dự như trong buổi Đức Xá Lợi Phất thuyết kinh này⁽³⁾.

2'- Kinh Chứng thực (Samiddhasutta).

Bài kinh này là cuộc đàm luận giữa ba vị Tôn giả:

- Tôn giả Savitṭhi cho rằng: “Bậc Tín giải thù thắng hơn bậc Thân chứng và bậc Kiến chí”.
- Tôn giả Mahā Koṭṭhika cho rằng: “Bậc Thân chứng thù thắng hơn hai bậc kia”.
- Tôn giả Xá Lợi Phất cho rằng: “Bậc Kiến chí thù thắng hơn hai bậc kia”.

Ba vị Tôn giả đem câu chuyện trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy: “Rất khó xác định bậc nào thù thắng hơn bậc nào”⁽⁴⁾.

Bản Số giải nói rằng: “Ngài Savitṭhi chứng Thánh quả Alahán nhờ có tín quyền mạnh, Ngài Mahā Koṭṭhika chứng Thánh quả Alahán nhờ có định quyền mạnh, Ngài Xá Lợi Phất chứng Thánh quả Alahán nhờ có tuệ quyền mạnh”⁽⁵⁾.

3'- Kinh người buôn bán (Vaṇijjāsutta).

Đức Xá Lợi Phất đến viếng Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên hợp lễ, Đức Xá Lợi Phất bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì, ở đây có người buôn bán như vậy đi đến thất bại.
- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì, ở đây có hạng người buôn bán như vậy không được thành tựu như ý?
- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì, ở đây có hạng người buôn bán như vậy thành tựu như ý muốn?
- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì, ở đây có hạng người buôn bán như vậy thành tựu ngoài ý muốn?

Đức Thế Tôn giải thích rằng:

- Ở đây có người đi đến các Samôn, Bàlamôn và hứa hẹn như sau: “Hãy nói lên điều Tôn giả cần được giúp đỡ”, nhưng người ấy *không cho như điều đã hứa*.

Mệnh chung từ chỗ ấy đến chỗ này, người ấy buôn bán như vậy, đi đến thất bại.

(1)- A.i, 64. Chương hai pháp. Kinh Tâm thăng bằng (Samacitta sutta).

(2)- AA.i, 320; SnA.p.174; Mil., p. 20.

(3)- Mhv. xiv, 34.

(4)- A.i, 118. Chương ba pháp. Kinh Chứng thực (Samiddhasutta).

(5)- AA. i. 353.

- Ở đây có người đi đến các Samôn, Bàlamôn và hứa hẹn như sau: "Hãy nói lên điều Tôn giả cần được giúp đỡ", nhưng người ấy *không cho như đã quyết định cho*.

Mệnh chung từ chỗ ấy đến chỗ này, người ấy buôn bán như vậy, đi đến thất bại.

- Ở đây có người đi đến các Samôn, Bàlamôn và hứa hẹn như sau: "Hãy nói lên điều Tôn giả cần được giúp đỡ", và người ấy *cho như đã quyết định cho*.

Mệnh chung từ chỗ ấy đến chỗ này, người ấy buôn bán như vậy, thành tựu như ý.

- Ở đây có người đi đến các Samôn, Bàlamôn và hứa hẹn như sau: "Hãy nói lên điều Tôn giả cần được giúp đỡ", và người ấy *cho hơn như đã quyết định cho*.

Mệnh chung từ chỗ ấy đến chỗ này, người ấy buôn bán như vậy, thành tựu ngoài ý muốn⁽¹⁾.

4'- Kinh Thối đọa (Parihānisutta).

Đức Xá lợi phất giảng cho các Tỳkhuu về 4 pháp dẫn đến thối đọa, xa lìa thiện pháp, đó là: Tham ái tăng thịnh, sân tăng thịnh, si tăng thịnh và không có tuệ nhãn soi thấu⁽²⁾.

5'- Kinh Sāriputta.

Đây là sự đàm luận của hai vị Thượng thủ, nói về 4 cách chứng đạt Thánh quả là:

- Thực hành khổ chứng đặc chậm.
- Thực hành khổ chứng đặc nhanh.
- Thực hành an lạc chứng đặc chậm.
- Thực hành an lạc chứng đặc nhanh.

Đức Xá lợi phất cho biết: "Ngài thực hành an lạc chứng đặc nhanh", còn Đức Mụckiên liên cho biết: "Ngài thực hành khổ chứng đặc nhanh"⁽³⁾.

6'- Kinh " thành tựu hữu tự tính " (attabhāvapaṭilābha sutta)⁽⁴⁾.

Đức Thế Tôn thuyết giảng: Có 4 cách "thành tựu hữu tự tính".

- Do "cố ý" (cetanā) của mình hoạt động, không do "cố ý" của người hoạt động.
- Do "cố ý" của người hoạt động, không do "cố ý" của mình hoạt động.
- Do "cố ý" của mình lẫn của người hoạt động.
- Không do "cố ý" cả hai (mình và người) hoạt động.

Đức Xá lợi phất giảng rộng bốn điều này rằng:

- Có cách thành tựu tự tính, do "cố ý của mình hoạt động", không do "cố ý" của người hoạt động, rồi mệnh chung⁽⁵⁾.

- Có cách thành tựu tự tính, do "cố ý" của người hoạt động, không do "cố ý" của mình hoạt động, rồi mệnh chung⁽⁶⁾.

- Có cách thành tựu tự tính, do "cố ý" của mình lẫn của người hoạt động, rồi mệnh chung⁽⁷⁾

Rồi Đức Xá lợi phất bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, trong trường hợp "không do cố ý của mình hoạt động, cũng không do cố ý của người hoạt động", hạng chư thiên nào được xem là "ở trong trường hợp này"?

Đức Thế Tôn đáp: Chư thiên Phi tướng phi phi tướng⁽⁸⁾.

7'- Kinh Phân tích (Vibhattisutta).

Đức Xá lợi phất cho các Tỳkhuu biết là: Sau khi thọ đại giới thì Ngài chứng ngộ: Nghĩa vô ngại, Pháp vô ngại, Từ vô ngại và biện vô ngại⁽⁹⁾.

8'- Kinh Mahā Koṭṭhika (Mahā Koṭṭhikasuttaṃ).

Đức Xá lợi phất trả lời những câu hỏi của Ngài Mahā Koṭṭhika. Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi rằng:

- Thừa hiền giả Xá lợi phất, sau khi đoạn diệt ly, tham *sáu xúc xứ* (channaṃ phassaṃyatanam) không có dư tàn, **còn có** cái gì khác nữa?

- Nay hiền giả, chớ có nói như vậy.

- Thừa hiền giả Xá lợi phất, sau khi đoạn diệt ly, tham *sáu xúc xứ* không có dư tàn, **không còn có** cái gì khác nữa?

- Nay hiền giả, chớ có nói như vậy.

(1)- A.ii, 81. Chương bốn pháp. Kinh Người buôn bán.

(2)- A.ii, 143. Chương 4 pháp.

(3)- A.ii, 154. Chương bốn pháp. Kinh Sāriputta.

(4)- Bài kinh này nằm trong kinh "Tứ tâm sở" (Cetanāsutta), được trích ra -Ns.

(5)- Bản Sớ giải giải thích: "Đây là trường hợp chư thiên được gọi là Khiddā-padosika, là hạng chư thiên đảm nhiệm trong dục lạc rồi mệnh chung".

(6)- Bản Sớ giải giải thích: " Đây là hạng chư thiên bị nhiễm hợ8c bởi tâm trí (manopadosikā); chỉ cho chư thiên thuộc Tứ đại vương.

(7)- Bản Sớ giải giải thích: Trường hợp những người tự tử và bị giết.

(8)- A.ii, 158.. Chương bốn pháp. Kinh sự cố ý (Cetanāsutta).

(9)- A.ii, 159. Chương bốn pháp. Kinh Phân tích (Vibhattisutta).

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, sau khi đoạn diệt ly, tham *sáu xúc xứ* không có dư tàn, **còn có và không còn có** cái gì khác nữa?

- Này hiền giả, chớ có nói như vậy.

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, sau khi đoạn diệt ly, tham *sáu xúc xứ* không có dư tàn, **không còn có và không không còn có** cái gì khác nữa?

- Này hiền giả, chớ có nói như vậy.

Rồi Đức Xá lợi phất giải thích: Cả bốn mệnh đề trên là "ảo tưởng của một vấn đề không nên có ảo tưởng" (vadam appapañcam pāpañceti)⁽¹⁾.

Giải thích. Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi Đức Xá lợi phất ý nghĩa là:

- Vị Thánh Alahán sau khi viên tịch, **còn** hay **không còn** hay "**một phần còn, một phần không còn**" (còn và không còn có) hay "**dường như còn, dường như không còn**" (không còn có và không không còn có) cái gì khác?.

Đức Xá lợi phất bác bỏ cả 4 luận điểm trên vì rằng:

*Nếu cho rằng "**còn**" là rơi vào thường kiến.

*Nếu cho rằng "**không còn**" là rơi vào đoạn kiến.

*Nếu cho rằng "**còn và không còn**" là rơi vào "thường kiến lẫn đoạn kiến".

* Nếu cho rằng "dường như còn, dường như không còn" là rơi vào nghi hoặc.

Nên Đức Xá lợi phất dạy: "Đó là một ảo tưởng (papañca)".

8'- Kinh Upavāṇa (Upavāṇasutta).

Bài kinh này ghi nhận cuộc đàm luận giữa Đức Xá lợi phất và Ngài Upavāṇa.

Ngài Upavāṇa hỏi Đức Xá lợi phất:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, có thể có người chấm dứt (antakara) (đau khổ) nhờ minh (vijjā) hay không?

- Thưa không, này hiền giả.

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ hạnh (caraṇa) hay không?.

- Thưa không, này hiền giả.

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ minh và hạnh hay không?

- Thưa không này hiền giả.

- Thưa Hiền giả Xá lợi phất, có thể có người chấm dứt (đau khổ) ngoài minh và hạnh hay không?

- Thưa không này hiền giả.

Rồi Đức Xá lợi phất giải thích: Với ba trường hợp đầu, đó là sự chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ (sa-upādāno). Với trường hợp thứ tư, một người phạm phu cũng chấm dứt (đau khổ). Sự chấm dứt đau khổ là do có chánh tri kiến (thấy đúng và biết đúng)⁽²⁾.

Giải thích.

*Nếu cho giải thích nhờ **minh** (chỉ cho trí) thì các loại trí như Túc mạng trí ... là có được giải thoát, hoặc các loại nghệ thuật được thông đạt như "Thông thuộc ba Tạng Vệ Đà (veda), thiện xảo trong súc sinh minh, thiện xảo trong đại nhân tướng ... là có được giải thoát.

*Nếu cho giải thoát nhờ **hạnh** thì các loại khổ hạnh như "hạnh con chó", "hạnh con bò", "hạnh thờ thần lửa"... là có được giải thoát.

*Nếu cho giải thoát nhờ **minh và hạnh** thì những Bàlamôn thông thuộc ba tạng Vệ Đà thực hành khổ hạnh hay "tổ chức tế đàn cúng dường Phạm thiên" ... là có được giải thoát.

Do vậy, Đức Xá lợi phất bác bỏ cả 4 luận điểm trên.

9'- Kinh Níp bàn (Nibbānasutta).

Ngài Ānanda hỏi Đức Xá lợi phất rằng: "Do nhân gì duyên gì, một số chúng sinh trong hiện tại không viên tịch (parinibbāyanti)⁽³⁾?

Đức Xá lợi phất đáp: "Do các tướng (saññā) dự phần thối đoạ, không như thật quán xét biết "các tướng này dự vào phần an trú, các tướng này thù thắng, các tướng này dự phần vào thể nhập".

Ngài Ānanda hỏi Đức Xá lợi phất rằng: "Do nhân gì duyên gì, một số chúng sinh trong hiện tại viên tịch?"

Đức Xá lợi phất đáp: "Do quán biết như thật : "Các tướng này dự phần thối đoạ, các tướng này dự phần an trú, các tướng này thù thắng, các tướng này dự phần thể nhập"⁽⁴⁾.

9'- Kinh Phương pháp trừ khử hiểm hận (āghātaṭṭhavinayasuttaṃ).

Đức Xá lợi phất dạy: Có 5 cách trừ khử hiểm hận. Đối với người:

(1)- A.ii, 161. Chương bốn pháp. Kinh Mahā Koṭṭhika.

(2)- A.ii, 164. Kinh Upavāṇa.

(3)- Vua trời Đế Thích cũng hỏi Đức Thế Tôn câu hỏi này, Đức Thế Tôn đáp: "Do hưởng thụ dục lạc" (xem S.iv, 102).

(4)- A.ii, 167. Chương 4 pháp.

a- Thân hành không thanh tịnh, nhưng ngữ hành thanh tịnh.

Không tác ý đến thân hành, chỉ tác ý đến ngữ hành. Ví như người tìm được mảnh vải trong đồng rác, đoạn nào sạch dùng được thì cắt lấy mang đi.

b- Ngữ hành không thanh tịnh, thân hành thanh tịnh.

Không tác ý đến ngữ hành, chỉ tác ý đến thân hành. Ví như người bị nóng bức, khát nước, đi đến hồ nước đầy bùn và cây lau, người ấy thềm uống nước, người ấy lấy tay gạt bùn và cây lau ra, dùng tay bụm nước uống, xuống hồ ngụp lặn cho thân mát rồi bỏ ra đi.

c- Thân hành không thanh tịnh, ngữ hành không thanh tịnh, thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín.

Không tác ý đến thân hành, không tác ý đến ngữ hành; chỉ tác ý đến tâm thỉnh thoảng được rộng mở và sáng suốt. Ví như người thân bị nóng bức, thềm uống nước, nhìn thấy một ít nước đọng trong dấu chân con bò; người ấy nằm dài trên đất dùng miệng uống chút ít nước đọng trong dấu chân con bò, rồi ra đi.

d- Thân hành không thanh tịnh, ngữ hành không thanh tịnh, tâm không được rộng mở.

Cần phải khởi lên lòng từ, cần phải khởi lên lòng thương tưởng. Ví như khởi tâm thương xót một người đang bị trọng bệnh, không có người săn sóc, không được thuốc trị bệnh ...

e- Thân hành thanh tịnh, ngữ hành thanh tịnh, thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín.

Người này tác ý đến thân hành thanh tịnh, tác ý đến ngữ hành thanh tịnh, tác ý đến tâm thỉnh thoảng được mở rộng và tịnh tín. Ví như người bị nóng bức, khát nước đi đến hồ sen có nước trong và ngọt, trên bờ hồ có nhiều cây cỏ thụ có tàn nhánh mát; người ấy xuống hồ sen tắm mát, uống nước, rồi lên ngồi dưới bóng mát của tàn cây cỏ thụ⁽¹⁾.

11'- Kinh Cuộc nói chuyện (Sākacchāsuttam).

Bài kinh này được Đức Thế Tôn thuyết giảng⁽²⁾; Đức Xá lợi phất giảng lại cho các Tỳ khưu.

Thành tựu 5 pháp, vị Tỳ khưu có khả năng nói chuyện với các bậc đồng phạm hạnh; 5 pháp đó là: Giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến⁽³⁾.

12'- Kinh Cuộc sống (Sājīvasuttam).

Bài kinh này được Đức Thế Tôn thuyết giảng⁽⁴⁾; được Đức Xá lợi phất thuyết giảng lại cho các Tỳ khưu.

Thành tựu 5 pháp, vị Tỳ khưu có khả năng nói chuyện với các bậc đồng phạm hạnh; 5 pháp đó là: Giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Vị Tỳ khưu với đời sống của mình làm gương cho các bậc đồng phạm hạnh⁽⁵⁾.

13' Kinh Những câu hỏi (Pañhapucchāsuttam).

Đức Xá lợi phất giảng cho các Tỳ khưu về 5 loại câu hỏi, đó là:

- Do đần độn ngu si nên hỏi người khác.
- Do ác dục, tham dục nên hỏi người khác.
- Với tâm muốn hiểu biết nên hỏi người khác.
- Với tâm phân vân nên hỏi người khác.
- Nghĩ rằng, do ta hỏi câu hỏi vị ấy trả lời đúng đắn là tốt đẹp, nếu vị ấy trả lời không đúng đắn, ta sẽ trả lời chân chánh cho vị ấy⁽⁶⁾.

Cũng có 5 cách trả lời một câu hỏi là:

- Vì đần độn, vì ngu si (mandattā momūhattā) trả lời về chánh trí.
- Vì ác dục, vì bị dục chi phối (icchāpakato) trả lời về chánh trí.
- Vì kiêu mạn, vì tâm tán loạn (citakkhepā) trả lời về chánh trí.
- Vì tăng thượng mạn trả lời về chánh trí.
- Vì hoàn toàn chân chánh (samma-d-eva) trả lời về chánh trí⁽⁷⁾.

13'- Kinh Diệt (Nirodhasuttam).

Đức Xá lợi phất (Sāriputta) nói với các Tỳ khưu rằng: Vị có đầy đủ giới, định, tuệ có an trú vào định "diệt thọ tưởng" và xuất khỏi định "diệt thọ tưởng".

Tôn giả Udāyī (Lāludayī) ba lần phản bác Đức Xá lợi phất rằng "không có trường hợp này". Vì không có Tỳ khưu nào tùy hỷ với mình, nên Đức Xá lợi phất đi đến yết kiến Phật, trước mặt Đức Thế

(1)- A.iii, 186. Chương 5 pháp.

(2)- A.iii, 81. Chương 5 pháp.

(3)- A.iii, 190. Chương 5 pháp.

(4)- A.iii, 81. Chương 5 pháp.

(5)- A.iii, 191. Chương 5 pháp.

(6)- A.iii, 191. Chương 5 pháp.

(7)- A.iii, 119. Chương 5 pháp. Kinh trả lời. Xem thêm A.v, 1141; M.i, 520; s.i, 126.

Tôn, Tôn giả Udāyi tiếp tục phản bác Ngài Xá lợi phất ba lần. Không có vị Tỳ khưu nào tùy hỷ với Ngài Xá lợi phất, Ngài Xá lợi phất suy nghĩ “ta hãy im lặng”.

Đức Thế Tôn khiển trách các Tỳ khưu khi thấy vị trưởng lão nói đúng pháp, bị phản bác mà không có phản ứng, khiến Tôn giả Ānanda kinh sợ.

Vào buổi chiều, Đức Thế Tôn hỏi Ngài Upavāna năm pháp mà vị tỳ khưu phải thành tựu để được các đồng Phạm hạnh ái mộ và tôn trọng, Ngài Upavāna đã trả lời câu hỏi của Đức Thế Tôn (xem A.iii, 113)⁽¹⁾.

14’- Kinh Buộc tội (Codanāsuttam).

Đức Xá lợi phất dạy: “Vị Tỳ khưu muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm 5 pháp.

- Nói đúng thời không nói phi thời.
- Nói chân thật không nói phi chân.
- Nói nhu hòa không nói thô bạo.
- Nói liên hệ lợi ích.
- Nói với từ tâm⁽²⁾.

15’- Kinh Đưa đến biết (Khippanisantisutta).

Ngài Ānanda hỏi Đức Xá lợi phất: “Làm thế nào nhanh chóng đưa đến hiểu biết?”.

Đức Xá lợi phất đáp: Có 5 pháp là:

- Thiện xảo về nghĩa (atthakusalo).
- Thiện xảo về pháp.
- Thiện xảo về văn cú.
- Thiện xảo về ngôn ngữ (niruttikusalo).
- Thiện xảo về liên hệ trước sau (pubbāparakusalo)⁽³⁾.

16’- Kinh Hiền thiện (Bhaddakasuttam).

Đức Xá lợi phất dạy các Tỳ khưu: “Nếu sống theo sáu pháp thế tục, khi lâm chung không được hiền thiện và ngược lại”.

Sáu pháp thế tục đó là:

- Ưa thích công việc.
- Ưa thích nói chuyện.
- Ưa thích ngủ.
- Ưa thích hội chúng.
- Ưa thích liên lạc, giao thiệp.
- Ưa thích hý luận⁽⁴⁾.

17’- Kinh Vị thiên nhân (Devatāssutta).

Một Thiên tử viếng Đức Phật tại Đại tự Kỳ viên và bạch rằng: “Có sáu pháp không đưa tỳ khưu đến thối đạo là: Tôn kính bậc Đạo Sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính thiện ngôn và tôn kính thiện bằng hữu”.

Đức Phật thuật lại cho các Tỳ khưu nghe cuộc viếng thăm của vị Thiên này, và Đức Xá lợi phất giảng giải tại sao sáu pháp này được vị Thiên nhân nói đến⁽⁵⁾.

18’- Kinh Dể dạy (Sovacassasuttam).

Một Thiên tử viếng Đức Phật tại Đại tự Kỳ viên và bạch rằng: “Có 7 pháp không đưa tỳ khưu đến thối đạo là: Tôn kính bậc Đạo Sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính thiện ngôn và tôn kính thiện bằng hữu”.

Đức Phật thuật lại cho các Tỳ khưu nghe cuộc viếng thăm của vị Thiên nhân này, và Đức Xá lợi phất giảng giải tại sao bảy pháp này được vị Thiên nhân nói đến⁽⁶⁾.

19’- Kinh Bồ thí quả báu lớn (Dānamahapphalasuttam).

Đức Xá lợi phất dẫn đệ tử cư sĩ ở Campā đến đảnh lễ Đức Thế Tôn ở bờ hồ Gaggarā, bạch hỏi Đức Thế Tôn: “Vì sao cùng bồ thí như vậy, một người không được quả báu lớn, không được lợi ích lớn; một người lại được quả báu lớn, được lợi ích lớn?”. Đức Thế Tôn giải thích “có thể có người:

- Bồ thí với tâm mong cầu (kết quả thí sự).
- Bồ thí với ý nghĩ thông thường: “Lành thay sự bồ thí”.
- Bồ thí theo truyền thống.

(1)- A.iii, 192. Chương 5 pháp.

(2)- A.iii, 196. Chương năm pháp.

(3)- A.iii, 201. Chương 5 pháp.

(4)- A.iii, 293. Chương 6 pháp.

(5)- A.iii, 423. Chương 6 pháp.

(6)- A.iv, 30. Chương 7 pháp.

- Bồ thí với ý nghĩ “tương trợ”.
- Bồ thí theo gương tiền nhân.
- Bồ thí với tâm sinh khởi hoan hỷ.

Sáu cách bồ thí này khiến cho người bồ thí không nhận được quả báu lớn, lợi ích lớn.

Người bồ thí với ý nghĩ “*để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm*”, có quả báu lớn, có lợi ích lớn⁽¹⁾.

20’- Kinh Kính trọng (Sakkaccasuttam).

Đức Xá lợi phất trong khi thiền tịnh ở nơi thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: “Vị Tỳ khưu cung kính tôn trọng, sống nương tựa ai để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện?”. Rồi Đức Xá lợi phất suy nghĩ:

- Vị Tỳ khưu cung kính tôn trọng, sống nương tựa *Bậc Đạo sư* có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

- Vị Tỳ khưu cung kính tôn trọng, sống nương tựa *Pháp* có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

- Vị Tỳ khưu cung kính tôn trọng, sống nương tựa *chúng Tăng* có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

-Vị Tỳ khưu cung kính tôn trọng, sống nương tựa *học pháp* có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

-Vị Tỳ khưu cung kính tôn trọng, sống nương tựa *thiền định* có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

-Vị Tỳ khưu cung kính, tôn trọng, sống nương tựa *không phóng dật* có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

-Vị Tỳ khưu cung kính, tôn trọng, sống nương tựa *tiếp đón thân tình* có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

Đức Xá lợi phất trình lên Đức Thế Tôn điều này và được Đức Thế Tôn tán thán⁽²⁾.

21’- Kinh Sức mạnh (Balasuttam).

Đức Thế Tôn hỏi Ngài Xá lợi phất “có bao nhiêu sức mạnh của vị Tỳ khưu đã diệt trừ các ô nhiễm?”. Ngài Xá lợi phất trả lời “có 8 sức mạnh”⁽³⁾.

- Với chánh trí thấy các pháp hành là vô thường.

- Với chánh trí thấy các dục như hố than hồng.

- Tâm thuận xuôi về viễn ly, hướng về viễn ly.

- Bốn niệm xứ được tu tập, khéo tu tập.

- Bốn như ý được tu tập, khéo tu tập.

- Năm quyền được tu tập, được khéo tu tập.

- Năm lực được tu tập, được khéo tu tập.

- Bảy giác chi được tu tập, được khéo tu tập.

- Thánh đạo tám chi phần được tu tập, được khéo tu tập⁽⁴⁾.

22’- Kinh Tiếng rống con sư tử (Sihanāadasuttam).

Khi mẫn mùa an cư, Ngài Xá lợi phất xin Đức Thế Tôn cho phép mình đi du hành.

Khi Ngài Xá lợi phất vừa đi ra khỏi, một vị Tỳ khưu vu cáo Ngài Xá lợi phất đánh vị ấy, rồi bỏ đi du hành, không xin lỗi. Đức Thế Tôn cho gọi Ngài Xá lợi phất đến để đối chứng, Ngài Xá lợi phất không thanh minh là “không có”, Ngài tự ví mình 9 điều: Như đất, như nước, như lửa, như gió, như vải lau chùi, như con người nô lệ, như con bò đực gãy sừng, như người mang xác rắn vào cổ, như cái bát đầy mở có lỗ thủng và đường nứt⁽⁵⁾.

23’- Kinh Còn dư sót (saupādisesasuttam)⁽⁶⁾.

Ngài Xá lợi phất nghe các du sĩ ngoại giáo nói rằng: “Thưa chư hiền, những ai chết còn dư sót, tất cả không giải thoát khỏi địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ và Atula.

Sau đó Ngài Xá lợi phất về bạch lại với Đức Thế Tôn về lời tuyên bố của các du sĩ.

Đức Thế Tôn giảng cho Ngài Xá lợi phất về 9 hạng người còn dư sót, mệnh chung thoát khỏi 4 cảnh giới trên, đó là:

* Năm bậc Bất lai là: Trung bang viên tịch (antarāparinibbāyī)⁽⁷⁾, Tổn hại viên tịch (upahaccaparinibbāyī)⁽¹⁾, Vô hành bang viên tịch (asañkhāraparinibbāyī)⁽²⁾, Hữu hành bang viên tịch (sasañkhāraparinibbāyī)⁽³⁾, và Thượng lưu (uddhamso)⁽⁴⁾.

(1)- A.iv, 59. Chương 7 pháp.

(2)- A.iv, 120. Chương 7 pháp.

(3)- Kinh văn ghi là “8 sức mạnh”, nhưng khi trình bày thì có đến 9 sức mạnh. Có sự ghi nhận nhầm lẫn?

(4) – A.iv, 223. Chương 8 pháp.

(5)- A.iv, 373. Chương 9 pháp.

(6)- Chỉ cho vị Thánh hữu học “còn phiền não”. Xem A.iv, 378. Chương 9 pháp.

(7)- Là vị Thánh Anahàm, sau khi mệnh chung tái sinh về Sắc giới hay Vô sắc giới, chứng Thánh quả Alahán ở giai đoạn đầu tuổi thọ trong cõi ấy.

*Bậc Nhất Lai.

* Ba bậc Dự lưu: Bậc Dự lưu nhất sinh (ekabījī)⁽⁵⁾, Bậc Dự lưu lục sinh (kolamkolo)⁽⁶⁾ và Dự lưu thất sinh (sattakkhattuparamo)⁽⁷⁾.

24'- Kinh Koṭṭhika (Koṭṭhikasuttam).

Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi Đức Xá Lợi Phất: "Thưa hiền giả Xá Lợi Phất, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Đức Thế Tôn với hy vọng:

-Phàm nghiệp gì được cảm thọ trong hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai.

-Phàm nghiệp gì được cảm thọ trong tương lai, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong hiện tại.

-Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ.

-Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ.

-Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ không thuần thực.

-Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thực, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là thuần thực.

-Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít.

-Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là nhiều.

-Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ.

-Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ.

Tất cả những câu hỏi trên đều được Đức Xá Lợi Phất bác bỏ, Ngài trả lời là:

"Sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Đức Thế Tôn để biết, thấy và chứng đạt: Đây là khổ, đây là nguyên nhân sinh khổ, đây là diệt khổ và đây là con đường dẫn đến diệt khổ"⁽⁸⁾.

25'- Kinh Samiddhi.

Đức Xá Lợi Phất hỏi Ngài Samiddhi về các tư duy tầm (saṅkappavitakkā)⁽⁹⁾.

26'- Kinh Trụ đá (Silāyūpasuttam).

Tôn giả Candikāputta nói rằng: "Thưa chư hiền, Tôn giả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) có thuyết pháp cho các Tỳkhuu như sau: "Này chư hiền, khi nào vị Tỳkhuu tâm hướng về (cetasā cittaṃ), thời thật hợp lý cho Tỳkhuu ấy trả lời như sau: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa", (*yato kho, āvuso, bhikkhuno cetasā cittaṃ hoti, tassetam bhikkhuno kallaṃ veyyākaraṇāya – 'khīṇā jāti, vusitaṃ brahmacariyaṃ, kataṃ karaṇiyaṃ, nāparaṃ itthattāyāti pajānāmīti*).

Đức Xá Lợi Phất nói rằng: Tôn giả Devadatta không có thuyết như thế, nhưng cho đến lần thứ 3 Tôn giả Candikāputta vẫn lập lại như trên.

Đức Xá Lợi Phất đính chính như sau:

- Này hiền giả Candikāputta, Tôn giả Devadatta thuyết cho các Tỳkhuu như sau: "Thưa chư hiền, khi nào vị Tỳkhuu "có tâm hướng về, tâm đầy đủ khéo léo"⁽¹⁰⁾(cetasā cittaṃ supariccittam), thời thật hợp lý cho Tỳkhuu ấy trả lời như sau: "Ta rõ biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Và này các hiền giả, thế nào là "tâm hướng về, tâm đầy đủ khéo léo"?

- "Ly tham là tâm của ta", như vậy vị ấy có "tâm hướng về (ly tham), tâm khéo léo trọn vẹn"; "ly sân là tâm của ta" ... "ly si là tâm của ta"... "tánh không tham là tâm của ta"... "tánh không sân là tâm của ta" ... "tánh không si là tâm của ta" ... "tánh không chuyển hướng về dục hữu là tâm của ta" ... "tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta"... "tánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta", như vậy vị ấy có "tâm hướng về, tâm đầy đủ khéo léo".

(1)- Là vị Thánh Anahàm, sau khi mệnh chung tái sinh về Sắc giới hay Vô sắc giới, chứng Thánh quả Alahán ở giai đoạn đầu cuối thọ trong cõi ấy.

(2)- Là bậc Thánh Anahàm chứng Thánh quả Alahán khi hành đạo dễ dàng.

(3)- Là bậc Thánh Anahàm chứng Thánh quả Alahán khi hành đạo khó khăn.

(4)- Là bậc Thánh Anahàm phải sinh lên cõi Tịnh cư Sắc cứu cánh (akaniṭṭhagāmi) mới chứng Thánh quả Alahán.

(5)- Là bậc Thánh Dự lưu chỉ còn sinh về cõi Dục một lần, rồi chứng Thánh quả Alahán.

(6)- Là bậc Thánh Dự lưu sinh về cõi Dục hai hay 3 lần rồi chứng Thánh quả Alahán.

(7)- Là bậc Thánh Dự lưu sinh về cõi Dục giới 7 lần rồi chứng Thánh quả Alahán.

(8)- A.iv. 382. Chương 9 pháp.

(9)- A.iv, 385. Chương 9 pháp.

(10)- Chữ Supariccittam (tâm khéo léo trọn vẹn) là chỉ cho "tâm đã hành tựu".

Các sắc do mắt nhận thức, các thính ... các mùi ... các vị ... các xúc ... các pháp do ý nhận thức không thể lay động được tâm của vị ấy. Như trụ đá cao 16 khuỷu tay được chôn phân nửa xuống đất không thể bị mưa to gió lớn làm chuyển động⁽¹⁾.

26'- Kinh Nípàn (Nibbānasuttam).

Đức Xá lợi phất giảng cho Tôn giả Udāyī (Bản Sớ giải thích là Ngài Lāludāyī) rằng "Nípàn là lạc", dầu ở đây lạc ấy không được cảm thọ (*vedayitam*)⁽²⁾.

27'- Kinh Những nguyên nhân (Upanisāsuttam).

(Kinh này được Đức Thế Tôn thuyết giảng, Đức Xá lợi phất, rồi Ngài Ānanda thuyết giảng lại cho các Tỳkhuu).

- Nay các Tỳkhuu, ác giới, phá giới, đưa đến hoại diệt (*hatūpaniso*)⁽³⁾ "không hồi cải" (*avippatisāro*).

- Không có (asati) hồi cải, không hồi cải đầy đủ, đưa đến hoại diệt "hân hoan" (*pāmojjam*).

- Không hân hoan, hân hoan không đầy đủ, đưa đến hoại diệt "hỷ" (*pīti*).

- Không có hỷ, hỷ không đầy đủ, đưa đến hoại diệt "khinh an" (*passaddhi*).

- Không có khinh an, khinh an không đầy đủ, đưa đến hoại diệt "lạc" (*sukham*).

- Không có lạc, lạc không đầy đủ, đưa đến hoại diệt "chánh định" (*sammāsamādhī*).

- Không có chánh định, chánh định không đầy đủ, đưa đến hoại diệt "thấy biết sự thật" (*yathābhūtañānadassanam*).

- Không có "thấy biết sự thật", "thấy biết sự thật" không đầy đủ, đưa đến hoại diệt "nhàm chán ly tham" (*nibbidāvirāgo*).

- Không có "nhàm chán ly tham", "nhàm chán ly tham" không đầy đủ, đưa đến hoại diệt "thấy - biết giải thoát" (*vimuttiñānadassanam*).

Ví như cây không có nhánh lá thì vỏ ngoài, vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến viên mãn.

Ngược lại,

- Có giới, giới đầy đủ, đưa đến trọn vẹn (*upanisāsampanno*) "không ân hận".

- Không ân hận, không ân hận đầy đủ, đưa đến trọn vẹn "hân hoan".

- Có hân hoan, hân hoan đầy đủ, đưa đến trọn vẹn hỷ.

- Có hỷ, hỷ đầy đủ, đưa đến đầy đủ trọn vẹn lạc.

- Có lạc, lạc đầy đủ đưa đến trọn vẹn chánh định.

- Có chánh định, chánh định đầy đủ, đưa đến trọn vẹn "thấy biết sự thật".

- Có "thấy biết sự thật", "thấy biết sự thật" đầy đủ, đưa đến trọn vẹn "nhàm chán ly tham".

- Có thấy "nhàm chán ly tham", "nhàm chán ly tham" đầy đủ, đưa đến trọn vẹn "thấy - biết giải thoát"⁽⁴⁾.

27'- Kinh Định (Samādhisuttam).

Trả lời câu hỏi của Ngài Ānanda: "Như thế nào, vị Tỳkhuu chứng thiền định, có thể ở trong đất, không tưởng đến đất ...?".

Đức Xá lợi phất cho biết: "Khi ở trong rừng Andha, tôi chứng được thiền định như sau: Trong đất, có thể không tưởng đến đất; trong nước, có thể không tưởng đến nước; trong lửa, có thể không tưởng đến lửa; trong gió, có thể không tưởng đến gió; trong "Không vô biên xứ", có thể không tưởng đến "Không vô biên xứ"; trong "Thức vô biên xứ", có thể không tưởng đến "Thức vô biên xứ"; trong "Vô sở hữu xứ", có thể không tưởng đến "Vô sở hữu xứ"; trong "Phi tưởng phi tưởng xứ", có thể không tưởng đến "Phi tưởng phi tưởng xứ"; trong "thế giới hiện tại", có thể không tưởng đến "thế giới hiện tại"; trong "thế giới đời sau", có thể không tưởng đến "thế giới đời sau". Tuy vậy, tôi vẫn có tưởng".

Đức Xá lợi phất cho Ngài Ānanda biết, Ngài có tưởng: "Hữu diệt là Nípàn" (*bhavanirodho nibbāna'nti*)⁽⁵⁾.

28'- Kinh Với tâm mình (Sacittasuttam).

Bài kinh này được Đức Thế Tôn thuyết cho các Tỳkhuu. Đức Xá lợi phất học thuộc rồi thuyết giảng lại cho các vị Tỳkhuu khác.

(1)- A.iv, 402. Chương 9 pháp.

(2)- A. iv. 414. Chương 9 pháp.

(3)- *Hatūpaniso*. Tập sớ giải thích: Hata kaarano : "Đưa đến hoại diệt".

(4)- A.v, 4; A.v, 5. Chương 10 pháp.

(5)- A.v, 7; A.v, 8. Chương 10 pháp.

Nội dung. Như một người nam hay nữ thích trang điểm, nhìn mặt mình trong gương, một tỳkheo cần nhìn vào tâm mình để xem mình có tham, sân, để tinh tấn nhanh chóng diệt trừ chúng, như quyết tâm dập tắt lửa đang cháy trên đầu⁽¹⁾.

29'- Kinh Tôn giảm (Parihānasuttam).

Đức Xá lợi phất giảng cho các Tỳkhu về pháp "tôn giảm" và pháp "không tôn giảm", là:

- Không nghe pháp chưa được nghe.
- Quên lãng (*sammosam*) pháp đã được nghe.
- Những pháp được tâm "hướng đến" (*cetaso*), nay không còn.
- Không nhận thức, không hiểu biết điều cần hiểu biết (*aviññātañceva na vijānāti*).

Đó là pháp đưa đến tôn giảm.

- Nghe pháp chưa được nghe.
- Không quên pháp đã được nghe.
- Những pháp được tâm hướng đến, đang hiện hành.
- Thông hiểu những điều chưa hiểu biết (*aviññātañceva vijānāti*).

Đó là những pháp không bị tôn giảm. Tiếp theo Đức Xá lợi phất giảng rỗng rỗng đề tài này⁽²⁾.

30'- Kinh Lạc (Sukhasuttam).

Đây là nói về hai cuộc đàm luận giữa Đức Xá lợi phất và du sĩ Sāmaṇḍakāni tại làng Nālāka.

Du sĩ Sāmaṇḍakāni đến viếng Đức Xá lợi phất, rồi hỏi:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, thế nào là khổ, thế nào là lạc?
- Nay hiền giả Sāmaṇḍakāni, tái sinh là khổ, không tái sinh là lạc.

Lần khác, du sĩ Sāmaṇḍakāni đến viếng Đức Xá lợi phất, rồi hỏi:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, thế nào là khổ, thế nào là lạc?
- Nay hiền giả Sāmaṇḍakāni, không thích ý trong Pháp luật này là khổ, thích ý trong Pháp luật này là lạc⁽³⁾.

31'- Kinh Nalapakāna.

Tại rừng Palāsavana trong làng Nalapakāna, Đức Thế Tôn giảng pháp đến nửa khuya. Thấy các Tỳkhu đang phấn khởi, Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá lợi phất thay Đức Thế Tôn tiếp tục thuyết để Ngài ngã lưng.

Ngài Xá lợi phất giảng "với hạng người":

*Không có lòng tin trong thiện pháp, không có xấu hổ trong thiện pháp, không có sợ hãi trong thiện pháp, không có tinh tấn trong thiện pháp, ác tuệ, phẫn nộ, hiểm hận, ác dục, có ác bằng hữu.

Với người ấy bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là *tổn giảm* trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng.

Ví như trăng đến thời tối, bất luận đêm hay ngày, trăng tổn giảm về sắc, về hình tròn, về ánh sáng, về bề rộng quỹ đạo (*ārohapariṇāhena*).

"Với hạng người":

* Có lòng tin trong thiện pháp, có xấu hổ trong thiện pháp, có sợ hãi trong thiện pháp, có tinh tấn trong thiện pháp, có trí tuệ, không phẫn nộ, không hiểm hận, không ác dục, không có ác bằng hữu.

Với người ấy bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là *tăng trưởng* trong các thiện pháp, không phải tổn giảm.

Ví như trăng đến thời sáng, bất luận đêm hay ngày, trăng tăng trưởng về sắc, về hình tròn, về ánh sáng, về bề rộng quỹ đạo.

Sau đó, Đức Thế Tôn ngồi dậy và tán thán Ngài Xá lợi phất⁽⁴⁾.

32'- Kinh Sức mạnh diệt trừ ô nhiễm (Khīṇāsavabalaṣuttam).

Đức Thế Tôn hỏi Ngài Xá lợi phất:

- "Này Xá lợi phất, vị Tỳkhu đã diệt trừ ô nhiễm có bao nhiêu sức mạnh?"
- Bạch Thế Tôn, vị Tỳkhu đã diệt trừ ô nhiễm, có 10 sức mạnh là:

*Với chánh trí khéo thấy như thật các hành là vô thường.

*Với chánh trí khéo thấy như thật các dục ví như "hổ than hừng".

*Tâm hướng về viễn ly.

*Khéo tu tập bốn Niệm xứ.

* Khéo tu tập bốn Chánh cần.

(1)- A.v, 92; A.v, 94. Chương 10 pháp.

(2)- A.v, 102. Chương 10 pháp.

(3)- A.v, 120; A.v, 121. Chương 10 pháp.

(4)- A.v, 122. Chương 10 pháp.

- *Khéo tu tập bốn Như ý.
- *Khéo tu tập năm Quyền (indriya) .
- *Khéo tu tập năm lực.
- *Khéo tu tập bảy Giác chi.
- *Khéo tu tập Thánh đạo 8 chi phần⁽¹⁾.

33'- Kinh Những nguyên nhân (Upanissāsuttam).

Tương tự như A.v,4; A.v, 5; nhưng ở đây "*nhàm chán ly tham*"(nibbidāyavirāgo) được phân làm hai là "*nhàm chán*" và "*ly tham*", nên có 11 pháp⁽²⁾.

34'- Kinh Tướng (Saññāsuttam).

Tương tự như *kinh Định* (xem A.v, 7; A.v, 8), nhưng ở đây Đức Xá lợi phất giải thích thêm cho Ngài Ānanda biết về các tướng: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ các hành, sự từ bỏ "nương sinh", sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, viên tịch (nibbāna)"⁽³⁾.

35'- Kinh Định (Samādhisuttam)⁽⁴⁾

4- Tướng ứng bộ kinh (Saṃyuttanikāya).

Trong Tập Tướng Ứng bộ kinh có một chương chuyên đề về Đức Xá lợi phất, gọi là "Tướng ứng Xá lợi phất" (Sāriputtasamyutta), có các bài kinh:

1'- Kinh Thanh vắng (Vivekajasuttam).

Có lần Đức Xá lợi phất sau khi vào thành Xá vệ khất thực, thọ thực xong Ngài đi vào rừng Andha để nghỉ trưa.

Vào buổi chiều Đức Xá lợi phất từ chỗ thiền tịnh trở về Đại tự Kỳ viên của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường.

Ngài Ānanda trông thấy Đức Xá lợi phất từ xa đi đến, đã tán thán rằng:

- Hiền giả Xá lợi phất, các quyền (indriya) của hiền giả lắng dịu, sắc mặt trong sáng. Hôm nay hiền giả an trú trong sự an trú nào?

Đức Xá lợi phất cho biết: "Ngài an trú trong Sơ thiền, nhưng không có khởi lên ý nghĩ "tôi đang chứng nhập Sơ thiền", hay "tôi đã chứng nhập Sơ thiền" hoặc "tôi đã ra khỏi Sơ thiền".

Và Ngài Ānanda đã nhận định rằng: "Như vậy, chắc chắn hiền giả trong một thời gian dài đã khéo nỗ tận gốc "cái tôi, cái củatôi, cùng ngã mạn ngủ ngầm" (*aharikāramamanikāramānānusayā susamūhatā.*)⁽⁵⁾.

2'- Kinh Không tâm (Avitakkasutta).

Tương tự như kinh trên, ở đây chỉ khác là Nhị thiền

3'- Kinh Hỷ (Pīṭisuttam).

Tương tự như bài kinh trên, ở đây chỉ khác là Tam thiền.

4'- Kinh Xả (Upekkhāsuttam).

Tương tự như kinh trên, ở đây chỉ khác là Tứ thiền.

5'- Kinh Không vô biên xứ (Ākāśañāñcāyatanasuttam).

Tương tự như kinh trên, ở đây chỉ khác là Không vô biên xứ thiền.

6'- Kinh Thức vô biên xứ (Viññāṇañcāyatanasuttam).

Tương tự như kinh trên, ở đây chỉ khác là Thức vô biên xứ thiền.

7'- Kinh Vô sở hữu xứ (Ākiñcaññāyatanasuttam).

Tương tự như kinh trên, ở đây chỉ khác là Vô sở hữu xứ thiền.

8'- Kinh Phi tướng phi phi tướng xứ (Nevasaññānāsaññāyatanasuttam).

Tương tự như kinh trên, ở đây chỉ khác là Phi tướng phi phi tướng xứ thiền.

9'- Kinh Chứng Định diệt (Nirodhasamāpattisuttam).

Tương tự như kinh trên, ở đây chỉ khác là "Chứng Định diệt".

Có thể hiểu cả 9 bài kinh trên được Đức Xá lợi phất giảng trong một lần.

10'- Kinh Sūcimukhī (Sūcimukhī).

Khi Đức Xá lợi phất trú ở "rừng Trúc", nơi nuôi dưỡng những con sóc, gần thành Vương xá.

Rồi vào buổi sáng Ngài đi vào thành Vương xá khất thực, rồi đi đến nơi thanh vắng để thọ thực, lưng dựa vào bức tường.

Rồi nữ du sĩ ngoại đạo Sūcimukhī đi đến hỏi rằng:

- Này Samôn, có phải người ăn cúi mặt xuống?

(1)- A.v, 174. Chương 10 pháp.

(2)- A.v, 315. Chương 11 pháp.

(3)- A.v, 319. Chương 11 pháp.

(4)- A.v, 356 – 357. Chương 11 pháp.

(5)- S.iii, 235. Kinh Thanh vắng (Vivekajasuttam.).

- Nay chị, tôi ăn không cúi mặt xuống.
- Vậy Samôn, người ăn ngược mặt lên?
- Nay chị, tôi ăn không ngược mặt lên.
- Vậy Samôn, người ăn nhìn bốn phương chính?
- Nay chị, tôi ăn không hướng về 4 phương chính.
- Vậy Samôn, người ăn hướng về 4 phương phụ?
- Nay chị, tôi ăn không hướng về 4 phương phụ.

Rồi Đức Xá lợi phất giải thích:

*Ăn cúi mặt xuống là nuôi mạng bằng cách xem địa lý (vatthuvajjā), hoặc súc sinh minh⁽¹⁾.

*Ăn ngược mặt lên là nuôi mạng bằng cách xem thiên văn (nakkhattavijjā).

*Ăn nhìn bốn phương chính là nuôi mạng bằng cách đưa tin tức, làm môi giới.

*Ăn nhìn bốn phương phụ là nuôi mạng bằng những nghề bói toán.

Đức Xá lợi phất không nuôi mạng bằng những nghề như thế, sau khi tìm được những vật thực hợp pháp (là đi xin ăn), Ngài thọ dụng.

Nữ du sĩ Sucimukhī đi từ đường này sang đường khác tán thán rằng: “Những Samôn Thích tử tìm và dùng vật thực đúng pháp, tìm và dùng vật thực không có lỗi lầm. Hãy cúng dường đến các Samôn Thích tử⁽²⁾”.

Ngoài ra còn một số bài kinh khác được ghi nhận trong tập Tương ưng bộ kinh (Samyuttanikāya) như sau.

1”- Kinh Ngoại đạo sư’ (Aññatitthiyasuttam).

Một lần nọ, Đức Xá lợi phất đến khu vườn của các du sĩ ngoại giáo, các du sĩ đã hỏi Đức Xá lợi phất rằng:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, một số Samôn, Bà lamôn chủ trương về nghiệp, tuyên bố: *Khổ* do tự mình làm; khổ do người khác làm; khổ do tự mình làm và do người khác làm; khổ không do tự mình làm, không do người khác làm. Nay hiền giả Xá lợi phất, Samôn Gotama thuyết như thế nào?

- Nay chư hiền giả, Đức Thế Tôn tuyên bố: **“Khổ do duyên xúc”** (cả bốn trường hợp trên đều do duyên xúc).

Ngài Ānanda nghe được câu chuyện trên, trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn xác nhận “Ngài có tuyên thuyết như thế khi đến vườn của các du sĩ ngoại giáo, các du sĩ đã tán thán: “Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay, thật vi diệu thay; làm sao tất cả nghĩa được nói “chỉ trong một câu”.

Bạch Thế Tôn, nếu nghĩa này được nói rộng ra, nghĩa này sẽ *sâu thẳm* (gambhiro), được *xem là sâu thẳm* (gambhīrāvabhāso)”.

Đức Thế Tôn bảo Ngài Ānanda hãy trình bày ý nghĩa này. Ngài Ānanda đáp:

- Bạch Thế Tôn, nếu các du sĩ hỏi con: “Nay Ānanda, già chết lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sinh, lấy gì hiện hữu?”, Bạch Thế Tôn con sẽ trả lời, thưa các tôn giả, *già chết lấy sinh* (jāti) làm nhân, lấy sinh làm tập khởi, lấy sinh làm tác sinh, lấy sinh làm hiện hữu.

Sinh lấy *hữu* (bhava) làm nhân ... hữu lấy *thủ* (upādāna) làm nhân ... thủ lấy *ái* làm nhân... ái lấy *thọ* (vedanā) làm nhân ... thọ lấy *xúc* (phassa) làm nhân ... xúc lấy *xứ* (āyatana) làm nhân ...⁽³⁾.

2”- Kinh Bhūmija (Bhūmijasuttam).

Ngài Bhūmija đến viếng Đức Xá lợi phất, hỏi rằng:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, có những Samôn, Bà lamôn chủ trương về nghiệp, tuyên bố: *Khổ lạc* do tự mình làm; khổ do người khác làm; khổ do tự mình làm và do người khác làm; khổ không do tự mình làm, không do người khác làm. Thưa hiền giả Xá lợi phất, Đức Thế Tôn thuyết như thế nào?

- Thưa hiền giả Bhūmija, Đức Thế Tôn tuyên bố: **“Khổ lạc do duyên xúc”** (cả bốn trường hợp trên đều do duyên xúc).

Ngài Ānanda nghe được câu chuyện trên, trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn xác nhận “Ngài có tuyên thuyết như thế”.

Rồi Đức Thế Tôn giảng rộng đến Ngài Ānanda.

“Tự thân làm”, “do thân người khác làm”; “do tự nói”, do “lời nói người khác” bên trong khởi lên khổ lạc. Cả 6 pháp này do vô minh làm duyên, nội thân phát sinh khổ lạc; cả sáu pháp này do diệt trừ được vô minh, nội thân phát sinh khổ lạc⁽⁴⁾.

3’- Kinh Xuất hiện (Bhūtasutta).

(1)- *Súc sinh minh* là xem tường các loài vật quý hay không quý như ngựa quý, voi quý ... để định giá các con vật ấy.

(2)- S.iii, 238.

(3)- S.ii, 32.

(4)- S.ii, 37.

Đức Thế Tôn hỏi Ngài Xá lợi phất về câu hỏi của Ngài Ajita trong kinh "Con đường đến bờ kia" (Parāyanasuttam)⁽¹⁾.

4"- Kinh Kalāra (Kalārasuttam).

Tỳkhuu Kalāra dòng Sát đê lỵ (Kalārakhattiya) đi đến Đức Xá lợi phất báo tin Tỳkhuu Moliya Phagguna đã từ bỏ học tập và hoàn tục. Đức Xá lợi phất nói:

- Vậy vị Tôn giả ấy không tìm được an ổn trong Pháp luật này.
- Vậy Tôn giả Xá lợi phất đạt được an ổn trong pháp luật này?.
- Nay hiền giả, tôi không có nghi ngờ gì.
- Nay hiền giả, còn đối với tương lai?
- Nay hiền giả, tôi không có băn khoăn.

Tỳkhuu Kalāra đi đến Đức Thế Tôn, bạch với Đức Thế Tôn câu chuyện này. Đức Thế Tôn cho gọi Ngài Xá lợi phất đến, hỏi Ngài Xá lợi phất một số vấn đề.

Đức Thế Tôn tán thán các câu trả lời, nhưng Ngài Xá lợi phất thú nhận với các bậc đồng phạm hạnh rằng "Ngài cảm thấy lo lắng lúc câu hỏi đầu tiên được nêu lên, và chỉ khi Phật chấp nhận lời đáp của Ngài, Ngài mới tự tin"⁽²⁾.

5"- Kinh Bó lau (Nalāpalāpiyasuttam).

Đàm luận giữa Đức Xá lợi phất và Ngài Mahā Kottṭhika tại vườn Nai (Migadāya) ở Isipatana (Tiên nhân rơi rụng), trong xứ Balanai (Bāraṇasī).

Đức Xá lợi phất nói về nhơn duyên, ví như hai bó lau dựa vào nhau để đứng vững; nếu một bó ngã, bó kia cũng sẽ ngã theo⁽³⁾.

6"- Kinh Đường kinh hành (Caṅkamasuttam).

Khi Đức Thế Tôn ngự trú gần thành Vương xá, nơi đỉnh "núi Kên kên" (Gijjhakūṭa). Bấy giờ Đức xá lợi phất với một số Tôn giả cùng hội chúng của mình đi kinh hành không xa Đức Thế Tôn bao nhiêu.

Đức Thế Tôn dạy các Tỳkhuu đang ngồi vây quanh Đức Thế Tôn rằng:

- Các Tỳkhuu hội chúng của Xá lợi phất, là những vị có đại trí.
- Các Tỳkhuu hội chúng của Muckiền liên, là những vị có đại thần thông.
- Các Tỳkhuu hội chúng của Mahā Kassapa, là những vị chủ trương giữ hạnh "đầu đà"

(dhutaṅga).

- Các Tỳkhuu hội chúng của Anuruddha, là những vị có thiên nhãn.
- Các Tỳkhuu hội chúng của Puṇṇa Matāniputta, là những vị thuyết giảng pháp.
- Các Tỳkhuu hội chúng của Upāli, là những vị trì Luật.
- Các Tỳkhuu hội chúng của Ānanda, là những vị "nghe nhiều" (bahusuttam).
- Các Tỳkhuu là hội chúng của Tôn giả Deavdatta (Đề bà đát đà), là ác dục (dāgicchā).

Đức Thế Tôn dạy: "Nay các Tỳkhuu, chúng sinh thời quá khứ, thời vị lai hay thời hiện tại, tùy thuộc theo giới, các chúng sinh hòa hợp cùng đi với nhau"⁽⁴⁾.

7"- Kinh Không biết sợ (Anottāpīsutta).

Ghi lại cuộc đàm luận giữa Đức Mahā Kassapa và Đức Xá lợi phất ở vườn Nai (Migadāya), nơi Isipatana (Tiên nhân rơi xuống) trong xứ Balanai (Bāraṇasī).

Đức Xá lợi phất hỏi Đức Mahā Kassapa rằng:

- Nay hiền giả Kassapa, được nói rằng: "Không có nhiệt cần"⁽⁵⁾, không có "biết sợ"⁽⁶⁾, thì không thể giác ngộ, không thể có Níp bàn, không thể chứng đạt vô thượng an ổn.

Và "có nhiệt cần, có biết sợ", có thể có giác ngộ, có thể có Níp bàn, có thể có chứng đạt vô thượng an ổn.

Nay hiền giả Kassapa, như thế nào là "không có nhiệt cần? Như thế nào là "không có biết sợ"? Như thế nào là "có nhiệt cần"? Như thế nào là "có biết sợ"?

Đức Mahā Kassapa giải đáp bốn câu hỏi trên như sau:

* **Không có nhiệt cần.** Vị Tỳkhuu suy nghĩ: "Những pháp bất thiện nếu chúng khởi lên nơi ta, đưa đến bất lợi". Nhưng vị ấy không khởi lên cố gắng ngăn chặn, không cho các pháp bất thiện không khởi lên.

(1)- S.ii, 47.

(2)- S.ii, 50.

(3)- S.ii, 112.

(4)- S.ii, 155.

(5)- *Anātāpi*: "Không có nhiệt cần", là không có cố gắng để diệt trừ những ô nhiễm trong nội tâm.

(6)- *Anottāpi*: là không biết sợ "những pháp bất thiện khởi lên, thời những pháp bất thiện biến mất".

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp bất thiện đang có trong ta, chúng đưa đến bất lợi”. Nhưng vị ấy không khởi lên cố gắng diệt trừ các pháp bất thiện đang khởi lên.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện, nếu chúng không khởi lên nơi ta, có thể đưa đến bất lợi”. Nhưng vị ấy không khởi lên cố gắng làm cho các thiện pháp sinh lên.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện đang khởi lên nơi ta, nếu chúng bị diệt mất, có thể đưa đến bất lợi”. Nhưng vị ấy không khởi lên cố gắng gìn giữ các thiện pháp đang sinh khởi.

Như vậy gọi là **“không có nhiệt cần”**.

***Không có biết sợ.** Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp bất thiện nếu chúng khởi lên nơi ta, đưa đến bất lợi”. Nhưng vị ấy không “biết sợ những pháp bất thiện khởi lên”.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp bất thiện đang khởi lên nơi ta, nếu chúng không bị tiêu diệt, đưa đến bất lợi”. Nhưng vị ấy không biết sợ “những pháp bất thiện đang khởi lên”.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện nếu chúng không khởi lên nơi ta, có thể đưa đến bất lợi”. Nhưng vị ấy không biết sợ “những pháp thiện không khởi lên”.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện đang khởi lên nơi ta, nếu chúng bị tiêu diệt, đưa đến bất lợi”. Nhưng vị ấy không biết sợ “những pháp thiện đang khởi lên bị tiêu diệt”.

Như vậy gọi là **“không biết sợ”**.

***Có nhiệt cần.** Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp bất thiện nếu chúng khởi lên nơi ta, đưa đến bất lợi”. Vị ấy cố gắng không cho các pháp bất thiện khởi lên.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp bất thiện đang khởi lên nơi ta, nếu chúng không bị tiêu diệt, đưa đến bất lợi”. Vị Tỳkhuu cố gắng tiêu diệt những pháp bất thiện đang khởi lên.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện nếu chúng không khởi lên nơi ta, đưa đến bất lợi”. Vị ấy cố gắng “làm cho những pháp thiện khởi lên”.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện đang khởi hiện nơi ta, nếu chúng bị tiêu diệt, đưa đến bất lợi”. Vị Tỳkhuu cố gắng gìn giữ những pháp thiện đang sinh khởi.

Như vậy gọi là **“có nhiệt cần”**.

***Có biết sợ.** Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp bất thiện nếu chúng khởi lên nơi ta, đưa đến bất lợi”. Vị Tỳkhuu sợ những pháp bất thiện khởi lên.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp bất thiện đang sinh khởi nơi ta, nếu chúng không bị tiêu diệt, đưa đến bất lợi”. Vị Tỳkhuu sợ những pháp bất thiện đang sinh khởi.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện nếu chúng không sinh khởi nơi ta, đưa đến bất lợi”. Vị Tỳkhuu sợ “những pháp thiện không sinh khởi”.

Vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Những pháp thiện đang sinh khởi nơi ta, nếu chúng bị tiêu diệt, đưa đến bất lợi”. Vị Tỳkhuu sợ “những pháp thiện đang sinh khởi bị tiêu diệt”.

Như vậy gọi là **“có biết sợ”**⁽¹⁾.

8”-Kinh Upatissa (Upatissasuttam).

Đức Xá Lợi Phất thuyết giảng cho các Tỳkhuu rằng: “Khi độc cư thiền tịnh, Ngài suy nghĩ: “Ở đây, không có cái gì trong đời, khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi ta sâu bi, khổ, ưu não”.

Nghe vậy, Ngài Ānanda hỏi Đức Xá Lợi Phất rằng:

- Này hiền giả Xá Lợi Phất, Bạc Đạo sư khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, có thể khởi lên nơi hiền giả sâu, bi, khổ, ưu não (không)?

- Này hiền giả Ānanda, Bạc Đạo sư khi bị biến hoại, trạng huống đổi khác, không có thể khởi lên nơi tôi sâu, bi, khổ, ưu não. Nhưng tôi có thể suy nghĩ: “Mong rằng bạc đại thể lực, Bạc Đạo sư có đại thần thông, có đại uy lực, chớ có biến diệt. Nếu Bạc Đạo sư an trú lâu dài thời như vậy thời thật là hạnh phúc cho chúng sinh, thật là an lạc cho chúng sinh ...”⁽²⁾.

9”- Kinh Nakulapitā (Nakulapitāsuttam).

Gia chủ Nakulapitā (cha của Nakula) đến yết kiến Đức Phật tại Bhesakalāvana, xin Đức Thế Tôn giáo giới vắn tắt cho ông, để ông được an lạc trong lúc tuổi già thường hay đau yếu.

Đức Thế Tôn Phật dạy ông: “ Này gia chủ, dù thân có bệnh nhưng tâm sẽ không bị bệnh”.

Rồi ông đến viếng Đức Xá Lợi Phất, trình bày lại câu chuyện trên, Đức Xá Lợi Phất hỏi: “Nhưng này gia chủ, gia chủ có hỏi Đức Thế Tôn: Như thế nào thân có bệnh nhưng tâm sẽ không bị bệnh?”

Gia chủ Nakulapitā xin Đức Xá Lợi Phất giải thích ý nghĩa “thân có bệnh nhưng tâm sẽ không bị bệnh”.

Đức Xá Lợi Phất giải thích là: “Diệt trừ *cái tôi* hay *cái của tôi* đối với 5 uẩn”⁽³⁾.

(1)- S.ii, 195.

(2)- S.ii, 274.

(3)- S.iii, 1.

10"- Kinh Devadaha (Devadahasutta).

Đức Thế Tôn khi trú ở Devadaha, một thị trấn của dân Sakka. Một số đông Tỳkhuu muốn đi đến "vùng đất phương Tây" (pacchābhūma) để trú ngụ.

Các vị Tỳkhuu ấy đến dành lễ Đức Thế Tôn, xin phép được đến "vùng đất phương Tây" để trú ngụ. Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳkhuu ấy hãy đến xin phép Xá lợi phất".

Đức Xá lợi phất dạy các Tỳkhuu ấy những câu trả lời khi các Sát đê ly hiền trí⁽¹⁾, các Balamôn hiền trí⁽²⁾, các gia chủ hiền trí⁽³⁾, các samôn hiền trí⁽⁴⁾ có thể:

Hỏi. Bậc Đạo sư của Tôn giả nói gì? Tuyên bố gì?

Đáp. Nay các hiền giả, Bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục **ước muốn và khao khát** (chandarāgavinayakkhāyī).

Hỏi. Đối với cái gì Bậc Đạo sư của Tôn giả nói đến sự điều phục ước muốn và khao khát?

Đáp. Đối với sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Hỏi. Do thấy nguy hiểm gì mà điều phục ước muốn, khao khát sắc, thọ, tưởng, hành và thức?

Đáp. Đối với sắc, ai chưa xa lìa khao khát (vigatarāgassa), chưa xa lìa ước muốn (vigatachandassa), chưa xa lìa thương yêu (vigatapemassa), chưa xa lìa khao khát (vigatapipāsassa), chưa xa lìa nhiễm đắm (vigataparilāhassa), chưa xa lìa ái (vigatatanhassa); khi sắc ấy biến hoại đổi khác, khởi lên sâu, bi, khổ ưu não.

Đối với thọ Đối với tưởng ... Đối với hành....

Đối với thức, ai chưa xa lìa khao khát, chưa xa lìa ước muốn, chưa xa lìa thương yêu, chưa xa lìa khao khát, chưa xa lìa nhiễm đắm, chưa xa lìa ái; khi thức ấy biến hoại đổi khác, khởi lên sâu, bi, khổ ưu não.

Do thấy nguy hiểm này, nên điều phục ước muốn, khao khát sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Hỏi. Do thấy được lợi ích gì, nên điều phục ước muốn, khao khát đối với sắc, thọ, tưởng, hành và thức?

Đáp. Do thấy được lợi ích: Khi sắc ấy biến hoại đổi khác, không khởi lên sâu, bi, khổ ưu não. Khi thọ ấy ... khi tưởng ấy ... khi hành ấy ... khi thức ấy biến hoại đổi khác, không khởi lên sâu, bi, khổ ưu não ...

(Đoạn kinh văn tiếp theo khó hiểu, chúng tôi tạm dịch, nhưng trích dẫn nguyên bản Chánh kinh. Nếu có nhầm lẫn xin thành tâm sám hối Pháp bào, xin các bậc cao đức rộng dung).

Akusale cāvuso, dhamme upasampajja viharato ditthe ceva dhamme sukho vihāro abhaviṣṣa avighāto anupāyāso aparilāho, kāyassa ca bhedaṃ paraṃ marañā sugati pāṭikaṅkhā, nayidaṃ bhagavā akusalānaṃ dhammānaṃ pahānaṃ vaṇṇeyya.

"Và này các hiền giả, đạt và trú trong pháp "không phải thiện", và sống an lạc trong hiện tại, không khởi sinh (abhaviṣṣa), không có chướng ngại, không có sâu khổ, không có đắm nhiễm. Sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là nhân cảnh. Đây không phải là diệt trừ pháp bất thiện bị Đức Thế Tôn khiển trách".

Yasmā ca kho, āvuso, akusale dhamme upasampajja viharato ditthe ceva dhamme dukkho vihāro savighāto saupāyāso saporilāho, kāyassa ca bhedaṃ paraṃ marañā duggati pāṭikaṅkhā, tasmā bhagavā akusalānaṃ dhammānaṃ pahānaṃ vaṇṇeti.

"Nhưng này các hiền giả, đạt và trú trong pháp bất thiện, và sống đau khổ trong hiện tại, có chướng ngại, có sâu khổ, có đắm nhiễm. Sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là khổ cảnh. Do vậy, không đoạn tận pháp bất thiện, bị Đức Thế Tôn khiển trách.

Kusale cāvuso, dhamme upasampajja viharato ditthe ceva dhamme dukkho vihāro abhaviṣṣa savighāto saupāyāso saporilāho, kāyassa ca bhedaṃ paraṃ marañā duggati pāṭikaṅkhā, nayidaṃ bhagavā kusalānaṃ dhammānaṃ upasampadaṃ vaṇṇeyya.

"Và này các hiền giả, đạt và trú trong pháp thiện, và sống đau khổ trong hiện tại, không khởi sinh, có chướng ngại, có sâu khổ, có đắm nhiễm. Sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là khổ cảnh. Đây không phải là "đạt được pháp thiện" bị Đức Thế Tôn khiển trách".

Yasmā ca kho, āvuso, kusale dhamme upasampajja viharato ditthe ceva dhamme sukho vihāro avighāto anupāyāso aparilāho, kāyassa ca bhedaṃ paraṃ marañā sugati pāṭikaṅkhā, tasmā bhagavā kusalānaṃ dhammānaṃ upasampadaṃ vaṇṇeti

(1)- Như vua Bimbisāra (Binhsa).

(2)- Như Balamôn Cankī và Tarukkha.

(3)- Như gia chủ Citta, gia chủ Sudatta (ông Cẩpcôđộc).

(4)- Như Sabhiya .

'Nhưng này các hiền giả, đạt và trú trong pháp thiện, và sống an lạc trong hiện tại, không có chướng ngại, không có sầu khổ, không có đắm nhiễm. Sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là khổ cảnh. Do vậy, "đạt được pháp thiện" bị Đức Thế Tôn khiển trách.

Các vị Tỳkhuu hoan hỷ lời dạy của Đức Xá lợi phất⁽¹⁾.

11"- Kinh Yamaka (Yamakasuttam).

Khi Đức Xá lợi phất trú ở Đại tự Kỳ viên của trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xá vệ (Sāvattthi).

Bấy giờ Trưởng lão Yamaka khởi lên ác tà kiến rằng: "Như ta hiểu lời giảng pháp của Đức Thế Tôn, "vị Tỳkhuu diệt trừ mọi ô nhiễm, khi thân hoại mệnh chung, tiêu diệt, không còn gì sau khi chết" (*yathā khīṇāsavo bhikkhu kāyassa bheda ucchijjati vinassati, na hoti param maraṇā'ti*).

Bản Sớ giải thích: Vào thời Đức Phật, các ngoại giáo đã xuyên tạc lời dạy của Đức Thế Tôn như trên, và họ đã kết luận "Samôn Gotama chủ trương hư vô luận hay đoạn diệt luận". Tập sớ giải thích thêm là: "Nếu Trưởng lão Yamaka có quan điểm: "Vị Tỳkhuu diệt trừ mọi ô nhiễm, sau khi mệnh chung **chấm dứt tái sinh**", thì không phải là ác tà kiến"⁽²⁾.

Giải thích.

Nếu cho rằng: Vị Thánh Alahán sau khi viên tịch "*tiêu diệt không còn gì*", nghĩa là cho rằng vị Thánh Alahán "**có cái gì đó**", nên "**cái đó**" bị tiêu diệt, tức là rơi vào "thường kiến". Thật sự, "tất cả đều là **trống rỗng** (suññata)", ngay cả giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng là "vô ngã".

Nghê vậy, nhiều vị Tỳkhuu là bậc đồng Phạm hạnh của Trưởng lão Yamaka nói rằng: "Này hiền giả Yamaka, chớ có xuyên tạc Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn không có dạy như thế". Nhưng Trưởng lão Yamaka vẫn kiên trì, không từ bỏ ác tà kiến ấy, các vị Tỳkhuu trình lên Đức Xá lợi phất về ác tà kiến của Trưởng lão Yamaka, thỉnh cầu Đức Xá lợi phất giải trừ ác kiến ấy cho Trưởng lão Yamaka.

Đức Xá lợi phất im lặng nhận lời, rồi Ngài đi đến Trưởng lão Yamaka; sau khi xác nhận Trưởng lão Yamaka có ác tà kiến.

Đức Xá lợi phất hỏi Trưởng lão Yamaka rằng:

a- Này hiền giả Yamaka, hiền giả nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, thưa hiền giả.

- Thọ ... tưởng hành thức là thường hay vô thường?

- Là vô thường, thưa hiền giả.

b- Này hiền giả Yamaka, hiền giả có thấy *chúng sinh* là sắc không? (*rūpaṃ tathāgatoti samanupassasī'ti?*)⁽³⁾.

- Thưa không, này hiền giả.

- Là thọ ... là tưởng ... là hành là thức không?

- Thưa không, này hiền giả.

c- Này hiền giả Yamaka, hiền giả có thấy *chúng sinh có trong sắc* không (*rūpasmim tathāgatoti samanupassasī'ti?*)⁽⁴⁾?

- Thưa không, này hiền giả.

- Hiền giả có thấy *chúng sinh ở ngoài sắc* không? (*aññatra rūpā tathāgatoti samanupassasī'ti?*)

- Ở trong thọ ... ở ngoài thọ ... ở trong tưởng ... ở ngoài tưởng ... ở trong hành ... ở ngoài hành ... ở trong thức ... ở ngoài thức không?

- Thưa không, này hiền giả.

d- Hiền giả có thấy *chúng sinh là sắc, thọ, tưởng, hành thức* không?

- Thưa không, này hiền giả.

- Hiền giả có thấy *chúng sinh là không sắc, không thọ, không tưởng, không hành, không thức* không?

- Thưa không, này hiền giả.

e- Như vậy, này hiền giả Yamaka, ngay trong hiện tại cũng không tìm thấy một *chúng sinh* thường hằng. Thời hợp lý chẳng, khi hiền giả nói rằng: "Như ta hiểu lời Đức Thế Tôn giảng pháp: Vị Tỳkhuu diệt trừ ô nhiễm, sau khi thân hoại mệnh chung, tiêu diệt, không còn gì sau khi chết".

(1)- S.iii, 5.

(2)- SA .ii, 226.

(3)- Chữ *tathāgato* có hai nghĩa: Là "Đấng Như Lai", nếu viết *Tathāgato*, là "chúng sinh" nếu viết *tathāgato*. Trong bản kinh vẫn ghi là *tathāgato*, nên chúng tôi dịch là "chúng sinh".

(4)- Mệnh đề (b) là chỉ ra tà kiến "cho rằng: Ta là sắc, hay thọ, hay tưởng, hay hành, hay thức". Mệnh đề © chỉ ra tà kiến: "Cho rằng: "Ta có sắc hay ta có thọ Ta có thức".

- Trước kia tôi vô tri nên có ác tà kiến ấy. Nay sau khi nghe Tôn giả Xá lợi phất thuyết pháp, ác tà kiến ấy được giải trừ và pháp được tôi hoàn toàn chứng tri⁽¹⁾.

Kinh Yamaka⁽²⁾ thường được trích dẫn⁽³⁾, kinh còn được gọi là Yamakovādasutta (Kinh Giáo giới Yamaka)⁽⁴⁾.

12'- Kinh Có giới (Silavantasutta).

Khi Đức Xá lợi phất và Ngài Mahā Koṭṭhika trú ở vườn Nai (Migadaaya), nơi "Tiên nhân rơi xuống" (Isipatana), trong xứ Balanāi (Bāraṇasī).

Vào buổi chiều, Ngài Mahā Koṭṭhika đi đến đánh lễ Đức Xá lợi phất, bạch hỏi rằng:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, vị Tỳ khưu giữ giới cần phải "khởi sinh tác ý đúng" (yoniso manasikāra) những pháp nào?

- Nay hiền giả Mahā Koṭṭhika, cần phải khởi sinh tác ý đúng: "Năm thủ uẩn (pañcupādānakkhandho) là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt (gandato), mũi tên, bất hạnh (aghatato), ốm đau, người lạ (pavato), hủy hoại (palokato), rỗng không, vô ngã". Vị Tỳ khưu giữ giới có thể chứng Thánh quả Dự lưu.

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, vị Tỳ khưu đã chứng Dự lưu quả, phải "khởi sinh tác ý đúng" những pháp gì?

- Với vị Tỳ khưu đã chứng Dự lưu quả giữ giới, cần phải khởi sinh tác ý đúng: "Năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã". Vị Tỳ khưu giữ giới có thể chứng Thánh quả Nhất lai.

(Tương tự như thế, lần lượt có thể chứng Thánh quả Alahán)⁽⁵⁾.

13'- Kinh Có nghe (Sutavantasutta).

(Giống như kinh Có giữ giới, chỉ thay thế "giữ giới" bằng "**vị có nghe**")⁽⁶⁾.

14'- Kinh pháp tập khởi (Samudayadhammasutta) (2).

Khi Đức Xá lợi phất và Ngài Mahā Koṭṭhika trú ở vườn Nai (Migadaaya), nơi "Tiên nhân rơi xuống" (Isipatana), trong xứ Balanāi (Bāraṇasī).

Vào buổi chiều, Ngài Mahā Koṭṭhika đi đến đánh lễ Đức Xá lợi phất, bạch hỏi rằng:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, "*vô minh, vô minh*" được nói đến như vậy. Thưa hiền giả Xá lợi phất, như thế nào là *vô minh*? Cho đến như thế nào được gọi là *vô minh*?

- Nay hiền giả Mahā Koṭṭhika, ở đây kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ: "Sắc chịu sự tập khởi (samudayadhamma)"; không như thật biết rõ "sắc chịu sự đoạn diệt (vayadhamma)"; không như thật biết rõ "sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt".

Thọ ... tưởng ... hành ...

Này hiền giả, ở đây kẻ vô văn phạm phu không như thật biết rõ: "Thức chịu sự tập khởi"; không như thật biết rõ "thức chịu sự đoạn diệt"; không như thật biết rõ "sắc chịu sự tập khởi và đoạn diệt".

Như vậy, này hiền giả Mahā Koṭṭhika, gọi là "*vô minh*". Cho đến như vậy, gọi là "**vô minh**"⁽⁷⁾.

15'- Kinh pháp tập khởi (Samudayadhammasutta) (3)⁽⁸⁾.

Khi Đức Xá lợi phất và Ngài Mahā Koṭṭhika trú ở vườn Nai (Migadaaya), nơi "Tiên nhân rơi xuống" (Isipatana), trong xứ Balanāi (Bāraṇasī).

Vào buổi chiều, Ngài Mahā Koṭṭhika đi đến đánh lễ Đức Xá lợi phất, bạch hỏi rằng:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, "*minh, minh*" được nói đến như vậy. Thưa hiền giả Xá lợi phất, như thế nào là *minh*? Cho đến như thế nào được gọi là *minh*?

- Nay hiền giả, Mahā Koṭṭhika ở đây bậc đa văn Thánh đệ tử biết rõ như thật: "Sự tập khởi, sự đoạn diệt của sắc".

... của thọ ... của tưởng ... của hành ... của thức.

Như vậy được gọi là *minh*, cho đến như vậy được gọi là *minh*⁽⁹⁾.

15'- Kinh Vị ngọt (Assādasutta)(1).

(1)- Trưởng lão Yamaka chứng Thánh quả Dự lưu.

(2)- S.iii, 109.

(3)- Trong VibhA. 32; Vsm. 479; Vsm. 626. Thường ghi là "*Yamakato sammāsana*". Phải chăng *Yamakato* ở đây có nghĩa là "theo Yamatasutta"?

(4)- Netti, p. 30.

(5)- S.iii, 167.

(6)- S.iii, 169.

(7)- S.iii, 172.

(8)- Có một bài kinh Pháp tập khởi do Đức Thế Tôn thuyết giảng cho một vị Tỳ khưu. Hai bài này là do Đức Xá lợi phất thuyết giảng đến Ngài Mahā Koṭṭhika.

(9)- S.iii, 174.

Tại xứ Balanai (Bārāṇasī), ở vườn Nai (Migadāya), nơi “Tiên nhân rơi xuống” (Isipatana).

Ngài Mahā Koṭṭhika lại hỏi Đức Xá Lợi Phất về “ý nghĩa vô minh”. Đức Xá Lợi Phất đáp: “Do không hiểu vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của 5 uẩn, nên gọi là vô minh”.

Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi Đức Xá Lợi Phất về “ý nghĩa minh”. Đức Xá Lợi Phất đáp: “Vị Thánh đệ tử nghe nhiều, biết rõ như thật “sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của 5 uẩn. Như vậy gọi là **“minh”**”(Sđd).

(Có bài kinh tương tự như hai bài kinh trên, nhưng ở đây Đức Xá Lợi Phất hỏi và Ngài Mahā Koṭṭhika đáp).

16’- Kinh Channa (Channasuttam)⁽¹⁾.

Sau khi Đức Xá Lợi Phất ra về, Tôn giả Channa tự sát và Đức Thế Tôn tuyên bố “Tôn giả Channa vô tội” (ám chỉ Ngài Channa chứng Thánh quả Alahán).

Đức Xá Lợi Phất quy lỗi “*cho những gia đình thân thích với Tôn giả Channa*”, ở làng Pubbavijjhana (còn gọi là Pubbavajira) của dân xứ Vajji (Bạt kỳ)⁽²⁾.

Bản Sớ giải thích: Vì Ngài Channa phải lui tới với các gia đình ấy. Vị Tỳkhuu không được thường xuyên lui tới nhà gia chủ, nên các gia đình ấy “*có lỗi*” vì đã nài ép Tôn giả Channa đến nhà mình⁽³⁾.

***Trưởng lão Channa.**

Ngài sinh trưởng trong làng Pubbavijjhana của dân xứ Vajji (Bạt kỳ), Ngài có rất nhiều thân tộc ở làng này.

Chứng kiến uy lực của Đức Thế Tôn khi Ngài giải trừ ba tai nạn: Đói khát, bệnh tật và phi nhân ở kinh thành Vesālī (Quảng Nghiêm), Ngài Channa phát khởi niềm tin, xuất gia trong Tăng đoàn.

Khi trú ngụ tại núi “Kên kên” (Gijjhakūṭa), Ngài lâm trọng bệnh với nhiều đau đớn ở thể xác, hai Tông giả Xá Lợi Phất và Mahā Cunda đến viếng thăm Ngài Channa.

Đức xá lợi phất giáo giới cho Tôn giả Channa rồi cùng Ngài Mahā Cunda ra về. Sau đó, Tôn giả Channa tự sát.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: “Sau khi tự cắt cổ, Trưởng lão Channa sợ chết. Bất chợt Ngài hiểu rằng” Ta vẫn còn là phàm nhân”, hồi tưởng lại lời giáo giới của Đức Xá Lợi Phất, Trưởng lão Channa nỗ lực hành pháp “không nắm giữ năm thủ uẩn” và chứng đắc Thánh quả Alahán trước khi mệnh chung⁽⁴⁾.

17’- Kinh Sāriputtasaddhivihārika.

Một thời Đức Xá Lợi Phất trú ở Đại tự Kỳ viên của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xá vệ.

Một vị Tỳkhuu đến báo cho Đức Xá Lợi Phất biết “có một Tỳkhuu đã từ bỏ học pháp, hoàn tục”. Đức Xá Lợi Phất dạy rằng:

- Vị nào không gìn giữ các quyền (indriya) (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý).
- Không độ lượng trong ăn uống.
- Không chú tâm, tinh giác.

Vị ấy không thể sống đời sống phạm hạnh trọn vẹn.

** Thế nào là “gìn giữ các quyền”?*

Khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân nào do “con mắt” không được gìn giữ, khiến tham – ưu, các ác bất thiện khởi lên, vị Tỳkhuu chế ngự những nguyên nhân ấy, gìn giữ con mắt.

Khi tai nghe các tiếng ... khi mũi ngửi các mùi ... khi lưỡi nếm các vị chất ... khi thân đụng chạm các vật ...

Khi ý nhận thức các pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân nào do ý không được gìn giữ, khiến tham – ưu, các ác bất thiện khởi lên, vị Tỳkhuu chế ngự những nguyên nhân ấy, gìn giữ ý.

Như vậy gọi là “sự gìn giữ các quyền”.

** Thế nào là “độ lượng trong ăn uống”?*

Vị Tỳkhuu khi ăn uống, quán tưởng rằng: “Thọ dụng vật thực này, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để có sức mạnh, không phải để xinh đẹp.

Thọ dụng vật thực này để hỗ trợ cho việc thực hành phạm hạnh”.

Như vậy gọi là “độ lượng trong ăn uống”.

(1)- Xem M.iii, kinh số 114. Giáo giới Channa (Channovādasuttam).

(2)- S.iv, 55.

(3)- SA.iii, 12.

(4)- MA.ii, 1012; SA.iii, 12.

* Thế nào là "chú tâm, tình giác"?

- Ban ngày, khi đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch những pháp chướng ngại .

- Ban đêm, trong canh đầu khi đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch các pháp chướng ngại; canh giữa nằm ngủ với tư thế "sư tử nằm", tác ý tưởng đến lúc ngồi dậy; trong canh cuối khi đi kinh hành và ngồi, tâm gột sạch các pháp chướng ngại⁽¹⁾.

Như vậy gọi là "chú tâm, tình giác"⁽²⁾.

18'- Kinh Kotthika (Kotthikasuttam).

Một thời Đức Xá lợi phất và Ngài Mahā Kotthika trú ở "rừng Nai", chỗ "Tiên nhân rơi xuống", trong xứ Balanai.

Vào buổi chiều, Ngài Mahā Kotthika đi đến đánh lễ Đức Xá lợi phất, bạch hỏi rằng:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, có phải "con mắt là giây trói buộc của các sắc, hay các sắc là giây trói buộc con mắt?" Có phải tai có phải mũi ... có phải lưỡi ... có phải thân ...

Có phải ý là dây trói buộc của các pháp hay các pháp là giây trói buộc của ý?"

- Nay hiền giả Mahā Kotthika, mắt không phải là dây trói buộc của các sắc, các sắc không phải là giây trói buộc của mắt ... ý không phải là giây trói buộc của các pháp, các pháp không phải là giây trói buộc của ý.

Ví như con bò đen và con bò trắng bị cột bởi sợi giây, con bò đen không phải là giây trói buộc của con bò trắng, con bò trắng không phải là giây trói buộc của con bò đen. Do sợi giây, cái ách cột lại, cái ấy ở đây là giây trói buộc.

Nếu mắt là dây trói buộc của các sắc, các sắc là giây trói buộc của con mắt, thì Phạm hạnh chân chánh đưa đến đoạn tận khổ đau không thể tuyên bố.

Ở đây do duyên con mắt và các sắc, khởi lên **dục tham**, đó là giây trói buộc; do duyên lỗ tai và các tiếng ... do duyên mũi và các mùi ... do duyên lưỡi và các vị chất ... do duyên thân và các sự xúc chạm ...

Do duyên ý và các pháp, khởi lên **dục tham**, đó là giây trói buộc.

Nay hiền giả Mahā Kotthika, Đức Thế Tôn có mắt, với mắt Đức Thế Tôn thấy các sắc; tham dục không khởi lên nơi Đức Thế Tôn. Khéo giải thoát là tâm Đức Thế Tôn⁽³⁾.

Trong tập Tương ưng bộ kinh có một chương "Tương ưng Jambukhādaka" (Jambūkhādakasamyutta), chi chép những câu hỏi của du sĩ Jambukhādaka (cháu họ của Đức Xá lợi phất thuộc nhóm *Channaparibbājaka*, là những du sĩ "biện thuyết" hay "những du sĩ thi văn"⁽⁴⁾) hỏi Đức Xá lợi phất, như sau:.

19'- Kinh Hỏi Níp bàn (Nippānapañhāsuttam).

Một thời Đức Xá lợi phất trú ở làng Nālaka, trong xứ Makiệt đà (Magadha).

Du sĩ Jambukhādaka đến viếng Đức Xá lợi phất, rồi Du sĩ hỏi rằng:

- Nay hiền giả Xá lợi phất, "*Níp bàn, níp bàn*" được nói đến; như thế nào gọi là **Níp bàn**?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, gọi là **Níp bàn**.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc Níp bàn này?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, con đường Thánh đạo 8 chi phần đưa đến chứng đắc Níp bàn này⁽⁵⁾.

20'- Kinh Hỏi Alahán (Arahattapañhāsuttam).

Du sĩ Jambukhādaka hỏi:

- Nay hiền giả Xá lợi phất, "Alahán, Alahán" được nói đến; như thế nào gọi là **Alahán**?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si gọi là **Alahán**.

- Nay hiền giả, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến chứng đắc Alahán này?

- Nay hiền giả, con đường Thánh đạo 8 chi phần ...(sdd).

21'- Kinh Hỏi vị thuyết pháp (Dhammavādīpañhāsuttam).

Du sĩ Jambukhādaka hỏi Đức Xá lợi phất:

- Nay hiền giả Xá lợi phất, những ai là những vị thuyết thuận pháp ở đời? Những ai là những vị khéo thực hành ở đời? Những ai là những vị khéo đến ở đời?

(1)- Người Ấn cổ chia đêm làm ba canh, nếu theo cách tính thời gian như hiện nay thì: Canh đầu từ 18g - 22g; canh giữa từ 22g - 2g; canh cuối từ 2g - 6g.

(2)- S.iv, 103.

(3)- S.iv, 162.

(4)- SA.iii,

(5)- S.iv, 251.

- Nay hiền giả Jambukhādaka, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si; những vị ấy là những vị "thuyết thuận pháp ở đời".

Những ai thực hành để đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si; những vị ấy là những vị "khéo thực hành ở đời".

Những ai diệt trừ tham tận gốc rễ, như cây *tāla* (thốt nốt) không thể sinh khởi trong tương lai; diệt trừ sân ... diệt trừ si tận gốc rễ, như cây *tāla* không thể sinh khởi trong tương lai; những vị ấy là những vị "khéo đến ở đời".

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si này?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, con đường Thánh đạo 8 chi phần đưa đến đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si này⁽¹⁾.

(Ba bài kinh trên (19, 20, 21) du sĩ Jambukhādaka hỏi Đức Xá lợi phất về "ý nghĩa pháp").

22'- Kinh Có cái gì (Kimatthiyasuttam).

Du sĩ Jambukhādaka hỏi:

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có cái gì? Phạm hạnh được sống dưới Samôn Gotama.

- Nay hiền giả jambukhādaka, phạm hạnh được sống dưới Đức Thế Tôn với mục đích "hiểu trọn vẹn khổ" (*dukkhassa pariññāyā'ti*).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến "hiểu trọn vẹn khổ"?

- Có Thánh đạo 8 chi phần ... (sđd).

23'- Kinh Đạt đến điều hòa hơi thở (Assāsappattasuttam).

Du sĩ Jambukhādaka hỏi:

- Nay hiền giả Xá lợi phất, như thế nào là "đạt đến điều hòa hơi thở"?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, khi nào vị Tỳ khưu "biết rõ như thật tập khởi xúc xú, 8 chi phần hơi thở⁽²⁾, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly" (*channaṃ phassāyatanānaṃ samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādīnavañca nissaraṇañca yathābhūtaṃ pajānā'ti*). Như vậy là "đạt đến điều hòa hơi thở".

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ...⁽³⁾.

24'- Kinh Điều hòa hơi thở tối thượng (Paramassāsappattasuttam).

Du sĩ Jambukhādaka hỏi:

- Nay hiền giả Xá lợi phất, như thế nào là "đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng" (paramassāsappatto)?

- Nay hiền giả, vị Tỳ khưu đã hiểu rõ đúng sự tập khởi xúc xú và 8 chi phần hơi thở, vị ngọt, sự nguy hại, và giải thoát không nắm giữ (xúc xú) (*channaṃ phassāyatanānaṃ samudayañca atthaṅgamañca assādañca ādīnavañca nissaraṇañca yathābhūtaṃ viditvā anupādāvimutto*).

Như vậy là "đạt đến điều hòa hơi thở tối thượng".

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ...⁽⁴⁾.

25'- Kinh Hỏi về thọ (Vedanāpañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, "thọ, thọ" được nói đến. Như thế nào là **thọ**?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, có ba thọ: Thọ lạc (*sukhā vedanā*), thọ khổ (*dukkhā vedanā*), thọ không khổ không lạc (*adukkhamasukhā vedanā*), đây là **thọ**.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ...⁽⁵⁾.

26'- Kinh Hỏi về ô nhiễm (Āsavapañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, "ô nhiễm (*āsava*), ô nhiễm" được nói đến. Như thế nào là **ô nhiễm**?

- Nay hiền giả, có ba ô nhiễm là: Dục ô nhiễm (*kāmāsava*), hữu ô nhiễm (*bhavāsava*), vô minh ô nhiễm (*avijjāsava*); đây là **ô nhiễm**.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ...⁽⁶⁾.

(Bốn bài kinh trên (23, 24, 25, 26) du sĩ Jambukhādaka hỏi "về pháp").

27'- Kinh Hỏi về Vô minh (Avijjāpañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, "vô minh, vô minh" được nói đến; như thế nào gọi là **vô minh**?

(1)- S.iv, 253.

(2)- Là : Hơi thở vào, hơi thở ra, hơi thở đi lên, hơi thở đi xuống, hơi thở từ trái sang phải, hơi thở từ phải sang trái, hơi thở từ trước ra sau và hơi thở từ sau ra trước.

(3)- S.iv, 254.

(4)- S.iv, 254.

(5)- S.iv, 255.

(6)- S.iv, 256.

- Nay hiền giả Jambukhādaka, “không biết khổ (dukkhe aññāṇaṃ), không biết tập khởi của khổ (dukkhasamudaye aññāṇaṃ), không biết sự diệt khổ (dukkhanirodhe aññāṇaṃ), không biết con đường dẫn đến diệt khổ (dukkhanirodhagāminiyā paṭipadāya aññāṇaṃ); đây gọi là *vô minh*.”

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ... (sđd).

(Du sĩ Jambukhādaka hỏi “nghĩa của pháp”)

28’- Kinh Hỏi về ái (Taṇhāpañhā).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, “ái, ái” được nói đến, như thế nào gọi là *ái*?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, có ba ái là: Dục ái (kāmatāṇhā), hữu ái (bhavataṇhā), phi hữu ái (vibhavataṇhā), đây là các *ái*.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ...⁽¹⁾.

29’- Kinh Hỏi về dòng nước mạnh (Oghapañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, “dòng nước mạnh (ogha), dòng nước mạnh”, được nói đến như vậy; thế nào là *dòng nước mạnh*?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, có bốn dòng nước mạnh: Dòng nước mạnh của dục (kāmogho), dòng nước mạnh của hữu (bhavogho), dòng nước mạnh của sai lạc (diṭṭhogho), dòng nước mạnh của vô minh (avijjogho); đây là các *“dòng nước mạnh”*.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ... (sđd).

30’- Kinh Hỏi về nắm giữ (Upādānapañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, “nắm giữ (upādāna), nắm giữ” được nói đến như vậy; thế nào là *“nắm giữ”*?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, có bốn “nắm giữ” là: “Nắm giữ dục” (kāmuṇāpādānaṃ), “nắm giữ kiến thức sai lạc” (diṭṭhupādānaṃ), nắm giữ những nghi thức sai lạc (sīlabbatupādānaṃ), nắm giữ bản ngã (attavādupādānaṃ); đây là các *“nắm giữ”*.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường nào ...⁽²⁾.

31’- Kinh Hỏi về hữu (Bhavapañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, “hữu (bhava), hữu”, được nói đến như vậy, thế nào là *hữu*?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, có ba hữu là: Dục hữu (kāma bhava), sắc hữu (rūpa bhava), vô sắc hữu (arūpa bhava); đây là các *hữu*.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường ... (sđd).

32’- Kinh Hỏi về khổ (Dukkhapañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, “khổ, khổ”, được nói đến như vậy, thế nào là *khổ*?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, có ba khổ tánh (dukkhatā) là: Khổ khổ tánh (dukkhadukkhata), hành khổ tánh (saṅkhāradukkhata), hoại khổ tánh (vipariṇāmadukkhata); Đây là các *khổ*.

Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường ...⁽³⁾.

33’- Kinh Hỏi về thân (Sakkāyapañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, “thân (sakkāya), thân”, được nói đến như vậy, thế nào là *thân*?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, nắm uẩn được Đức Thế Tôn gọi là *thân* ...

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường ... (sđd)

(Sáu bài kinh trên (28, 29, 30, 31, 32, 33) du sĩ Jambukhādaka hỏi “về pháp”).

34’- Kinh Hỏi về khó làm (Dukkarapañhāsuttam).

- Nay hiền giả Xá lợi phất, trong Pháp luật này, cái gì là khó làm?

- Nay hiền giả Jambukhādaka, xuất gia là điều khó làm trong Pháp luật này.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, đối với người đã xuất gia, cái gì là khó làm?

- Đối với người xuất gia, hoan hỷ (abhirati) là điều khó làm.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, đối với người hoan hỷ, cái gì là khó làm?

- Đối với người hoan hỷ, sự thực hành đúng Pháp Luật này là khó làm.

- Nay hiền giả Xá lợi phất, có con đường ...⁽⁴⁾.

Có một du sĩ là Sāmaṇḍaka (còn gọi là Sāmañcakāni hay Sāmaṇḍakāni) có hỏi Đức Xá lợi phất những câu hỏi như thế này, khi gặp Ngài ở Ukkacelā. được ghi nhận trong tập Tương Ưng bộ kinh⁽⁵⁾.

(1)- S.iv, 257.

(2)- S.iv, 258.

(3)- S.iv, 259.

(4)- S.iv, 260.

(5)- Xem S.iv, Tương ứng Sāmaṇḍaka.

Điều này cho thấy hai du sĩ này cùng hệ “Channaparibbajaka” (Du sĩ biện thuyết hay Thi văn du sĩ), những câu hỏi này được nhóm du sĩ này đưa ra bàn luận.

Du sĩ Sāmaṇḍaka có thể là du sĩ Sāmaññakāki.

***Trưởng lão Sāmaññakāni.**

Ngài là con của một du sĩ, khi trưởng thành Ngài cũng trở thành một du sĩ.

Khi còn là du sĩ, Ngài Sāmaññakāni tìm đến viếng và hỏi pháp nơi Đức Xá lợi phất ở thị trấn Ukkacelā (hay Ukkavelā), nhưng niềm tin chưa phát triển mạnh.

Khi chứng kiến “thần thông song hành” của Đức Thế Tôn thì triển để nhiếp phục chúng ngoại giáo, du sĩ Sāmaññakāni xin được xuất gia trong Giáo đoàn của Đức Thế Tôn. Sau khi xuất gia, Ngài tinh tấn thiền định rồi phát triển tuệ quán chứng đạt Thánh quả Alahán⁽¹⁾.

Trưởng lão Sāmaññakāni và Trưởng lão Mañcadāyaka (Pecchadāyaka) được ghi nhận trong tập “Thánh nhân ký sự” (Apadāna) là một⁽²⁾.

Tiền sự.

Tính từ hiền kiếp này trở về trước 91 kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Vipassī (Tỳ Bà Thi), tiền thân của Ngài Sāmaññakāni là một gia chủ, có cúng dường một chiếc giường đến Đức Phật Vipassī.

Khi còn là du sĩ, Ngài có một người bạn là du sĩ Kātiyāna, từ khi Đức Thế Tôn được mọi người quy ngưỡng, du sĩ Kātiyāna mất hết sự cúng dường, không còn được mọi người ngưỡng mộ nữa.

Du sĩ Kātiyāna đi đến Trưởng lão Sāmaññakāni hỏi: “Làm thế nào để ông được hạnh phúc đời này lẫn đời sau?”

Trưởng lão đáp: “Hạnh phúc không liên hệ với đời, chỉ có những người hiểu biết quá trình tu tập, thực hành chứng đạt được hạnh phúc thuần nhất này”.

Rồi Trưởng lão Sāmaññakāni nói lên kệ ngôn:

35- Sukhaṃ sukhattho labhate tadācaram; kittiñca pappoti yasassa vaḍḍhati.

Yo ariyamaṭṭhaṅgikamañjasam ujum; bhāveti maggaṃ amatassa pattiyāti.

"Kẻ tìm lạc, được lạc; nếu sở hành đúng đắn.

Lại thêm được kính trọng; danh vọng được tăng trưởng.

Ai tu tập chánh trực⁽³⁾; con đường Thánh tám ngành.

Đây là đường lộ trình; đạt đến cảnh Bất tử⁽⁴⁾ (HT. TMC dịch).

***Trưởng lão Kātiyāna.**

Trong thời Đức Thế Tôn tại tiền, Ngài sinh ra ở kinh thành Xá vê (Sāvatti), thuộc dòng Balamôn Kosiya, mẹ Ngài thuộc dòng Balamôn Katiyāna, có thể đó là một biến thể của dòng Balamôn Kaccayāna (hay Kaccāna).

Ngài được đặt tên là Kātiyāna vì lấy theo họ mẹ. Khi trưởng thành Ngài xuất gia làm du sĩ, kết bạn với du sĩ Sāmaññakāni.

Không còn được đại chúng ngưỡng mộ, Ngài tìm đến người bạn khi xưa là Trưởng lão Sāmaññakāni, nay là vị Tỳkhu của Đức Thế Tôn.

Được sự chỉ giáo của Ngài Sāmaññakāni, Ngài Kātiyāni gia nhập Tăng đoàn.

Khi hành pháp, Ngài bị chướng ngại “buồn ngủ”, Ngài cương quyết chống lại buồn ngủ; khi đi kinh hành trên đường kinh hành, Ngài quá buồn ngủ nên té xuống.

Bậc Đạo sư thấy vậy, đi đến trước mặt Ngài và gọi: “Này Kātiyāni”; nghe Đức Thế Tôn gọi tên mình, tâm Ngài giao động mạnh, tinh thức đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn thuyết lên những kệ ngôn Giáo giới cho Kātiyāni.

Vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn, Ngài nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu Ngài chứng Thánh quả Alahán.

Hồi tưởng lại duyên lành chứng đạt Thánh quả Alahán, Ngài lập lại kệ ngôn của Bậc Đạo sư dạy Ngài, như tuyên bố lên Thánh trí của mình.

411- Uṭṭhehi nisīda katiyāna; mā niddābahulo ahu jāgarassu.

Mā tam alasam pamattabandhu; kūṭeneva jinātu maccurājā.

"Này Kātiyāna; hãy thức dậy ngồi lên.

Chớ có ngủ quá nhiều; hãy tự mình thức tỉnh,

Này bà con phóng dật; kẻ thụ động biếng nhác⁽⁵⁾.

Chớ để cho thần chết; lờn gặt, chiến thắng người”.

(1)- ThagA. Kệ ngôn Trưởng lão Sāmaññakāni (Sāmaññakānittherā-atthakathā).

(2)- Ap.i, 455.

(3)- Añjasam ujum.

(4)- Thag. 6. Kệ ngôn Trưởng lão Sāmaññakāni.

(5)- Alasam

412- Seyyathāpi mahāsamuddavego: evaṃ jātijarātivattate taṃ.
So karohi sudīpamattano tvaṃ; na hi tāṇaṃ tava vijjateva aññaṃ.
"Như sóng tràn biển lớn; cũng vậy, sinh và già.
Trần ngập chôn lấp người; hãy tự mình làm cho người.
Một hòn đảo an toàn; vì rằng không ai khác.
Phục vụ giúp đỡ người; như là chỗ nương tựa.

413- Satthā hi vijesi maggamaṭṭaṃ; saṅgā jātijarābhayā atītaṃ.
Pubbāpararattamappamatto; anuyuñjassu daḷhaṃ karohi yogamaṃ.
"Đạo sư lập con đường; đường vượt qua trời buộc.
Vượt qua sự sợ hãi; của sinh và của già.
Trước đêm và sau đêm; hãy sống không phóng dật.
Chú tâm cố kiên trì; trong nỗ lực chuyển tâm".

414- Purimāni pamañca bandhanāni; saṅghāṭikhuramuṇḍabhikkhabhojī.
Mā khiddhārañca mā niddamaṃ; anuyuñjittha jhāya kātīyāna.
"Từ bỏ triển phược trước; mặc áo Tănggià.
Đầu cạo trọc trơn láng; ăn đồ ăn khát thực.
Chớ có ưa chơi giỡn; chớ đam mê ngủ nghỉ.
Hãy nỗ lực thiền định, hỡi Kātīyāna".

415- Jhāyāhi jināhi kātīyāna; yogakkhemapathesu kovidosi.
Pappuyya anuttaraṃ visuddhiṃ; parinibbāhisi vārināva joti.
"Hãy thiền tu chiến thắng; hỡi Kātīyāna.
Hãy thiện xảo con đường; an ổn các khổ ách.
Hãy đạt cho kỳ được; sự thanh tịnh tối thượng.
Người sẽ chúng Nípàn; như nước làm tắt lửa".

416- Pajjotakaro parittaraṃso; vātena vinamyate latāva.
Evampi tvaṃ anādiyāno, māraṃ indasagotta niddhunāhi;
So vedayitāsu vitarāgo; kālaṃ kaṅkha idheva sītibhūto'ti.
"Ánh sáng được tạo ra; hào quang còn yếu ớt.
Chẳng khác như cây lau; gió thổi nằm rạp xuống.
Hỡi bà con Tuḍa; như vậy chớ chấp thủ.
Chờ đợi thời của người; tại đây người mát lạnh"(HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

35'- Kinh Sāriputtakotṭhika (1).

Một thời Đức Xá lợi phất và Ngài Mahā Koṭṭhika trú ở rừng Nai (Migadāya), nơi "Tiên nhân rơi xuống" (Isipatana), trong xứ Balanai (Bāraṇasī).

Vào buổi chiều, Ngài Mahā Koṭṭhika đi đến đánh lễ Đức Xá lợi phất, ngồi xuống một bên hợp lễ, hỏi rằng?

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, "chúng sinh có tồn tại sau khi chết hay không? (Kim nu kho, āvuso sāriputta, hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti).

- Thưa hiền giả Mahā Koṭṭhika, Đức Thế Tôn không trả lời: "Chúng sinh có tồn tại sau khi chết" (Abyākatam kho etaṃ, āvuso, bhagavatā – 'hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti).

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, thế là "chúng sinh không tồn tại sau khi chết?" (Kim panāvuso, na hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti)?

- Thưa hiền giả Mahā Koṭṭhika, Đức Thế Tôn cũng không trả lời "chúng sinh không tồn tại sau khi chết" (Etampi kho, āvuso, abyākatam bhagavatā – 'na hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti)?

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, thế là "chúng sinh có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?" (Kim nu kho, āvuso, hoti ca na ca hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti)?

- Thưa hiền giả Mahā Koṭṭhika, Đức Thế Tôn cũng không trả lời "chúng sinh tồn tại và không tồn tại sau khi chết?" (Abyākatam kho etaṃ, āvuso, bhagavatā – 'hoti ca na ca hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti).

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, thế là "chúng sinh dường như tồn tại và (dường như) không tồn tại sau khi chết?" (Kim panāvuso, neva hoti na na hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti)?

- Thưa hiền giả Mahā Koṭṭhika, Đức Thế Tôn cũng không trả lời "chúng sinh dường như tồn tại và (dường như) không tồn tại sau khi chết?" (Etampi kho, āvuso, abyākatam bhagavatā – 'neva hoti na na hoti tathāgato paraṃ maraṇā'ti).

⁽¹⁾- Thag. 45. Kệ ngôn Trưởng lão Kātīyāna.

Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi vì sao: “Do nhân nào, do duyên nào, Đức Thế Tôn không trả lời bốn câu hỏi trên?”.

Đức Xá lợi phất đáp “vì trả lời một trong bốn câu hỏi nào, cũng đều là “*chấp trước sắc*” (*rūpagatametam*); là “*chấp trước thọ*”; là “*chấp trước tưởng*”; là “*chấp trước hành*”; là “*chấp trước thức*”.

Đây là nhân, đây là duyên vì sao Đức Thế Tôn không trả lời bốn câu hỏi ấy⁽¹⁾.

36'- Kinh Sāriputtakotṭhika (2).

Ở phần đầu, Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi tương tự như kinh trên và Đức Xá lợi phất cũng trả lời tương tự.

Nhưng khi Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi “do nhân gì, duyên gì Đức Thế Tôn không trả lời bốn câu hỏi trên?”.

Đức Xá lợi phất trả lời:

* Đối với sắc, do không như thật biết, không như thật thấy sắc, sự tập khởi của sắc, sự đoạn diệt của sắc, con đường dẫn đến đoạn diệt sắc. Nên mới có 1 trong 4 quan điểm trên.

Đối với thọ ... đối với tưởng ... đối với hành ... đối với thức...

* Đối với sắc, do như thật biết, như thật thấy sắc, sự tập khởi của sắc, sự đoạn diệt của sắc, con đường dẫn đến đoạn diệt sắc. Nên không có một trong 4 quan điểm trên.

Đối với thọ ... đối với tưởng ... đối với hành ... đối với thức ...

Đây là nhân, đây là duyên vì sao Đức Thế Tôn không trả lời 4 câu hỏi ấy⁽²⁾.

37'- Kinh Sāriputtakotṭhika (3).

Phần đầu tương tự như hai bài kinh trên.

Nhưng khi Ngài Mahā Koṭṭhika hỏi “do nhân gì, duyên gì Đức Thế Tôn không trả lời bốn câu hỏi trên?”.

Đức Xá lợi phất trả lời:

* Đối với sắc, do chưa đoạn trừ tham, chưa đoạn trừ mong muốn, chưa đoạn trừ ái ... nên có một trong 4 quan điểm trên.

Đối với thọ đối với tưởng ... đối với hành đối với thức...

* Đối với sắc, do đoạn trừ tham, đoạn trừ mong muốn, đoạn trừ ái ... nên không có một trong 4 quan điểm trên.

Đây là nhân, đây là duyên vì sao Đức Thế Tôn không trả lời 4 câu hỏi ấy⁽³⁾.

38'- Kinh Sāriputta (Sāriputtasuttaṃ).

Một thời Đức Thế Tôn trú ở Đại tự Kỳ viên của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường, gần thành Xá vệ (Sāvatthi).

Rồi Ngài Xá lợi phất đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên hợp lễ, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, toàn bộ Phạm hạnh này, chính là thiện bạn hữu (kalyāṇamitto), thiện đồng hành (kalyāṇasahāyo), thiện thân tình (kalyāṇasampavaṅko).

- Lành thay, lành thay, này Xá lợi phất, toàn bộ Phạm hạnh này⁽⁴⁾, chính là thiện bạn hữu, thiện đồng hành, thiện thân tình⁽⁵⁾.

39'- Kinh Chuyên (Vatthasuttaṃ).

Đức Xá lợi phất khi trú ở Đại tự Kỳ viên

Đức Xá lợi phất cho các Tỷ kheu biết “Ngài rất thiện xảo trong 7 giác chi là: Niệm giác chi (*satisambojjhaṅgo*), trạch pháp giác chi (*dhammavicayasambojjhaṅgo*), tấn giác chi (*vīriyasambojjhaṅgo*), hỷ giác chi (*pītisambojjhaṅgo*), khinh an giác chi (*passaddhisambojjhaṅgo*), định giác chi (*samādhisambojjhaṅgo*) và xả giác chi (*upekkhāsambojjhaṅga*).

- Đối với bất kỳ giác chi nào trong 7 giác chi; vào buổi sáng, vào buổi trưa hay vào buổi chiều, Ngài muốn an trú vào giác chi nào cũng đều được như ý.

- Bất kỳ giác chi nào đang hiện hữu trong tâm Ngài, Ngài rõ biết giác chi ấy là vô lượng, giác chi ấy khéo phát khởi, giác chi ấy có an trú. Nếu giác chi ấy từ bỏ, Ngài biết rõ giác chi ấy từ bỏ do nhân gì duyên gì.

Ví như tử chúa áo của Đức vua hay quan đại thần, có nhiều áo với nhiều màu sắc khác nhau. Vào buổi sáng, vào buổi trưa, vào buổi chiều; Đức vua hay vị Đại thần muốn mặc áo nào đều được như ý⁽¹⁾.

(1)- S.iv, 384.

(2)- S. iv, 387.

(3)- S.iv, 388.

(4)- Toàn bộ Phạm hạnh ở đây chỉ cho “Thánh đạo 8 chi phần”.

(5)- S.v, 3.

40'- Kinh Upavāna (Upavānasuttam).

Một thời Đức Xá lợi phất và Ngài Upavāna trú ở tự viện Ghosita, trong thành Kosambi (Kiêu thứ ngữ).

Vào buổi chiều, Đức Xá lợi phất đi đến nơi ngụ của Ngài Upavāna, sau những lời chào hỏi thân hữu, Đức Xá lợi phất ngồi xuống một bên, hỏi rằng:

- Thưa hiền giả Upavāna, Tỳ khưu có thể biết chăng, do tự mình khéo tác ý (yoniso manasikāra), 7 giác chi khéo an trú trong ta đưa đến lạc trú?

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, Tỳ khưu có thể tự mình biết được, do khéo tác ý, 7 giác chi khéo bắt đầu trong ta đưa đến lạc trú.

Thưa hiền giả Upavāna, Tỳ khưu chỉ bắt đầu *niệm giác chi*, biết được "tâm ta đã khéo giải thoát, hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch; phóng dật hối tiếc trong ta được khéo điều phục; tinh tấn bắt đã bắt đầu trong ta.

Lấy giác chi ấy làm đối tượng (atthikatvā), ta dụng tâm tác ý, giác chi ấy không có thối thất (jinam)

Thưa hiền giả Xá lợi phất, Tỳ khưu chỉ bắt đầu *xả giác chi*, biết được "tâm ta đã khéo giải thoát, hôn trầm thụy miên trong ta được khéo nhổ sạch; phóng dật hối tiếc trong ta được khéo điều phục; tinh tấn bắt đã bắt đầu trong ta.

Lấy giác chi ấy làm đối tượng (atthikatvā), ta dụng tâm tác ý, giác chi ấy không có thối thất⁽²⁾.

41'- Kinh Nālanda (Nālandasuttam).

Một thời Đức Thế Tôn trú ở Nālanda (xem Trường bộ kinh, kinh Tự hoan hỷ - *Sampasādaniyasutta*).

42'- Kinh Một phần (Padesasuttam).

Một thời ba vị Tôn giả là Xá lợi phất, Mục kiền liên và Anuruddha (Analūat) trú ở Sāketa, trong rừng Kaṇṭakī.

Vào buổi chiều Ngài Xá lợi phất cùng Ngài Mục kiền liên đi đến nơi ngụ của Ngài Anuruddha, sau những lời chào hỏi thân hữu, hai Ngài ngồi xuống một bên. Ngài Xá lợi phất hỏi:

- Thưa hiền giả Anuruddha, "hữu học, hữu học", được nói đến. Thưa hiền giả Anuruddha, cho đến như thế nào là hữu học.

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, do tu tập **một phần** bốn Niệm xứ, là bậc hữu học. Thế nào là bốn: "Tỳ khưu trú quán thân trên thân, nhiệt tâm tinh giác, nhiếp phục tham, ưu ở đời. ... Tỳ khưu trú quán pháp trên pháp, nhiệt tâm tinh giác, nhiếp phục tham, ưu ở đời"⁽³⁾.

43'- Kinh Hoàn toàn (Samattasuttam).

Một thời ba vị Tôn giả là Xá lợi phất, Mục kiền liên và Anuruddha (Analūat) trú ở Sāketa, trong rừng Kaṇṭakī.

Vào buổi chiều Ngài Xá lợi phất cùng Ngài Mục kiền liên đi đến nơi ngụ của Ngài Anuruddha, sau những lời chào hỏi thân hữu, hai Ngài ngồi xuống một bên. Ngài Xá lợi phất hỏi:

- Thưa hiền giả Anuruddha, "vô học, vô học", được nói đến. Thưa hiền giả Anuruddha, cho đến như thế nào là vô học.

- Thưa hiền giả, do tu tập **hoàn toàn** bốn Niệm xứ, là bậc vô học ...⁽⁴⁾.

44'- Kinh Thế giới (Lokasuttam).

Như hai kinh trên (42, 43) ...

- Thưa hiền giả Anuruddha, do tu tập làm cho sung mãn những pháp nào, thắng trí được đạt đến?

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, do tu tập làm sung mãn bốn Niệm xứ, thắng trí được đạt đến. Và thưa hiền giả, do tu tập làm cho sung mãn bốn niệm xứ, tôi đạt được thắng trí "ngàn thế giới" (sdd).

45'- Kinh Sāriputta(1) (Paṭhamasāriputtasuttam).

Một thời Đức Xá lợi phất trú ở Đại tự Kỳ viên

Ngài Ānanda vào buổi chiều, đến chỗ ngụ của Đức Xá lợi phất, ... ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda hỏi:

- Thưa hiền giả Xá lợi phất, do nhân thành tựu bao nhiêu pháp chúng sinh ở đời này được Đức Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chúng quả Giác ngộ?

- Thưa hiền giả Ānanda, do nhân thành tựu bốn pháp là:

(1)- S.v, 70.

(2)- S.v, 76.

(3)- S.v, 174.

(4)- S.v, 175.

- * Thành tựu niềm tin bất động với Đức Phật.
- * Thành tựu niềm tin bất động với Đức Pháp.
- * Thành tựu niềm tin bất động với Đức Tăng.
- * Đầy đủ các giới được bậc Thánh ái kính⁽¹⁾.

46'- Kinh Sāriputta (2) (Dutiyasāriputtasuttam).

Một thời Đức Thế Tôn ngụ tại Đại tự Kỳviên ...

Đức Thế Tôn hỏi Ngài Xá lợi phất rằng:

a- Nay Xá lợi phất, "Dự lưu phần, dự lưu phần" được nói đến; nay Xá lợi phất, như thế nào là "dự lưu phần"?

- Bạch Thế Tôn:

- * Thân cận bậc chân nhân là Dự lưu phần.
- * Nghe diệu pháp là Dự lưu phần.
- * Khởi sinh tác ý đứng (yoniso manasikāra) là Dự lưu phần.
- * Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.
- Lành thay, lành thay, nay Xá lợi phất...

b- Nay Xá lợi phất, "giòng sông, giòng sông" được nói đến, nay Xá lợi phất, như thế nào là "giòng sông"?

- Bạch Thế Tôn, đây là "giòng sông Thánh đạo có 8 chi phần, là: Chánh kiến Chánh định".

- Lành thay, lành thay, nay Xá lợi phất.

c- Nay Xá lợi phất, "Dự lưu, Dự lưu" được nói đến; nay Xá lợi phất, như thế nào là Dự lưu?

- Bạch Thế Tôn, ai thành tựu Thánh đạo tám chi phần, người ấy là bậc Dự lưu.

- Lành thay, lành thay, nay Xá lợi phất ...⁽²⁾

47'- Kinh Ānanda (Anadasuttam).

Một thời Đức Xá lợi phất và Ngài Ānanda trú ở Đại tự Kỳviên ...

Rồi vào buổi chiều, Đức Xá lợi phất đi đến chỗ trú ngụ của Ngài Ānanda ... ngồi xuống một bên, Đức Xá lợi phất hỏi:

- Nay hiền giả Ānanda, do đoạn tận những pháp nào, do thành tựu những pháp nào, chúng sinh ở đời này được Đức Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chúng quả Giác ngộ.

-- Thưa hiền giả Xá lợi phất, do đoạn tận bốn pháp, thành tựu bốn pháp, chúng sinh ở đời này được Đức Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chúng quả Giác ngộ.

*Bốn pháp được đoạn tận là:

- Không có niềm tin nơi Đức Phật.
- Không có niềm tin nơi Đức Pháp.
- Không có niềm tin nơi Đức Tăng.
- Không có niềm tin nơi giới được bậc Thánh ái kính.

*Thành tựu bốn pháp là:

- Có niềm tin bất động nơi Đức Phật.
- Có niềm tin bất động nơi Đức Pháp.
- Có niềm tin bất động nơi Đức Tăng.
- Đầy đủ giới được bậc Thánh ái kính⁽³⁾.

48'- Kinh Anāthapiṇḍika (1) (Paṭhama-anāthapiṇḍikasuttam).

Nhân duyên ở Sāvatti (Xá vệ) ...

Bấy giờ gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc) đang bị bệnh nặng, ông cho người đến thỉnh Đức Xá lợi phất đến tư gia của mình.

Đức Xá lợi phất cùng với Ngài Ānanda đến tư gia của gia chủ Cấp cô độc, rồi Đức Xá lợi phất giảng rằng:

- Kẻ vô văn phạm phu bất tín nơi Đức Phật, sau khi mệnh chung rơi vào cõi dữ. Gia chủ thành tựu tịnh tín bất động nơi Đức Phật, nếu người thấy lòng tịnh tín của người đối với Đức Phật, thời lập tức các cảm thọ của người được an tịnh.

- Kẻ vô văn phạm phu bất tín nơi Đức Pháp, sau khi mệnh chung rơi vào cõi dữ. Gia chủ thành tựu tịnh tín bất động nơi Đức Pháp, nếu người thấy lòng tịnh tín của người đối với Đức Pháp, thời lập tức các cảm thọ của người được an tịnh.

(1)- S.v, 346.

(2)- S.v, 347.

(3)- S.v, 362.

- Kê vô văn phàm phu bất tín nơi Đức Tăng, sau khi mệnh chung rơi vào cõi dữ. Gia chủ thành tựu tịnh tín bất động nơi Đức Tăng, nếu người thấy lòng tịnh tín của người đối với Đức Tăng, thời lập tức các cảm thọ của người được an tịnh.

- Kê vô văn phàm phu thành tựu ác giới, sau khi mệnh chung rơi vào cõi dữ. Gia chủ không có ác giới như vậy, gia chủ có giới được bậc Thánh ái kính đưa đến Thiên định. Nếu gia chủ thấy các giới được bậc Thánh ái kính, thời lập tức các cảm thọ của người được an tịnh.

- Kê vô văn phàm phu thành tựu tà kiến ... gia chủ không có tà kiến như vậy, gia chủ có chánh kiến. Nếu gia chủ tự mình thấy chánh kiến, thời lập tức các cảm thọ của người được an tịnh.

- Kê vô văn phàm phu thành tựu tà tư duy ... tà ngữ ... tà nghiệp... tà mạng ... tà tinh tấn ... tà niệm ... tà định ...

Gia chủ Cấpcôđộc nghe xong thời pháp này, lập tức các cảm thọ của gia chủ Cấpcôđộc được an tịnh.

Gia chủ Cấpcôđộc cúng dường đến Đức Xá lợi phất và Ngài Ānanda vật thực nấu từ nồi của mình. Sau khi Đức Xá lợi phất dùng vật thực xong, gia chủ Cấpcôđộc đi đến dành lễ hai vị Trưởng lão, rồi ngồi xuống một bên.

Đức Xá lợi phất phúc chúc gia chủ Cấpcôđộc bằng kệ ngôn⁽¹⁾:

Yassa saddhā Tathāgate; acalā suppatitthitā.

Sīlañca yassa kalyāṇaṃ; ariyakantaṃ pasamsitaṃ.

"*Ai tin tưởng Như Lai; bất động khéo an lập.*

Ai có giới thiện lành; được bậc Thánh ái kính".

Saṅghe pasādo yassatthi; ujubhūtañca dassanaṃ.

Adaliddoti taṃ āhu; amoghaṃ tassa jīvitaṃ.

"*Ai tin tưởng chúng Tăng; có kiến được chánh trực.*

Người ấy gọi "không nghèo"; đời sống không uổng phí".

Tasmā saddhañca sīlañca; pasādaṃ dhammadassanaṃ.

Anuyūñjetha medhāvī; saraṃ buddhānasāsana'nti.

"*Do vậy, bậc hiền minh; cần tu tập tín giới.*

Thấy rõ được chánh pháp; không quên lời Phật dạy"⁽²⁾.

5- Tiểu bộ kinh (Khuddaka nikāya).

Thỉnh thoảng còn được gọi là *Khuddaka Gantha* (Tiểu kết hợp).

Gọi là **khudda** không phải mang ý nghĩa "nhỏ" mà là "**ngắn**", như *Trường bộ kinh* là "tập hợp những bài kinh dài", *Trung bộ kinh* là "tập hợp những bài kinh trung bình", *Tiểu bộ kinh* là "tập hợp những bài kinh ngắn".

Tuy ngắn gọn, nhưng những bài kinh này không kém phần súc tích và thậm thâm, như kệ ngôn Pháp cú kinh (Dhammapāda), kệ ngôn "Cảm hứng ngữ" (Udāna) ...

Chữ "**Khudda**" ở đây, theo các vị luận sư là "nêu ra tính cách hỗn hợp nhiều đề tài được diễn tả bằng nhiều thể văn khác nhau, từ các kệ ngắn gọn do Đức Phật thuyết giảng, các tiền thân Đức Phật, hàng ngàn bài kệ do các vị Trưởng lão hay Trưởng lão ni cảm tác, tiểu sử các Đức Chánh giác, các vị A la hán, sự tích Thiên cung, sự tích Ngạ quỷ ..., đến các luận thư phân tích giáo lý mở đầu cho văn học A Tỳ Đàm (Abhidhamma) của Luận tạng về sau".

Tóm lại **Tiểu Bộ kinh** là một hợp tuyển đa diện.

Các học giả nghiên cứu Phật học cho rằng: "Tiểu bộ kinh là lời dạy của Đức Phật gần với nguyên thủy nhất".

Tiểu bộ kinh gồm 15 tập; phần lớn được tập kết trong kỳ "kết tập Phật ngôn lần I", nhưng cũng có một số bài kinh được đưa vào trong những lần kết tập Phật ngôn lần II hay lần III. Phần lớn những bài kinh trong Tiểu bộ kinh được viết bằng "văn vần", đây là một sưu tập quan trọng về "thi phú" Pāli.

Mười lăm tập của Tiểu bộ kinh là:

1- Khuddakapātha (Tiểu Tụng).

2- Dhammapāda (Kinh Pháp cú).

3- Udāna (Cảm hứng ngữ).

4- Itivuttaka (Phật thuyết như vậy).

5- Vimānavatthu (Câu chuyện Thiên cung).

6- Petavatthu (Câu chuyện ngạ quỷ).

(1)- Xem S.i, 232.

(2)- S.v, 380.

- 7- Theragāthā (Kệ ngôn Trưởng lão Tăng).
- 8- Therīgāthā (Kệ ngôn Trưởng lão ni).
- 9- Jātaka (Bốn sinh).
- 10- Mahā Niddesa (Đại nghĩa tích).
- 11- Cūḷa Niddesa còn viết là Culla Niddesa (Tiểu nghĩa tích).
- 12- Paṭisambhidāmagga (Đạo vô ngại giải).
- 13- Apadāna (Thánh nhân ký sự).
- 14- Buddhavaṃsa (Phật sử).
- 15- Cariyapīṭaka (Hạnh tạng)⁽¹⁾.

Theo một phân loại khác là: Tất cả kinh chưa được đưa vào 4 bộ Nikāya (Trưởng bộ kinh, Trung bộ kinh, Tăng chi kinh và Tương ưng kinh), được đưa vào "Tiểu bộ kinh."

Các vị Giáo thọ sư thọ trì Trưởng bộ kinh (Dīghabhāṇaka) không chấp nhận các tập: Tập Tiểu Tụng (Khuddakapāṭha), tập Ký sự (Apadāna) và tập Hạnh Tạng (Cariyapīṭaka), đồng thời đưa các tập kinh còn lại vào Luận Tạng⁽²⁾.

Các Giáo thọ sư thọ trì Trung bộ kinh (Majjhimabhāṇaka) không chấp nhận tập Tiểu Tụng, nhưng chấp nhận những tập còn lại và đưa những tập này vào Tạng kinh (Sutta Piṭaka)⁽³⁾.

Theo truyền thống Miến Điện, bốn tập kinh khác được đưa vào Tiểu bộ kinh, đó là: Milindapañhā (Milinda hỏi), Suttasamgaha; Petakopadesa và Nettipakarana⁽⁴⁾.

Trong 15 tập kinh được trình bày ở trên.

* **Tập Nghĩa tích (Niddesa)**. Bao gồm hai tập Mahā Niddesa (Đại nghĩa tích) và Cūḷa Niddesa (Tiểu nghĩa tích).

Đây là một Luận thư trình bày sự phân tích, bình giải các vấn đề giáo lý của tập Suttanipāta (Kinh Tập).

Mahā Niddesa bình giải 16 bài kinh trong chương IV, phẩm Tám (Aṭṭhaka Vagga) trong Sutta Nipāta.

Cūḷa Niddesa bình giải bài kinh thứ 3 trong chương I; phẩm Rắn (Uragavagga) là Khaggavisānasutta (Kinh Tê giác một sừng) và 16 bài kinh trong chương V, phẩm "Con đường đến bờ kia" (Pārāyaṇavagga) của Kinh Tập (Suttanipāta).

Được biết Cūḷa Niddesa không có lời bình giải 56 kệ dẫn nhập (*Vatthugāthā*) hiện thấy trong phẩm "Con đường đến bờ kia" (từ kệ số 976 đến kệ số 1031) của tập Suttanipāta.

Điều này cho thấy rằng: "Vào thời điểm ra đời của Cūḷa Niddesa", phẩm "Con đường đến bờ kia" (Pārāyaṇavagga) là một hợp tuyển riêng biệt và kinh "Tê giác một sừng" (Khaggavisānasutta) lúc bấy giờ không thuộc nhóm nào hết.

Cũng vậy đối với Mahā Niddesa và Aṭṭhaka Vagga (phẩm Tám), lời bình giải hình như được rập theo khuôn các lời luận giải của Ngài Mahā Kaccāna⁽⁵⁾ và của Ngài Xá lợi phất (Sāriputta)⁽⁶⁾ được ghi nhận trong Tạng kinh.

Một vài thuyết cho rằng: "Tập Niddesa là tập hợp các lời bình giải của các Đại đệ tử Đức Phật. Tuy nhiên, theo Ngài Giáo thọ sư Buddhaghosa (Phật Âm) trong Bộ Sớ giải về Luật (Samantapasādikā) thì Đức Xá lợi phất là tác giả tập Niddesa⁽⁷⁾."

Ngài Giáo thọ sư Dhammapāla, Sớ giải sư bộ "Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão Tăng" (Theragāthā – atthakathā) cũng ghi nhận "Đức Xá lợi phất là tác giả tập Niddesa".

Các nhà học giả nghiên cứu Phật học như Giáo sư E. J. Thomas trong "Nguyên sử Phật Giáo" thì hầu hết nội dung của Niddesa là đóng góp của Đại Đức Sāriputta.

Ngoài ra Giáo sư E. J. Thomas còn viết: "*Nét đặc biệt nhất của kinh Niddesa là gồm có một bảng kê khai đồng ngữ đã được bình giải rõ ràng. Những giảng luận như thế không phải dùng để giải nghĩa từng tiếng hay từng đoạn riêng biệt, mà trái lại có thể áp dụng chung cho bất cứ chỗ nào có câu pháp tương tự. Do đó, người ta có thể gọi tập Niddesa là "Bình Luận Tự Điển", những bình luận như thế rất hữu ích trong việc nghiên cứu Thắng Pháp (Abhidhamma), nhất là để y cứ theo Thánh nghĩa hơn là cứ suy giải theo sự hiểu biết của mình*"⁽⁸⁾.

(1)- Theo Sp.i. 18; DA. i. 17.

(2)- DA.i, 23; Sp. i. 27.

(3)- DA. i. 15.

(4)- Bode, *op. cit.*, 4.

(5)- Xem Madhupiṇḍika sutta (Kinh Mật Hoàn; M.i, kinh số 18); xem thêm S.iii, 9.

(6)- Xem Saṅgiti sutta (Kinh Phúng tụng).

(7)- NidA. p. 1.

(8)- Xem Nguyễn Điều (d). Cuộc đời Xá lợi phất. Thành Hội PG Tp Hồ Chí Minh xuất bản; PI 2539 – 1996, tr.86-87.

Điều này chỉ cho chúng ta thấy rằng: Một hệ thống học hỏi từ ngữ và ngôn lý trong Phật giáo đã hình thành tối cổ.

Hệ thống này có nhược điểm là “không có quy tắc tự vựng, văn phạm như ngày nay”, thay vào đó tập Niddesa có lối phân tích (paṭisambhidā) khá đầy đủ như: Phân tích Nghĩa (attha), phân tích pháp (dhamma), phân tích từ ngữ (nirutti), phân tích biện luận (patibhāna)... (sđd).

Một Bản Sớ giải Niddesa gọi là Saddhammapajjotikā do Trưởng lão Upasena soạn ra ở Tích Lan, theo yêu cầu của Trưởng lão Deva.

***Vê kinh "Tê ngưng một sừng"** (Khaggavisānasutta).

Là bài kinh thứ 3 trong chương I, phẩm Rắn của Kinh Tập (Suttanipāta), kinh “Tê giác một sừng” có 41 kệ ngôn, mỗi kệ ngôn được chấm dứt bằng điệp khúc: “*eko care khaggavisānakappo*” (như tê giác ra đi một mình).

Được biết Đức Thế Tôn thuyết kinh này để trả lời câu hỏi của Ngài Ānanda về sự giác ngộ của các vị Phật Độc giác. Đức Thế Tôn thuyết về **abhinihara** (thành tựu cao tột) và **paṭṭhāna** (vị trí)⁽¹⁾ của các vị Độc Giác Phật.

Đức Thế Tôn còn lập lại những kệ ngôn tuyên bố lên Thăng trí của các vị Độc giác Phật đang đề cập đến, với những trường hợp khác biệt nhau, như những “kệ ngôn Khải hoàn” (Udāna) của vị ấy.

Trong Bản Sớ giải, Ngài Buddhaghosa giải thích cuộc sống của mỗi vị Độc giác có kệ ngôn trong kinh “Tê giác một sừng”⁽²⁾. Tuy nhiên, chỉ có một số ít vị có danh xưng thật sự, như *Brahmadatta*, *Anitthigandha*, *Mahāpaduma*, *Ekavajjika-Brahmadatta*, *Ekaputtika-Brahmadatta*, *Cātumāsika-Brahmadatta*, *Sītāluka-Brahmadatta*, *Suta-Brahmadatta*, *Vibhūsaka-Brahmadatta*, *Pādalola-Brahmadatta*, *Anivatta-Brahmadatta*, *Cakkhulola-Brahmadatta* và *Mātanga*.

Số còn lại được mô tả như là “vua cai trị xứ Balanai” hay là “con của vua xứ Balanai” ...

Kinh được giải thích trong *Cūḷa Niddesa* chung với *Parāyanavagga* (phẩm “Con đường đến bờ kia”). Điều này cho thấy, vào thời điểm *Cūḷa Niddesa* được soạn, kinh “Tê giác một sừng” được xếp riêng biệt, không thuộc tụ đặc biệt nào, giống như *Uragavagga* (phẩm Rắn), và Bản Sớ giải được viết trước *Suttanipāta* (Kinh Tập), như một hợp tuyển của các bản hiện hữu.

Thuyết vừa nói được hỗ trợ bởi bằng chứng là bản Sanskrit trong *Mahāvastu* (Đại sử)⁽³⁾, kinh “Tê ngưng một sừng” không trực thuộc tụ đặc biệt nào cả.

Theo *Mahāvastu*, có 500 Phật BíchChi (Pratyeka) an trú tại Rṣipātana (Isipātana) gần Balanai.

Khi được các Thiên tử *Suddhāvāsa* (Tịnh cư) cho biết: “Đức Phật sẽ thị hiện trong 12 năm tới, chư Phật BíchChi này biến khỏi Rṣipātana, mỗi vị đọc lên một vần kệ trước khi biến mất khỏi Rṣipātana.

Tập “Thánh nhân ký sự” (Apadāna)⁽⁴⁾ xếp các kệ ngôn của kinh “Tê giác một sừng” vào một chương, gọi là *Pacceka-buddhāpadāna* (Ký sự Phật Độc Giác) và ghi thêm nhiều kệ dẫn nhập, một số kệ còn được xếp nơi phần cuối như để kết thúc.

Trong Bản Sớ giải “Thánh nhân ký sự” (Apadāna-atthakathā)⁽⁵⁾ có ghi danh tánh của nhiều Phật Độc giác. Tuy nhiên, các vị này khác với các vị Phật Độc giác được Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) nêu ra, nhưng lại giống các vị Phật Độc Giác được đề cập trong kinh *Isigilisutta* (Kinh Nuốt Tiên nhân)⁽⁶⁾.

***Tập Đạo vô ngại giải** (Paṭisambhidāmagga). Là tập thứ 12 trong 15 tập ở Tiểu bộ kinh.

Đây là một luận thư theo hình thức của Abhidhamma (Thăng pháp), trình bày các vấn đề phân tích giáo lý của nhà Phật mà vị Alahán thành tựu.

Rất có thể trước khi Abhidhammapiṭaka (Tạng Thăng Pháp) hình thành dưới dạng thức hiện hữu, tập Paṭisambhidāmagga (Đạo vô ngại giải) xuất hiện như nhiều luận đề Abhidhamma (Thăng pháp).

Luận thư gồm ba phẩm: *Mahāvagga*, *Yuganaddhavagga* và *Paññāvagga*; mỗi phẩm có 10 vấn đề (*kathā*) viết bằng ngôn từ học giả và nhiều đoạn lấy nguyên văn trong *Vinayapiṭka* (Luật tạng) và *Suttapiṭaka* (Kinh tạng).

Nội dung dĩ nhiên dựa trên các truyền thuyết Phật giáo cổ.

(1)- Paṭṭhāna (Vị trí), ở đây chỉ cho lãnh vực tinh thần, ám chỉ: “Pháp quán” của vị Phật Độc giác ấy.

(2)- SnA. i. 46.

(3)- Mts, i. 357.

(4)- Ap.i, 7.

(5)- ApA. i, 106.

(6)- M.iii. Kinh số 116.

Trưởng lão Mahānāma ở Tích Lan có viết Chú giải Saddhammappakāsinī về Luận thư Paṭisambhidākathā⁽¹⁾.

Đức Xá lợi phất là tác giả của tập kinh này.

Như vậy, xem như Đức Xá lợi phất là tác giả ba tập kinh trong 15 tập kinh của Tiểu bộ kinh, ba tập kinh đó là: Paṭisambhidāmagga (Đạo vô ngại giải), Mahā Niddeśa (Đại nghĩa tích) và Cūḷa Niddeśa (Tiểu nghĩa tích).

Ngoài ra, trong Kinh Tập (Suttanipāta), chương IV, phẩm 8 (Aṭṭhavagga), bài kinh thứ 16 (Sāriputtasutta).

Bài kinh này, Đức Thế Tôn trả lời những câu hỏi của Ngài Xá lợi phất rằng: "Vị Tỳ khưu phải khắc phục năm nguy hiểm ở đời, nhiếp phục nóng lạnh, không bị chi phối bởi trộm cắp, sân hận, nói láo, hay ngã mạn. Vị ấy hãy thiên trọng về trí tuệ, hoan hỷ trong chí thiện⁽²⁾, như sau:

***Kinh Sāriputta** (Sāriputtasutta)⁽³⁾.

Sāriputta.

961- Na me diṭṭho ito pubbe, (iccāyasmā sāriputto)

Na suto uda kassaci; evaṃ vagguvado satthā.

Tusitā gaṇimāgato.

"*Trước con chưa từng thấy; chưa ai từng được nghe.*

Tiêng nói thật ngọt ngào; như tiếng Bạc Đạo sư.

Từ cõi Đâu suất đến; Xá lợi phất nói vậy".

962- Sadevakassa lokassa; yathā dissati cakkhumā.

Sabbam tamam vinodetvā; ekova ratimajjhagā.

"*Bạc có mắt xuất hiện; đời này và Thiên giới.*

Quét sạch mọi u ám; độc cư chứng an lạc".

963- Tam buddham asitam tādim; akuham gaṇimāgataṃ.

Bahūnamidha baddhānaṃ; atthi pañhena āgamaṃ.

"*Bạc giác ngộ độc lập; như thật không man trá.*

Ngài đến (ở đời này); lãnh đạo các đồ chúng.

Từ nhiều người trói buộc; con đến với câu hỏi".

964- Bhikkhuno vijigucchato; bhajato rittamāsanam.

Rukkhamūlam susānam vā; pabbatānam guhāsu vā.

"*Vị Tỳ khưu nhằm chán; sống an tọa trống không.*

Tại gốc cây, nghĩa địa; hay núi rừng hang sâu."

965- Uccāvacesu sayanesu; kīvanto tattha bheravā.

Yehi bhikkhu na vedheyya; nigghose sayanāsane.

"*Tại chỗ cao thấp ấy; có bao nhiêu sợ hãi.*

Khiến Tỳ khưu không run; tại trú xứ vắng lặng".

966- Katī parissayā loke; gacchato agataṃ disaṃ.

Ye bhikkhu abhisambhave; pantamhi sayanāsane.

"*Bao nguy hiểm ở đời; Tỳ khưu cần chinh phục⁽⁴⁾.*

Trong hướng đi bất tử; tại trú xứ xa vắng".

967- Kyāssa byappathayo assu; kyāssassu idha gocarā.

Kāni silabbatānāssu; pahitattassa bhikkhuno.

"*Ngôn ngữ⁽⁵⁾ và hành xử⁽⁶⁾; của vị ấy là gì?*

Có bao nhiêu giới cấm; Tỳ khưu cần tinh tấn".

968- Kam so sikkham samādāya; ekodi nipako sato.

Kammāro rajatasseva; niddhame malamattano.

"*Chấp nhận học tập gì; vị Tỳ khưu nhất tâm.*

Thông minh giữ chánh niệm; tẩy sạch các cấu uế.

Trên tự ngã của mình; như thợ lọc vàng bạc".

Đức Thế Tôn.

(1)- Xuất bản bởi P.T.S. Có một danh mục trong J.R.A.S., 1908.

(2)- Sn. 955-70.

(3)- Trong bản dịch của HT TMC thì từ kệ ngôn 955 – 975. Trong bản Pāli mà chúng tôi trích dẫn hi từ kệ ngôn số 961 – 981.

(4)- Abhisambhavati.

(5)- Byappathayo.

(6)- Gocara.

969- Vijjucchamānassa yadidaṃ phāsu; (sāriputtāti bhagavā).

Rittāsanam sayanam sevato ce;
Sambodhikāmassa yathānudhammam.
Taṃ te pavakkhāmi yathā pajānam.

"*Này Sāriputta; Thế Tôn bèn trả lời.
Với người biết nhàm chán; có gì là khoan khoái?
Khi sử dụng sàng tọa; tại chỗ tịnh trống không.
Với ai muốn giác ngộ; sống đúng với tùy pháp.
Ta sẽ nói người ấy; như ta đã quán trí⁽¹⁾.*

970- Pañcannaṃ dhīro bhayānaṃ na bhāye;
bhikkhu sato sapariyantacārī.
Ḍaṃsādhīpātānaṃ sarisapānaṃ;
manussaphassānaṃ catuppadānaṃ.

"*Vị Tỳkhuu có trí; chánh niệm sống biên địa⁽²⁾.
Không có sợ năm điều; đáng sợ hãi ở đời.
Các loại ruồi, (rắn) mỗi bay⁽³⁾; cùng các loài bò sát.
Xúc chạm của loài người; cùng các loại bốn chân".*

971- Parādharmikānampi na santaseyya;
disvāpi tesam bahubheravāni.
Athāparāni abhisambhaveyya;
parissayāni kusalanuesī.

"*Vị ấy không nên sợ; tri kiến của người khác.
Khi đã được thấy biết; nhiều sợ hãi của chúng.
Bậc tìm đến chí thiện; thấy được các nguy hiểm⁽⁴⁾.
Cần phải lo khắc phục⁽⁵⁾; tất cả nguy hiểm khác".*

972- Ātaṅkaphassena khudāya phutṭho;
sītaṃ atuṇhaṃ adhivāsayaṃ.
So tehi phutṭho bahudhā anoko;
vīriyaṃ parakkammadaḥhaṃ kareyya.

"*Khi thọ lãnh bệnh hoạn; khi cảm xúc đối khổ.
Với lạnh và cực nóng; cần phải nhiếp phục chúng.
Bị chúng cảm xúc nhiều; kẻ không bỏ nhà cửa⁽⁶⁾.
Cần tinh tấn cần mẫn; lòng hết sức kiên trì".*

973- Theyyaṃ na kāre na musā bhaṇeṃ,
mettāya phasse tasathāvarāni.
Yadāvilattaṃ manaso vijaññā;
kaṇhasa pakkhoti vinodayeṃ.

"*Chớ ăn trộm, ăn cắp; chớ nói lời nói láo.
Hãy cảm xúc từ tâm; đối kẻ yếu⁽⁷⁾ kẻ mạnh⁽⁸⁾.
Khi biết rõ tâm tư; trong tình trạng giao động⁽⁹⁾.
Hãy gạt sạch, tẩy sạch; phần hắc ám đen tối".*

974- Kodhātīmānassa vasaṃ na gacche;
mūlampi tesam palikhañña tiṭṭhe.
Athappiyaṃ vā pana appiyaṃ vā;
addhā bhavanto abhisambhaveyya.

"*Chớ để bị chi phối; bởi phần nộ, quá mạn.
Hãy đào chúng tận gốc; và an trú như vậy.
Đối những gì khả ái; hay đối không khả ái.
Hãy hoàn toàn nhiếp phục; (chớ để bị chi phối)".*

(1)- Pajānam.

(2)- Pariyantacārī.

(3)- Ḍaṃsādhīpātānaṃ. Tương tự như loài "rắn bay".

(4)- Abhisambhavati.

(5)- Parissayāni

(6)- Anoko.

(7)- Tasa.

(8)- Thāvarā.

(9)- Avilattaṃ.

975- Paññaṃ purakkhatvā kalyāṇapīti:
vikkhambhaye tāni parissayāni.
Aratiṃ saheṭṭha sayanamhi pante;
caturo saheṭṭha paridevadhamme.
*"Thiên trọng về trí tuệ; hoan hỷ trong chí thiện.
Hãy chận đứng, loại bỏ; nguy hiểm, ách nạn ấy⁽¹⁾.
Hãy khắc phục bất lạc; đối trú xử vắng lặng.
Hãy khắc phục bốn pháp; khiến sầu muộn, khóc than".*

976- Kimsū asissāmi kuvam vā asissam;
dukkham vata settha kvajja sessam.
Ete vitakke paridevaneyye;
vinayetha sekho aniketacārī.
*"Ta sẽ ăn những gì; và được ăn tại đâu.
Thật khó khăn ta ngủ; nay ta ngủ tại đâu?
Với những tư tưởng ấy; vị ấy có thể than.
Bậc Hữu học không nhà; hãy nhiếp phục trừ chúng".*

977- Annañca laddhā vasanañca kāle;
mattam so jaññā idha tosanattham.
So tesu gutto yatacārī gāme;
rusitopi vācam pharusam na vajjā.
*"Với đồ ăn, vải mặc; đúng thời thu hoạch được.
Cần ước lượng vừa đủ; với mục đích thỏa mãn⁽²⁾.
Chế ngự đối với chúng; sống nhiếp phục trong làng.
Dầu phần uất⁽³⁾ không nói; những lời độc, thô ác".*

978- Okkhittacakkhu na ca pādalo;
jhānānuyutto bahujaḅgarassa.
Upekkhamārabba samāhitatto;
takkāsayam kukkucciyūpachinde.
*"Với mắt cúi nhìn xuống; chân không đi lang thang.
Chú tâm vào thiền định; với rất nhiều tình giác.
Cố gắng tu tập xả; tự ngã khéo định tĩnh.
Hãy cắt đứt, trừ khử; các nghi ngờ, hối tiếc⁽⁴⁾".*

979- Cudito vacībhi satimābhinande;
sabrahmācārīsu khilam pabhinde.
Vācam pamuñce kusalam nāvelam;
janavādadhammāya na cetayeyya.
*"Bị buộc tội bằng lời; chánh niệm, tâm hoan hỷ.
Phá hoại sự cúng răn⁽⁵⁾; giữa các đồng Phạm hạnh.
Nói lên những lời nói; hiền thiện và đúng thời.
Không để tâm suy tư; các chủ thuyết người khác".*

980- Athāparam pañca rajāni loke;
yesam satimā vinayāya sikkhe.
Rūpesu saddesu atho rasesu;
gandhesu phassesu saheṭṭha rāgam.
*"Lại nữa, năm loại vua⁽⁶⁾; hiện có ở trên đời.
Hãy học nhiếp phục chúng; luôn luôn giữ chánh niệm.
Đối với sắc và tiếng; đối với vị và hương.
Cùng đối với các cảm xúc; hãy chế ngự tham ái".*

981- Etesu dhammesu vineyya chandam;
bhikkhu satimā suvimuttacitto.
Kālena so sammā dhammam parivīmaṃsamāno,

(1)- Chỉ 5 pháp chương ngại của thiền.

(2)- Tosana.

(3)- Rusito.

(4)- Takkāsayam.

(5)-Khila.

(6)- Chỉ cho: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Gọi là "vua", vì chúng là "quyền" (indriya).

Ekodibhūto vihane tamaṃ so'ti.

*"Hãy chế ngự ước muốn; đối với những pháp ấy.
Vị Tỳkhuu chánh niệm; tâm tư khéo giải thoát.
Rồi đúng thời vị ấy; chân chánh suy tư pháp.
Với chuyên tâm nhất trí; hãy đoạn tận hắc ám.
Thế Tôn nói như vậy (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.*

Bản Số giải⁽²⁾ nói kinh này còn được gọi là "*Therapaññasutta*" (Kinh Trưởng lão hỏi) và được thuyết trong dịp Đức Thế Tôn từ cõi trời "Ba mươi ba" (Tāvatisa) trở về nhân giới ở chân thành Saṅkassa.

Đức Thế Tôn muốn đại trí tuệ của Đức Xá lợi phất (Sāriputta) được hiển lộ, trong khi đó thần thông của Đức Mục kiền liên (Moggallāna), thiên nhãn của Đức Anu luật (Anuruddha), biện tài thuyết pháp của Đức Punṇa Mantāniputta đã được đại chúng biết đến từ lâu.

Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Parosahassa (Hơn ngàn kẻ ngu) (Parosahassajātaka) để nói lên đại trí tuệ của Đức Xá lợi phất trong tiền kiếp⁽³⁾.

Trong tập "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng" (Theragāthā) có ghi nhận 30 kệ ngôn của Đức Xá lợi phất trong từng trường hợp. Như sau:

*Khi được Đức Thế Tôn gọi là "Tướng quân Chánh pháp" (*Dhammasenāpati*), một hôm Đức Xá lợi phất trước các vị Tỳkhuu, nói lên chánh trí của mình:

981- Yathācārī yathāsato satimā; yatasāṅkappajjhāyī appamatto.

Ajjhattarato samāhitatto; eko santusito tamāhu bhikkhuṃ.

"Ai tùy theo năng lực; có giới, tịnh⁽⁴⁾, chánh niệm.

Không phóng dật hành trì; sở hành đúng tư duy.

Thích hướng nội⁽⁵⁾, khéo định; đơn độc biết tri túc.

Với sở hành như vậy; vị ấy gọi Tỳkhuu".

982- Allamaṃ sukkaṃ vā bhuñjanto; na bālhaṃ suhito siyā.

Ūnūdarō mitāhāro; sato bhikkhu paribbaje.

"Ăn đồ ướt hay khô; không ăn quá thỏa mãn.

*Bụng trống ăn tiết độ; Tỳkhuu **trú⁽⁶⁾** chánh niệm".*

983- Cattāro pañca ālope; abhuvā udakaṃ pive.

Alaṃ phāsuvihārāya; pahitattassa bhikkhuṃ.

"Ăn bốn, năm miếng xong; rồi hãy uống nước uống.

Thật đủ trú thoải mái; với Tỳkhuu tinh cần".

984- Kappiyaṃ taṃ ce chādeti; cīvaraṃ idamatthikaṃ.

Alaṃ phāsuvihārāya; pahitattassa bhikkhuṃ.

"Nhận lấy đồ hợp pháp; y áo đắp nhu cầu.

Thật đủ trú thoải mái; với Tỳkhuu tinh cần".

985- Pallaṅkena nisinnassa; jaṇṇuke nābhivassati.

Alaṃ phāsuvihārāya; pahitattassa bhikkhuṃ.

*"Khi ngồi thế kiết già; **đâu gõ khỏi mưa ướt⁽⁷⁾**.*

Thật đủ trú thoải mái; với Tỳkhuu tinh cần".

986- Yo sukkaṃ dukkhato adda; dukkhamaddakkhi sallato.

Ubhayantarena nāhosi; kena lokasmi kiṃ siyā.

"Ai xem lạc là khổ; ai xem khổ như tên.

Đứng chặn giữa cả hai; do đâu đời nếm được".

987- Mā me kadāci pāpiccho; kusīto hīnavīriyo.

Appassuto anādarō; kena lokasmi kiṃ siyā.

"Không cho ta ác dục; biếng nhác, tinh tấn kém.

Ít nghe, không tín kính; do đâu đời nếm được".

988- Bahussuto ca medhāvī, sīlesu susamāhito.

Cetosamathamanyutto; api muddhani tiṭṭhatu.

(1)- Sn. 185. Kinh Sāriputta.

(2)- SnA. ii, 569.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 4, tr. 122).

(4)- Sato tức là santo (an tịnh).

(5)- Tập số giải thích là "thích thiền tịnh". Xem thêm D.ii,107; S.v, 2673; Dh.p. Câu số 362; Ud.VI, 1.

(6)- Paribbaje: Vihareyya.

(7)- Tập số giải thích: "Ai ngồi thế kiết già thì khi mưa xuống không ướt chân".

"Nghe nhiều, có hiền trí; khéo định tình trong giới.
Chuyên chú, an chỉ tâm; hãy đứng lên trên đầu".

989- Yo papañcamanuyutto; papañcābhirato mago.
Virādhayī so nibbānaṃ; yogakkhemaṃ anuttaraṃ.

"Ai chuyên tâm **hý luận**⁽¹⁾; như thú ưa hý luận.
Rời khỏi, trệt Nípàn; vô thường thoát khổ ách".

990- Yo ca papañcaṃ hitvāna; nippapañcapathe rato.
Ārādhayī so nibbānaṃ; yogakkhemaṃ anuttaraṃ.

"Ai từ bỏ hý luận; thích đạo, phi hý luận.
Đi đến được Nípàn; vô thượng thoát khổ ách".

Khi thấy Ngài Revata (em út của Đức Xá lợi phất) trú trong rừng keo gai, một khu rừng không nước, đầy gai góc. Đức Xá lợi phất khern ngời em trai Revata:

991- Gāme vā yadi vāraññe; ninne vā yadi vā thale.
Yattha arahanto viharanti; taṃ bhūmirāmaṇeyyaṃ.

"Tại làng hay trong rừng; thung lũng hay đồi cao.
Chỗ nào Lahán trú; đất ấy thật khả ái".

992- Ramaṇīyāni araññāni; yattha na ramatī jano.
Vitarāgā ramissanti; na te kāmagavesino.

"Khả ái thay núi rừng; chỗ người phàm không ưa.
Vị ly tham sẽ thích; vị không tìm dục lạc⁽²⁾".

Khi Đức Xá lợi phất vâng theo lời dạy của Bậc Đạo sư, tế độ cho Ngài Rādha xuất gia trong Giáo đoàn. Về sau khi đi du hành cùng Ngài Rādha, Đức Xá lợi phất đã dạy Ngài Rādha rằng:

993- Nidhīnaṃva pavattāraṃ; yaṃ passe vajjadassinaṃ.
Niggayhavādiṃ medhāvīṃ; tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje.

Tādisaṃ bhajamānassa; seyyo hoti na pāpiyo.
"Như người chỉ của chôn; cũng vậy, người thấy lỗi.

Nói điều người trí trách; hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy; chỉ tốt hơn không xấu".

Khi Đức Phật còn tại tiền, có nhóm Tỳkhuu Assaji-Punabbasukā trú ngụ ở Kitāgiri, nhóm Tỳkhuu này sống "phi giới luật". Đức Thế Tôn dạy hai vị Thượng thủ tinh văn đến Kitāgiri "tẩn xuất" nhóm Tỳkhuu này ra khỏi Kitāgiri.

Nhưng lời khuyên của hai vị Thượng thủ tinh văn, một số Tỳkhuu trong nhóm này không chấp nhận. Đức Xá lợi phất nói lên kệ ngôn:

994- Ovadeyyānusāseyya; asabbhā ca nivāraye.
Satañhi so piyo hoti; asataṃ hoti appiyo.

"Cần phải khuyên, phải dạy; phải ngăn chặn bất thiện.
Làm vậy, người thiện thương; người bất thiện không ưa".

Khi các Tỳkhuu nói rằng chính du sĩ Dīghanakha (Móng dài) được Đức Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy. Đức Xá lợi phất can thiệp nói rằng không phải.

995- Aññassa bhagavā buddho; dhammaṃ desesi cakkhumā.
Dhamme desiyamānaṃhi; sotamodhesimatthiko;

Taṃ me amoghaṃ savanaṃ; vimuttomhi anāsavo.
"Thế Tôn, bậc có mắt; thuyết pháp cho người khác.

Khi pháp được thuyết giảng; Ta lắng tai nhiệt tình".
"Ta nghe không uống phí; giải thoát không lậu hoặc.

996- Neva pubbenivāsāya; napi dibbassa cakkhuno.
Cetopariyāya iddhiyā; cutiyā upapattiyā.

Sotadhātuvisuddhiyā, paṇidhī me na vijjati.
Không cần biết đời trước; không cần được thiên nhãn.

Ta không có phát nguyện; chúng được tha tâm thông.
Biết chúng sinh sống chết; hay nhĩ giới thanh tịnh".

(1)- *Papañca* dịch là "hý luận". Chữ ãny có nhiều nghĩa. Neuman dịch là "sự sai biệt, đa dạng".

Papañca được giải thích có ab nghĩa: Ái, mạn và kiến. *Vbhaṅga* giải thích "9 hình thức suy luận (tà kiến) thuộc đời sống cá nhân tương lai".

(2)- Xem *DhpA*. Câu số 98 -99.

Ba kệ ngôn tiếp theo là nói về Ngài khi trú ở hang Bồ câu, Ngài bị đạ xoa Nanda đánh chùy vào đầu, nhưng vô sự⁽¹⁾.

997- Rukkhamūlamva nissāya; muṇḍo saṅghāṭipāruto.

Paññāya uttamo thero; upatissova jhāyati.

"Ngồi dưới một gốc cây; đầu trọc đắp đại y.

Trưởng lão tuệ đệ nhất; Upatissa tu thiền".

998- Avitakkam samāpanno; sammāsambuddhasāvako.

Ariyena tuṅhībhāvena; upeto hoti tāvade.

"Đầy đủ thiền **vô tâm**⁽²⁾; đệ tử bậc Chánh giác.

Với im lặng bậc Thánh; ngay lúc ấy đạt được".

999- Yathāpi pabbato selo; acalo suppatitthito.

Evam mohakkhayā bhikkhu; pabbatova na vedhati.

"Giống như ngọn núi đá; không động khéo vững trú.

Cũng vậy, vị Tỳkhu; đã đoạn diệt si ám.

Vị ấy như ngọn núi; không có bị giao động".

Có lần, Đức Xá lợi phất không chú ý, để vạt y quét trên đất, một Sadi nói: "Thưa Ngài đại trưởng lão, y cần được đắp chung quanh thân, không nên để vạt y quét trên đất". Đức Xá lợi phất tán thán lời khéo nhắc nhở của vị Sadi, đắp lại chiếc y lên thân mình, rồi nói lên lỗi lầm của mình qua kệ ngôn:

1.000- Anaṅgaṇassa posassa; niccam sucigavesino,

Vālaggamattam pāpassa; abhamattamva khāyati.

"Người không có uế nhiễm; luôn tắm cầu thanh tịnh.

Ác nhẹ như dầu lông; xem nặng như mây trời".

Đối với sự sống chết, Đức Xá lợi phất nêu rõ "chẳng quan tâm" đến.

1.001- Nābhinandāmi maraṇam; nābhinandāmi jīvitam.

Nikkhipissam imam kāyam; sampajāno patissato.

"Ta không hoan hỷ chết; ta không hoan hỷ sống.

Ta sẽ bỏ thân này; tinh giác và chánh niệm".

1.002- Nābhinandāmi maraṇam; nābhinandāmi jīvitam.

Kālañca paṭikañkhāmi; nibbisam bhatako yathā.

"Ta không hoan hỷ chết; ta không hoan hỷ sống.

Ta sẽ bỏ thân này; như thợ làm việc xong".

Rồi khi thuyết pháp, Đức Xá lợi phất nói lên những kệ ngôn:

1.003- Ubhayena midam maraṇameva; nāmarāṇam pacchā vā pure vā.

Paṭipajjatha mā vinassatha; khaṇo vo mā upaccagā.

" Cả hai chết, không chết; sau đời hay trước đời⁽³⁾.

Hãy dần thân tiến bước; chớ để hư uổng phí.

Dầu một khắc, sát na; **chớ để uổng phí qua**⁽⁴⁾".

1.004- Nagaram yathā paccantam; guttam santarabāhiram.

Evam gopetha attānam; khaṇo vo mā upaccagā.

Khaṇātītā hi socanti; nirayamhi samappitā.

"Như ngôi thành biên địa; được bảo vệ trong ngoài.

Như vậy, hộ tự ngã; chớ để phí sát na.

Sát na qua sầu muộn; chịu khổ trong địa ngục".

Một hôm thấy Ngài Mahā Koṭṭhika đang thiền tịnh, Đức Xá lợi phất nói lên 3 kệ ngôn tán thán sự thành tựu tốt đẹp của Ngài Mahā Koṭṭhika.

1.005- Upasanto uparato, mantabhāṇī anuddhato.

Dhunāti pāpake dhamme; dumapattamva māluto.

"Đạt tịch tịnh, chỉ tức; đọc chú không cống cao.

Quét sạch các ác pháp; như gió quét lá cây".

1.006. Upasanto uparato; mantabhāṇī anuddhato.

Appāsi pāpake dhamme; dumapattamva māluto.

"Đạt tịch tịnh, chỉ tức; đọc chú không cống cao.

(1)- Xem Udāna iv, 4.

(2)- Chỉ cho Tứ thiền.

(3)- Đứng giữa đời sống, nhìn về phía trước khi còn trẻ; nhìn về phía sau khi về già.

(4)- Xem kệ 403, 653 Therī; kệ 3. *Upaccagā*:Đi qua.

Gạt ngoài các ác pháp; như gió quét lá cây”.

1.007- Upasanto anāyāso; vippasanno anāvilo.

Kalyāṇasīlo medhāvī; dukkhassantakaro siyā.

“Đạt tịch tịnh, chỉ tức; ý trong sáng không nhiễm.

Bậc trí, giới trọn lành; có thể dứt đau khổ”.

Khi Tôn giả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) chia rẽ Tăng, có nhóm Tỳkhuu Vajji tin tưởng Tôn giả Devadatta, chấp nhận lý thuyết của Tôn giả Devadatta.

Đức Xá Lợi Phất nói lên những kệ ngôn sau:

1.008- Na vissase ekatiyesu evaṃ; agārisu pabbajitesu cāpi.

Sādhūpi hutvā na asādhū honti; asādhū hutvā puna sādhu honti.

“Có người không ai tin; tại gia hay xuất gia.

Những ai trước là tốt; về sau trở thành xấu.

Hoặc trước là người xấu; sau trở thành người tốt”.

1.009- Kāmacchando ca byāpādo; thinamiddhañca bhikkhuno.

Uddhaccaṃ vicikicchā ca; pañcete cittakelisā.

“Hạng Tỳkhuu tham dục; sống hôn trầm, thụ miên.

Trạo cử và nghi ngờ; tâm đủ năm phiền não”.

1.010- Yassa sakkariyamānassa; asakkārena cūbhayaṃ.

Samādhi na vikampati; appamādavihārino.

“Với ai đối cả hai; được trọng không được trọng.

Thiền định không giao động; an trú không phóng dật”.

1.011- Taṃ jhāyinaṃ sātatiṃ; sukhumaditthivipassakaṃ.

Upādānakkhayārāmaṃ; āhu sappuriso iti.

“Thiền tư luôn kiên trì; tuệ quán, kiến tế nhị.

Ưa thích chấp thủ diệt; vị ấy gọi chân nhân”.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn sự và mình làm ví dụ. Đức Xá Lợi Phất nói lên những kệ ngôn sau:

1.012- Mahāsamuddo pathavī; pabbato anilopi ca.

Upamāya na yujjanti; satthu varavimuttiyā.

*“Biển lớn và đất lớn; núi và các **phương trời** ⁽¹⁾.*

Không ví dụ sánh được; Phật, giải thoát thủ thắng”.

1.013- Cakkānuvattako thero; mahāñāṇī samāhito.

Pathavāpaggisamāno; na rajjati na dussati.

“Trưởng lão chuyển pháp luân; bậc đại trí thiền định.

Như đất, nước và lửa; không tham, không ghét bỏ”.

1.014- Paññāpāramitaṃ patto; mahābuddhi mahāmati.

Ajalo jaḷasamāno; sadā carati nibbuto.

“Đạt được tuệ tối thắng; đại giác, đại Mâu ni.

*Không chậm, **tỏ chậm chạp** ⁽²⁾; thường sống thật thanh lương”.*

Để nêu rõ bốn phạm đã làm xong, Đức Xá Lợi Phất nói kệ ngôn.

1.015- Paricīṇṇo mayā satthā...pe... bhavanetti samūhatā.

“Ta hầu hạ Bốn sự; lời Phật dạy làm xong.

*Gánh nặng đã đặt xuống; **gốc sinh hữu nhỏ sạch** ⁽³⁾”.*

Và khi sắp viên tịch, Đức Xá Lợi Phất dạy các Tỳkhuu đang họp quanh Ngài như sau.

1.016- Sampādehappamādena; esā me anusāsānī.

Handāhaṃ parinibbisaṃ; vippamuttomhi sabbadhīti.

“Tĩnh căn, chớ phóng dật; đây lời ta giáo huấn.

Ta sẽ Níp bàn; ta thoát mọi sinh y”. (HT. TMC dịch)⁽⁴⁾.

***Nhóm Tỳkhuu Assaji- Punabbasukā.**

Là môn đệ của Assaji và Punabbasukā, họ sống tại Kiṭṭāgiri giữa hai thành Sāvatti (Xá Vệ) và Āḷavi. Đây là hai nhóm Tỳkhuu: Nhóm Tỳkhuu Assaji và nhóm Tỳkhuu Punabbasuka, tổng cộng hai nhóm rất đông, lên đến 500 vị Tỳkhuu.

(1)- Anilo: Cái được chia thành Đông, Tây ...

(2)- Vì Ngài sống giản dị nên có vẻ chậm chạp.

(3)- Xem các câu kệ số 604, 792, 891, 918.

(4)- Thag. 89. Kệ ngôn Trưởng lão Sāriputta.

* **Kitāgiri** (Kīṭāgiri) là một thị trấn (nigama)⁽¹⁾. Trong *Samantapasādikā* (Sớ giải Luật tạng)⁽²⁾, Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) gọi Kitāgiri là *janapada* (tương đương như một tỉnh lỵ hay một tiểu bang hiện nay).

Sở dĩ nhóm Tỳkhuu Assaji – Punabbasukā chọn Kitāgiri sinh sống, vì nơi này có đủ hai ngọn gió mùa, có nhiều mưa nên cây trái trù phú, sản xuất đủ ba mùa vụ và chỗ cất lieâu cốc rất thuận lợi⁽³⁾.

Nhóm Tỳkhuu này sống “không giới luật”, không biết hổ thẹn với tội lỗi, họ trồng bông rồi kết thành vòng hoa gởi tới nữ nhơn con gái của gia đình gia giáo...⁽⁴⁾.

Họ cùng với các cô gái ăn uống chung, nằm chung giường, ăn phi thời, ca hát, cùng nhau nhảy múa trên y Tănggiàlê (saṅghāti), xúc đầu thơm, đánh cờ ...⁽⁵⁾

Lối sống phóng túng ấy lại được dân chúng Kitāgiri ưa chuộng, khiến các vị Tỳkhuu thánh thiện phải bỏ đi nơi khác.

Có vị Tỳkhuu sau khi an cư mùa mưa ở xứ Kāsi, trên đường đến Đại tự Kỳ viên yết kiến Đức Thế Tôn. Vị Tỳkhuu ấy đi đến Kitāgiri, nơi đây vị Tỳkhuu này bị cư dân chê trách là “khù khờ, ngớ ngẩn”, họ bỏ rơi không cúng dường vật thực đến vị ấy.

Một nam cư sĩ hiền thiện đã cung thỉnh vị ấy về nhà, cúng dường vật thực rồi trình bày thăm trạng “đạo đức suy đồi ở nơi Kitāgiri này”, thỉnh cầu vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về “những việc làm phi luật, phi pháp của nhóm Tỳkhuu Assaji – Punabbasukā”.

Nghe vị Tỳkhuu hiền thiện trình bày sự kiện trên, Đức Thế Tôn cho hợp Tăng đoàn, rồi dạy Đức Xá lợi phất cùng Đức Mụckiền liên đến Kitāgiri tấn xuất nhóm Tỳkhuu Assaji và Punabbasukā (vì Assaji và Punabbasukā là đệ tử của Đức Xá lợi phất và Đức Mụckiền liên)(sđđ)⁽⁶⁾. Hai vị Thượng thủ bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, các Tỳkhuu nhóm Assaji -Punabbasukā dữ tợn, thô lỗ, làm thế nào chúng con thi hành lệnh tấn xuất họ ra khỏi Kitāgiri được.

- Nay Xá lợi phất, Mụckiền liên, chính vì vậy các người hãy đi với số đông Tỳkhuu.

Rồi Đức Thế Tôn chỉ cách thức tụng tuyên ngôn trực xuất những Tỳkhuu phạm tội, cần phải trực xuất khỏi Kitāgiri.

Chư Tăng có Đức Xá lợi phất và Đức Mụckiền liên đi đến Kitāgira thi hành “hành sự tấn xuất” (pabbājanīyakamma).

Thay vì chấp hành lệnh “tấn xuất”, có những Tỳkhuu mắng chửi chư Tăng, vu khống các Ngài thiếu vô tư, thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì sợ, thiên vị vì dốt. Một số lìa bỏ Tăng Đoàn, một số bỏ đi nơi khác.

Sự kiện này được trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn đã khiển trách nhóm Tỳkhuu ấy, Ngài giăng lên pháp thoại thích hợp.

Sau đó Đức Thế Tôn ban hành “thu hồi lệnh tấn xuất” đối với những vị Tỳkhuu sau đây:

**Với vị Tỳkhuu nào có 5 pháp.*

- Không cho xuất gia thọ giới Tỳkhuu.
- Không làm thầy nương nhờ cho vị Tỳkhuu khác.
- Không bảo Sadi phục vụ.
- Không chấp nhận giáo giới Tỳkhuu ni.
- Không giáo giới Tỳkhuu ni dù được chỉ định.

** Vị Tỳkhuu nào có 3 pháp khác.*

- Không tái phạm tội được hội chúng Tăng tuyên ngôn “tấn xuất”, tội tương tự hay tội trọng hơn.

- Không chỉ trích hành sự tấn xuất.

- Không chỉ trích người thực thi hành sự tấn xuất⁽⁷⁾.

Sau sự kiện này, nhóm Tỳkhuu Assaji - Punabbasukā được ở lại Kitāgiri, không thích hai vị Thượng thủ thỉnh văn.

Một lần họ Đức Thế Tôn cùng đại chúng 500 Tỳkhuu có Đức Xá lợi phất và Đức Mụckiền liên, đi từ thành Xá vệ (Sāvatti) đến Kitāgiri. Các Tỳkhuu nhóm Assaji-Punabbasukā nghe Đức Thế Tôn

(1)- MA. ii. 668.

(2)- Sp. iii. 613.

(3)- Sp. iii. 614.

(4)- Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) nói: “Họ phạm đến 18 giới” (Sp.iii, 625).

(5)- Xem ĐĐ Indacando (d). Luật phân tích Tỳkhuu I. Điều học Tăng tàng (Saṅghadisesa) thứ 13..

(6)- Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) còn cho biết “cả 6 vị Tỳkhuu gọi là “nhóm Lục sư” đều là đệ tử của 2 Ngài Xá lợi phất và Mụckiền liên, tuy sống nương nhờ với 2 Ngài 5 năm năm, nhưng chỉ học thuộc lòng các đầu đề (mātikā).

(7)- ĐĐ Indacano (d). Luật Tiểu phẩm I. Chương Hành sự (Kammakkhandham). Hành sự tấn xuấtpabbājanīyakamma) (số 125).

cùng 500 vị Tỳkhuu có Xá lợi phất và Mục kiền liên cùng đi, đang du hành đến Kitāgiri, họ liền phân chia tất cả sàng tọa.

Khi du hành đến Kitāgiri, Đức Thế Tôn cho các vị Tỳkhuu đi trước thông báo cho nhóm Tỳkhuu Assaji-Punabbasuka biết:

“Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu có hai vị thượng thủ đến. Các hiền giả hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu”.

Nhóm Tỳkhuu Assaji-Punabbasuka trả lời rằng:

- Nay các Đại đức, sàng tọa thuộc về hội chúng Tăng không có, tất cả đã được chúng tôi chia nhau. Chúng tôi hoan nghênh Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn thích trú xá nào, Ngài sẽ ngự ở trú xá ấy; Xá lợi phất và Mục kiền liên có lòng tham muốn sái quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sái quấy, chúng tôi không sắp đặt chỗ ngụ cho họ⁽¹⁾.

Theo nhiều kinh điển khác, ngay cả Đức Thế Tôn cũng bị các Assaji-Punabbasukā coi nhẹ. Khi nghe nói Đức Thế Tôn chỉ ăn một lần trong ngày và phương cách này giúp Phật khỏe mạnh, họ bảo rằng họ ăn sáng, trưa, tối và ngoại thời, và nhận thấy rất thoải mái nên không cần phải đổi lối sống.

Tuy nhiên, sự thật là ngay khi Phật triệu tập họ, họ vẫn ngoan ngoãn đến và chú tâm nghe lời giáo hóa và tuân thủ hoàn toàn vị đạo sư mà mình đặt niềm tin.

Và được biết, sau khi nghe Phật thuyết pháp, họ “vẫn có tâm hân hoan,” nhưng không thấy có bằng chứng nói rằng “họ có cải thiện”⁽²⁾.

Trong Bản Sớ giải kinh Pháp cú (Dhammapāda-atthakathā) ghi nhận: “Khi hai vị Thượng thủ thi hành “phận sự tận xuất” nhóm Tỳkhuu Assaji – Punabbasuka ra khỏi Kitāgiri, Đức Thế Tôn có dạy hai vị Thượng thủ rằng:

- Hễ những ai không vâng lệnh, hãy cho tụng tuyên ngôn trục xuất, còn những ai vâng lệnh thì hãy dạy dỗ, nhắc nhở họ”.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

77- Ovadeyyānusāseyya; asabbhā ca nivāraye.

Satañhi so piyo hoti; asataṃ hoti appiyo.

“Những người hay khuyên giải; cản ngăn điều chẳng phải.

Người sáng trí kính yêu; kẻ tối thì trái lại” (HT. TMC dịch)⁽³⁾.

(Kệ ngôn này cũng được tìm thấy trong “Kệ trưởng lão Xá lợi phất”, câu số 994).

***Về tập kinh Bốn sự (Jātakāuttam).**

Bản Sớ giải tập kinh này (Jātaka-atthakathā) ghi nhận tiền thân S9ức Xá lợi phất có liên quan mật thiết rất nhiều đến tiền thân của Đức Phật cùng các vị Thánh Thanh văn. Xin được trích dẫn và tóm lược như sau:

***Sớ giải kinh Bốn sự (Jātaka - atthakathā).**

1- Bốn sự Devadhamma (chuyện Thiên pháp).

Duyên sự.

Một Trưởng giả trong thành Xá vệ (Sāvatti) gia nhập Tăng Đoàn sau khi vợ mất.

Vị Tỳkhuu này có đủ thứ vật dụng, Đức Thế Tôn dạy ông pháp “ít ham muốn” và “biết đủ” tức, ông phần nộ, lột bỏ y ngoài chỉ còn y trong và đứng giữa đại chúng.

Đức Phật dạy “khi xưa người đi tìm pháp tầm (hiri) và quý (ottappa) sao nay lại bỏ tầm quý và hành động như vậy”. Nghe lời dạy của Đức Phật, vị Tỳkhuu sinh khởi tầm quý, đầy y, dành lễ và sám hối với Đức Thế Tôn.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, Bôtát là Thái tử Mahissāsa, con của vua Brahmadata và vị Hoàng hậu thứ nhất, Ngài có người em cùng mẹ là Canda, một người em cùng cha khác mẹ là Suriya.

Hoàng hậu thứ 2 (mẹ của Suriya) rất được vua sủng ái, trong một cơn say vua Brahmadata có hứa ban cho bà Hoàng hậu (thứ 2) một điều ước.

Khi Suriya lớn khôn, bà đòi ngôi vua cho Suriya theo lời đức vua Brahmadata đã hứa trước đây.

Do đó Mahissāsa và Canda phải ra đi để tránh cho vua cha khó xử, biết được lý do ra đi của hai anh, Suriya bèn đi theo.

(1)- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm II. Chương VI. Sàng tọa (Senāsanakkhandham), số 293.

(2)- M.iii, kinh Kitāgiri (Kitāgirisuttam), kinh số 70.

(3)- Dhpa. Câu số 77.

Ba anh em lên núi Tuyết sinh sống, một hôm, Suriya đi lấy nước để ba anh em giải khát, Suriya bị Daxoa ở đáy hồ bắt, dāxoa được Thiên vương Vessavana (Đa Văn) ban cho đặc ân là "ăn thịt bất cứ ai xuống hồ lấy nước, trừ người biết thiên pháp".

Thấy em đi không về Canda đi tìm, Canda cũng bị dāxoa bắt; Mahissāsa đi tìm hai em. Với trí nhạy bén Mahissāsa biết có dāxoa giữ hồ, nên không xuống hồ lấy nước, khi dāxoa hiện thân xúi Mahissāsa xuống hồ lấy nước, Ngài vạch rõ mưu mô của dāxoa. Khi biết dāxoa đang tìm cầu Thiên pháp (Devadhamma), Ngài thuyết lên Thiên pháp như vầy:

Hiri ottappasampannā; sukkadhammasamāhitā.

Santo sappurisā loke; devadhammāti vuccare'ti.

"Đầy đủ tâm và quý; chuyên tâm về bạch pháp.

An tịnh bậc chân nhân; ở đời gọi Thiên pháp"(ĐTL Pháp Minh dịch).

Dāxoa nghe pháp thoại này, tâm phát sinh tịnh tín và chịu thả một người do Ngài chọn. Ngài chọn Suriya, dāxoa nói:

- Thừa hiền trí, Ngài biết thiên pháp nhưng không biết hành thiên pháp, vì Ngài phế trường lập thứ, Ngài không tôn trọng quyền làm anh.

Bồ tát giải thích: "Vì Suriya là em khác mẹ với ta, đã đi theo chúng ta. Nếu như nghe nói Suriya bị dāxoa trong rừng ăn thịt thì có ai tin không? Hay là người ta sẽ nói chính ta đã giết Suriya, vì e ngại Suriya lên ngôi vua. Chính vì sợ bị quả trách mà ta bảo người mang nó đến cho ta".

Dāxoa tán thán rằng:

- Thừa hiền trí, Ngài chẳng những biết thiên pháp mà còn biết hành thiên pháp.

Dāxoa hoan hỷ thả luôn Canda; Mahissāsa nhiếp phục Dāxoa và ba anh em sống ở đây với sự bảo vệ của Dāxoa.

Một ngày kia, nhìn lên các vì sao, biết được phụ vương đã mệnh chung, Mahissāsa đem Dāxoa về kinh thành Balanai, lấy lại vương quốc, phong Canda làm phó vương, đặt Suriya làm nguyên soái. Còn đối với Dāxoa, Ngài cho làm trú xứ tại một địa điểm tốt đẹp, cho nhận các hoa tốt nhất, cùng các đồ ăn tốt nhất.

Bồ tát trị nước theo Chánh Pháp và khi mệnh chung, đi theo nghiệp của mình.

Nhận diện tiền thân.

Dāxoa nay là Tỳkhuu có nhiều vật dụng, Suriya nay là Đức Ānanda; Canda nay là Đức Xá lợi phất, Mahissāsa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên "bốn sự thật", kết thúc pháp thoại Ngài nói lên kệ ngôn:

141- Na naggacariyā na jaṭa na paṅkā; nānāsakā taṇḍilasāyikā vā.

Rajo jallam ukkuṭikappadhānam; sodhenti maccam avitiṇṇakaṅkham.

"Không phải sống lỏa thể; bên tóc, tro trét mình.

Tuyệt thực, lăn trên đất; sống nhóp, siêng ngồi xõm.

Làm con người được sạch; nếu không trừ nghi hoặc"(HT. TMC dịch).

Nghe xong kệ ngôn, vị Tỳkhuu nhiều vật dụng chứng Thánh quả Dự lưu⁽²⁾.

2- Bốn sự Lakkhaṇa (con nai điềm lạnh).

Duyên sự.

Khi Tôn giả Devadatta chia rẽ hội chúng Tăng, có 500 tân Tỳkhuu Vajji đi theo Tôn giả Devadatta, được hai vị Thượng thủ mang trở về Giáo đoàn.

Câu chuyện.

Thuở quá khứ Bồ tát sinh làm nai chúa cai quản đàn nai 1.000 con, nai chúa có hai nai con là Lakkhaṇa và Kāḷa.

Khi về già, nai chúa giao cho nai Lakkhaṇa cai quản 500 con nai, nai Kāḷa cai quản 500 con nai. Vào mùa thu hoạch nông vụ, nai cha dạy hai con đem đàn nai vào sống trong rừng để tránh tai hại.

Vì sự ngu si, nai Kāḷa không biết thời nào nên đi để tránh nông dân, đàn nai của Kāḷa bị giết chết khá nhiều. Còn đàn nai của Lakkhaṇa chỉ đi về ban đêm nên đến nơi an toàn.

Sau bốn tháng, hết mùa thu hoạch nông vụ, khi trở về trú xứ cũ, đàn nai của Kāḷa chỉ còn Kāḷa, còn đàn nai của Lakkhaṇa thì nguyên vẹn.

Nai cha tán thán sự khôn ngoan của nai Lakkhaṇa.

Nhận diện tiền thân.

Nai mẹ nay là mẹ của Lahūla (Rāhulamātā), nai Kāḷa nay là Tôn giả Devadatta, đàn nai của Kāḷa nay là hội chúng của Tôn giả Devadatta; nai Lakkhaṇa nay là Đức Xá lợi phất, đàn nai 500 con nay là hội chúng của Đức Xá lợi phất.

(1)- JA.Chuyện số 6.

(2)- Dhp. Câu số 141.

Nai chúa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

3-Bốn sự Dasaratha (Đại vương Dasaratha).

Duyên sự.

Đức Thế Tôn khi trú ở Đại tự Kỳviên, thấy duyên lành Thánh quả Dự lưu của một người chủ ruộng trẻ. Người này đang sầu khổ vì cha chết.

Đức Thế Tôn sau khi thọ thực xong rồi, Ngài cùng một Tỳkhuu trẻ đi đến nhà người chủ ruộng trẻ, tế độ người chủ ruộng trẻ chứng đạt Thánh quả Dự lưu.

Câu chuyện.

Thuở xưa, vua Dasaratha trị vì kinh thành Balanại (Bārāṇasī), Đức vua Dasaratha có 2 vương tử là Rāma và Lakkhaṇa, một công nương là Sītā.

Sau khi Hoàng hậu mệnh chung ông lập một Hoàng hậu thứ nhì và bà hạ sinh một vương tử Bharata, vua Dasaratha hứa ban cho bà một ước nguyện.

Khi vương tử Bharata lên 7, bà đòi vương quốc cho con dựa theo lời hứa mà vua đã ban cho lúc trước.

Sợ bà hãm hại ba vương tử, ông đưa họ lên rừng sinh sống và bảo chỉ trở về sau khi ông băng hà. Trong rừng, vương tử Rāma sống đời ẩn sĩ, còn vương tử Lakkhaṇa và công nương Sītā cung cấp vật thực cho ẩn sĩ Rāma.

Vua Dasaratha băng hà chín năm sau đó, Hoàng hậu yêu cầu các Đại thần làm lễ Tôn vương cho Vương tử Bharata, nhưng các quan đại thần từ chối.

Các vị đại thần cùng vương tử Bharata lên núi Tuyết đi tìm vương tử Rāma.

Ẩn sĩ Rāma tuy được tin phụ vương Dasaratha mệnh chung, Ngài giữ tâm an tịnh, không sầu khổ kêu khóc, trong khi vương tử Lakkhaṇa và nàng Sītā ngắt xiêu trong vũng nước đến ba lần. Vương tử Bharata hỏi ẩn sĩ Rāma:

- Vì sao vương huynh giữ được tâm an tịnh khi hay tin vua cha Dasaratha đã mệnh chung?

- Không thể giữ được bất cứ vật gì ở đời, có than khóc, kêu gào thì cũng không thay đổi được.

Do vậy, người trí giữ tâm an tịnh suy gẫm lý vô thường. ...

Tuy được triều thần thỉnh cầu trở về kinh thành Balanại để trị nước, nhưng ẩn sĩ Rāma không về, vì khi ra đi khỏi Hoàng cung vua Dasaratha bảo các vương tử "sau 12 năm hãy trở về rị nước". Vương tử Bharata cũng không chịu lên ngôi vua.

Ẩn sĩ Rāma gọi về triều đôi dép rơm của mình để ngự trên ngai thay cho Ngài trị nước; trong lúc xét xử, nếu đôi dép rơm nằm yên việc xét xử đúng đắn, ngược lại, đôi dép sẽ vỡ vào nhau.

Ba năm sau ẩn sĩ Rāma trở về triều trị vì vương quốc trong 16 ngàn năm. Ngài sống trong hoàng cung Sucandaka với Hoàng hậu Sītā.

Nhận diện tiền thân.

Vua Dasaratha nay là vua Suddhodana (Tịnh Phạn), bà Hoàng hậu thứ nhất của vua Dasaratha nay là Hoàng hậu Mahā Māyā; vương tử Lakkhaṇa nay là Đức Xá lợi phất, vương tử Bharata nay là Đức Ānanda, Hoàng hậu Sītā nay là mẹ của Lahầu (Rāhulamātā), ẩn sĩ Rāma nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

4- Bốn sự Bhojaniya (con ngựa thuần chủng).

Duyên sự.

Một vị Tỳkhuu thổi thất tinh tấn, để sách tấn vị Tỳkhuu ấy, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Câu chuyện.

Thuở xưa, Bô tát sinh làm con ngựa Sindhu, là loại ngựa quý của vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanại. Ngựa được trang sức lộng lẫy, ăn thực phẩm thượng vị trong đĩa bằng vàng, và sống trong chuồng ướp hương thơm.

Một hôm, kinh thành Balanại bị vây vua lân bang vây hãm, tướng nhà vua ra trận trên lưng vương mã Sindhu, bắt sống được sáu vua, nhưng vương mã Siddhu bị thương nặng.

Còn vị vua thứ 7, vị tướng định đổi ngựa, nhưng vương mã Sindhu nài nỉ được tiếp tục chiến đấu, bắt được vị vua thứ 7 xong rồi, vương mã Sindhu mệnh chung.

Nghे xong thời pháp thoại, vị Tỳkhuu thổi thất chứng Thánh quả Dự lưu.

Nhận diện tiền thân.

Vua Brahmadata nay là Đức Ānanda, vị Tướng quân nay là Đức Xá lợi phất, ngựa Sindhu nay là Đức Thế Tôn⁽³⁾.

5- Bốn sự Tittira (con chim trĩ) .

Duyên sự.

(1)- JA. Chuyện số 11.

(2)- JA. Chuyện số 461.

(3)-JA. Chuyện số 23.

Trong một chuyến du hành cùng Đức Phật, Đức Xá lợi phất không được nhóm Tỳkhuu Assaji-Punabbasuka kính trọng, họ đã dành hết các liều thuốc, Đức Xá lợi phất phải ngồi ngủ nơi cội cây.

Đức Thế Tôn thuật Bốn sự này, đề cập ba con vật sống biết ô nhiễm kính lẫn nhau, đó là chim trĩ lớn tuổi nhất được tôn làm anh cả, kế đến là con khỉ, cuối cùng là con voi.

Nhận diện tiền thân.

Khỉ nay là Đức Xá lợi phất, voi nay là Đức Mục kiền liên, chim trĩ nay là Đấng Như Lai⁽¹⁾.

6- Bốn sự Visavanta (Rắn phun nọc độc).

Duyên sự.

Đức Xá lợi phất từ bỏ dùng loại bánh bột mà Ngài thích dùng.

Tiền thân của Đức Xá lợi phất là con rắn độc trong Bốn sự này (xem phần sau)⁽²⁾.

7-Bốn sự Saccañkira.

Duyên sự.

Tôn giả Devadatta (Đề bà đát đả) tìm cách sát hại Đức Thế Tôn. Các Tỳkhuu đàm luận với nhau về tính vong ân của Tôn giả Devadatta.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanại, Đức vua có người con là Thái tử Dutttha (Ác độc) mà ai cũng ghét và sợ hãi.

Một hôm, Thái tử Dutttha ra sông bảo tùy tùng đưa mình ra giữa sông để tắm, giông tố bất ngờ nổi lên. Vốn căm ghét Dutttha họ thả Dutttha xuống nước và trình báo nhà vua họ không thấy Thái tử đâu cả.

Dutttha bám được khúc cây trôi, trên đó có con rắn, chuột và két. Cả bốn được vị ẩn sĩ cứu và dưỡng nuôi.

Lúc ra đi, rắn nói mình có 400 triệu chôn ở một chỗ nọ mà ẩn sĩ có thể đến đó gọi "Rắn ơi" là có ngay; chuột có 300 triệu dành cho ẩn sĩ; két hứa với ẩn sĩ gạo đầy nhiều xe; và Hoàng tử sẽ cúng dường tứ sự, dầu trong lòng đang nung nấu căm thù muốn giết ẩn sĩ.

Khi Thái tử Dutttha lên ngôi, ẩn sĩ đến thử tâm Dutttha cũng như ba con vật. Ẩn sĩ đến rắn, được rắn dâng kho tàng tiền vàng, chuột và két cũng giữ lời hứa.

Còn Vua Dutttha cho lính bắt ẩn sĩ, đánh đập mang ẩn sĩ ra pháp trường xử tử. Trên đường ra pháp trường, ẩn sĩ nói kệ rằng: "Những người hiểu đời nói đúng. Vớt khúc gỗ trôi tốt hơn cứu một số người".

Được hỏi sao ẩn sĩ nói vậy, ẩn sĩ kể lại câu chuyện, dân chúng phần nộ giết vua và đặt vị ẩn sĩ lên ngôi. Tân vương đem chuột, rắn và két vô cùng nuôi.

Nhận diện tiền thân.

Thái tử Dutttha nay là Tôn giả Devadatta, rắn nay là Đức Xá lợi phất; chuột nay là Đức Mục kiền liên, két nay là Đức Ānanda, Ẩn sĩ nay là Đức Thế Tôn⁽³⁾.

8- Bốn sự Sīlavanāga (Tượng vương đức hạnh).

Duyên sự.

Các Tỳkhuu đàm luận về sự vô ân của Tôn giả Devadatta .

Câu chuyện.

Một kiếp nọ, Bô tát sinh làm tướng chúa Sīlava cai quản đàn voi 80 ngàn con trên HyMālāp sơn. Một hôm, voi chúa Sīlava vì lòng bi mẫn, đưa một người thợ rừng lạc đường về sào huyệt của voi, cho ăn trái no nê, và đưa ra tới bờ rừng để gã thợ rừng trở về kinh thành Balanại.

Đến kinh thành Balanại, gã thợ rừng hứa bán cho người thợ ngà voi đôi ngà của voi chúa Sīlava. Gã thợ rừng mang cửa trở vô rừng tìm voi chúa Sīlava, xin ngà của voi chúa nói là để bán lấy tiền nuôi thân.

Voi chúa cho gã cửa một ngà của mình, không bao lâu sau, gã trở lại xin cửa ngà thứ nhì, rồi gã trở lại lần thứ ba xin được lấy cả gốc của ngà.

Khi về đến thành Balanại gã thợ rừng bị đất rút. Vị thần cây trú trong rừng thấy vậy nói kệ ngôn với ý rằng: "Người không biết ơn, không bao giờ thoả mãn".

Nhận diện tiền thân.

Người thợ rừng nay là Tôn giả Devadatta, vị thần cây nay là Đức Xá lợi phất, voi chúa Sīlava nay là Đức Thế Tôn⁽⁴⁾.

Chuyện được xem là "giới viên mãn của Bô tát"⁽¹⁾.

(1)- JA. Chuyện số 37.

(2)- JA. Chuyện số 69.

(3)- JA. Chuyện số 73.

(4)- JA. Chuyện số 72. Chuyện được làm đề tài trong Milandapañha, p. 202

9- Bốn sự Mahāsupina (Giấc mộng lớn).

Trong bốn sự này, tiền thân Đức Xá lợi phất là một thanh niên Balamôn (sẽ trình bày ở những tập sau)⁽²⁾.

10- Bốn sự Parosahassa (Hơn ngàn kẻ ngu)⁽³⁾.

Duyên sự.

Đề cập đến trí tuệ siêu việt của Đức Xá lợi phất đã giảng rộng về một câu hỏi vặn tắt của Đức Thế Tôn ở cổng thành Sankassa. Trong Bốn sự này, tiền thân của Đức Xá lợi phất là đại đệ tử của vị sư trưởng⁽⁴⁾.

11- Bốn sự Jhānasodhana (chuyện Thiền quán).

Duyên sự. Tương tự bốn sự trên (số 99).

Câu chuyện. Tương tự như câu chuyện số 99, nhưng ở đây khi mệnh chung vị sư trưởng nói rằng “đường như có đường như không” (nevasaññānāsaññā - phi tưởng phi phi tưởng). Vị Đại đệ tử giải thích: “Thầy chúng đạt thiền phi tưởng phi phi tưởng”, nhưng các vị ẩn sĩ khổ hạnh không tin.

Từ cõi Quang âm thiên, vị Phạm thiên (hậu thân của vị sư trưởng) xuống nhân giới, xác nhận lời giải đáp của vị đại đệ tử.

Nhân diện tiền thân.

Vị Đại đệ tử nay là Đức Xá lợi phất, vị sư trưởng nay là Đức Thế Tôn⁽⁵⁾.

Bốn sự này còn được gọi là Anaṅga jātaka.

Hỏi. Bồ tát chúng đạt thiền Phi tưởng phi phi tưởng vì sao tái sinh về cõi Quang Âm thiên?

Đáp. Là do nguyện lực của Ngài kết hợp với thiền lực. Năng lực của thiền thì không thể bàn cho hết được (jhānavisaya acinteya).

12- Bốn sự Candābha (chuyện Nguyệt quang).

Duyên sự. Tương tự như bốn sự số 99.

Câu chuyện. Tương tự như bốn sự số 99. Nhưng ở đây, trước khi mệnh chung vị sư trưởng trả lời các môn đệ về “ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời”. Và vị Đại đệ tử kết luận “Thầy ta chúng đệ nhị thiên”.

Từ cõi Quang âm thiên, vị Phạm thiên (hậu thân của vị sư trưởng) xuống nhân giới xác nhận lời của vị đại đệ tử. Vị Phạm thiên nói lên kệ ngôn:

135- Candābham sūriyābhañca; yodha paññāya gādhati.

Avitakkena jhānena; hoti ābhassarūpagoti.

"Nguyệt quang và Nhật quang; ai tu với trí tuệ.

Với thiền không tầm này; được sinh Quang Âm thiên”.

Nhân diện tiền thân.

Vị đại đệ tử nay là Đức Xá lợi phất, vị sư trưởng nay là Đức Thế Tôn⁽⁶⁾.

13- Bốn sự Dummedha (Những kẻ vô trí).

Duyên sự.

Tại Đại tự Kỳ viên, nơi Giảng pháp đường, các vị Tỳ khưu đàm luận với nhau về công hạnh làm lợi ích đến chúng sinh của Đức Thế Tôn.

Câu chuyện.

Một thời, Bồ tát sinh làm Thái tử của vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai.

Ngài thấy thần dân theo phi pháp, tế thần bằng súc vật, Ngài tìm cách chấm dứt sự sát hại sinh vật mà không gây phiền hà đến chúng dân.

Có lần Ngài đi dạo trong thành Balanai, thấy chúng dân đến tế lễ một cây cổ thụ, xin vị thần cây ban cho họ con trai, con gái, danh vọng, tài sản ...

Bồ tát xuống xe đi đến cây cổ thụ, cúng dường hương hoa đến cây cổ thụ, đi nhiễu quanh cây ba vòng, thành kính đánh lễ cây cổ thụ rồi ra về.

Từ đó về sau, thỉnh thoảng Bồ tát đến cây cổ thụ cúng dường hương hoa, đánh lễ cây cổ thụ như thế.

Khi được nối ngôi vua, Bồ tát nói với các đại thần rằng:

(1)- MA.ii, 617.

(2)- JA. Chuyện số 77.

(3)- JA. Chuyện số 99. JA. Parosata jātaka (Hơn trăm kẻ ngu. Chuyện số 101) tương tự như Bốn sự số 99, chỉ khác chi tiết nhỏ là “ đề cập đến thiền tịnh, còn trong Bốn sự số 99 thì đề cập đến trí tuệ”.

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm hoằng pháp độ sinh (tập 4).

(5)- JA. Chuyện số 134.

(6)- JA. Chuyện số 135.

- Nay các đại thần, ta có nguyện với vị thọ thần rằng: "Xin thọ thần cho tôi được vương vị nơi kinh thành này. Những ai trong quốc độ của tôi vi phạm năm giới như sát sinh ... cùng với 10 bất thiện pháp, tôi sẽ giết những người ấy, lấy máu, thịt cùng nội tạng của chúng để hiến tế thần.

Nay các Đại thần hãy thông báo cho chúng dân biết được điều này.

Các đại thần vâng lệnh truyền rao khắp kinh thành và từ đó về sau không còn ai dám sống theo phi pháp hay tế lễ sinh vật nữa.

Nhận diện tiền thân.

Đức vua Brahmadata nay là Đức Xá lợi phất, các đại thần nay là hội chúng của Đức Thế Tôn.⁽¹⁾

Cũng từ duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết thêm Bốn sự Mahākaṇha.

***Bốn sự Mahākaṇha** (Hắc thiên cầu).

Câu chuyện.

Vào thời giáo pháp của Đức Phật Kassapa (Ca Diếp) bị suy tàn, có vua Usinara trị vì kinh thành Balanai.

Bấy giờ dân chúng theo mười ác đạo, tăng ni sinh nhai bằng hai mươi một cách phi pháp, khiến địa ngục trở nên đông đảo lạ thường, còn cõi Trời vắng bóng các tân thiên tử.

Thấy vậy, Thiên chủ Sakka (Đế Thích) khởi lên ý nghĩ doạ cho thế gian hoảng sợ rồi thuyết pháp trấn an, hầu chấn hưng Đạo pháp.

Thiên chủ Sakka hóa thân thành một thợ săn, thiên tử Xa phu Mātali hóa thành con chó đen to lớn (mahākaṇha), cả hai vị Thiên tử cùng nhau xuống nhân giới.

Thiên chủ Sakka (Đế Thích) la lớn rằng: "Thế gian đang bị tiêu diệt".

Dân chúng kinh hoàng chạy hết vào thành đóng kín cổng thành, hắc thiên cầu (mahākaṇhā) chồm lên cửa sổ cung vua sủa lên, tiếng sủa vang động như từ địa ngục lên đến thiên giới.

Thu hết can đảm, vua Usinara hỏi:

- Nay thợ săn, vì sao con chó của người sủa vậy?

- Thừa Đại vương, vì nó đói.

Vua Usinara truyền đem cơm cho chó ăn, chó nuốt chửng rồi sủa tiếp.

- Nay thợ săn, vì sao nó sủa mãi vậy?

- Vì nó còn đói.

Nhưng tất cả lương thực trong kinh thành Balanai không đủ cung cấp cho hắc thiên cầu được no.

Vua Usinara kinh hoàng nói rằng: "Đây không phải là chó, mà là con quỷ dữ".

Thiên chủ Sakka nói rằng: "Ta sẽ thả chó này ra, nó sẽ xé xác kẻ thù của ta".

- Nay thợ săn, kẻ thù của người là ai?

- Là những kẻ gian tà sống theo ác pháp cùng phi pháp.

Rồi Thiên chủ Sakka giáo hoá chúng sinh tạo thiện sự hầu Giáo pháp được tồn tại thêm một ngàn năm nữa.

Nhận diện tiền thân.

Thiên thần Xa phu Mātali nay là Đức Ānanda, thiên chủ Sakka nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

Theo Bốn sự này thì: "Tiếng sủa của hắc thiên cầu (mahākaṇha) là một trong ba tiếng làm vang động khắp cõi Diêm-phù (Jambu), hai tiếng kia là: Tiếng reo của đạ-xoa Puṇṇaka khi thắng cuộc cờ trong Bốn sự Vidhura; tiếng hét của Long vương Sudassana trong Bốn sự Bhūridatta".

Nhưng Bản Sở giải Kinh Tập (Sutta – atthakathā) ghi nhận "có bốn", tiếng thứ tư là tiếng hét của đạ-xoa Ālavaka⁽³⁾.

14- Bốn sự Godha (con Cắc kè).

Duyên sự.

Về một vị Tỳ-khưu lừa đảo,

Câu chuyện.

Một thời, Bô-tát sinh làm con cắc kè thường đến đánh lễ một đạo sĩ có giới hạnh sống bên gò mối. Một hôm, vị đạo sĩ có giới đức này ra đi, một đạo sĩ khác đến.

Đạo sĩ đến sau là người giả dối, một bữa nọ dân làng đến cúng dường ông một đĩa thịt cắc kè, tham ăn thịt cắc kè, ông định giết con cắc kè hằng ngày đến đánh lễ mình.

Nhưng cắc kè nhờ tinh ý nên trốn thoát kịp thời vào gò mối rồi thò đầu ra lên án sự giả dối của giả đạo sĩ.

Nhận diện tiền thân.

(1)- JA. Chuyện số 50.

(2)- JA. Chuyện số 469.

(3)- SnA. i, 223.

Thiện đạo sĩ nay là Đức Xá lợi phất, giả đạo sĩ nay là vị Tỳ khưu lừa đảo, cắc kè nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Một Bốn sự Godha khác, cũng tương tự như vậy, nhưng trong bốn sự này không đề cập đến vị thiện đạo sĩ⁽²⁾.

15- Bốn sự Romaka (chim Bồ câu).

Duyên sự.

Đề cập đến mưu toan sát hại Bậc Đạo sư của Tôn giả Devadatta.

Câu chuyện.

Bồ tát sinh làm chim Bồ câu chúa của một đàn bồ câu. Bồ câu chúa thường đến viếng vị ẩn sĩ sống gần đó trong nhiều năm. Rồi vị ẩn sĩ ra đi, một ẩn sĩ khác đến trú ngụ nơi am thất của vị ẩn sĩ trước.

Bồ câu chúa tiếp tục đến viếng ẩn sĩ như thường lệ.

Một hôm, vị ẩn sĩ được dân làng cúng dường thịt bồ câu; ông thích thú và khởi tâm ác muốn giết bồ câu để ăn thịt.

Bồ câu chúa biết được ác tâm của ông, báo động với đàn bồ câu và dọa tố cáo ông với dân làng.

Nhận diện tiền thân.

Thiện ẩn sĩ nay Đức Xá lợi phất, ác ẩn sĩ nay là Tôn giả Devadatta, Bồ câu chúa nay là Đức Thế Tôn⁽³⁾.

16- Bốn sự Rājovāda (Giáo giới vua).

Duyên sự.

Đức Vua Pasenadi (Patanh) vừa xử xong một vụ kiện khó, đúng theo luật pháp và công bằng liền đến yết kiến Đức Phật. Đức Thế Tôn dạy "xử kiện đúng pháp và công bằng là một việc thiện, là con đường đưa đến thiên giới".

Câu chuyện.

Vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai, vua Mallika trị vì vương quốc Kosala (Kiềutátla), cả hai vua giả dạng đi di hành trong dân chúng, để tìm hiểu có ai nói lên khuyết điểm của mình không.

Một hôm, xe của hai vua gặp nhau trên con đường hẹp và mỗi bên yêu cầu bên kia tránh để xe mình qua. Biết là xe của hai nhà vua và cả hai vua đều có tuổi tác và thể lực ngang nhau, họ hỏi nhau về giới đức của vua.

Người đánh xe của vua Mallika nói rằng "vua của ông cứng rắn đối với cứng rắn và mềm mỏng đối với mềm mỏng".

Người đánh xe của vua Brahmadatta rằng "vua của ông lấy không giận thẳng giận, lấy thiện thẳng không thiện".

Nghe vậy, vua Mallika và người đánh xe xuống xe, mở ngựa, nhường đường cho vua Brahmadatta qua.

Nhận diện tiền thân.

Vua Mallika nay là Đức Ānanda, người đánh xe của vua Mallika nay là Đức Mụckiền liên, người đánh xe của vua Brahmadatta nay là Đức Xá lợi phất, vua Brahmadatta nay là Đức Thế Tôn⁽⁴⁾.

17. Bốn sự Alinacitta.

Trong Bốn sự này, voi cha là tiền thân của Đức Xá lợi phất⁽⁵⁾.

18-Bốn sự Susīma (vua Susīma).

Duyên sự.

Thị dân trong thành Xá vệ (Sāvatthi) cùng nhau đóng góp để cúng dường, bấy giờ có 2 nhóm: Nhóm muốn cúng dường đến ngoại đạo; nhóm muốn cúng dường đến Đức Thế Tôn và chư Tăng.

Họ bỏ thăm, nhóm chủ trương cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng có số thăm nhiều hơn. Vật thực được cúng dường rất rộng rãi trong vòng một tuần, sau lễ cúng dường, Đức Phật thuyết pháp thoại tùy phước và chỉ dạy cho đại chúng về các quả tu chúng.

Câu chuyện.

Khi vua Susīma trị vì kinh thành Balanai, Bồ tát là con vị Tế sư của vua Susīma.

(1)- JA. Chuyện số 138.

(2)- JA, Chuyện số 325.

(3)- JA. Chuyện số 277.

(4)- Chuyện số 151.

(5)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 4).

Tế sư là người chủ trì lễ hội voi, chức vụ này mang lại cho ông nhiều lợi tức. Khi Bồ tát được 16 tuổi thì vị Tế sư mệnh chung, các giáo sĩ Balamôn vịn cố “con vị Tế sư còn nhỏ, không biết ba tạng Vệ đà (Veda) và không biết Tượng kinh”, họ xin vua để họ chủ trì lễ hội voi”. Vua Susīma chấp thuận.

Mẹ Bồ tát buồn khổ than khóc, vì cả đời gia tộc này đã tổ chức hội lễ voi, nay truyền thống này chấm dứt ở đây.

Bồ tát biết được sự việc, còn bốn ngày nữa là “hội lễ voi” được tổ chức. Được biết có vị sư trưởng biết kinh Vệ đà và kinh Voi, đang sống ở kinh thành Takkaṣilā của vương quốc Gandhara, cách kinh thành Balanai hai ngàn do tuần.

Bồ tát thu xếp đến kinh thành Takkaṣilā chỉ trong một ngày đêm, Ngài trả công vị sư trưởng 1.000 đồng vàng, xin vị sư rường dạy Ngài cấp tốc.

Bồ tát học trọn vẹn ba bộ Vệ đà cùng Tượng kinh chỉ một ngày đêm, ngay hôm sau Ngài trở về thành Balanai.

Ngày lễ hội đến, Bồ tát trang điểm như một hoàng tử đi với hội chúng mình đến khiêu nại với vua Susīma và thách thức ai có thể hơn Ngài trong việc hành lễ Voi cùng ba tạng Vệ đà.

Không ai có đọc thuộc hết ba kinh Vệ đà hay biết kinh Voi, thế là vua Susīma cử Bồ tát chủ trì hội lễ Voi.

Nhận diện tiền thân.

Vua Susīma nay là Đức Ānanda, vị sư trưởng nay là Đức Xá lợi phất, mẹ Bồ tát nay là bà Hoàng Mahā Māyā; vị Tế sư nay là vua Suddhodana (Tịnh Phạn), Bồ tát nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

19- Bốn sự *Sīlavīmamsana* (Thử thách giới đức).

Duyên sự.

Có năm Tỳkhuu sống trong Đại tự Kỳ viên, vào lúc nửa đêm cùng nhau thảo luận về dục lạc. Đức Phật bảo Ngài Ānanda họp họ lại và thuyết rằng “các trí giả ngày xưa nghĩ không thể che dấu hành động sai trái nên tránh làm điều xấu”.

Câu chuyện.

Bồ tát sinh làm một Balamôn theo học với một vị thầy nổi tiếng có 500 học trò mà Ngài đệ tử trưởng.

Muốn thử học trò mình, vị thầy nói sẽ gả con gái cho trò nào ăn cắp được nữ trang và xiêm y của cô mà không ai hay biết. Tất cả đều ra tay ăn cắp, trừ Bồ tát.

Được thầy hỏi, Bồ tát thưa rằng: “Nếu lấy đồ vật mà không kín đáo thì thầy không nhận. Nhưng không thể nào che giấu hành động xấu của mình được, tuy người khác không biết, nhưng chính mình biết rõ”.

Vị thầy rất hoan hỷ với lời lẽ này nên gả con cho Bồ tát.

Dứt thời pháp, 5 vị Tỳkhuu chứng đạt Thánh quả Dự lưu.

Nhận diện tiền thân.

Vị thầy nay là Đức Xá lợi phất⁽²⁾.

20- Bốn sự *Mahādharmapāla*.

Sẽ trình bày ở những tập sau. Trong bốn sự này, tiền thân của Đức Xá lợi phất là vị thầy⁽³⁾.

21- Bốn sự *Gijjha* (chuyện chim Kên kên).

Duyên sự.

Một vị Tỳkhuu nuôi dưỡng người mẹ nghèo, được Đức Thế Tôn khen ngợi.

Câu chuyện.

Một thời, Bồ tát sinh làm con Kên kên trên núi Kên kên (Gijjhakūṭapabbata), Kên kên nuôi dưỡng mẹ rất chu đáo. Một hôm có mưa to gió lớn, đàn Kên kên phải bay về thành Balanai tìm chỗ trú.

Một thương nhân thấy đàn Kên kên bị lạnh, ông cho đốt lửa sưởi ấm đàn Kên kên và đem thức ăn cho ăn. Sau cơn mưa, đàn Kên kên trở về chỗ trú, chúng bàn nhau “hãy đền ơn người thương buôn”, chúng đánh cắp những trang sức, vải vóc ... thả xuống sân của người thương buôn. Người thương buôn nhặt lấy cất vào một nơi.

Nghe sự cướp bóc của đàn Kên kên, nhà vua cho đặt bẫy bắt được Kên kên. Người thương buôn trên đường đi châu vua, thấy người ta bắt được Kên kên, ông đi theo sau vì sợ người ta làm hại Kên kên.

Trước mặt Đức vua, Kên kên thú nhận mọi việc làm của nhóm mình.

(1)- JA. Chuyện số 163.

(2)- JA. Chuyện số 305.

(3)- JA. Chuyện số 447.

Đức vua nghe Kên kên đánh cặp đồ vật để đền ơn người thương buồn, người thương buồn xin trả lại những vật do đàn Kên kên đánh cặp để cứu mạng Kên kên.

Kên kên được tha còn đồ đánh cặp được trả về cho chủ cũ.

Nhận diện tiền thân.

Đức vua nay là Đức Ānasnda, thương buồn nay là Đức Xá lợi phất, Kên kên nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

22- Bồn sự Catumatta (Bồn vẻ đẹp).

Duyên sự.

Hai vị Thượng thủ vấn đáp cùng nhau để hội chúng Tỳkhuu học tập. Một vị Tỳkhuu già đi đến, ngồi xuống một bên rồi nói với Đức Xá lợi phất:

- Thưa các Tôn giả, tôi sẽ hỏi các Tôn giả câu này, nếu các Tôn giả thấy khó trả lời, hãy hỏi lại tôi.

Các vị Trưởng lão nghe Tỳkhuu già nói như thế, liền đứng dậy bỏ đi.

Câu chuyện.

Có hai con ngỗng trời từ núi Cittakūṭa đến đậu trên cành cây và làm bạn với thần cây, họ thường nói pháp cho nhau nghe.

Một hôm có con chó rừng đến bảo ngỗng xuống đất nói kệ cho vua loài thú nghe, hai ngỗng trời chán ngấy chó rừng, liền bay đi và không trở lại nữa.

Nhận diện tiền thân.

Con chó rừng nay là vị Tỳkhuu già, hai ngỗng trời nay là Đức Xá lợi phất và Đức Muckiēnliên, vị Thần cây nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

23- Bồn sự Jarudapāna (cái giếng cũ).

Duyên sự.

Một nhóm thương nhân thành Xá vệ, trên đường đi buôn họ đào một giếng cũ để tìm nước uống, gặp được kho tàng.

Câu chuyện.

Một thời Bô tát là một thương nhân, có lần Ngài đi buôn với đoàn xe thương hồ, dừng lại chỗ một giếng hoang định lấy nước uống.

Giếng cạn nên phải đào xuống, họ gặp nhiều châu báu dưới đáy giếng, chưa thoả mãn, họ tiếp tục đào sâu hơn nữa. Bô tát ngăn cản với lời khuyên "tham là nguồn gốc của tai họa". Cung điện rắn chúa (nāga) dưới đáy giếng bị phá vỡ, các con rắn lớn nổi giận phun hơi độc phà ra giết chết tất cả trừ Bô tát.

Bô tát lại còn được các thần rắn đặt lên xe ngọc ngà châu báu và đưa về đến nhà.

Nhận diện tiền thân.

Rắn chúa nay là Đức Xá lợi phất⁽³⁾.

24- Bồn sự Kakkāru (chuyện Thiên hoa Kakkāru).

Duyên sự.

Khi hai vị Thượng thủ thỉnh văn mang 500 tân Tỳkhuu Vajji về với Giáo đoàn, Tôn giả Devadatta đã tức giận, ói máu tươi.

Câu chuyện.

Kinh thành Balanai có một lễ hội lớn để mọi người trong kinh thành vui chơi.

Có bốn vị Thiên thần từ cõi Tāvātimsa (Ba mươi ba) đem vòng thiên hoa *kakkāru* đến dự, mùi hương của thiên hoa làm thơm khắp cả kinh thành. Dân chúng xô nhau về các Thiên thần xuất hiện cùng vòng thiên hoa.

Được hỏi xin thiên hoa, Thiên thần nói thiên hoa này chỉ xứng những ai trong cõi người có được những đức hạnh như thế này... như thế này...

Một giáo sĩ nói dối ông có đủ đức hạnh như thế và được đặt một vòng hoa lên đầu, rồi các Thiên thần biến mất, đầu ông bị đau nhức khốc liệt, ông muốn gỡ tràng hoa xuống nhưng không được.

Thấy giáo sĩ đau đớn suốt bảy ngày, vua muốn cứu ông nên mở lễ hội thứ hai như lễ hội trước để Thiên thần tới dự.

Bảy giờ vị giáo sĩ thú nhận đã nói dối, sau khi gỡ trách giáo sĩ, các thiên thần gỡ vòng hoa khỏi đầu giáo sĩ, rồi trở về thiên giới.

Nhận diện tiền thân.

(1)- JA. Chuyện số 164.

(2)- JA. Chuyện số 187,

(3)- JA. Chuyện số 256.

Vị Giáo sĩ nay là Tôn giả Devadatta, vị Thiên thần thứ I nay là Đức Mahā Kassapa, vị thứ II nay là Đức Muckiēnliēn, vị thứ III nay là Đức Xá lợi phất, vị Thiên thần trưởng nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

25- Bốn sự Kuruṅga (con nai núi).

Duyên sự.

Tôn giả Devadatta âm mưu sát hại Đức Thế Tôn.

Câu chuyện.

Trong một khu rừng có ba con vật kết bạn với nhau là: Con nai núi, chim gõ kiến và con rùa. Một đêm nọ con nai núi mắc bẫy gỗ thợ săn, rùa ra công cản đứt dây bẫy còn chim gõ kiến đập cánh vào mặt gã thợ săn, tạo điểm xấu để ngăn cản gã vào rừng. Khi gã thợ săn vào rừng thì nai thoát nạn, nhưng rùa bị gã thợ săn bắt bỏ vào bao, nai giả vờ bị què chân đi cà nhắc dụ gã thợ săn đi sâu vào rừng, xa chỗ rùa đang bị nhốt, rồi nhanh chóng quay trở lại chỗ rùa, mang bao chứa rùa chạy vào rừng, dùng sừng (gạc) phá bao cứu được rùa.

Nhận diện tiền thân.

Gã thợ săn nay là Tôn giả Devadatta, rùa nay là Đức Muckiēnliēn, chim gõ kiến nay là Đức Xá lợi phất, nai núi nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

Bốn sanh này được khắc trong Bharhut Stupa⁽³⁾.

26- Bốn sự Kuṇḍakakucchisindhava (Ngựa quý ăn cám gạo đỏ).

(Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp tập 5).

27- Bốn sự Vyaggha (chuyện con cọp).

Xem phần sau.

28- Bốn sự Tittira (chuyện gà Gô).

Duyên sự.

Các Tỳkhuu bàn về sự ám hại Đức Thế Tôn của Tôn giả Devadatta.

Câu chuyện.

Một vị giáo sư nổi tiếng ở kinh thành Balanai lui về sống ẩn dật và dạy học tại nhà. Học trò ông đến từ mọi phương và đem tới ông rất nhiều lễ vật.

Vị giáo sư có nuôi con gà Gô, gà nghe ông dạy học thuộc lòng ba tập Vệ đà, khi vị Giáo sư chết, các học trò than khóc vì không còn ai có khả năng dạy họ ba tạng Vệ đà.

Gà Gô cho biết "đã thuộc lòng ba tạng Vệ đà" và gà Gô dạy cho họ.

Một hôm, gà Gô bị ẩn sĩ ác độc giết chết; ông còn giết luôn con cắc kè nhỏ và con bò. Gà gô có hai bạn là con sư tử và con cọp; cọp đã giết chết ẩn sĩ ác độc.

Nhận diện tiền thân.

Ẩn sĩ ác độc nay là Tôn giả Devadatta, cắc kè nay là Thánh nữ Alahān Kisāgotamī, cọp nay là Đức Muckiēnliēn, sư tử nay là Đức Xá lợi phất, vị giáo sư nay là Đức Mahā Kassapa, gà Gô thông thái nay là Đức Thế Tôn⁽⁴⁾.

29-Bốn sự Vaṇṇāroha (chuyện Sắc đẹp).

Duyên sự.

Một người đàn ông sống nhờ tàn thực của hai vị Thượng thủ, thấy hai vị Thượng thủ thân tình với nhau, ông khởi ý "có thể nào làm cho hai vị này bất hòa không?".

Y đến Đức Xá lợi phất dèm pha Đức Muckiēnliēn, rồi đến Đức Muckiēnliēn dèm pha Đức Xá lợi phất. Hai vị Thượng thủ đã đuổi y.

Câu chuyện.

Sư tử Sudāṭha và cọp Subāhu là hai bạn thân, có con chó rừng sống bằng thịt ăn thừa của sư tử và cọp.

Một hôm chó rừng muốn ăn thịt cọp hay thịt sư tử, nên nói đâm thọc rằng sư tử bị cọp chê không bằng một phần mười sáu sắc đẹp của cọp, và ngược lại, cọp bị sư tử chê cũng như vậy, để hai con giết chết lẫn nhau.

Cả sư tử và cọp khám phá ra âm mưu của chó rừng, chó rừng phải bỏ rừng đi chỗ khác.

Nhận diện tiền thân.

Chó rừng nay là gã đàn ông ăn tàn thực, sư tử nay là Đức Xá lợi phất, cọp nay là Đức Muckiēnliēn⁽⁵⁾.

30- Bốn sự Kurudhamma (Pháp Kuru).

(1)- JA. Chuyện số 326.

(2)- JA. Chuyện số 206.

(3)- Cunningham: p. 67 và Pl. xxvii. 9.

(4)- JA. Chuyện số 438.

(5)- JA. Chuyện số 361.

Duyên khởi.

Có hai Tỳkhuư tắm tại sông Aciravatī, trong lúc đứng trên bờ sông phơi khô mình, thấy hai con ngỗng trời. Hai vị cá xem ai liệng trúng mắt ngỗng, một vị ném hòn đá xuyên qua mắt của một con ngỗng, ông bị bạch trình lên Đức Phật.

Câu chuyện. (Chi tiết từng vị sẽ được trình bày ở những tập sau, ở đây chỉ nêu lên chi tiết tiền thân của Đức Xá lợi phất).

Một thời Bồ tát là vua xứ Kuru có kinh thành là Indapatta, Ngài là con của tiên hoàng Dhanañjaya. Vua xứ Kuru giữ gìn pháp Kuru tức là “giữ năm giới”.

Cả Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, phó vương, tế sư, người đánh xe, người đo ruộng, vị trưởng giả, người giữ kho lương thực, người gác cổng thành, cả cô kỹ nữ đều giữ pháp Kuru. Nhờ đó, xứ sở trù phú và dân chúng an lạc.

Bấy giờ, xứ Kalinga bị hạn hán và thiếu lương thực. Theo lời bàn của các quan, vua xứ Kalinga cử 8 Balamôn đến vua Kuru mượn voi Añjanavasabha để cầu mưa, vì vương tượng này có tài làm mưa.

Nhưng mưa không rơi xuống xứ Kalinga, dân chúng xứ Kalinga nghĩ rằng xứ Kuru thịnh vượng vì thần dân xứ Kuru giữ pháp Kuru.

Thế là vua xứ Kalinga cử đoàn sứ giả đi tìm xem pháp Kuru là gì?. Đoàn sứ giả đến từng người và ghi lại từng pháp ấy. Theo lời tấu trình, được biết dân xứ Kuru hành trì rất nhiệt tâm.

Vua xứ Kalinga cùng thần dân trong quốc độ Kalinga thực hành pháp Kuru và mưa đến xứ Kalinga.

Trong Bốn sự này, tiền thân Đức Xá lợi phất là vị trưởng giả. Chi tiết như sau:

Khi đoàn sứ giả đến hỏi trưởng giả về pháp Kuru, trưởng giả cho biết “tôi có thực hành pháp Kuru, nhưng không được trong sạch”, nguyên nhân là:

Một hôm ra thăm đồng, trưởng giả thấy một chùm lúa chín, ông túm chùm lúa chín ấy cột vào một chùm lúa khác, chống đỡ hai chùm lúa bằng một cây gậy.

Trưởng giả chợt suy nghĩ “ta phải đóng thuế ruộng cho Đức vua, nhưng ta đã lấy đi một túm lúa từ thửa ruộng chưa chín, như thế ta đã phạm vào giới trộm cắp. Chắc chắn ta đã phá vỡ pháp Kuru rồi”.

Trưởng giả cho đoàn sứ giả biết như thế, đoàn sứ giả nói: “Ngài không cố ý trộm cắp, thì không thể kết tội “trộm cắp”. Nhưng chỉ việc sơ ý ấy mà Ngài còn áy náy thì làm sao Ngài có thể rơi vào “cố ý trộm cắp”.

Nhận diện tiền thân.

Hoàng thái hậu nay là Hoàng hậu Mahā Māyā, Hoàng hậu nay là mẹ của Lahūla (Rāhulamātā), phó vương nay là Trưởng lão Nadapañḍita, vị Tế sư nay là Đức Mahā Kassapa, người đánh xe nay là Đức Anuruddha, vị trưởng giả nay là Đức Xá lợi phất, người giữ kho lương thực nay là Đức Muckiēliēn, người đo ruộng nay là Đức Mahā Kaccāna, người gác cổng thành nay là Đức Puṇṇa Matāniputta và nàng kỹ nữ nay là Thánh nữ Alahān Uppalavaṇṇā⁽¹⁾.

Sau khi khiển trách Tỳkhuư giết ngỗng trời, Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

362- Hatthasaṃyato pādasam̐yato; vācāsam̐yato sam̐yatuttamo.

Ajjhattarato samāhito; eko santusito tamāhu bhikkhū.

"Người chế ngự tay chân; chế ngự lời và đầu.

Vui thích nội thiền định; độc thân biết vừa đủ.

Thật xứng gọi Tỳkhuư" (HT.TMC dịch)⁽²⁾

Cũng do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Sālitaka.

***Bốn sự Sālitaka** (Nghề búng sỏi).

Câu chuyện.

Khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai, có một Tế sư ham nói nhiều.

Ngoài thành Balanai, một người què có tài búng sỏi chính xác đến nỗi có thể cắt lá cây bàng thành nhiều hình con vật khác nhau.

Vua Brahmadatta muốn nhờ người què chữa bệnh “ham nói nhiều” của Tế sư.

Người què ngồi sau màn có khoét một lỗ nhỏ, khi vị Tế sư tranh nói, người què búng viên phân dê khô vào miệng Tế sư, vị Tế sư vì ham nói nên nuốt cục phân dê vào bụng để tiếp tục nói.

Khi hết phân dê, vua Brahmadatta nói:

- Nay Tế sư, vì ham nói mà ông đã nuốt rất nhiều phân dê.

Từ đó về sau Tế sư im lặng, không dám ham nói nữa.

(1)- JA. Chuyện số 276.

(2)- DhpA. Câu số 362.

Đức vua Brahmadata ba cho người què 4 ngôi làng để thu thuế, lợi tức hằng năm là bốn ngàn đồng vàng.

Nghe vậy, một Đại thần hiền trí đến thưa với vua Brahmadata rằng:

- Các bậc hiền trí ở đời cần phải học, chỉ có nghề búng sỏi mà người què được vinh hiển.

Nhận diện tiền thân.

Người què nay là vị Tỳkhuu búng sỏi giết ngỗng trời, vua Brahmadata nay là Đức Ānanda, đại thần hiền trí nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Phụ truyện.

Một người khác thấy anh què chỉ có tài búng sỏi mà vinh hoa phú quý, anh tìm đến người què để học nghề búng sỏi.

Khi thành tài, muốn thử nghệ thuật búng sỏi của mình, gã búng sỏi vào lỗ tai của vị Phật Độc giác. Vị Phật Độc giác viên tịch, anh búng sỏi rơi vào địa ngục Atỳ.

Gã búng sỏi ấy nay là Tỳkhuu Sunakkha thị giả của Đức Thế Tôn (đã nói ở tập 3).

31- Bốn sự Abbhantaramba (cây xoài Chính trung).

Xem phần sau.

32- Bốn sự Supatta.

Xem phần sau.

33- Bốn sự Cullakālīṅga (Tiểu vương Kālīṅga)⁽²⁾.

34-Bốn sự Sayha (Quốc sư Sayha).

Duyên sự.

Một vị Tỳkhuu đi khất thực trong thành Xávệ, trông thấy một thiếu nữ xinh đẹp, tâm bị cảm dục, thối thất tinh tấn.

Câu chuyện.

Một thời, Bô tát sanh là con của vị Tế sư của vua Brahmadata, trị vì kinh thành Balanại. Bô tát và Thái tử cùng đi học chung tại thành Takkasilā.

Khi Thái tử lên ngôi, Bô tát ly gia lên Hy Mālāp Sơn làm ẩn sĩ. Tân vương cử quan đại thần Sayha đi tìm Bô tát để về làm Tế sư.

Nhưng Bô tát từ chối nói rằng "ta không cần danh vị này".

Nhận diện tiền thân.

Tân vương nay là Đức Ānanda, quan đại thần Sayha nay là Đức Xá lợi phất⁽³⁾.

35- Bốn sự Pucimanda (cây Nimba) .

Duyên sự.

Đức Mụckiền liên thấy tên trộm trốn nơi liêu của mình, Ngài đuổi tên trộm đi.

Câu chuyện.

Một thời, Bô tát sinh làm thần cây Nimba trong nghĩa địa, có tên trộm mang đồ ăn cắp đến định nằm dưới gốc cây, thần cây Nimba đuổi y đi.

Kế bên cây Nimba có cây bồ đề, thần cây Bồ đề hỏi "vì sao thần cây Nimba làm vậy?", và được trả lời rằng nếu tên trộm bị phát giác, y sẽ bị đóng xiên bằng cây Nimba và như thế cây Nimba sẽ bị chặt mất đi một cành.

Lát sau quân triều đình đến, nhưng tên trộm đã cao bay xa chạy rồi.

Nhận diện tiền thân.

Thần cây Bồ đề nay là Đức Xá lợi phất.

36-Bốn sự Khativādī (Lời kham nhẫn).

Duyên sự.

Một vị Tỳkhuu trú trong Đại tự Kỳ viên thường hay phẫn nộ.

Câu chuyện.

Một thời, Bô tát sinh ra trong một gia đình trưởng giả ở Kāsi, có tên là Kuṇḍaka.

Khi cha mẹ qua đời, Bô tát bố thí hết tài sản, xuất gia làm ẩn sĩ ở núi Tuyết.

Một lần nọ Ngài xuống núi để tìm muối và dấm, Ngài sống nơi vườn Ngự uyển, được vị tướng quân hộ độ.

Một hôm, vua Kalābu cai trị kinh thành Balanại cùng đoàn phi tần du ngoạn trong vườn Ngự uyển. Khi vua Kalābu no say và ngủ mê, các cung tần đi ngao du, tỉnh giấc vua đi tìm các phi tần, thấy các nàng đang ngồi nghiêm trang nghe ẩn sĩ thuyết về "hạnh kham nhẫn". Vua Kalābu ra lệnh

(1)- JA. Chuyện số 107.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 5).

(3)- JA. Chuyện số 310.

thủ tánh nhẫn của ẩn sĩ bằng cách cho đánh ông hai ngàn roi gai, rồi chặt tay chơn, thẻo tai mũi của ông.

Hành hình ẩn sĩ xong, vua Kalābu bỏ đi, nhưng vừa khuất tầm mắt của ẩn sĩ, vua Kalābu bị đất rút vào địa ngục Vô gián (Avīci).

Nghe quân báo, vị tướng đến bằng bó thương tích cho ẩn sĩ và xin đừng giận hờn ai khác ngoài nhà vua. Ẩn sĩ đọc kệ cầu mong cho vua được sống lâu và nói lên "tâm Ngài chẳng giận ai cả". Ẩn sĩ cũng chết ngay trong ngày ấy.

Nhận diện tiền thân.

Vua Kalābu nay là Tôn giả Devadatta, vị tướng quân nay là Đức Xá lợi phất⁽¹⁾.

Kinh thường được kể như một ví dụ của sự tha thứ rộng lượng. Vị ẩn sĩ Kuṇḍaka còn được gọi là ẩn sĩ Khantivādi⁽²⁾.

Kinh còn cho thấy sự phần nộ có thể rơi xuống "người không có hiềm khích" và vì sao người phần nộ có thể đánh mất cơ hội thành công⁽³⁾.

37- Bốn sự Mamsa (chuyện miếng thịt).

Xem phần sau.

38- Bốn sự Kesava (Ẩn sĩ Kesava).

Duyên sự.

Vua Pasenadi (Patanṇak) thỉnh mỗi ngày 500 vị Tỳkhuu đến Hoàng cung thọ thực.

Một hôm, người ta dâng đến vua Pasenadi nhiều trái cây rừng, vua bảo dâng đến các Tỳkhuu, nhưng không còn vị nào cả.

Vua Pasenadi đi đến Đại tự Kỳ viên bạch với Đức Thế Tôn về việc này, Đức Thế Tôn dạy: "*Thức ăn tốt nhất là thức ăn được cho với tình yêu thương*".

Câu chuyện.

Khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, bấy giờ Kesava là một ẩn sĩ khổ hạnh sống ở Himayā (HyMālapon) với 500 đệ tử.

Bấy giờ, Bōttat là Balamôn Kappa ở Kāsī, sau khi hoàn tất mọi nghiệp nghệ của dòng họ Balamôn, Ngài xuất gia làm ẩn sĩ theo Kevasa và trở thành đệ tử trưởng của nhóm đệ tử này. Một hôm ẩn sĩ Kesava cùng các môn đệ xuống núi để tìm muối và dấm. Đoàn ẩn sĩ vào trú trong vườn Ngự uyển của Đức vua trị vì kinh thành Balanai, được nhà vua ân cần tiếp đón.

Sau mùa mưa, các ẩn sĩ xin trở về núi Tuyết, riêng ẩn sĩ Kesava được vua Brahmadata mời ở lại. Vì sống một mình và nhớ các môn đệ, ẩn sĩ Kesava lâm bệnh mà năm ngự y không chữa trị được.

Vua cử quan đại thần Nārada đưa ẩn sĩ Kesava về núi Tuyết, vừa thấy ẩn sĩ Kappa, Kesava hết bệnh ngay, đầu thuốc ông dùng chỉ gồm có cháo gạo rừng.

Nhận diện tiền thân.

Vua Brahmadata nay là Đức Ānanda, quan đại thần Nārada nay là Đức Xá lợi phất, ẩn sĩ Kesava nay là Phạm thiên Baka⁽⁴⁾.

Ẩn sĩ Kesava có khi được gọi là Kesi⁽⁵⁾.

Theo Bản Sớ giải kinh Pháp cú (Dhaamapada atthakathā), vua Pasenadi (Patanṇak) tự mình cúng dường đến các Tỳkhuu 7 ngày, đến ngày thứ 8 vua Pasenadi bị bệnh, quên cả các Tỳkhuu, nên các Tỳkhuu không còn được ai lo lắng vật thực nên không đến hoàng cung nữa, trừ Đức Ānanda.

Mặt khác, câu chuyện của ẩn sĩ Kesava cũng khác bản Sớ giải kinh Bốn sanh này. Theo Sớ giải kinh Pháp cú: Kesava là vị vua từ bỏ vương quyền, xuất gia làm ẩn sĩ, 500 tùy tướng cũng xuất gia làm đệ tử, Kappaka là thị giả của ẩn sĩ Kesava.

Trú trong vườn Ngự uyển của vua Brahmadata chỉ đôi ba ngày, nhóm ẩn sĩ điếc tai vì tiếng voi, ngựa ... nhóm ẩn sĩ để thị giả Kappaka ở lại hầu thầy.

Chẳng bao lâu, ẩn sĩ Kappaka cũng chịu không nổi tiếng ồn ào, cũng trở về núi Tuyết với nhóm ẩn sĩ và ẩn sĩ Kesava bị bệnh vì nhớ các đệ tử.

Phần sau giống như Sớ giải kinh Bốn sự.

Nhận diện tiền thân..

Vua Brahmadata nay là Đức Muckiēnliēn, quan đại thần Nārada nay là Đức Xá lợi phất, thị giả Kappaka nay là Đức Ānanda, ẩn sĩ Kesava nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

(1)- JA. Chuyện số 303.

(2)- Dhpa. i. 126; KhpA. 149; JA. i. 46; JA. iii. 178; JA. vi. 257; BuA. 51.

(3)- JA.v, 113, 119.

(4)- JA. Chuyện số 346.

(5)- JA. iii. 144, 362.

39- Bốn sự Kāraṇḍiya⁽²⁾.

40-Bốn sự Nandiyamiga (Nai chúa hoan hỷ).

Duyên sự.

Một vị Tỳkhuu có hiếu với mẹ, được Đức Thế Tôn khen ngợi.

Câu chuyện.

Vua xứ Kosala rất ham thích săn bắn, bấy giờ Bôttát là nai chúa Nandiya rất hiếu thảo với cha mẹ. Các cuộc đi săn của vua Kosala cùng tùy tùng đông đảo làm hư hao mùa màng của thần dân rất nhiều, dân chúng cùng nhau lập khu lâm viên Añjana, trong lâm viên họ đào một hồ nước lớn, chung quanh lâm viên là tường rào sắt có một cổng đi vào mà thôi.

Họ xua đuổi nai vào lâm viên để vua Kosala săn bắn, tránh thiệt hại tài sản của họ, nai chúa Nandiya cùng cha mẹ chạy trốn vào một bụi cây, nhóm chúng đi đến gần bụi cây, nai chúa bảo cha mẹ ở yên còn nai chúa chạy ra, dân chúng tưởng trong bụi cây chỉ có một con nai nên không đến, họ xua nai chúa vào lâm viên Añjana.

Nai chúa bàn với đàn nai rằng "mỗi khi vua Kosala đi săn, một con nai đến phiên mình phải nạp mạng, để tránh thiệt hại cho đàn nai vì phải chết vô ích".

Nai cha mẹ của nai chúa Nandiya nhớ con, đứng bên vệ đường, thấy một Bàlamôn đi trên đường, nai cha mẹ nhắc ông đến lâm viên, bảo nai Nandiya nhảy rào về thăm cha mẹ.

Nghe Bàlamôn nhắc tin này, nai chúa Nandiya nói rằng: "Vì ăn cỏ và uống nước trong vườn này, nên nhớ ơn vua Kosala, không thoát thân chờ đến phiên mình nạp mạng cho vua, nai chúa muốn mang lợi ích đến đàn nai và vua Kosala, vì đã cung cấp thức ăn cho đàn nai".

Lúc tới phiên mình, không sợ hãi nai Nandiya xuất hiện với tâm từ ái, tâm từ ái này khiến vua Kosala không thể buông tên, trái lại, ông cho nai Nandiya một ước nguyện, nai Nandiya ước an lạc cho mọi chúng sinh.

Sau đó, vua Kosala bỏ đường ác và cai trị vương quốc theo chánh pháp.

Nhận diện tiền thân.

Vua Kosala nay là Đức Ānanda, Bàlamôn mang tin này là Đức Xá lợi phất, nai Nandiya nay là Đức Thế Tôn⁽³⁾.

41- Bốn sự Setaketu (Bàlamôn Setaketu).

Duyên sự.

Có vị Tỳkhuu trong Giáo pháp này, sống lợi dưỡng bằng cách lừa gạt người khác.

Câu chuyện.

Khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, Bôttát là vị Giáo sư thông thái, có 500 đệ tử, trong đó Bàlamôn phương Bắc Setaketu là đại đệ tử.

Bàlamôn Setaketu rất tự hào về giai cấp của mình.

Một hôm, Setaketu cùng các bạn ra khỏi thành để tắm sông, khi trở về thấy một người nô lệ (Caṇḍāla), Setaketu bảo Caṇḍāla phải đi phía dưới gió của mình, nhưng người Caṇḍāla không đồng ý và thách thức Setaketu đáp câu hỏi của Caṇḍāla.

Caṇḍāla hỏi các phương hướng là gì? Setaketu đáp là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người Caṇḍāla nói "không phải", rồi kẹp Setaketu giữa đôi chân của mình.

Setaketu về bạch với thầy, vị giáo sư nói: "Bốn phương hướng ấy là cha mẹ, thầy, gia chủ, và trạng thái vô ưu, lạc níp bàn".

Về sau, Setaketu đi học ở Takkasilā, thành tài Setaketu đi du hành để học tập thêm nghệ thuật, đến một ngôi làng biên địa, Setaketu gặp 500 đạo sĩ khổ hạnh, Setaketu xuất gia với 500 đạo sĩ ấy. Rồi trở về thành Balanai với 500 đạo sĩ.

Setaketu đi khất thực trong hoàng cung, được vua Brahmadata hoan hỷ, mời trú trong Ngự uyển. Một hôm, vua Brahmadata cho biết sẽ đến viếng các đạo sĩ khổ hạnh, Setaketu triệu tập các ẩn sĩ thông báo nhà vua đến viếng, và yêu cầu họ giả tu khổ hạnh (như nằm giường gai, chịu đựng năm ngọn lửa ...), vì một lần được vua kính trọng sẽ sống sung sướng cả đời.

Vua Brahmadata tin nhưng vị Tế sư thì không, vị Tế sư khuyên Setaketu và các đạo sĩ khổ hạnh trở về làm cư sĩ và vô triều phục vụ vua.

Nhận diện tiền thân.

Setaketu nay là vị Tỳkhuu lừa dối, Caṇḍāla nay là Đức Xá lợi phất, vị Giáo sư nay là Đức Thế Tôn⁽⁴⁾.

(1)- DhpA. Câu số 47.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 5).

(3)- JA. Chuyện số 385.

(4)- JA. Chuyện số 377.

42- Bốn sự Kharaputta (chuyện con lừa).

Duyên sự.

Một Tỳkhuu bị vợ cũ quyến rũ nên thối thất tinh tấn.

Câu chuyện.

Thuở xưa, Vua Senaka trị vì kinh thành Balanai, vua có cứu mạng một Xà vương (nāga) khỏi tay bọn thanh niên đang vây đập. Để tạ ơn cứu tử, Xà vương dâng lên vua nhiều châu báu và một cung nữ Rắn (Nāga), Xà vương còn biểu vua cầu thần chú để gọi cung nữ Rắn khi không thấy nàng bên cạnh.

Một hôm vua Senaka cùng cung nữ Rắn du ngoạn trong Ngự uyển, vốn tham dục vô độ, cung nữ thấy con rắn nước dưới hồ sen, bèn hoá thành rắn bò xuống hồ làm tình với rắn nước.

Thấy vắng cung nữ Rắn, vua Senaka đọc thần chú, thấy việc làm xấu xa của cung nữ Rắn, vua Senaka trừng phạt tội tà hạnh, đánh cung nữ Rắn bằng một roi tre.

Cung nữ Rắn tức giận bỏ về thế giới Nāga và phao vu vua Senaka ngược đãi mình.

Xà vương ra lệnh cho bốn thanh niên Rắn (nāga) vào nội cung giết vua, bằng cách phun hơi độc tử mũi.

Bốn thanh niên rắn đi vào nội cung ẩn vào một nơi, bấy giờ vua kể cho Hoàng hậu nghe sự việc xảy ra ngoài Ngự uyển. Nghe được câu chuyện, bốn thanh niên Rắn trở về trình lại Xà vương. Để chuộc lỗi, Xà vương tặng Vua Senaka câu thần chú "nghe được mọi thứ tiếng trên thế gian", với điều kiện "nếu vua truyền thần chú này cho ai, vua phải nhảy vào lửa chết".

Nhờ có thần chú, vua Senaka nghe nhiều chuyện buồn cười của loài ong, kiến ...

Nghe vua cười, Hoàng hậu hiểu kỳ theo hỏi, vua Senaka cho biết "có thần chú nghe được tiếng nói loài vật", Hoàng hậu đòi vua truyền thần chú cho bà.

Bị mãnh lực nữ nhân thôi thúc, vua đành chấp nhận và ngự lên vương xa, đi vào Ngự viên để nhảy vào lửa sau khi truyền thần chú cho hoàng hậu.

Ngay lúc ấy, ngai vàng của thiên chủ Sakka (Đế Thích) nóng lên, Ngài nhìn xuống cõi người, thấy được việc này, liền cùng thiên hậu Sujātā xuống nhân giới, hoá làm hai con dê đón đầu vương xa của vua Senaka, hai con dê giả như sắp làm tình trước mặt các con ngựa Sindhu đang kéo vương xa.

Ngựa Sindhu mắng dê ngu xuẩn và vô liêm sỉ, dê bảo ngựa còn ngu xuẩn hơn vì đang kéo xe cho một vị vua ngu ngốc, vua Senaka nghe được câu chuyện giữa dê và ngựa, liền hỏi kể.

Dê đề nghị vua bảo với Hoàng hậu rằng Ngài sẽ truyền chú cho với điều kiện bà phải chịu trăm roi lên lưng không được kêu la. Vì quá ham mê thần chú, Hoàng hậu ưng chịu, nhưng vừa bị hai roi bà kêu la và không còn muốn được thần chú nữa.

Nhận diện tiền thân.

Vua Senaka nay là vị Tỳkhuu bị đắm nhiễm, Hoàng hậu nay là người vợ cũ, ngựa Sindhu nay là Đức Xá lợi phất, thiên chủ Sakka nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Được biết có một vần kệ trong kinh này tìm thấy trong Mahāsutāsoma jāta⁽²⁾.

43- Bốn sự Mahāsutāsoma.

Sẽ trình bày trong những tập sau.

44- Bốn sự Dasañña (Nuốt lưỡi kiếm).

Duyên sự.

Một Tỳkhuu bị vợ cũ quyến rũ nên thối thất tinh tấn.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Maddava trị vì kinh thành Balanai, Bàlamôn Senaka sau khi học thành tài ở Takkaṣilā, được cử làm Tế sư của vua Maddava.

Tế sư Senaka có người con trai si mê hoàng hậu, vua Maddava ban hoàng hậu cho con trai Senaka 7 ngày, hai người si mê nhau nên trốn đi khỏi kinh thành.

Vua Maddava buồn khổ, Tế sư Senaka thu xếp một lễ hội, trong lễ hội có màn biểu diễn "nuốt bảo kiếm Dasañña" để giáo hoá vua Maddava.

Vua Maddava hỏi Đại thần Āyura: "Việc gì khó hơn là nuốt bảo kiếm Dasañña?"

- Thưa đại vương, "là cho vật đáng hài lòng".

Vua Maddava suy nghĩ: "Ta đã cho Hoàng hậu đến con trai tế sư Senaka. Vậy ta đã làm một việc khó hơn nuốt bảo kiếm Dasañña". Sự buồn khổ của vua giảm bớt.

Vua Maddava hỏi đại thần Pukkusa:

- Việc gì khó hơn là "cho vật hài lòng?"

(1)- JA. Chuyện số 386.

(2)- JA. Chuyện số 537.

- Thưa đại vương "là cho mà không hối tiếc".

Vua suy nghĩ: "Ta cho Hoàng hậu đến con trai vị Tể sư, ta không có hối tiếc. Vậy ta đã làm một việc càng khó hơn". Vua lại giảm bớt sâu khổ.

Rồi vua Maddava hỏi Tể sư Senaka:

- Việc gì khó hơn "cho mà không hối tiếc?".

- Thưa đại vương là "đã cho rồi không tiếc nuôi".

Hiểu ý nghĩa của lời giải đáp, vua hết sầu não và sống an lạc trở lại.

Nhận diện tiền thân.

Vua Maddava nay là Tỳkhuu thối thất tinh tấn; Āyuna nay là Đức Mụckiềnliên, Pukkusa nay là Đức Xá lợi phất, Tể sư Senaka nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

45- Bốn sự Sattubhastā (Túi da đựng bánh).

Duyên sự.

Các Tỳkhuu đàm luận về trí tuệ của Đức Phật.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Janaka trị vì kinh thành Balanai, có một Bàlamôn già đi xin được một ngàn đồng, ông gửi cho một Bàlamôn giữ dùm, rồi tiếp tục đi xin.

Khi Bàlamôn trở lại đòi ngàn đồng vàng, Bàlamôn kia đã xài hết nên gả con gái cho ông. Cô này vì còn trẻ nên không thỏa mãn tham dục, cô có tình nhân là một Bàlamôn trẻ tuổi.

Có 16 việc không hề được thỏa mãn là:

1- Biển không thỏa mãn với các dòng nước của sông.

2- Lửa không thỏa mãn với các nhiên liệu.

3- Vua không thỏa mãn với quốc độ của mình.

4- Kẻ ngu không thỏa mãn với ác nghiệp.

5- Nữ nhân không thỏa mãn với ba việc: Giao hợp, trang điểm và sinh con.

6- Bàlamôn không thỏa mãn với Thánh kinh.

7- Bạc trí không thỏa mãn với thiên định.

8- Học giả không thỏa mãn với danh tiếng.

9- Bạc lý tham không thỏa mãn với tình cần.

10- Người tinh tấn không thỏa mãn với nỗ lực.

11- Người ham nói không thỏa mãn với chuyện trò.

12- Nhà chính trị không thỏa mãn với hội họp.

13- Người mộ đạo không thỏa mãn với việc phục vụ giáo hội.

14- Người thích bố thí không thỏa mãn với sự bố thí.

15- Người đa văn không thỏa mãn với sự nghe Pháp.

16- Tử chúng không thỏa mãn với việc yết kiến Đức Phật.

Cô vợ trẻ của Bàlamôn già nói "cần nữ tỳ", cô xúi Bàlamôn già đi xin để có tiền mua một nữ tỳ, cô sắm cho Bàlamôn già một túi da đựng lương thực.

Bàlamôn già đi xin được 700 đồng, trên đường về, ông đến một bờ suối dùng bánh rồi đi đến suối uống nước, một con rắn ngửi mùi bánh đi vào túi da ăn bánh. Bàlamôn già uống nước xong, đến cầm túi da cột miệng túi, mang túi ra đi.

Vị thần cây thấy vậy, thương tình cảnh báo rằng: "Này Bàlamôn, nếu ông nghỉ lại dọc đường ông sẽ chết; nếu ông về nhà vợ ông sẽ chết."

Lo âu, ông vừa đi vừa khóc, đến kinh thành Balanai, Bàlamôn già theo đại chúng để nghe Tể sư Senaka giảng pháp.

Vào thời ấy, Tể sư Senaka thường giảng pháp đến đại chúng mỗi tháng hai lần, vào ngày Uposatha (bồ tát) mỗi nửa tháng, từ đức vua đến phó vương ... đều đến nghe pháp. Bàlamôn già trình lên vị Tể sư lời cảnh báo của vị thần cây, Tể sư hỏi mọi chuyện rồi nói rằng:

- Trong túi da của ông có con rắn độc nằm trong đó.

Tể sư cho người mở túi da, nhưng phòng ngừa rắn độc mổ trúng, rắn độc bò ra trước mắt đại chúng.

Bàlamôn già đهن ơn Tể sư số tiền 700 đồng, Tể sư hỏi:

- Này Bàlamôn, ông làm gì được số tiền này?

-Thưa Ngài, tôi đi xin.

- Vì sao ông phải đi xin tiền.

Bàlamôn già thuật lại nguyên nhân mình đi xin, Tể sư hỏi:

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 401.

- Vợ ông đã già hay còn trẻ.
- Thừa Ngài, còn trẻ.

Vị Tế sư hiểu ngay tà hạnh của cô vợ trẻ, Ngài cho Bàlamôn già thêm 300 đồng, dặn rằng “đừng mang về nhà, hãy chôn ở nơi nào đó”.

Tuy làm theo lời dạy của vị Tế sư, nhưng ông nói cho cô vợ trẻ biết, thế là số tiền của ông bị tình nhân của cô vợ trẻ đào lấy mất. Bàlamôn già buồn khổ, đến yết kiến Tế sư, vị Tế sư cho thêm 1000 đồng vàng, dạy rằng:

- Nay Bàlamôn, hãy tổ chức cúng dường đến các Bàlamôn trong 7 ngày, ông mời 7 Bàlamôn, vợ ông mời 7 Bàlamôn. Mỗi ngày mỗi người bớt đi một vị.

Vào ngày thứ 7, vị Tế sư cho bắt hai Bàlamôn còn lại, Bàlamôn do cô vợ mời đều có mặt trọn vẹn 7 ngày. Thế là gã Bàlamôn này nhận tội dan díu với cô vợ trẻ và lấy trộm 1.000 đồng vàng của Bàlamôn già.

Nhận diện tiền thân.

Bàlamôn già nay là Đức Ānanda, thần cây nay là Đức Xá lợi phất, Tế sư Senaka nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

46- Bốn sự Mahāpaduma (Vương tử Liên Hoa).

Duyên sự.

Nàng Ciñcāmaṇavikā vu khống Đức Phật thông gian cùng nàng.

Câu chuyện.

Một thời, Bôttát là vương tử Paduma của vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, sau khi mẹ Ngài mạng chung, vua cha lập bà Hoàng thứ hai.

Khi vua Brahmadata ra biên cương dẹp loạn, vương tử được giao cho nhiệm vụ chăm lo Hoàng hậu. Hoàng hậu đắm say uy nghi của vương tử Paduma, muốn cùng vương tử ân ái, nhưng vương tử Paduma cự tuyệt.

Khi vua Brahmadata trở về, Hoàng hậu giả đau, rồi vu khống vương tử Paduma muốn cưỡng hiếp nàng, nhưng không được nên đã đánh đập nàng.

Vương tử Paduma bị vua Brahmadata ra lệnh ném xuống “vực của bọn trộm cướp”, bất chấp lời phản đối của thần dân.

Vị thần nơi ấy cứu Vương tử và giao cho Xà vương nuôi dưỡng trong một năm.

Sau đó, vương tử Paduma trở về nhân giới, xuất gia làm ẩn sĩ trú ở trong núi Tuyết.

Về sau, một người thợ rừng tình cờ đi lạc vào thảo am của ẩn sĩ Paduma, phát giác vương tử còn sống, người thợ rừng báo tin đến vua Brahmadata, vua cùng triều thần đi vào núi Tuyết tìm ẩn sĩ Paduma, nhưng ẩn sĩ từ chối trở về triều.

Hỏi ra và biết rằng “Hoàng hậu đã vu khống vương tử”, vua Brahmadata ra lệnh quăng nàng xuống “hố dành cho bọn cướp”. Từ đó vua Brahmadata trị nước theo chánh pháp.

Nhận diện tiền thân.

Nàng kể mẫu nay là nàng Ciñcāmaṇavikā, vua Brahmadata nay là Tôn giả Devadatta, vị thần nay là Đức Xá lợi phất, vương tử Paduma nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

47- Bốn sự Koṭisimbali (Thần cây Gòn gai).

Duyên sự.

Có 500 Tỳkhu trong Đại tự Kỳ viên bị dục nhiễm chi phối.

Câu chuyện.

Một Kimxí điểu vương (garuda) bắt được Rắn chúa, Rắn chúa quấn mình vào một cây đa, nhưng Điểu vương dùng sức búng gốc đa đem cả cây đa lẫn rắn chúa bay đến chót cây Gòn gai (*koṭisimbali*). Tại đây Điểu vương moi bụng rắn chúa ăn mỡ, rồi quăng xác rắn với cây đa xuống biển.

Trong cây đa có con chim nhỏ sinh sống, chim bỏ cây đa đến sống trên cây Gòn gai. Thần cây Gòn gai thấy vậy run rẩy toàn thân vì nghĩ con chim này sẽ thả phân nó lên mình, rồi các hạt trong phân sẽ lần hồi mọc thành cây lan tràn khiến nơi trú ẩn của Thần sẽ bị phá hoại.

Biết được tại sao Thần cây run sợ, Điểu vương bèn đuổi con chim nhỏ đi.

Nhận diện tiền thân.

Điểu vương nay là Đức Xá lợi phất, Thần cây Gòn gai nay là Đức Thế Tôn⁽³⁾.

48- Bốn sự Indriya.

Duyên sự.

(1)- JA. Chuyện số 402.

(2)- JA. Chuyện số 472.

(3)- JA. Chuyện số 412.

Một sadi đi khất thực chung với các vị Giáo thọ sư và Tế độ sư, không được cúng dường như ý, vì chỉ là một sadi trong hàng giáo phẩm.

Bất mãn, Sadi trở về nhà người vợ cũ và được nàng thay cơm cúng dường hăm hiu bằng các thứ ngon vật lạ. Bị quyến rũ, sadi muốn trở lại đời sống cư sĩ trước đây.

Sadi trở về tịnh xá trả y bát cho thầy Tế độ, các Ngài đưa Sadi đến yết kiến Đức Phật.

Câu chuyện.

Một thời, có một đạo sĩ khổ hạnh tên Nārada, em của Kāḷadevala, đệ tử của đạo sư Jotipāla (còn được gọi là Sarabhaṅga), ẩn tu trên xứ núi Arañjara.

Cạnh trú xứ của Nārada là bờ sông nơi mà các kỹ nữ thường xuống tắm để dụ dỗ người thích tham dục.

Phải lòng một cô kỹ nữ, đạo sĩ Nārada biếng nhác tu tập thiền, bỏ ăn và ốm o gầy mòn, biết bệnh của em mình, đạo sĩ Kāḷadevala khuyên can, nhưng Nārada không nghe; ông cũng không nghe các bạn đồng tu như Sālissara, Meṇḍissara và Pabbatissara.

Sau cùng sư phụ Sarabhaṅga được thỉnh đến, đạo sĩ Nārada hứa sẽ diệt ái dục của mình.

Nhận diện tiền thân.

Đạo sĩ Nārada nay là Sadi thối thất, nàng kỹ nữ nay là người vợ cũ, Sālissara nay là Đức Xá lợi phất, Mendissara nay là Đức Mahā Kassapa, Pabbatissara nay là Đức Anuruddha (Analuật), Kāḷadevala nay là Đức Mahā Kaccāna, đạo sư Sarabhaṅga nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Được biết với duyên sự này, Đức Phật còn thuyết thêm các Bổn sự: *Kaṇḍina Jātaka*⁽²⁾, *Rādhā Jātaka*⁽³⁾, *Ruhaka Jātaka*⁽⁴⁾, *Kaṇavera Jātaka*⁽⁵⁾, *Asarika Jātaka*⁽⁶⁾ và *Alambusā Jātaka*⁽⁷⁾.

Indriya Jātaka còn được dẫn trong *Kāṃavilāpa Jātaka*⁽⁸⁾ nhưng mối liên quan giữa hai kinh không rõ; có thể là dẫn chứng của một kinh khác trùng tên.

49- Bổn sự Aṭṭhasadda (Tám tiếng kêu).

Sẽ trình bày trong những tập sau.

50-Bổn sự Kaṇhadīpāyana (chuyện Hắc nhân).

Duyên sự.

Một vị Tỳkhuu thối thất tinh tấn.

Câu chuyện.

Thuở xưa, trong quốc độ Vaṃsa, vua Kosambika trị vì kinh thành Kosambī.

Có hai Bàlamôn là Dīpāyāna và Maṇḍavya, bố thí hết gia tài mình rồi lên Himayā (Hymālapson) sống đời khổ hạnh trong 50 năm.

Sau đó, hai ẩn sĩ du hành đến kinh thành Balanai, trên đường hai ẩn sĩ ghé thăm một thân hữu thuở trước của Dīpāyāna, thân hữu này cũng có tên Maṇḍavya, gia chủ tiếp hai ẩn sĩ rất chu đáo.

Rồi hai ẩn sĩ đến kinh thành Balanai, sống trong một nghĩa địa gần kinh thành, thời gian sau ẩn sĩ Dīpāyana trở lại nhà gia chủ Maṇḍavya.

Thế rồi, ẩn sĩ Maṇḍavya bị hàm oan do tên trộm bị rượt chạy ngang nghĩa địa làm rớt gói đồ ăn trộm nơi ông ngồi, ẩn sĩ bị vua sai đem đóng cọc ngay không cần xét xử.

Nhờ có thần lực ẩn sĩ Maṇḍavya vẫn sống, nghe bạn bị gia hình, Dīpāyana đến viếng. Khi hỏi ra biết bạn mình không hành tà đạo, Dīpāyana ngồi xuống dưới gốc cọc xiên bạn mình, máu của Maṇḍavya rơi xuống thân vàng óng ánh của Dīpāyana đóng thành cục đen, do đó được gọi là Kaṇha Dīpayana (Hắc nhân Dīpāyana).

Nghe vậy vua cho điều tra thực hư và biết được sự thật, vua ra lệnh phóng thích Maṇḍavya, nhưng không làm sao nhổ cọc trên thân của Maṇḍavya ra được, do đó ẩn sĩ có tên Ñi Maṇḍavya (Maṇḍavya mang cọc).

Thời gian sau, Dīpāyana trở lại nhà của gia chủ Maṇḍavya; tại đây ông cứu con của gia chủ là Yaññadatta bị rắn độc cắn lúc chơi đùa, nhờ phát nguyện "lời chân thật", cha mẹ của Yaññadatta cũng phát nguyện "lời chân thật" để cứu con.

Sau đó, ẩn sĩ Dīpāyana nói "nguyên nhân mình không thật sự muốn làm ẩn sĩ", nam gia chủ Maṇḍavya nói "nguyên nhân vì sao mình không hoan hỷ khi bố thí", người vợ của gia chủ Maṇḍavya

(1)- JA. Chuyện số 423.

(2)- JA. i. 153

(3)- JA.i, 495.

(4)- JA. ii, 113.

(5)- JA.iii, 58.

(6)- JA. iii, 248.

(7)- JA.v, 152.

(8)- JA.ii, 443.

nói “nguyên nhân vì sao không thật thương yêu chồng”. Cả ba khuyên giải lẫn nhau, nguyện sửa đổi và ba người đều hoan hỷ.

Nhận diện tiền thân.

Gia chủ Maṇḍavya nay là Đức Ānanda, bà gia chủ nay là Thánh nữ Visākhā, Yaññadatta nay là Ngài Rāhula, ẩn sĩ Āṇi Maṇḍavya nay là Đức Xá lợi phất, ẩn sĩ Kaṇha Dīpāyana nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Nhân duyên của câu chuyện giống như trong Kusa Jātaka, truyện còn được kể trong *Cariyāpitaka* (Hạnh tạng)⁽²⁾.

51- Bốn sự Bilārikosiya (Trường gia keo kiệt).

Duyên sự.

Có vị Tỳkhuu thực hành bố thí, chưa bao giờ ăn chén cơm đầy trừ khi đã chia phần đến người khác, ngay cả nước cũng không uống trước khi cho đến người khác.

Câu chuyện.

Một thời, Bôtát sinh làm một trưởng giả ở thành Balanai, từng xây dựng Bồ thí đường và bồ thí rất rộng rãi. Sau khi mạng chung tái sinh là Thiên chủ Sakka (Đềthích). Con Ngài theo gót cha và tái sinh là thiên tử Canda, cháu Ngài là thiên tử Suriya (đời thứ 3), rồi đến thiên tử Mātali (đời thứ 4) và thiên tử Pañcasikha (đời thứ 5). Đến đời thứ 6, là trưởng giả Bilārikosiya rất keo kiệt, đốt bỏ bồ thí đường và không cho ai vật thực gì cả.

Muốn chuyển hoá trưởng giả Bilārikosiya, Thiên chủ Sakka và các vị Thiên tử tổ phụ của Bilārikosiya giả dạng các Bàlamôn lần lượt đến khất thực nơi nhà trưởng giả Bilārikosiya.

Bàlamôn thứ nhất bị đuổi, ông đọc hai vần kệ, nên được Bilārikosiya mời nhà, hứa cho ăn, tiếp theo Bàlamôn thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư và thứ năm cũng được Bilārikosiya cho vào và hứa cho ăn, sau khi nghe kệ giáo hóa của mỗi vị.

Trưởng giả bảo nữ tỳ cho các vị lúa, các vị xin đồ ăn nấu chín, trưởng giả keo kiệt bảo lấy gạo dành cho bò ăn nấu chín, dâng cho các Bàlamôn.

Các Bàlamôn giả vờ mắc nghẹn chết, hoảng sợ, trưởng giả Bilārikosiya bảo nữ tỳ bới cơm trắng vô chén các vị và phao rằng các vị tham ăn nên mắc nghẹn chết.

Trước đám đông, các vị ngồi dậy chỉ cho thấy sự dối trá và keo kiệt của trưởng giả, rồi nói lên tông tích mình là tổ phụ mấy đời của Bilārikosiya.

Bilārikosiya hối hận và từ đạo ấy trở thành một thí chủ rất rộng lượng.

Nhận diện tiền thân.

Trưởng giả Bilārikosiya nay là vị Tỳkhuu, thiên tử Canda nay là Đức Xá lợi phất, thiên tử Suriya nay là Đức Muckiēnliēn, thiên tử Mātali nay là Đức Mahā Kassapa, thiên tử Pañcasikha nay là Đức Ānanda, Thiên chủ Đềthích nay là Đức Thế Tôn⁽³⁾.

52- Bốn sự Mahāmaṅgala (Điềm lành lớn).

Sẽ trình bày trong những tập sau.

53-Bốn sự Ghata (Trí giả Ghata).

Sẽ giải thích trong những tập sau.

54- Bốn sự Saṃvara (Vương tử Saṃvara).

Duyên sự.

Một vị Tỳkhuu sau năm năm học Luật, vị ấy đi đến vùng biên địa của vương quốc Kosala thực hành mong chúng đăc thiên đing, nhưng không chúng đăc nên thối thất tinh tấn, trở về Đại tự Kỳ viên.

Câu chuyện.

Vương tử Saṃvara là con thứ 100 cũng là con út của vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai. Mỗi vương tử được giao cho một vị thầy dạy dỗ, thầy của vương tử Saṃvara là Bôtát.

Mỗi vương tử khi thành tài đều được ban cho một lãnh địa.

Theo lời thầy, vương tử Saṃvara không nhận lãnh địa, chỉ muốn ở kinh thành Balanai để phụng dưỡng vua cha. Vương tử Saṃvara chiếm được cảm tình của các đại thần cùng cư dân thành Balanai nhờ vâng theo lời thầy dạy.

Khi vua Brahmadata mệnh chung, vương tử Saṃvara được tôn làm vua, 99 vương tử anh kéo quân về tranh chấp ngôi vua, vương tử Saṃvara nghe theo lời thầy, chia vàng ngọc trong cung nội thành 100 phần, gửi 99 phần đến các vương tử anh.

Vương tử trưởng là Uposatha triệu tập các vương tử em lại nói:

(1)- JA. Chuyện số 444.

(2)- Cp. p, 99

(3)- JA. Chhuyệ nsố 450.

- Chúng ta không thể thắng vương tử Saṃvara, mặt khác cây lọng trắng 9 tầng (biểu tượng của Đức vua) không thể chia cho 99 người. Lại nữa, Saṃvara là em của chúng ta, chúng ta không nên sát hại em để dành ngôi vua, vậy hãy để Saṃvara làm vua kinh thành Balanai.

Tất cả đều đồng ý.

Nhận diện tiền thân.

Vương tử Saṃvara nay là vị Tỳkhuu thối thất tinh tấn, vương tử Uposatha nay là Đức Xá lợi phất⁽¹⁾.

55- Bốn sự Samuddavāṇija (Thương nhân trên biển).

Xem phần sau.

56- Bốn sự Javanahaṃsa (Thiên nga thần tốc).

Duyên sự.

Ví dụ về cung thủ.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, Bôtát là thiên nga chúa của đàn thiên nga 99 ngàn con ở núi Cittakūṭa.

Vua Brahmadata rất quý thiên nga chúa nên đi đến hồ Lạnh (Anotatta) kết giao với thiên nga chúa.

Một hôm, có hai thiên nga trẻ muốn thử tốc độ của mình với mặt trời, đầu chim chúa đã cản ngăn. Để cứu hai thiên nga trẻ, chim chúa bay theo và vớt chúng khi chúng mệt lã. Sau đó chim chúa thử bay đua và thắng mặt trời.

Nghe vậy, vua Brahmadata muốn thấy tốc độ bay của chim chúa và được chim chúa trình diễn cho vua Brahmadata xem.

Được hỏi có tốc lực nào nhanh hơn tốc lực của chim chúa chăng? Chim chúa đáp rằng "sự biến hoại của Tứ đại trong đời sống hữu tình còn nhanh gấp ngàn lần".

Nhận diện tiền thân.

Vua Brahmadata nay là Đức Ānanda, thiên nga thứ I nay là Đức Muckiēnliēn, thiên nga thứ II nay là Đức Xá lợi phất⁽²⁾.

57- Bốn sự Sarabhamiga (Nai chúa Sarabha).

Duyên sự.

Đề cập đến trí tuệ của Đức Xá lợi phất khi Đức Thế Tôn từ thiên giới ngự xuống cổng thành Saṅkassa.

Câu chuyện.

Khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, Bôtát là nai chúa Sarabha.

Vua Brahmadata thích săn bắn nai, nai chúa được lừa đến gần vua, vua bắn trúng chúa nai nhưng chúa nai chạy thoát được. Vua Brahmadata đuổi theo, không may rớt xuống hố, nai chúa trở lại cứu ông rồi thuyết giáo cho ông.

Từ đạo đó, vua Brahmadata ra chiếu buộc thần dân phải theo năm giới cấm. Vua Brahmadata không tiết lộ chuyện xảy ra, nhưng qua sáu vần kệ ông đọc, vị Tế sư triều đình đoán biết câu chuyện

Tế sư hỏi và vua Brahmadata kể lại chuyện xảy ra trước đây.

Nhiều nam nữ theo lời dạy của vua Brahmadata, mệnh chung sinh về cõi trời khiến cõi này ngày càng thêm đông.

Một hôm, vua Brahmadata đang luyện bắn cung, Thiên chủ Sakka xuất hiện, thuyết pháp nêu rõ công đức của lòng từ bi và Ngũ giới.

Đoạn Thiên chủ hoá hiện ra con nai đứng trước bia, vua thấy nai không buông tên ra nữa.

Nhận diện tiền thân.

Vua Brahmadata nay là Đức Ānanda, vị Tế sư nay là Đức Xá lợi phất, nai chúa Sarabha nay là Đức Thế Tôn⁽³⁾.

58- Bốn sự Bhikhāparampara (Cúng dường đúng đẳng cấp).

Duyên sự.

Một điền chủ ở Sāvatti (Xá vệ) rất sùng đạo, để vinh danh Pháp, ông yết kiến Đức Phật và được dạy thỉnh Đức Ānanda về nhà cúng dường thực phẩm với ba y.

Đức Ānanda cúng dường y đến Đức Xá lợi phất, Đức Xá lợi phất cúng dường y đến Đức Thế Tôn.

Câu chuyện.

(1)- JA. Chuyện số 462.

(2)- JA, Chuyện 476.

(3)- JA. Chuyện số 483.

Thuở xưa vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanại. Vua Brahmadata cùng vị Tế sư cải trang du hành trong dân chúng để tìm lỗi của mình.

Đến một làng biên địa, vị điền chủ ở đây hoan hỷ với oai nghi của Đức vua, mang đến cho vua một bát cơm thượng vi. Vua trao cơm cho vị Tế sư, Tế sư trao cho nhà tu khổ hạnh, vị đạo sĩ khổ hạnh cúng dường cơm đến Đức Phật Độc giác, Đức Phật Độc giác dùng cơm.

Vị điền chủ ngạc nhiên, hỏi lý do và được trả lời rằng theo tuần tự, mỗi vị đều có đức hạnh cao hơn vua Brahmadata⁽¹⁾.

59- Bốn sự Mahā Ukkusa (chuyện chim Ưng chúa).

Duyên sự.

Trong thành Xávệ, có một người nam là con cháu của một dòng tộc danh tiếng nhưng đã bị suy tàn. Chàng trai này cầu hôn với một nữ nhân sang trọng, nàng hỏi:

- Anh có bạn bè thân thích để trợ giúp khi hữu sự chăng?
- Không có.
- Vậy anh hãy đi kết giao với bạn hữu đi.

Chàng trai làm theo lời cô gái, trước tiên anh giao du với bốn người giữ cổng thành, rồi những nhà thiên văn, những quý tộc trong triều ...

Chàng trai lại giao thiệp các vị Tỳkhu, được Đức Ānanda tiếp dẫn đến Đức Thế Tôn. Sau khi nghe pháp thoại của Đức Thế Tôn, gia đình chàng xin nương nhờ Tam bảo, chàng có mỹ hiệu là Mitta gandhaka (người có nhiều bạn hữu).

Và vua Pasenadi tổ chức hôn lễ cho chàng cùng cô thiếu nữ. Trong tiệc cưới chàng nhận rất nhiều tặng phẩm từ vua cho đến thường nhân.

Vào ngày thứ 7, hai vợ chồng tổ chức cúng dường đến Đức Phật cùng 500 Tỳkhu thật trong thể. Sau buổi lễ cúng dường, Đức Thế Tôn an trú hai vợ chồng vào Thánh quả Dự lưu.

Các Tỳkhu bàn luận rằng: "Mitta gandhaka nhờ nghe theo lời vợ phát sinh hiền tài sản". Do duyên sự này Đức Thế Tôn thuyết lên câu chuyện quá khứ.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanại. Ở vùng biên địa có cái hồ rộng lớn. phía Nam hồ là nơi cư trú của chim Ưng trống, phía Tây hồ là nơi cư trú của chim Ưng mái, phía Bắc hồ là nơi cư trú của sư tử chúa, phía Đông hồ là nơi cư trú của Đại bàng chúa, có con rùa lớn sống trên đảo nhỏ ở giữa hồ.

Chim Ưng trống đến hỏi chim Ưng mái làm vợ, theo lời đề nghị của chim Ưng mái, chim Ưng trống đi kết giao với sư tử, Đại bàng và rùa, để phòng bất trắc.

Hai vợ chồng chim Ưng làm tổ trên cây Kambada ở giữa đảo nhỏ trong hồ, và sinh được hai chim Ưng con.

Một hôm, nhóm dân làng đi săn, tới đảo nằm nghỉ, đốt củi để ung ruồi muỗi, khói làm chim non khó chịu nên kêu chim chíp. Nghe tiếng chim non, nhóm dân làng toan bắt chúng ăn thịt. Thấy nguy, chim mái bảo chim trống cầu cứu với bạn.

Đại bàng dùng cánh quạt nước từ hồ văng lên dập tắt lửa, rùa con cùng rùa cha mang bùn đến dập tắt ngọn lửa còn sót lại. Nhóm dân làng thấy con rùa lớn, dùng dây trói rùa cha, nhưng bị rùa cha kéo xuống hồ. Tiếp theo, sư tử tới rống lên, khiến nhóm dân làng bỏ chạy.

Từ đó về sau, tất cả sống trong tình bằng hữu đến trọn đời.

Nhận diện tiền thân.

Hai chim Ưng nay là hai vợ chồng Mitta gandhaka, rùa con nay là Ngài Lahānla, rùa cha nay là Đức Muckiēnliēn, Đại bàng nay là Đức Xálopiphat, sư tử chúa nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

60- Bốn sự Pañcuposatha (chuyện 5 vị thực hành Bô tát giới).

Duyên sự.

Trong thành Xávệ có 500 cận sự nam là người chuyên tâm thực hành "Bát quan giới"(uposathasīla), tức thọ trì 8 giới trong những ngày bô tát.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanại. Bô tát là vị ẩn sĩ trong khu rừng là ranh giới thiên nhiên của hai vương quốc Magadha (Makietđà) và Malla.

Bô tát là vị đạo sư của bốn con vật sống hài hòa với nhau trong khu rừng ấy, đó là: Chim bồ câu, rắn, chó rừng, và gấu.

Một lần nọ, chim Bồ câu cùng vợ đi tìm mồi, chim Bồ câu mái bị chim Ưng bắt giết chết ăn thịt, chim trống sầu khổ vì thương nhớ chim Bồ câu mái, chợt chim trống suy nghĩ "ta đã bị ái luyến xâm

(1)- JA. Chuyện số 496.

(2)- JA. Chuyện số 486.

chiếm, ta phải nhiếp phục tham ái này". Chim trống bỏ việc đi tìm mồi, đến nơi thảo am của ẩn sĩ, nằm xuống một bên để nhiếp phục tham ái.

Con rắn trú trong hang nơi gò đất, có lần nó đi kiếm ăn, khi trở về thấy con bò dùng sừng hất đất nơi gò đất để vui chơi, rắn tức giận mổ chết con bò, nó hối hận rằng "ta đã để sân hận xâm chiếm", nó quay về thảo am của ẩn sĩ, nằm xuống một bên để nhiếp phục sân hận.

Con chó rừng đi tìm mồi, nó gặp được con voi đã chết, nó chui vào hậu môn con voi để ăn những phần mềm của thịt voi, chó rừng đi sâu vào bụng voi. nắng làm da voi khô lại, con đường thoát ra ngoài bị bít kín, chó rừng bị đau khổ trong bụng voi.

Rồi một cơn mưa lớn rơi xuống làm da voi mềm ra, chó rừng theo đường hậu môn của voi thoát ra ngoài, thân thể nó đau đớn, bị tróc da ... Chó rừng suy nghĩ "ta bị tham ái xâm chiếm, nên bị đau khổ như thế này", chó rừng đi đến thảo am nằm xuống một bên để nhiếp phục tham ái.

Con gấu tìm vật thực, nó đi đến ngôi làng bên kia rừng thuộc vương quốc Malla, dân làng phát hiện con gấu, mang gậy gộc vũ khí tấn công con gấu, gấu tuy chạy thoát nhưng bị đánh đập rất đau đớn, gấu suy nghĩ: "Do lòng tham muốn, ta đã đi xa khỏi nơi an toàn, do vậy ta bị nhiều đau khổ". Gấu đi đến thảo am, nằm xuống một bên để nhiếp phục tham muốn.

Vị ẩn sĩ tự hào về dòng dõi Balamôn của mình, một vị Phật Độc giác muốn cảnh tỉnh ẩn sĩ, nên đi đến thảo am ngồi lên chỗ ngồi của ẩn sĩ.

Ẩn sĩ đi tìm trái cây rừng trở về, thấy vị Samôn ngồi trên chỗ ngồi của mình, tức giận mắng rằng "này Samôn đầu trọc hạ tiện kia, sao ngươi dám ngồi lên chỗ ngồi của ta".

- Ngươi là người thực hành hạnh ẩn sĩ, sao tâm lại tràn đầy kiêu mạn như thế?

Vị Độc giác Phật bay lên hư không trở về núi Tuyết. Ẩn sĩ hối hận, đi vào thảo am quyết nhiếp phục ngã mạn bằng thiền tịnh.

Nhận diện tiền thân.

Bồ câu trống nay là Đức Anuruddha (Analuật), gấu nay là Đức Mahā Kassapa, chó rừng nay là Đức Muckiēnliēn, rắn nay là Đức Xá lợi phất, vị ẩn sĩ nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

61- Bốn sự Bhisā (chuyện củ sen).

Duyên sự.

Một vị Tỳ khưu trú ngụ nơi Đại tự Kỳ viên thời thất tinh tấn.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai, Bô tát sinh ra trong một gia tộc Balamôn trưởng giả, Ngài có tên là Mahā Kañcana.

Ngài có 6 người em trai, người em kế của Ngài có tên là Upakañcana, người em gái út có tên là Kañcanadevī.

Khi cha mẹ qua đời, cả 8 người xuất gia làm ẩn sĩ, tháp tùng theo là một người hầu và người tớ gái, sau khi đã bố thí hết tài sản trị giá 800 triệu tiền vàng.

Nhóm người này đi sâu vào núi Tuyết trú ẩn, một vị thần cây ngụ trong cây cổ thụ gần am thất, một con voi trốn thoát cực hình của người huấn luyện voi cũng đến trú ngụ gần thảo am, một con khỉ cũng thoát khỏi sự huấn luyện của người huấn luyện khỉ, cũng đến trú ngụ gần thảo am.

Giới hạnh của các ẩn sĩ làm cho ngại vàng của vua trời Sakka (Đế Thích) nóng lên, vua Trời Sakka đã giấu những củ sen là phần ăn của ẩn sĩ trưởng liên tiếp ba ngày.

Ẩn sĩ trưởng triệu tập các ẩn sĩ lại hỏi nguyên nhân, mỗi người đều thề rằng "không đánh cắp phần ăn của ẩn sĩ trưởng", họ đã thề nặng là "nếu ai lấy cắp một củ sen, sẽ là người có nhiều con, nhiều tài sản, quyền tước lớn ...".

Vị thần cây cũng thề rằng: "Nếu lấy cắp củ sen sẽ là vị trụ trì một đại tự viện danh tiếng", voi cũng thề là "bị bắt trói bằng 600 sợi dây và bị đánh đập", khỉ cũng thề: "Nếu lấy cắp củ sen, sẽ bị bắt làm trò biểu diễn với rắn".

Vua trời Sakka hiện thân thú thật "mình là người giấu củ sen".

Nhận diện tiền thân.

Những em trai của Bô tát nay là Đức Xá lợi phất, Đức Muckiēnliēn, Đức Punṇa Mantāniputta, Đức Mahā Kassapa, Đức Anuruddha, và Đức Ānanda. Cô Kañcanadevī nay là Thánh nữ Alahān Uppalavaṇṇā, nữ tỳ nay là bà Khujjuttarā, người hầu nay là gia chủ Citta, thần cây nay là đạ xoa Sātāgiri, voi nay là voi chúa Parileyya, khỉ nay là Balamôn trưởng giả Madhuvā (thân phụ của trưởng lão Mahā Nāga)⁽²⁾, thiên chủ Sakka nay là trưởng lão Kāludāyī⁽³⁾.

(1)- JA. Chuyện số 490.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 5).

(3)- JA. Chuyē65n so61 488.

Bhisajātaka được kể trong Hạnh tạng (Cariyā Piṭaka)⁽¹⁾ và trong Jātakamālā⁽²⁾.

62- Bốn sự Rohantamiga (Nai chúa Rahanta).

Duyên sự.

Khi Tôn giả Devadatta thả voi Dhanapāla đang say rượu ra để giết Đức Thế Tôn, Ngài Ānanda dùng thân mình che chắn cho Đức Phật.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai, Bô tát sinh làm nai chúa của đàn nai 80.000 con sống gần hồ Rohanta, nai chúa có hai nai em là Cittamiga và Sutanā. Một hôm, Hoàng hậu Khemā của vua Brahmadatta nằm mộng thấy con nai sắc vàng thuyết pháp và ước mong mộng này trở thành sự thật.

Vua ban chiếu trọng thưởng cho ai đưa được con nai thuyết pháp về nội cung để làm vừa lòng Hoàng hậu. Một thợ săn thiện nghệ lãnh trọng trách này, ông đặt bẫy ở bên nước chỗ nai xuống uống nước và nai Rohanta bị sập bẫy.

Lúc nai Rohanta kêu cứu, tất cả nai đều bỏ chạy, trừ nai Cittamiga và nai Sutanā. Hai nai em bảo với người thợ săn rằng họ sẽ chết tại đây chớ không thể bỏ anh ra đi.

Động từ tâm, người thợ săn thả nai Rohanta ra, khi biết được lý do mình bị bắt, nai Rohanta tình nguyện đến kinh thành Balanai, nhưng thợ săn khuyên Chúa nai chớ nên liều lĩnh, nai chúa Rohanta thuyết pháp đến người thợ săn và gửi ông một ít lông vàng của mình để ông đem về kinh thành Balanai.

Về triều, người thợ săn tấu trình lên vua và Hoàng hậu tự sự và thuyết giáo các lời kệ ông nghe được của nai chúa.

Rồi người thợ săn khước từ mọi ban thưởng và lên HyMālapson sống đời ẩn sĩ.

Nhận diện tiền thân.

Nai Citta nay là Đức Ānanda, nai Sutanā nay là Thánh nữ Uppalavaṇṇā, thợ săn nay là Channa, vua nay là Đức Xá lợi phất⁽³⁾.

63- Bốn sự Haṃsa (Thiên nga chúa).

Duyên sự.

Đức Ānanda dùng thân che chắn cho Đức Thế Tôn, ngăn chặn voi Dhanapāla.

Câu chuyện.

Thuở xưa, Hoàng hậu Khemā của vua Bahuputtaka (người nhiều con), trị vì Balanai, mơ thấy một con ngỗng vàng thuyết giảng giới luật và nàng cầu xin vua biến ước mơ của mình thành sự thật.

Vua Bahuputtaka cho đào một hồ nước, gọi là hồ Khemā ở bên ngoài thành, và đưa vào đó nhiều loại thực phẩm để dẫn dụ ngỗng vàng sống tại núi Cittakūṭa đến.

Đàn ngỗng đến, chúa đàn là ngỗng Dhataratṭha bị mắc bẫy lưới do thợ săn của vua đặt. Ngỗng chúa ré lên báo động cho đàn ngỗng, đàn ngỗng lập tức bay đi, ngỗng Sumukha bay đi, rồi suy nghĩ rằng "tiếng ré của chúa ta có điều bất thường", ngỗng Sumukha bay trở lại, khi biết ngỗng chúa Dhataratṭha bị mắc bẫy, ngỗng Sumukha tình nguyện ở lại chịu chết thay cho ngỗng chúa.

Khi người thợ săn đến, ngỗng Sumukha thuyết phục ông ta để ngỗng chúa Dhataratṭha tự do và mình sẽ thế mạng. Người thợ săn đồng ý, nhưng khi ngỗng chúa Dhataratṭha nghe nói về lý do bắt mình, ngỗng chúa xin đến gặp vua.

Cả hai con ngỗng đều được đem đến trước mặt vua Bahuputtaka, nơi đây, ngỗng chúa Dhataratṭha thuyết giảng giới luật, làm lắng dịu ái dục của Hoàng hậu Khemā. sau đó, hai con ngỗng được phép bay đi.

Nhận diện tiền thân.

Người thợ săn nay là Ngài Channa, vua nay là Đức Xá lợi phất, Hoàng hậu Khemā nay là Thánh nữ Alahān Khemā, ngỗng Sumukha nay là Đức Ānanda, ngỗng chúa Dhataratṭha nay là Đức Thế Tôn⁽⁴⁾.

64- Bốn sự Somanassa (Hoàng tử Hoan lạc).

Duyên sự.

Tôn giả Devadatta âm mưu hại Đức Phật.

Câu chuyện.

(1)- Cp.iii, 4.

(2)- JA. Chuyện số 19.

(3)- JA. Chuyện 501.

(4)- JA. Chuyện số 502.

Dưới triều đại của vua Reṇu trị vì tại kinh thành Uttarapañcāla trong quốc độ Kuru, có ẩn sĩ Mahārakkhita đi cùng 500 ẩn sĩ đệ tử đến trú trong Ngự uyển của nhà vua, vua Reṇu cúng dường vật thực cho chư vị và ngờ ý lo âu vì chưa có hoàng nam nối ngôi.

Sau mùa mưa, các ẩn sĩ trở về núi Tuyết, trên đường ẩn sĩ Mahārakkhita thấy một thiên tử giáng sinh vào thai bào của Hoàng hậu của vua Reṇu, ẩn sĩ báo tin này đến các đệ tử.

Một ẩn sĩ đệ tử muốn lập công, giả bệnh để được ở lại kinh thành, ông vào yết kiến vua Reṇu và tiên đoán Hoàng hậu Sudhammā sẽ sanh hoàng nam.

Vua Reṇu trọng đãi đạo sĩ, gọi đạo sĩ là Thiên nhân Đạo nhưn (Dibbacakkhuka). Hoàng hậu hạ sinh hoàng nam, đặt tên là Somanassa.

Lúc lên 7, Hoàng tử Somanassa được vua cha cử lo cho Thiên nhân Đạo nhưn trong lúc vua ra biên cương dẹp loạn. Hoàng tử biết được mặt thật của Đạo sư nên không phục vụ ông nữa, lúc vua hồi cung, đạo sĩ than phiền đã bị Hoàng tử đối xử tệ bạc. Hoàng tử Somanassa bị khép vào tội tử hình, nhưng chàng nói rõ Đạo sư chỉ là người phạm tục. Nhà vua cho điều tra và tìm thấy tiền bạc giấu trong am thất của ông. Hoàng tử được vô tội.

Nhưng chán ngán cuộc sống trong cung, Hoàng tử Somanassa xin vua cha được xuất gia làm ẩn sĩ, ẩn sĩ đi vào núi Hymālapson, vua trời Sakka bảo thiên tử Vissakamma xây dựng am thất.

Còn Đạo sĩ gian dối bị đại chúng liệng đá chết.

Nhân diện tiền thân.

Thiên nhân đạo nhân nay là Tôn giả Devadatta, ẩn sĩ Mahā Rakkhita nay là Đức Xá lợi phất, Hoàng hậu Sudhammā nay là Hoàng hậu Mahā Māyā, Hoàng tử Somanassa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Ngoài ra còn nhiều Bốn sự có liên quan đến tiền thân Đức Xá lợi phất, chúng tôi sẽ trình bày ở những tập sau. Xin liệt kê như sau:

Tiền thân của Đức Xá lợi phất là: Uggasena trong *Campeyya jātaka*; Assapāla trong *Hatthipāla jātaka*; ẩn sĩ trong *Jayadissa jātaka*; Sañjaya trong *Sambhava jātaka*; xà vương trong *Paṇḍara jātaka*; Aḷāra trong *Sañkhapāla jātaka*; trưởng nam của *Cullasutasoma*, Ahipāraka trong *Ummadantī jātaka*; *Manoja* trong *Sonananda jātaka*; vua trong *Cullahaṃsa jātaka* và *Mahāhaṃsa jātaka*; Nārada trong *Sudhābhojana jātak*, Kuṇāla trong *Mahājanaka jātaka*; Kālahatthi trong *Mahāsutosama jātaka*; người đánh xe trong *Mūgapakkha jātaka*; Suriyakumāra trong *Khaṇḍapāla jātak*; Sudassana trong *Bhūridatta jātaka*; Vijaya trong *Mahānāradakassapa jātaka*; Varuṇa trong *Vidhurapaṇḍita jāka*; Cūḷanī trong *Mahāummagga jātaka*; và ẩn sĩ Accuta trong *Vessantara jātaka*.

*** Tạng Thắng pháp (Abhidhammapiṭaka).**

Tạng Thắng pháp hiện đang lưu truyền trong Văn học Phật giáo Pāli, cũng chính Đức Xá lợi phất là tác giả.

Các Giáo thọ sư tiền bối dạy rằng: Tạng Thắng pháp có ba cách thuyết: Thuyết rộng, thuyết ngắn gọn và thuyết trung bình.

Hai cách thuyết: Thuyết rộng và thuyết ngắn gọn do Đức Thế Tôn tuyên thuyết; cách thuyết trung bình là do Đức Xá lợi phất thuyết.

* Nơi cung trời Đao Lợi, Đức Thế Tôn giảng rộng về Thắng pháp để tế độ các thiên nhân, trong đó có Thiên tử Māyā (kiếp trước là Hoàng hậu Māyā mẹ của Bô tát Sĩ Đát Ta) chứng đạt Thánh quả Dự lưu.

* Mỗi ngày vào buổi sáng, Đức Thế Tôn ngự xuống nhân giới, đi khất thực ở Bắc Cú lưu châu (Uttarakuru dīpa), rồi ngự đến chân thành Saṅkassa.

Nơi đây, Đức Thế Tôn thuyết tóm gọn thời giảng ở cung trời Đao Lợi để Đức Xá lợi phất nắm bắt, rồi Đức Thế Tôn dạy Đức Xá lợi phất dạy lại 500 vị Tân Tỳ khưu (là hậu thân của 500 con dơi), sau 3 tháng an cư mùa mưa vào hạ thứ 7; năm trăm vị tân Tỳ khưu ấy chứng đắc Dự lưu, đồng thời là những vị Tỳ khưu thông thuộc Tạng Thắng pháp.

* Thuyết giảng trung bình, là do Đức Xá lợi phất triển khai rộng lời dạy tóm tắt của Đức Thế Tôn đến 500 vị Tân Tỳ khưu.

Và Tạng Thắng pháp được lưu truyền tại nhân giới như hiện nay, chính Đức Xá lợi phất là tác giả, thông qua trí tuệ của Đức Thế Tôn.

Trí tuệ của Đức Xá lợi phất phát huy qua Tạng Thắng pháp do Đức Thế Tôn tóm gọn, đã đưa Đức Xá lợi phất trở thành vị trưởng tử của Đức Thế Tôn, như lời tán thán của Đức Thế Tôn.

- "Này các Tỳ khưu. Con trưởng vua Chuyển Luân biết nghĩa (*atthaññū*), biết pháp (*dhammaññū*), biết độ lượng (*mattaññū*), biết thời (*kālaññū*), biết hội chúng (*parisaññū*). Này các Tỳ khưu, thành tựu 5 chi phần này, con trưởng vua Chuyển Luân tiếp tục vận chuyển bánh xe với

⁽¹⁾- JA. Chuye65n so61 505.

pháp do phụ vương đã chuyển vận; bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù nghịch ... Ở đây, này các Tỳkhuu, Xá lợi phất biết nghĩa, biết pháp, biết độ lượng, biết thời, biết hội chúng.

Thành tựu 5 pháp này, này các Tỳkhuu, Xá lợi phất chân chánh tiếp tục vận chuyển Vô thượng pháp luân do Như Lai đã chuyển vận ...” (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

G- Hạnh lành của Đức Xá lợi phất.

***Nghiêm trì Giới Luật.**

Đức Xá lợi phất là bậc gìn giữ Giới luật, những gì Đức Thế Tôn ngăn cấm Đức Xá lợi phất không hề vi phạm, những gì Đức Thế Tôn chưa cho phép làm, Đức Xá lợi phất không làm.

a- Khi Đức Thế Tôn trú ở thành Xá vệ (Sāvatthi), nơi Đại tự Kỳ viên của ông Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường.

Ở không xa thành Xá vệ có một phước xá do cư dân lập ra để bố thí vật thực đến những người thiếu vật thực, lỡ đường ...

Các Tỳkhuu nhóm Lục sư, khi vào thành Xá vệ khát thực, không tìm được vật thực, liền đi đến phước xá, dân chúng phục vụ các vị Tỳkhuu một cách trân trọng.

Sau đó, vào ngày thứ hai, ngày thứ ba các Tỳkhuu nhóm Lục sư tiếp tục đến phước xá để nhận vật thực. Và rồi, nhóm Tỳkhuu Lục sư cư trú nơi phước xá và thọ dụng vật thực ở phước xá.

Cư dân thành Xá vệ phàn nàn, chê trách các vị Tỳkhuu nhóm Lục sư rằng:

- Tại sao các samôn Thích tử cứ tiếp tục cư trú và thọ dụng vật thực ở phước xá? Vật thực ở phước xá được sắp đặt đâu có dành riêng cho các vị, vật thực ở phước xá được sắp đặt dành cho tất cả.

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn sau khi khiển trách nhóm Tỳkhuu Lục sư, Ngài chế định điều học: “*Vật thực ở phước xá được thọ dụng một lần. Nếu vượt quá số ấy thì phạm tội pācittiya (ưng đối trị)*”⁽²⁾.

Có lần Đức Xá lợi phất đi đến thành Xá vệ, ghé lại một phước xá, Đức Xá lợi phất được cư dân trân trọng cúng dường vật thực. Dùng vật thực xong, Ngài phát khởi cơn bệnh nặng, phải nằm nghỉ ở phước xá ấy.

Vào ngày thứ hai, những cư dân nơi phước xá cúng dường vật thực đến Đức Xá lợi phất, Đức Xá lợi phất suy nghĩ: “*Đức Thế Tôn đã ngăn cấm thọ dụng vật thực ở phước xá hai lần*”, nên Ngài không nhận vật thực ấy.

Sau đó, Đức Xá lợi phất đi đến thành Xá vệ, thuật lại việc này đến các Tỳkhuu. Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn. Nhân đó, Đức Thế Tôn cho phép vị Tỳkhuu **bị bệnh** được thọ dụng vật thực ở phước xá, riêng “*vị Tỳkhuu vô bệnh*, chỉ được thọ dụng vật thực một lần” (sđd, số 471).

Giải thích. Gọi là “**bị bệnh**” là chỉ cho tình trạng sức khỏe không thể rời khỏi phước xá. gọi là “**vô bệnh**” là chỉ cho tình trạng sức khỏe có thể rời khỏi phước xá.

b- Tôn giả Upananda thuộc dòng Thích ca (Sākya) thu nhận hai sadi là Kaṇṭaka và Mahaka phục vụ cho mình, hai sadi này làm việc xấu xa (aññaamaññaṃ dūsesuṃ).

Các vị Tỳkhuu phàn nàn, khiển trách rằng:

- Vì sao các sadi lại thực hành những điều sai trái như vậy?

Các Ngài trình sự việc lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, một vị Tỳkhuu không nên để cho hai sadi phục vụ, vị nào để cho phục vụ thì phạm tác ác (*dukkata*)⁽³⁾.

Khi Đức Thế Tôn trở về kinh thành Caṭṭlavệ (Kapilavatthu) lần đầu tiên sau 7 năm xa cách, Đức Thế Tôn bảo Đức Xá lợi phất là “*thầy tế độ*” cho Sadi Rāhuka (Lahūla). Sau đó, Đức Thế Tôn cùng chư Tăng trở về thành Vương xá (Rājagaha), để chuẩn bị an cư mùa mưa lần thứ hai.

Bấy giờ, một gia đình hộ độ cho Đức Xá lợi phất, đã gửi cậu con trai đến Đức Xá lợi phất, xin Ngài hãy tế độ cho cậu trai này xuất gia; Đức Xá lợi phất từ chối rằng:

- “*Này gia chủ, Đức Thế Tôn không cho phép một vị Tỳkhuu có 2 sadi phục vụ, Ta đã có Sadi Lahūla rồi. Này gia chủ hãy chờ đợi*”.

Đức Xá lợi phất trình lên Đức Thế Tôn về sự kiện này, Đức Thế Tôn dạy:

- Này các Tỳkhuu, ta cho phép vị Tỳkhuu có kinh nghiệm được có 2 hay nhiều sadi phục vụ, khi vị ấy vẫn có đủ khả năng giáo huấn và chỉ dạy (sđd, số 119).

(1)- A.iii, 148. Chưng 5 pháp. Kinh Chuyển luân vương (Dutiyacakkānūvattanasuttaṃ).

(2)- ĐĐ Indfacando (d). Luật Phân tích Giới Tỳkhuu II. Chương Ưng đối trị (Pācittiya), số 470.

(3)- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại Phẩm I. Số 114.

c- Có vị Tỳkhuu vừa nhai tỏi trong bữa thọ thực. Khi Đức Thế Tôn giảng pháp thoại ở Giảng Pháp đường, vị Tỳkhuu ấy suy nghĩ: "Ta dùng tỏi khi trưa, giờ đây mùi tỏi từ hơi thở của ta lan ra". Vị Tỳkhuu ấy ngồi một chỗ riêng biệt với ý nghĩ "*chớ để các Tỳkhuu bị khuấy rối*".

Đức Thế Tôn nhìn thấy vị Tỳkhuu ấy ngồi nơi riêng biệt, đã hỏi các Tỳkhuu rằng: "Này các Tỳkhuu, vì sao Tỳkhuu ấy ngồi nơi riêng biệt?".

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳkhuu ấy vừa nhai tỏi, nên ngồi riêng biệt với ý nghĩ "*chớ để các vị Tỳkhuu bị khuấy rối*".

- Này các Tỳkhuu, sau khi ăn một vật lại bị loại ra khỏi bài giảng pháp như thế này, thì vị Tỳkhuu có nên nhai vật đó không?

- Bạch Thế Tôn, điều này không nên.

- Này các Tỳkhuu, không nên nhai tỏi, vị nào nhai tỏi phạm tác ác (*dukkata*).

Có lần Đức Xá lợi phất bị bệnh đau bụng gió, Đức Mụckiền liên (Moggallāna) đi đến gặp Đức Xá lợi phất hỏi rằng:

- "Thưa hiền giả Xá lợi phất, trước kia khi bị đau bụng gió, hiền giả dễ chịu nhờ vật gì?"

- Này hiền giả, tôi nhờ dùng tỏi.

Đức Mụckiền liên tìm được tỏi mang đến cho Đức Xá lợi phất, Đức Xá lợi phất nói rằng: "Đức Thế Tôn có chế định "*vị Tỳkhuu không được nhai tỏi, nên tôi không dùng*". Các Tỳkhuu bạch trình lên Đức Thế Tôn vấn đề này, Đức Thế Tôn dạy:

- Này các Tỳkhuu, ta cho phép nhai tỏi do duyên có bệnh⁽¹⁾.

(Một dị bản cũng có mẫu chuyện tương tự, nhưng ở đây Đức Xá lợi phất nói rằng: "Nhờ dùng cơm sữa để hồ". Một thiên nhân nghe được, mách bảo cho gia đình hộ độ Đức Mụckiền liên.

Sáng hôm sau, Đức Mụckiền liên đi khất thực nhận được cơm sữa để hồ ấy, Đức Mụckiền liên mang cơm sữa để hồ về dâng cho Đức Xá lợi phất, nhưng Đức Xá lợi phất kiên quyết không nhận vì "*đã nói đến món vật thực này vào hôm qua*".

Ngài nói rằng: "Cho dù ruột tôi có đứt, bò lỏm ngòm trên đất như rắn, tôi cũng không dùng món cơm sữa này".

Nhờ giới hạnh thanh cao, bệnh đau bụng gió của Ngài chấm dứt và từ đó không sinh khởi lại.

Chúng tôi chưa tìm thấy xuất xứ của câu chuyện này, nên chỉ ghi lại mà thôi).

***Tôn giả Upananda.**

Tôn giả thuộc dòng Thích ca (Sākya), xuất gia trong Tăng, có biệt tài giảng pháp nên cũng có nhiều cư sĩ cùng với một số Tỳkhuu trẻ mẫn mộ, nhưng cách sống của Tôn giả Upananda thiên về "*lợi lộc*". Trong Tạng Luật (Vinaya piṭka) đề cập khá nhiều về Tôn giả Upananda.

***Tập Luật Đại phẩm.**

a- Một thời Đức Thế Tôn trú ngụ ở gần hành Sāvatti (Xá vệ), nơi Đại tự Kỳ viên của Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường.

Tôn giả Upananda hứa an cư mùa mưa nơi vua Pasenadi (Pāṇḍya) xứ Kosala (Kiết tất ta) đã chọn trước. Trên đường đi đến điểm hẹn để an cư mùa mưa, Tôn giả Upasena nhìn thấy hai trú xứ có nhiều y phát sinh sau khi mãn mùa an cư, Tôn giả Upasena đã chọn **hai trú xứ** này để an cư mùa mưa.

Đức vua Pasenadi (Pāṇḍya) đã phàn nàn, phê phán về sự "*dối trá*" của Tôn giả Upananda. Các Tỳkhuu đã trình sự việc lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn khiển trách Tôn giả Upananda, rồi Ngài quy định rằng: "*Vị Tỳkhuu đã hứa an cư mùa mưa nơi địa điểm trước, lại an cư ở khoảng giữa trú xứ ấy, do nhận thấy trú xứ này có nhiều y, "*phạm tác ác*" (*dukkata*)⁽²⁾.*

b- Nhân duyên ở Xá vệ (Sāvatti)...

Có lần Tôn giả Upananda an cư mùa mưa ở Sāvatti (Xá vệ), mãn mùa an cư, Tôn giả đi hết làng này sang làng nọ để nhận y của các vị Tỳkhuu đã an cư mùa mưa nơi ấy. Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn khiển trách Tôn giả Upananda, rồi Ngài chế định học giới:

"*Vị Tỳkhuu an cư mùa mưa ở nơi này, không nên nhận phần chia y ở nơi khác; vị nào nhận phạm tác ác (*dukkata*)*".

Tuy nhiên Tôn giả Upananda vẫn không chừa bỏ, sau đó Tôn giả an cư mùa mưa ở hai nơi để được nhận nhiều y⁽³⁾.

(1)- ĐĐ Indacando(d). Luật Tiểu phẩm (Cullavagga) II. Số 188.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm (Mahāvagga) I. Số 221.

(3)- Vì sao an cư mùa mưa ở hai nơi được? Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: "Đức Phật cho phép vị Tỳkhuu được rời chỗ trú an cư mùa mưa trong vòng 7 ngày khi có duyên sự", nên Tôn giả Upananda ở nơi này độ vài ngày rồi sang nơi khác vài ngày, cứ thế thay phiên nhau. Xem xem Bản Số giải Luật (Samantapasādikā).

Việc này được trình lên Đức Thế Tôn, sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Ngài dạy: “Chỉ được nhận mỗi nơi một nửa phần y; nếu nơi nào trú ngụ thời gian nhiều hơn, chỉ nhận một phần y ở nơi đó”(1).

*Trong *Sớ giải kinh Pháp cú* (Dhammapada- atthakathā) cũng có ghi mẫu chuyện của Tôn giả Upananda về y như sau:

Gần đến ngày an cư mùa mưa, Tôn giả Upananda đi đến những tự viện vùng quê để tìm chỗ an cư mùa mưa. Đến một tự viện, Tôn giả Upananda được các Tỳkhuu trẻ thỉnh cầu:

- Thỉnh Ngài an cư mùa mưa nơi tự viện này.
- Sau khi mãn mùa an cư, nơi đây mỗi vị sư phát sinh bao nhiêu y?
- Bạch Ngài, mỗi vị được một bộ y.

Tôn giả Upananda để lại tự viện đôi dép, rồi đến tự viện thứ hai, nghe nói nơi này phát sinh hai bộ y cho mỗi vị an cư mùa mưa, Tôn giả Upananda để lại chiếc gậy.

Tôn giả Upananda đến tự viện thứ ba, nơi đây phát sinh bốn bộ y sau khi mãn mùa an cư, Tôn giả Upananda an cư mùa mưa tại nơi này.

Nhờ có tài giảng pháp, thỉnh chúng mẫn mộ cúng dường y đến Tôn giả Upananda rất nhiều. Mãn mùa an cư, Tôn giả Upananda nhận bốn bộ y rồi ra đi, đến tự viện thứ hai, Tôn giả nói:

- Tôi để lại nơi này chiếc gậy, xem như tôi có an cư mùa mưa nơi đây. Vậy tôi cũng được hai bộ y.

Đến tự viện thứ nhất Tôn giả Upananda cũng nói:

- Nơi đây tôi để lại đôi dép, xem như tôi an cư mùa mưa ở đây. Vậy tôi cũng có phần là một bộ y.

Bấy giờ có hai vị Tỳkhuu phát sinh được 2 bộ y cùng chiếc mền gấm (kampala), cả hai đều thích chiếc mền gấm, một vị đề nghị:

“Hiền giả hãy lấy hai bộ y, còn chiếc mền gấm phần tôi”. Nhưng vị kia không chịu, đòi lấy mền gấm, cả hai lúng túng không biết phải giải quyết sao cho hợp lý.

Nhìn thấy Tôn giả Upananda từ xa đi lại, hai Tỳkhuu trẻ yêu cầu:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ chia hộ chúng con những món vật này.
- Nay các hiền giả, các hiền giả hãy tự chia đi.
- Bạch Ngài, vì chúng con không tự chia được nên mới thỉnh cầu Ngài giúp cho.
- Nhưng các hiền giả có nghe lời ta chăng?
- Vâng, thưa Ngài.

Vậy thì, mỗi hiền giả một người một bộ y, còn mền gấm thuộc về ta, vì ta có công hòa giải cho hai hiền giả.

Rồi Tôn giả mang chiếc mền gấm ra đi, hai Tỳkhuu trẻ hối tiếc, mang sự việc trình lên Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Nay hai Tỳkhuu, chẳng phải hiện tại các người bị Upananda sang đoạt tài sản, trong quá khứ hai người cũng đã từng bị như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Đức Thế Tôn nói lên bốn sự như vầy:

“Thuở quá khứ có hai con rái cá, một con sống ở bờ sông, một con sống ở giữa sông. Một hôm chúng cùng hợp tác, bắt được con cá hồng rất lớn, hai con tranh giành với nhau rằng: “Đầu cá là phần của ta, đuôi cá là phần của người”; nhưng hai con rái cá không thể giải quyết vấn đề cho ổn thỏa.

Bấy giờ có con chó rừng Māyāvī đi đến, hai con rái cá nhờ chó rừng phân chia hộ, chó rừng Māyāvī nói:

- Ta vừa phân xử ở đền vua xong, mệt mỏi quá ta ra đây đi dạo để đỡ mệt. Hai người tự chia lấy đi, ta không có rảnh.
- Chúng tôi giải quyết không được nên nhờ Ngài phân xử hộ.
- Nhưng các người có nghe lời ta không?
- Vâng, thưa Ngài.

Con chó rừng chia con cá ra làm ba phần, rồi phân xử rằng:

- Vậy ta phân xử như sau: Con nào sống dọc bờ sông thì được khúc đuôi, con sống ở giữa sông thì được khúc đầu, còn khúc mình là công của người chia.

Chó rừng nói lên kệ ngôn:

Anutiracāriṇo naṅgutṭhaṃ; sīsaṃ gambhīracāriṇo.

Athāyaṃ majjhimo khaṇḍo; dhammatṭhassa bhavissatīti.

(1)- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm II. Chương VII, phẩm Y phục (cīvarakkhandhakaṃ), số 165.

"Lặn bờ sông lấy khúc đuôi; lặn giữa sông nhận khúc đầu.
Còn khúc giữa này đây; là phần của công lý".

Nói xong, con chó rừng ngậm khúc giữa chạy mất, hai con rái cá nhìn nhau ngẩn ngơ. Hai con rái cá nay là hai vị Tỳkhuu trẻ, con chó rừng nay là Tôn giả Upananda⁽¹⁾.

Sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

Attānameva paṭhamam; paṭirūpe nivesaye.

Athaññāmanusāseyya; na kileseyya paṇḍito.

"Trước hết tự đặt mình; vào những gì thích đáng.

Sau mới giáo hóa người; người trí khỏi bị nhiễm"(HT.TMC dịch)⁽²⁾.

***Luật Phân tích giới Tỳkhuu.**

a- Giới Ưng - xả đối trị (nissaggiya pācittiya).

1'- Nhân duyên gần thành Xávē.

Một người con trai nhà đại phú, đi đến viếng Tôn giả Upananda. Tôn giả Upananda với tài giảng pháp, làm thức tỉnh và hoan hỷ con trai nhà đại phú, con trai nhà đại phú bạch rằng:

- Thưa Tôn giả, xin Ngài hãy nói ra nhu cầu như vật thực, y phục chỗ trú ngụ và thuốc chữa bệnh mà chúng tôi có khả năng dâng đến Ngài.

Tôn giả Upananda đã nài ép người ấy phải cho 1 trong hai lá y đang mặc trên người. Bị ép buộc phải cho 1 trong hai lá y đang mặc trên người, con trai người Đại phú đã ta thán, chê trách các "samôn Thích Tử".

Các Tỳkhuu bạch trình lên Đức Thế Tôn, nhân đó Ngài chế định học giới:

"Vị Tỳkhuu xin y từ những gia chủ không phải là thân quyến, phạm Ưng - xả đối trị (nissaggiya pācittiya) (y ấy phải xả bỏ, và sám hối tội ưng đối trị)⁽³⁾.

Nhưng sau đó có một số vị Tỳkhuu đi từ Sāketa đến thành Xávē; trên đường đi các Ngài gặp bọn cướp và bị bọn cướp lột sạch y phục của các Ngài.

Các Ngài suy nghĩ: "Đức Thế Tôn đã cấm "Tỳkhuu không được xin y từ các gia chủ không phải là thân quyến", nên các Ngài cứ lỏa thể đi đến thành Xávē, đến đánh lễ các Tỳkhuu.

Việc này được trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn chế định học giới lần II là: "Ta cho phép vị có y bị cướp, hoặc mất y, hoặc y hư hỏng được xin y từ các gia chủ không phải là thân quyến".

Không nên lỏa thể đi du hành. Khi bị cướp y, đến trú xứ đầu tiên, lấy vải lót giường, hoặc vải trải nền, hoặc bao nệm choàng lên với ý nghĩ: "Khi được y ta sẽ trả lại", nếu không có những loại vải trên, dùng lá cỏ che lại rồi mới du hành.

Vị Tỳkhuu nào du hành với thân lỏa thể, phạm *tác ác* (dukkata) (sđd, số 54).

2'- Nhân duyên ở thành Xávē ...

Một nam gia chủ nói với vợ rằng: "Tôi sẽ dâng y đến Ngài Upananda".

Có vị Tỳkhuu đang hành pháp "đi khất thực" nghe được lời này, sau đó gặp Tôn giả Upananda, đã nói rằng:

- Nay hiền giả Upananda, hiền giả thật có phước. Ở chỗ kia có nam cư sĩ dự định dâng y đến hiền giả.

- Nay hiền giả, đó là người hộ độ của tôi.

Rồi Tôn giả Upananda đi đến nam cư sĩ ấy hỏi rằng:

- Nay gia chủ, nghe nói gia chủ dự tính dâng y đến ta phải không?

- Vâng, thưa Ngài Đại đức.

- Nếu vậy, nay gia chủ hãy dâng y đến ta loại y như vầy... như vầy. Y được dâng mà ta không sử dụng được, thì ta sẽ làm gì với y ấy?

Người gia chủ ấy đã phàn nàn, ta thán rằng:

- Các vị Samôn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Thật không dễ gì dâng y đến những người này...

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về việc này, sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn chế định học giới:

"Vị Tỳkhuu chưa được thỉnh cầu, đi đến bảo người cư sĩ không phải là thân quyến làm y cho mình như vầy... như vầy.. phạm Ưng-xả đối trị"⁽⁴⁾.

3'- Nhân duyên ở thành Xávē

(1)- JA. Dabbapuppha Jātaka; chuyện số 400.

(2)- Dhpa. Câu số 158.

(3)- ĐĐ Indacando (d). Luật phân ích Tỳkhuu II. Chương Ưng - xả, điều học thứ 6, số 53.

(4)- ĐĐ Indacando (d). Luật phân ích Tỳkhuu II. Chương Ưng - xả, điều học thứ 8, số 62.

Có một nam gia chủ nói với một nam gia chủ khác rằng: "Tôi sẽ dâng y đến Ngài Upananda", người kia cũng nói rằng: "Tôi cũng sẽ dâng y đến Ngài Upananda".

Một vị Tỳkhuu đi khất thực nghe được câu chuyện ấy, đi đến gặp Tôn giả Upananda, nói rằng:

- Nay hiền giả Upananda, Ngài có nhiều phước báu. Ở nơi kia có hai gia chủ đều có ý cúng dường y đến hiền giả.

- Nay hiền giả, đó là những người hộ độ của tôi.

Tôn giả Upananda đi đến gặp hai gia chủ ấy, bảo hai gia chủ nên hùn chung nhau để làm thành "một chiếc y" cho Tôn giả Upananda.

Hai gia chủ đã ta thán, phiền trách Tôn giả Upananda rằng: "Các Samôn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Thật không dễ gì dâng các y đến những người này ...".

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này, sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn ban điều học là: "*Vị Tỳkhuu bảo các gia chủ không phải là thân quyến, hùn nhau làm y cho mình, phạm Ưng-xả đối trị*"⁽¹⁾.

4'- Nhân duyên ở Xávē (Sāvatti) ...

Tôn giả Upananda nói với một vị Tỳkhuu rằng:

- Nay hiền giả, chúng ta cùng đi du hành đến xứ sở này.

- Thưa hiền giả, tôi không y vì y của tôi mảnh mai.

- Nay hiền giả hãy đi du hành cùng tôi, ta sẽ cho y đến hiền giả.

Tôn giả Upananda cho y đến vị Tỳkhuu ấy, nhưng rồi vị Tỳkhuu ấy nghe nói "*Đức Thế Tôn sẽ đi du hành trong xứ sở này*", nên suy nghĩ "ta sẽ không đi du hành với Tôn giả Upananda, Ta sẽ đi du hành với Đức Thế Tôn".

Tôn giả Upananda đến nói với vị Tỳkhuu ấy rằng:

- Nay hiền giả, chúng ta hãy du hành trong xứ sở này.

- Thưa hiền giả, tôi không đi hành với Ngài trong xứ sở này. Tôi sẽ du hành với Đức Thế Tôn trong xứ sở này.

Tôn giả Upananda nghe vậy, đã nổi giận, giật lại chiếc y đã cho.

Câu chuyện được trình lên Đức Thế Tôn, sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn chế định học giới: "*Vị Tỳkhuu cho y đến vị Tỳkhuu khác, sau đó nổi giận giật y ấy lại, phạm ưng-xả đối trị (nissaggiya pācittiya)*"⁽²⁾.

Ngoài tính tham y, Tôn giả Upananda còn có tính tham vật thực, chỗ trú ngụ ...

5'- Một lần nọ, vị quan đại thần đệ tử của phái lửa thể, tổ chức buổi cúng dường vật thực đến các Tỳkhuu, Tôn giả Upananda đến trễ.

Tôn giả bắt Upananda buộc vị Tỳkhuu ngồi kế cận phải đứng lên trong khi buổi ăn chưa chấm dứt. Nhà ăn bị xáo động, quan đại thần phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các samôn Thích tử đi đến trễ lại còn làm cho vị tỳ khuu ngồi kế cận phải đứng dậy khi bữa ăn chưa chấm dứt khiến nhà ăn đã bị xáo động? Khi ngồi chỗ khác, không lẽ không thể thọ thực theo như nhu cầu hay sao?".

Các vị Tỳkhuu trình việc này đến Đức Phật, sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các tỳ khuu, khi bữa ăn chưa chấm dứt không nên bảo vị Tỳkhuu kế cận đứng dậy; vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội *dukkata* (tác ác). Nếu bảo đứng dậy, nên nói với vị được yêu cầu (đứng dậy) rằng: "*Hãy đi lấy nước đem lại.*" Nếu việc ấy đạt được như thế là tốt đẹp. Nếu không đạt được như vậy, (vị đang ăn) nên nuốt xuống các hạt cơm một cách khéo léo rồi nhường lại chỗ ngồi cho vị tỳ khuu thâm niên hơn.

Nay các tỳ khuu, nhưng ta không nói rằng: "*Chỗ ngồi của vị tỳkhuu thâm niên hơn có thể bị xâm phạm bởi bất cứ phương thức nào*", vị nào xâm phạm thì phạm tội *dukkata* (tác ác)⁽³⁾.

6'- Tôn giả Upananda sau khi được phân phối chỗ ngụ ở thành Xávē, lại đi đến trú ngụ ở ngôi làng khác và nhận được chỗ trú ngụ nữa.

Các Tỳkhuu ấy đã bàn luận: "*Này các hiền giả, Tôn giả Upananda con trai dòng Sākya là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và bất hòa trong hội chúng. Nếu vị ấy an cư mùa mưa ở đây, chính tất cả chúng ta sẽ sống không được thoải mái; vậy chúng ta hãy hỏi vị ấy đi.*"

Rồi các Tỳkhuu đã hỏi Tôn giả Upananda:

(1)- ĐĐ Indacando (d). Luật phân tích Giới Tỳkhuu,, Chương Ưng-xả đối trị,. Điều học thứ 9, số 66.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật phân tích Giới Tỳkhuu,, Chương Ưng-xả đối trị,. Điều học thứ 25, số 149.

(3)- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm (Cullavagga)II. Chương sàng tọa, số 283.

- Nay hiền giả Upananda, có phải hiền giả nhận hai chỗ trú ngụ trong thành Xá-vệ (Sāvatti) này chăng?

- Đúng vậy, thưa các hiền giả.

Các Tỳ-khưu trình lên Đức Thế Tôn việc này, nhân đó Đức Thế Tôn ban hành học giới: "*Này các Tỳ-khưu, một vị không nên chiếm giữ hai (chỗ trú ngụ), vị nào chiếm giữ thì phạm tội dukkaṭa (tác ác)*" (sđd, số 272)..

7'- Một thời Đức Thế Tôn trú ngụ gần thành Vương xá (Rājagaha), nơi Đại tự Trúc lâm (Veluvanavihāra), chỗ nuôi dưỡng những con sóc.

Tôn giả Upananda thường lui tới với một gia đình người hộ độ để nhận vật thực thường kỳ.

Một hôm vào buổi chiều tối, gia đình này nhận được miếng thịt, họ chia một phần thịt để dành cho Tôn giả Upananda vào ngày mai; lúc gần sáng của đêm, người con trai của người gia chủ hộ độ thức giấc, kêu khóc đòi ăn. Người chồng nói với vợ rằng:

- Hãy cho đưa bé phần thịt của Ngài Upananda, tôi sẽ mua phần thịt khác dâng đến Ngài.

Vào buổi sáng, Tôn giả Upananda đến nhà người hộ độ để nhận vật thực, người hộ độ trình lên Tôn giả Upananda sự việc trên, nói rằng:

- Thưa Ngài, giá trị của miếng thịt ấy là 1 đồng tiền (kahāpana), hãy để vật gì đó có giá trị một đồng tiền đến Ngài⁽¹⁾.

Tôn giả Upananda đã nhận đồng tiền *kahāpana*, người giachủ ấy đã chê trách rằng: "Chúng tôi nhận lãnh tiền bạc như thế nào, các Samôn Thích tử cũng nhận lãnh tiền bạc như thế ấy".

Các Tỳ-khưu trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Ngài chế định điều học:

"*Vị Tỳ-khưu nhận lãnh hoặc bảo nhận lãnh hoặc ưng thuận (vàng bạc) đã được mang đến, phạm Ưng-đối trị; vật ấy phải được xả bỏ, vị Tỳ-khưu ấy phải sám hối tội ưng đối trị*"⁽²⁾.

8'- Nhân duyên ở thành Xá-vệ (Sāvatti) ...

Tôn giả Upananda là người rành rẽ về may y, nhuộm y. Vị ấy làm chiếc y Tăng-già-lê (saṅghāti) bằng loại vải cũ, khéo may, khéo nhuộm; rồi đắp lên mình.

Một du sĩ ngoại đạo mặc chiếc y choàng có giá trị cao. Khi đến viếng Tôn giả Upananda, du sĩ nói rằng:

- Nay hiền giả Upananda, y hai lớp của hiền giả rất xinh đẹp, hãy đổi cho tôi tấm y choàng này.

- Nay hiền giả, hiền giả hãy biết giá trị của hai chiếc y này đi.

- Vâng, thưa hiền giả. Tôi biết mà.

Rồi du sĩ ngoại đạo đi đến một tư viện của các du sĩ ngoại đạo, các du sĩ ngoại đạo đã hỏi du sĩ ấy rằng:

- Nay hiền giả, y hai lớp của hiền giả rất xinh đẹp, hiền giả nhận y này từ nơi nào?

Du sĩ ngoại đạo nói lên câu chuyện trao đổi y với Tôn giả Upananda; các du sĩ ấy nói rằng:

- Nay hiền giả, chiếc y hai lớp này hiền giả mặc được mấy ngày? Vì nó được làm bằng vải cũ, còn tấm y choàng của hiền giả mới có giá trị cao.

Du sĩ ấy suy nghĩ: "Các du sĩ này nói thật, y hai lớp này ta mặc được bao nhiêu ngày? Chính chiếc y choàng kia mới có giá trị cao".

Du sĩ ấy đi đến Tôn giả Upananda để đổi lại chiếc y, nhưng Tôn giả Upananda không chịu.

Du sĩ ấy đã ta thán, phiền hà, chỉ trích Tôn giả Upananda. Các Tỳ-khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn khiển trách Tôn giả Upananda, nhân đó Ngài chế định học giới: "*Vị Tỳ-khưu tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức, thì (vật ấy) nên được xả bỏ, và (vị ấy) phạm tội Ưng-xả đối trị (nissaggiya pācittiya)*"⁽³⁾.

9'- Nhân duyên ở thành Xá-vệ ...

Một nam gia chủ có việc đi vắng, bảo vợ lấy một số lượng chỉ sợi, nhờ người thợ dệt dệt thành tấm y, khi ông về sẽ dâng đến Tôn giả Upananda.

Người thợ dệt báo tin trên đến Tôn giả Upananda, Tôn giả đã bảo người thợ dệt hãy dệt y "dài, rộng, chặt chẽ, khéo léo, đều đặn, khéo cào, khéo chải". Nhưng số lượng chỉ tơ ấy không đủ, người vợ phải cung cấp thêm số lượng chỉ tơ tương đương như thế.

(1)- Theo câu chuyện này thì "một kahāpana" không lớn lắm (chỉ tương đương một miếng thịt tốt), 1 kahāpana = 4 pāda; 1 pāda = 5 māsa.

Vị Tỳ-khưu trộm cắp một vật có giá trị = 5 māsa phạm vào tội "triệt khai" (pārājika).

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật phân ích Tỳ-khưu II. Chương Ưng - xả, điều học thứ 18, số 105.

(3)- ĐĐ Indacando (d). Luật phân ích Tỳ-khưu II. Chương Ưng - xả, điều học thứ 20, số 113.

Khi người chồng về, Tôn giả Upananda đến gặp người chồng, người chồng dâng y ấy đến Tôn giả Upananda, rồi người vợ thuật lại việc phải thêm "chỉ sợi" để dệt y riêng cho Tôn giả Upananda. Người chồng đã ta thán rằng:

- "Các Samôn Thích tử này thật ham muốn quá độ, không tự biết đủ. Thật không dễ gì cúng dường y đến những người này".

Chư Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn khiển trách Tôn giả Upananda, nhân đó Ngài chế định học giới: "*Bảo dệt y từ những người không phải thân quyến, y ấy chưa được yêu cầu trước, vị Tỳkhuu xin y ấy. được y phạm vào "Ứng-xả đối trị" (nissaggiya pacittiya) (y ấy phải xả bỏ và sám hối tội ứng đối trị)*"⁽¹⁾.

10'- Nhân duyên ở thành Xá vệ ...

Tôn giả Upananda có vị quan Đại thần là người hộ độ, vị quan Đại thần cho người mang tiền đến gặp Tôn giả Upananda, nói rằng: "Thưa Ngài Upananda, đây là số tiền dành để mua y cho Ngài. Xin Ngài hãy nhận lấy".

- Nay gia chủ, chúng tôi không được phép nhận tiền bạc. chúng tôi chỉ nhận y vào lúc đúng thời.

- Vậy có ai là người phục vụ cho Ngài chăng?

Tôn giả Upananda chỉ một nam cư sĩ, người sứ giả của quan Đại thần trao tiền mua y đến nam cư sĩ ấy, rồi đến thông báo với Tôn giả Upananda rằng:

- Thưa Ngài Upananda, số tiền đặt mua y dành cho Ngài, được trao đến nam cư sĩ ấy. Đại Đức hãy đến đúng thời, người ấy sẽ trao y đến Ngài.

Nhưng Tôn giả Upananda không nói với nam cư sĩ ấy điều gì cả, vị quan Đại thần cử sứ giả đến gặp Tôn giả Upananda nói rằng: "Thưa Ngài Upananda, hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được Ngài Upananda sử dụng".

Lần thứ nhì lần thứ ba, vị Đại thần cử sứ giả đến gặp Tôn giả Upananda, nói rằng: "Thưa Ngài Upananda, hãy sử dụng y ấy. Chúng tôi muốn y ấy được Ngài Upananda sử dụng".

Bấy giờ, thị trấn có ngày hội họp, thị trấn có quy định: "*Ai đến trễ bị phạt 50 tiền*", vào ngày hội họp ấy, Tôn giả Upananda đi đến nam cư sĩ ấy, nói rằng:

- Nay cư sĩ hãy dâng y đến ta, ta đang cần y ấy.

- Thưa Ngài, xin hãy chờ hết ngày hôm nay. Hôm nay thị trấn đang hội họp, ai đi trễ bị phạt 50 tiền.

Nhưng Tôn giả Upananda đã nắm lấy thắt lưng của nam cư sĩ ấy, buộc phải dâng y cho mình. Và nam cư sĩ ấy bị phạt 50 tiền vì đến hội họp trễ.

Nam cư sĩ ấy ta thán, than phiền rằng: "Các vị Samôn Thích tử này thật ham muốn quá độ. Thật không dễ gì phục vụ cho họ".

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này, sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn chế định học giới (tóm ý như sau):

"Vị Tỳkhuu được thông báo "*có người giữ tiền mua y, khi cần dùng y vị Tỳkhuu đến người ấy nhận y*". Khi cần dùng y, vị Tỳkhuu đến người được chỉ định "giữ tiền mua y", nói rằng: "Này gia chủ, tôi cần y". Khi thông báo, nhắc nhở đến ba lần, nếu nhận được y là tốt.

Nếu không nhận được y, vị Tỳkhuu đến trước "người giữ tiền mua y", đứng yên lặng 4-6 lần, nếu nhận được y là tốt. Nếu đứng yên lặng trên 6 lần, nhận được y, vị Tỳkhuu phạm vào Ứng-xả đối trị (nissaggiya pācittiya), y ấy phải được xả bỏ.

Nếu đứng yên lặng đến lần thứ sáu, không nhận được y, vị Tỳkhuu cử người hay tự thân đến thông báo cho người "gửi tiền mua y" rằng: "Này quý vị, số tiền quý vị gửi mua y cho vị Tỳkhuu ấy, số tiền ấy chẳng có lợi ích gì đến vị Tỳkhuu ấy"⁽²⁾.

* *Giới Ứng đối trị (pācittiya).*

1'- Nhân duyên ở Xá vệ ...

Khi ấy Tôn giả Upananda gây chuyện xích mích với nhóm Tỳkhuu "lục sư", rồi Tôn giả Upananda phạm giới Tăng tàng (saṅghadisesa) do cố ý xuất tinh dịch; vị ấy thú nhận tội đang chịu phạt "ở tròn đủ"(parivāsa)⁽³⁾.

Một cuộc cúng dường vật thực đến chư Tăng được khởi lên, Tôn giả Upananda vì đang chịu phạt, nên phải ngồi cuối cùng Tăng chúng.

(1)- ĐĐ Indacando (d). Luật phân ích Tỳkhuu II. Chương Ứng - xả, phần y, điều học thứ 27, số 157.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Phân Tích Giới Tỳkhuu II. Chương Ứng- xả đối trị. Điều học thứ 10, số 70.

(3)- Vị Tỳkhuu phạm Tăng tàng (saṅghadisesa), che dấu bao nhiêu ngày, khi thú nhận để chịu hình phạt, thì thời gian chịu hình phạt phải tròn đủ số lượng bao nhiêu ngày đã che dấu tội Tăng tàng, gọi là "parivāsa".

Nhóm Tỳkhuu "Lục sư" đã nói cho các cư sĩ biết "Tôn giả Upananda vì phạm giới Tăng tàng, nên phải ngồi ở cuối cùng Tăng chúng".

Các Tỳkhuu đã trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề này, Đức Thế Tôn khiển trách nhóm Tỳkhuu Lục sư, rồi Ngài chế định điều học: "*Vị Tỳkhuu nào công bố tội xấu của vị Tỳkhuu khác, đến người chưa tu lên bậc trên, phạm Ứngđối trị (pācittiya), ngoại trừ có sự đồng ý của các Tỳkhuu*"⁽¹⁾

2'- Nhân duyên ở Xávē ...

Có lần Tôn giả Upananda đã rủ một vị ỳkhuu đi khất thực chung, khi vào làng đến nhà một gia chủ. Tôn giả Upananda sau khi bảo gia chủ đừng cúng dường đến vị Tỳkhuu đi chung, rồi đuổi vị ấy đi nơi khác. Do trễ giờ nên vị ấy không tìm được vật thực, bị lỡ bữa ăn.

Vị Tỳkhuu ấy đã kể lại sự việc đến các vị Tỳkhuu, các vị trình lên Đức Thế Tôn. Sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn ban điều học: "*Vị Tỳkhuu rủ Tỳkhuu khác đi khất thực, rồi đuổi về sau khi bảo đừng cúng dường đến vị Tỳkhuu ấy, phạm Ứngđối trị (pācittiya)*"⁽²⁾.

3'- Nhân duyên ở thành Xávē ...

Có lần Tôn giả Upananda đi khất thực, đến nhà của một người bạn, ngồi trong phòng ngủ với vợ người bạn.

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này; sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Đức Thế Tôn chế định học giới: "*Vị Tỳkhuu đến gia đình chỉ có cặp vợ chồng, rồi ngồi xuống, phạm Ứngđối trị*"⁽³⁾.

4'- Nhân duyên ở thành Xávē ...

Một lần khác Tôn giả Upananda ngồi với vợ người bạn ở **nơi kín đáo, được che khuất**, nhân đó Đức Thế Tôn chế định học giới : "*Vị Tỳkhuu ngồi với người nữ ở nơi kín đáo, được che khuất, phạm Ứngđối trị*"⁽⁴⁾. Nhưng Tôn giả Upananda vẫn không chừa cải, lại tiếp tục ngồi với vợ của người bạn ở **nơi kín đáo** và Đức Thế Tôn chế định tiếp điều học "*Vị Tỳkhuu ngồi với người nữ ở nơi kín đáo, phạm Ứngđối trị*" (sđd, điều thứ 45, số 543).

5'- Nhân duyên ở thành Vương xá (Rājagaha), nơi Đại tự Trúc Lâm ...

Một gia đình hộ độ của Tôn giả Upananda thỉnh Tôn giả Upananda cùng một số vị Tỳkhuu đến tư gia để thọ thực.

Tôn giả Upananda thường đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn, nên đến vừa kịp giờ nọ. Các Tỳkhuu thọ thực không được mãn ý.

Nhân đó, Đức Thế Tôn sau khi khiển trách Tôn giả Upananda, Ngài chế định điều học: "*Vị Tỳkhuu đã được thỉnh mời, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn*"⁽⁵⁾, phạm Ứngđối trị" (sđd, điều thứ 46, số 547).

Tôn giả Upananda suy nghĩ "*Đức Thế Tôn cấm đi giao thiệp với các gia đình trước bữa ăn*", Tôn giả Upananda đi giao thiệp với các gia đình sau bữa ăn⁽⁶⁾.

Bấy giờ, có gia đình hộ độ cho Tôn giả Upananda, cho mang đến cúng dường đến chư Tăng, có món vật thực cứng, gia đình người hộ độ nói với người "dâng vật thực rằng": "Nên trình cho Ngài Upananda thấy rồi mới dâng đến hội chúng".

Tôn giả Upananda về trễ nên món vật thực cứng ấy đã bị bỏ rơi.

Nhân đó Đức Thế Tôn chế định lần thứ 2 là : "*Vị Tỳkhuu đã được mời thỉnh, đi giao thiệp với các gia đình trước và sau bữa ăn, phạm Ứngđối trị*" (sđd, số 548).

6'- Nhân duyên ở Xávē ...

Tôn giả Upananda sau khi chú nguyện dùng chung y với vị Tỳkhuu là đệ tử của người anh, lại dùng y ấy như của riêng mình, trong khi vị Tỳkhuu kia chưa xả chú nguyện.

Nhân đó, Đức Thế Tôn chế định học giới: "*Vị Tỳkhuu chú nguyện để dùng chung y đến vị Tỳkhuu hoặc Tỳkhuu ni, hoặc Sadi, hoặc sadi ni. Khi chưa có sự xả chú nguyện lại xử dụng, phạm Ứngđối trị*" (sđd, số 623).

7'- Nhân duyên ở thành Xávē ...

Tôn giả Upananda vì phạm giới Tăng tàng, cố ý xuất tinh dịch, Tôn giả thú tội với vị Tỳkhuu đệ tử của người anh, rồi dặn rằng: "Chớ thông báo đến người khác".

Vị Tỳkhuu ấy che dấu tội cho Tôn giả Upananda. Rồi có vị Tỳkhuu khác phạm tội tăng tàng. Thú tội và bị phạt parivāsa (ở đủ), khi gặp vị Tỳkhuu ấy đã trình báo rằng:

(1)- ĐĐ Indacando (d). Phân Tích Giới Tỳkhuu II. Chương Ứngđối trị. Điều học thứ 9, số 342.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật Phân tích giới Tỳkhuu. Chương Ứngđối trị. Điều thứ 42, số 531.

(3)- ĐĐ Indacando (d). Luật Phân tích giới Tỳkhuu. Chương Ứngđối trị. Điều thứ 43, số 535.

(4)- ĐĐ Indacando (d). Luật Phân tích giới Tỳkhuu. Chương Ứngđối trị. Điều thứ 44, số 539.

(5)- Là đi đến các gia đình khác dùng vật thực trước khi dùng vật thực nơi đã thỉnh mời.

(6)- Là đi đến các gia đình khác dùng thêm vật thực, sau khi đã dùng bữa chính.

- Nay Đại đức, tôi đã phạm tội Tăng tàng (saṅghadisesa) do cố ý làm xuất tinh dịch. Tôi đang chịu hình phạt parivāsa (ở đủ), tôi xin trình báo đến Đại Đức. Xin Đại Đức ghi nhận "tôi có trình báo".

- Nay Đại Đức, vị nào khác phạm tội này, có phải thực hiện như vậy không?

- Thưa Đại Đức, phải thực hiện như vậy.

Vị Tỳkhuu ấy tỏ thật "mình che dấu tội Tăng tàng cho Tôn giả Upananda".

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này, sau khi khiển trách vị Tỳkhuu che dấu tội, Đức Thế Tôn chế định học giới: "*Vị Tỳkhuu che dấu tội xấu xa của vị Tỳkhuu thì phạm Ưngđốitri*" (sđd, số 644).

8'- Nhân duyên ở Xá-vê ...

Tôn giả Upananda cũng là duyên sự để Đức Thế Tôn chế định học giới "*Vị Tỳkhuu nằm giườngng cao quá 8 ngón tay của Đức Thiện Thế, ngoại trừ khung giường ở bên dưới, phạm Ưngđốitri*" (sđd, số 755).

Tôn giả Upananda chẳng những làm sai trái được ghi nhận trong Tạng luật, trong Số giải kinh Bốn sanh Dabbhapuppha⁽¹⁾ còn mô tả:

Tôn giả Upananda an cư mùa mưa tại một tự viện, giảng pháp về "hạnh tri túc", tán thán đời sống tri túc với "nhu cầu tối thiểu".

Nghे lời Tôn giả Upananda, tăng chúng trong tự viện ném bỏ những y tốt, bát tốt, dùng bát đất, y "củ rách". Tôn giả Upananda thu gom tất cả, sau ngày lễ Tự tứ (pavāraṇā), Tôn giả Upananda cho chất đầy một xe, mang về Đại tự Kỳviên.

Trong Bốn sự Samudda⁽²⁾ mô tả Tôn giả Upananda là người ăn uống thô bạo, không bao giờ thỏa mãn, cho dù Tôn giả Upananda có đến vài xe vật thực.

Trong Bốn sự này, tiền thân của của Tôn giả Upananda là "con quạ nước", tiền thân Đức Thế Tôn là vị thần biển.

Con quạ nước khi bay ngang qua biển, la các con cá với chim rằng: "Đừng uống quá nhiều nước, làm biển cạn đi", vì nó sợ "hết nước dành cho nó".

Thấy con quạ quá tham lam dành nước cho mình, Thần biển hiện hình dữ tợn đuổi quạ nước đi.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) gọi Tôn giả Upanandaka là *lolajātika* (người sinh tham lam). Tôn giả Upananda bị 80 ngàn Samôn Thích tử khinh thường⁽³⁾.

Tôn giả Upananda là điển hình "mẫu người không bao giờ làm những gì mình thuyết giảng", lại nữa "thường khuyến dụ những người khác bố thí, để mình hưởng lợi". Và dĩ nhiên không có lợi ích chi do biện tài của ông mang lại⁽⁴⁾.

Tôn giả Upananda có hai đệ tử sadi là Kaṇḍaka và Mahaka, đã cùng nhau hành động xấu xa. Ngoài ra, sadi Kaṇḍaka còn phá hoại tịnh hạnh của Tỳkhuu ni Kaṇḍakī (có lẽ là chị ruột của Kaṇḍaka)⁽⁵⁾.

Theo Pācittiya (Ưngđốitri)⁽⁶⁾, Kaṇḍaka bị tấn xuất vì có tà kiến như Aritṭha, nhưng sau đó nhóm Tỳkhuu Lục sư (Chabbāggiya) thu nhận Kaṇḍaka.

Sách Samantapasādikā (Số giải Tạng Luật) có ghi rằng: "Sadi Kaṇḍaka cùng với Aritṭha và nhóm Vajjiputtaka chống lại Giáo pháp của Đức Thế Tôn"⁽⁷⁾.

Trở lại Đức Xá-lợi-phất.

* **Có tính kiên định cao.**

Tương truyền Đức Xá-lợi-phất thích dùng *pitṭhakhajjaka* (một loại bánh làm bằng bột) do các gia chủ mang đến Đại tự Kỳviên để cúng dường.

Khi các Tỳkhuu cùng Sadi dùng đầy đủ, số bánh còn lại rất nhiều, các cận sự gia chủ thưa rằng:

- Thưa các Tôn giả, hãy lấy phần cho các vị đi vắng.

Có lần vị Tỳkhuu đệ tử cộng trú với Đức Xá-lợi-phất đi vắng, Đức Xá-lợi-phất giữ bánh cho người đệ tử, nhưng vị Tỳkhuu đi khất thực vẫn chưa về; đến giờ thọ thực ở trai đường người ta mang bánh ấy đến cúng dường Đức Xá-lợi-phất.

Khi Đức Xá-lợi-phất đang dùng bánh thì Tỳkhuu đệ tử trở về, Đức Xá-lợi-phất nói rằng: "Này hiền giả, chúng tôi đang ăn phần bánh của hiền giả".

(1)- JA. Chuyện số 400.

(2)- JA. Chuyện số 296.

(3)- Sp. iii. 665.

(4)- AA. i. 92; MA. i. 348; Vsm. i. 81.

(5)- Vin. i. 85.

(6)- Vin. iv. 38.

(7)- Sp.iv, 874.

- Thừa Tôn già, chúng ta đều thích đồ ngọt cả.

Đức Xá lợi phất xúc động tâm, có cảm giác như vị Tỳkhuu trẻ cho rằng “ta còn bị tham dục chi phối”, Ngài quyết định không dùng loại bánh ấy nữa.

Từ đó người ta nói rằng: “Tướng quân Chánh pháp không ăn bánh làm bằng bột như trước”.

Rồi trong một dịp, nơi Giảng pháp đường, các Tỳkhuu mang câu chuyện: “Vị Tướng quân Chánh pháp không còn dùng loại bánh ngọt bằng bột nữa” ra bàn luận.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, khi Xá lợi phất quyết định từ bỏ vật gì, thì dù có mất mạng cũng không nhận lại vật ấy. Trong quá khứ cũng đã từng như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại bản sự Visavanta.

***Bổn sự Visavanta.**

Thuở quá khứ khi vua Brahmadatta trị vì xứ Bārāṇasī (Balanại), Bô tát sinh ra trong một gia đình thầy thuốc chữa nọc rắn và Ngài hành nghề này để sinh sống.

Bấy giờ có con rắn cắn một người dân quê, thân quyền người bị rắn cắn đưa người ấy đến Bô tát để trị bệnh.

- Các người muốn chữa trị bằng dược liệu và rút nọc rắn ra hay bắt con rắn độc này hút chất độc trong mình người bị rắn cắn ra?

Để thử tài Bô tát, họ yêu cầu bắt con rắn độc ấy hút chất ra. Bô tát đi đến nơi người dân quê bị rắn cắn, tìm thấy miệng hang rắn, Ngài bắt được con rắn độc.

Bô tát buộc rắn hút lại chất độc của mình, nhưng con rắn kiên quyết không hút lại chất độc đã phun ra.

Để thử rắn, Bô tát cho đốt lên đồng lửa lớn, nói với rắn rằng:

- Nay rắn hoặc là người hút độc ra, hoặc là người phải bò qua đồng lửa này.

- Ta thà bò qua đồng lửa này chết, còn hơn phải hút lại những gì đã phun ra.

Nên có kệ ngôn như vầy:

Dhiratthu taṃ viṣaṃ vantaṃ; yamaṃ jīvitakāraṇā.

Vantaṃ paccāharissāmi; mataṃ me jīvitā varaṃti.

"Đáng rửa thay nọc độc; một lần đã phun ra.

Nay lại vì mạng sống; ta phải hút trở vào.

Thà ta chết tốt hơn; là sống phải làm vậy" (B. Trần Phương Lan dịch).

Rắn là tiền thân của Đức Xá lợi phất ⁽¹⁾.

***Tri ân đệ nhất.**

Ngài Xá lợi phất được Đức Thế Tôn khen ngợi là “người tri ân đệ nhất”; chỉ có một muổng cơm của Bà lamôn Rādhā cúng dường mà Ngài vẫn nhớ, để từ đó tạo duyên lành cho vị Thánh Alahān Rādhā xuất hiện trong thế gian.

Mặt khác, đối với vị thầy Sañjaya dù giáo thuyết của vị này chẳng giúp ích cho “sự tìm đạo giải thoát” của Ngài, nhưng khi tìm được “con đường chánh pháp dẫn đến giải thoát đau khổ”, Ngài Xá lợi phất muốn thầy Sañjaya cùng đi để được sự lợi ích, tuy ý muốn của Ngài bất thành, nhưng cũng nói lên hạnh “tri ân” của Ngài.

Đối với Đức Assaji, khi biết Ngài Assaji trú nơi nào, Ngài Xá lợi phất mỗi sáng hướng về nơi ấy đảnh lễ, khi nằm ngủ không dám đưa chân về hướng Đức Assaji trú ngụ.

a- Với các bậc đồng phạm hạnh.

*** Khi ở tự viện.**

Đức Xá lợi phất thường ở lại Tự viện quét dọn các liêu thất, hầu tránh sự chê trách của ngoại đạo hay của các nhóm cư sĩ tại gia. Xong rồi, Ngài mới đi khất thực.

*** Khi đi du hành với Đức Thế Tôn.**

Đức Xá lợi phất thường đi sau cùng để chăm sóc các vị Tỳkhuu già yếu, hay những vị Tỳkhuu bệnh.

*** Thường viếng thăm những vị Tỳkhuu bị bệnh.**

Như viếng thăm Trưởng lão Samitigutta bị bệnh cùi, Trưởng lão Channa đang lâm trọng bệnh ...

*** Có tâm bi mẫn với bậc đồng phạm hạnh.**

Khi Tôn già Devadatta chia rẽ hội chúng Tăng, có 500 Tỳkhuu trẻ xứ Vajji (Bạt kỳ), do mới xuất gia trong Giáo pháp này, nên cho rằng “giáo thuyết” của Tôn già Devadatta là đúng đắn, đã đi theo Tôn già Devadatta đến Gayāsisa.

⁽¹⁾- JA. Visavantajātaka. Chuyện số 69.

Với lòng bi mẫn, Đức Thế Tôn dạy Đức Xá lợi phất và Đức Mục kiền liên mang 500 vị Tân Tỳ khưu trẻ Vajji về.

Hai vị Thượng thủ đi đến Gayāsīsa, khi Tôn giả Devadatta thuyết pháp đến các Tỳ khưu đã mệt, trong khi các Tỳ khưu còn tỉnh ngủ.

Tôn giả Devadatta nhờ Đức Xá lợi phất thuyết pháp hộ, còn mình nằm nghỉ.

Đức Xá lợi phất giảng pháp, Đức Mục kiền liên dùng thần thông tạo hoạt cảnh tương ứng với lời giảng.

Dứt thời pháp, 500 tân Tỳ khưu Vajji chứng Thánh quả Dự lưu; rồi Đức Xá lợi phất và Đức Mục kiền liên đưa 500 tân Tỳ khưu Vajji về “rừng Trúc”.

Tỳ khưu Kokālika đến đánh thức Tôn giả Devadatta và Tôn giả Devadatta tức tối đã ói máu miệng.

Trong Bản Sở giải kinh Pháp cú có khác chút ít là: “Tỳ khưu Kokālika dùng đầu gối thúc vào ngực của Tôn giả Devadatta” và Tôn giả Devadatta ói máu⁽¹⁾.

Sau đó, Đức Xá lợi phất và Đức Mục kiền liên đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Rồi Đức Xá lợi phất xin với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, lành thay, nếu các Tỳ khưu này, là những người ủng hộ kẻ chia rẽ (hội chúng) có thể tu lên bậc trên lại.

- Nay Xá lợi phất, thôi đi. Người chớ có hoan hỷ với việc tu lên bậc trên lại của các Tỳ khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ.

Nay Xá lợi phất, chính vì điều ấy người hãy cho các Tỳ khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ sám hối tội *thullaccaya* (trọng tội)⁽²⁾.

Người ta nói rằng: “Kể từ khi đi theo Tôn giả Devadatta, ủng hộ việc chia rẽ Tăng chúng, tuy 500 vị tân Tỳ khưu Vajji chứng Thánh quả Dự lưu, nhưng kể từ khi ấy trở đi, 500 vị Tỳ khưu Vajji này không còn cơ hội gặp lại Đức Thế Tôn lần thứ hai.

Sau đó, 500 vị Tỳ khưu này trở về kinh thành Vesālī của xứ Vajjī trú ngụ. Và những hậu duệ của những vị này chính là nhóm Tỳ khưu Vajjiputtaka, nhóm Tỳ khưu Vajjiputtaka là duyên sự để có cuộc kết tập Phật ngôn lần thứ II, cũng chính nhóm, Tỳ khưu Vajjiputtaka này kết hợp với 10 ngàn tu sĩ khác, thành lập bộ phái Mahāsaṅghika (Đại chúng bộ) sau này.

***Trợ giúp các vị Tỳ khưu.**

Có một số vị Tỳ khưu trú trong Đại tự Kỳ viên, sau khi dùng đầu làm thuốc xổ, cần có được một ít thực phẩm thượng vị để hồi sức.

Các vị Tỳ khưu nuôi bệnh đi vào thành Xá vệ để khất thực, nhưng không tìm được vật thực thượng vị, các vị Tỳ khưu quay trở về Đại tự Kỳ Viên.

Đến gần trưa Đức Xá lợi phất đi vào thành Xá vệ khất thực, thấy các vị Tỳ khưu trở về, Ngài hỏi:

- Nay các hiền giả, vì sao các hiền giả về sớm vậy?

Các Tỳ khưu trình bày câu chuyện đến Đức Xá lợi phất, Ngài dạy rằng:

- Nay các hiền giả, vậy các hiền giả hãy đi theo tôi.

Cũng chính con đường mà các Tỳ khưu đã đi qua, Đức Xá lợi phất được cư dân cúng dường rất nhiều loại vật thực thượng vị. Các vị Tỳ khưu nuôi bệnh mang những vật thực thượng vị ấy về cho các vị Tỳ khưu bệnh.

Một hôm trong Giảng pháp đường nơi Đại tự Kỳ viên, các Tỳ khưu đàm luận về việc này. Do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Mamsa.

***Bốn sự Mamsa (chuyện miếng thịt).**

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai, Bô tát sinh ra trong một gia tộc đại trưởng giả.

Một lần nọ, có người thợ săn nai đẩy cỗ xe chứa đầy thịt nai đi vào thành Balanai để bán. Nơi cổng thành có bốn người con trai của bốn trưởng giả đang hội họp cùng nhau, một trong bốn người nhìn thấy người thợ săn nai đang đẩy xe thịt nai vào thành Balanai bán, liền đề nghị “đến xin thịt nai”.

Người thứ nhất đến nói người thợ săn nai rằng:

- Nay gã thợ săn nai bằng chó (luddaka), hãy cho ta miếng thịt nai.

Người thợ săn nai nói:

- Xin người mà lời nói cộc cằn, người được miếng thịt tương ứng.

Người thợ săn nai cho xương và da nai.

Người thứ hai đến nói:

(1)- DhpA. Câu số 17.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm (Culla vagga) II. Chương. Chia rẽ hội chúng, số 395.

- Này anh, hãy cho tôi miếng thịt.

Người thợ săn nai nói

- Anh em là tình thân nối kết, cậu sẽ được miếng thịt tương ứng.

Người thợ săn nai cho những miếng thịt nai ở nơi nối khớp xương.

Người thứ ba đến xin:

- Cha thân, hãy cho con miếng thịt nai đi.

Người thợ săn nai nói:

- Cha con là tình thương từ trái tim, cậu sẽ được thịt tương ứng.

Người thợ săn nai cho trái tim nai.

Bồ tát cũng đến xin thịt nai, Ngài nói:

- Này bạn, hãy cho tôi thịt nai đi.

Người thợ săn nai nói:

- Người không có bạn, đời sống trở nên cô độc quanh hiu, bạn được phần thịt tương ứng.

Người thợ săn nai cho Bồ tát cả xe thịt nai. Bồ tát cảm động, cho mời hết gia đình người thợ săn nai về gia trung của mình, hai người kết bạn cùng nhau, người thợ săn nai thoát khỏi nghề ác độc này.

Nhận diện tiền thân.

Người thợ săn nai nay là Đức Xá lợi phất⁽¹⁾.

***Nâng đỡ các vị Samôn trẻ.**

Đức Xá lợi phất không phân biệt đệ tử của mình hay của vị khác. Ai chịu học hỏi từ Ngài thì Ngài tận tình hướng dẫn trên mọi phương tiện vật chất lẫn tinh thần.

Một số vị Tỳ khưu đã hiểu lầm "tính nâng đỡ" của Ngài Xá lợi phất, cho rằng Ngài có tính thiên vị.

Tương truyền rằng: Có lần Đức Xá lợi phất cùng với 500 Tỳ khưu tùy tùng đến một Tự viện để an cư mùa mưa, khi mãn mùa an cư, chưa đến ngày làm lễ dâng y Kāṭhina, Ngài rời về Đại tự Kỳ viên yết kiến Đức Thế Tôn.

Trước khi ra đi, Ngài dặn các vị Tỳ khưu rằng: "Khi các Thiện gia tử dâng y, hãy chia phần đến các Tỳ khưu trẻ cùng các Sadi, rồi thông báo cho tôi biết".

Các vị Tỳ khưu không hiểu được ý của Đức Xá lợi phất nên bàn luận trong Giảng pháp đường rằng: " Cho đến hôm nay, chắc chắn Tôn giả Xá lợi phất còn ái dục, vì Ngài còn thiên vị các Tỳ khưu trẻ và các Sadi".

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, Ngài giải thích rằng:

- "Này các Tỳ khưu, con Như Lai là Xá lợi phất không còn ái dục, Xá lợi phất nói như thế vì nghĩ rằng" Sẽ có lợi ích đến các thiện gia tử cùng các Tỳ khưu trẻ và các Sadi. Đó cũng là lợi lộc phát sinh chân chánh đến các Tỳ khưu trẻ và các Sadi".

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

410-Āsā yassa vijjhanti; asmim loke paramhi ca.

Nirāsayaṃ viṣaṃyuttaṃ; tamahaṃ brūmi brahmanaṃ.

"Người không có hy cầu; đời này và đời sau.

Không hy cầu giải thoát; ta gọi Balamôn"(HT. TMC dịch)⁽²⁾.

***Chăm sóc tận tình các đệ tử.**

Điển hình như Trưởng lão Rādhā, Trưởng lão Losaka; giải thích những thắc mắc của Sadi Sukha, Sadi Paṇḍita ...

Chính tình thương yêu đệ tử này được hiển lộ khi Đức Xá lợi phất tìm nước trái xoài có pha đường, giúp bà Yasodharā (Daduḍāla) trị chứng bệnh "đầy hơi".

Khi Đức Thế Tôn chấp thuận Ni đoàn được thành lập, bà di mẫu Pajāpati Gotamī

cùng 500 Tỳ khưu ni Thích nữ đang sống gần kinh thành Vesālī (Vê xá). Năm trăm Tỳ khưu ni Thích nữ này, về sau nghe lời giáo giới của Trưởng lão Nandaka, tất cả đều chứng đạt Thánh quả.

Hoàng hậu Yasodharā (Daduḍāla) suy nghĩ: " Thái tử Sīḍḍatta nay thành bậc Chánh Giác, Phụ vương Suddhodana (Tịnh Phạn) đã mệnh chung, Di mẫu Gotamī (Kiều Đàm), Thái tử Rāhula (Lahāula) cũng xuất gia sống gần với cha. Vậy ta còn sống trong gia đình để làm gì? Ta hãy xuất gia".

Bà xin xuất gia trong Ni đoàn, rồi đến sống trong một Ni xá ở trong thành Xá vệ với thầy Tề độ và Giáo thọ sư của mình.

Tỳ khưu ni Yasodharā thường đến Đại tự Kỳ viên để đánh lễ Đức Thế Tôn và thăm Sadi Lahāula (Rāhula). Sadi Lahāula cũng thường đến Ni viện để thăm mẹ.

(1)- JA. Chuyện số 315.

(2)- DhpA. Câu số 410.

Một hôm Tỳkhuu ni Yasodharā (Daduđàla) bị chứng bệnh “đầy hơi”, khi Sadi Lahāula đến, bà không thể ra rước con được. Có người báo cho Sadi Lahāula biết “mẹ của người đang bị bệnh”.

Sadi Lahāula đến gặp mẹ, hỏi rằng:

- Khi bị bệnh như vậy, mẹ phải dùng thứ chi để chữa trị?
- Nay con, với bệnh này, khi còn ở Hoàng cung, mẹ dùng nước trái xoài pha với mật đường thì khỏi hẳn. Nhưng giờ đây làm sao chúng ta có được xoài chín?
- Con sẽ tìm thứ đó cho mẹ.

Sadi Lahāula trở về Đại tự Kỳviên đi đến gặp thầy Tế độ là Đức Xá lợi phất với gương mặt buồn rầu, Đức Xá lợi phất hỏi:

- Nay Lahāula con, vì sao con phiền muộn như thế?
- Bạch Thầy, mẹ con là Tỳkhuu ni Yasodharā đang bị bệnh “đầy hơi”, cần phải có nước trái xoài pha với mật đường mới chữa khỏi.
- Nay Lahāula con, con đừng buồn phiền nữa, ta sẽ tìm nước trái xoài pha mật đường cho con. Con hãy đến trai đường chờ ta.

Ngài Lahāula khi xuất gia trong Giáo pháp này, có cha là Đức Thế Tôn, có chú là Đức Nanda, Đức Ānanda, có Giáo thọ sư là Đức Mụckiềnliên, nhưng Sadi Lahāula chỉ đi đến thầy Tế Độ của mình là Đức Xá lợi phất, như thế cho thấy tình thương của Đức Xá lợi phất đối với Sadi Lahāula như thế nào và tình thương của Sadi Lahāula đối với thầy Tế Độ rất thâm thiết.

Đức Xá lợi phất tay cầm lấy y bát, vận y chỉnh tề, đi đến Hoàng cung của vua Pasenadi (PaTưñặc), Đức vua Pasenadi nghe Đức Xá lợi phất đến, ra khỏi Hoàng cung tiếp rước Đức Xá lợi phất đưa vào Hoàng cung.

Bấy giờ người giữ vườn xoài của Đức vua mang đến cho Đức vua một giỏ xoài chín mọng, Đức vua Pasenadi tự thân gọt vỏ xoài cắt thành từng miếng mỏng, rắc mật đường lên trên rồi ép ra nước, cúng dường đến Đức Xá lợi phất một bát đầy nước xoài ép có pha mật đường.

Đức Xá lợi phất nhận bát nước trái xoài từ giả Đức vua ra về, Đức vua Pasenadi suy nghĩ: “Vì sao Trưởng lão không dùng nước giải khát ngay nơi này, Trưởng lão lại mang về? Hẳn là có bậc đồng phạm hạnh nào của Ngài đang cần nước trái xoài đây”.

Đức vua cho người đi theo Đức Xá lợi phất, xem Ngài mang nước trái xoài cho ai.

Đức Xá lợi phất mang bát nước trái xoài đến trai đường trao cho Sadi Rāhula (Lahāula), Sadi mang nước trái xoài ép có pha mật đường đến cho mẹ.

Bà Tỳkhuu ni Yasodharā (Daduđàla) dùng nước trái xoài ấy, chứng bệnh “đầy hơi” của bà dứt khỏi. Câu chuyện kỳ thú này lan rộng trong, ngoài Đại tự Kỳviên.

Riêng vua Pasenadi (PaTưñặc) suy nghĩ: “Nếu Đức Thế Tôn còn tại gia, Ngài là vị vua, bà Yasodharā (Daduđàla) là Hoàng hậu, Sadi Lahāula là Thái tử. Cả hoàng tộc này đang cư trú tại thành Xá vệ (Sāvatti) của Ta. Thật không xứng đáng với ta, khi ta lơ là trong việc chăm sóc những người thuộc dòng Sát đê lý (khattiya) này, ta cần phải đến hầu thăm các vị ấy, không nên để các vị ấy phải nhọc sức vì việc con con này”.

Thế là từ đó vua Pasenadi thường cúng dường xoài đến vị Thánh nữ Yasodharā.

Một hôm tại Giảng pháp đường trong Đại tự Kỳviên, các Tỳkhuu bàn luận với nhau về câu chuyện kỳ thú “Tướng quân Chánh pháp tìm nước trái xoài cho Tỳkhuu ni Yasodharā (Daduđàla)”.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, đây không phải là lần đầu Rāhulamātā (mẹ Lahāula) được Xá lợi phất chữa lành bệnh bằng nước trái xoài, trong quá khứ cũng từng xảy ra sự việc này.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Abbhantara

***Bốn sự Abbhantara** (cây xoài Chính Trung).

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai (Bāraṇasī), bấy giờ Bô tát sinh ra trong một gia tộc Balamôn ở Kāsi.

Khi cha mẹ qua đời, Bô tát xuất gia làm ẩn sĩ tu tập ở vùng núi Hymālapson, Bô tát chứng đắc được các Thắng trí phàm cùng với các thiền chứng. Ẩn sĩ là thầy của một hội chúng hiền trí.

Thời gian sau, ẩn sĩ cùng hội chúng đi đến kinh thành Balanai để tìm muối dấm, hội chúng ẩn sĩ vào trú nơi vườn Thượng uyển của vua Brahmadata.

Do năng lực giới hạnh của các hiền trí này, đã làm nóng rang ngại vàng của vua Trời Đê thích (Sakka), e ngại mất ngôi vị lãnh tụ thiên chúng cõi trời “Ba mươi ba” (Tāvatisa), vua trời Đê thích lập mưu gây phiền nhiễu đến nhóm ẩn sĩ hiền thiện, khiến các ẩn sĩ không thể định tâm tu tập được, phải ra khỏi vườn Ngự uyển.

Vào lúc nửa đêm, vua Trời Đê thích hiện ra trong phòng ngủ của Hoàng hậu vua Brahmadata, nói với Hoàng hậu rằng:

-” Thừa Hoàng Hậu, nếu Hoàng hậu ăn được trái xoài Chính trung (abbhantara –amba), Hoàng hậu sẽ sinh được một vị Thái tử. Vị Thái tử ấy trở thành vị Đại đế cõi Diêmphù này”.

Nghe vua Trời Đế Thích nói thế, Hoàng hậu khao khát trái xoài Chính trung, nói thật với vua Brahmadata về nỗi khao khát của mình. Đức vua hứa:

- Được rồi, Ta sẽ cho mang đến nàng “trái xoài Chính trung”.

Đức vua Brahmadata cho hội các quan đến hỏi rằng:

- Nay các Đại thần, xoài Chính trung là gì? Ở đâu có?

Có người thưa rằng:

- Xoài Chính trung là cây xoài mọc giữa hai cây xoài khác. Hãy lấy trái xoài của cây xoài ấy dâng lên Hoàng Hậu.

Đức vua cho người vào vườn Thượng Uyển tìm trái xoài Chính trung, nhưng vua Trời Đế Thích làm cho tất cả trái xoài biến mất, các ẩn sĩ bị đổ cho “đã ăn hết xoài”, Đức vua cho dùng gậy đánh các ẩn sĩ và trục xuất các ẩn sĩ ra khỏi vườn Thượng Uyển. Nhưng vẫn không tìm được “trái xoài Chính trung”.

Đức vua cho vời các vị Bàlamôn đến hỏi, các vị Bàlamôn thưa rằng:

- Theo truyền thuyết “xoài Chính trung mọc ở trên Núi Vàng trong dãy Hymälapsơn, là vật sở hữu của Đại vương Vessavana (Đa Văn Thiên vương).

Một con Két quý trong cung nội được phái đi tìm “trái xoài Chính trung”, Két bay đến núi Tuyết hỏi thăm các kết bạn, tìm đến “Thất sơn”, nơi đây Két được các kết bạn cho biết “cây xoài ấy được các đạoa (yakkha) canh giữ.

Két bí mật bay đến đó vào lúc ban đêm, nhưng bị các đạoa canh gác bắt và định giết đi. Két nói rằng rất hoan hỷ được chết trong lúc thi hành nhiệm vụ, lời nói này tạo sự trân quý của các đạoa canh gác và Két được tha mạng.

Theo lời khuyên của các đạoa, Két tìm đến vị ẩn sĩ khổ hạnh Jotirasa đang sống trong chòi lá, cạnh núi Kañcana (kañcanapabbata) gìn giữ ngọn lửa thiêng, ngọn lửa thiêng này được gọi làKañcanapatti. Ẩn sĩ khổ hạnh này được Thiên vương Vessavana cúng dường mỗi ngày bốn trái xoài.

Ẩn sĩ Jotirasa cho Két hai trái xoài, một làm quà cho kết và một cho Hoàng hậu.

Nhân diện tiền thân.

Két nay là Đức Ānanda, ẩn sĩ Jotirasa nay là Đức Xá Lợi phất, Hoàng hậu nay là Rāhulamātā (mẹ Lahhula)⁽¹⁾.

Một lần khác, bà Thánh nữ Yasodhara (Yaduđala) bị bệnh đau dạ dày, khi Ngài Lahhula (Rāhula) đến thăm mẹ, thấy mẹ bị bệnh liền hỏi.

- Khi trước mẹ bệnh như thế này, dùng vật gì thì khỏi.

-Này con, mẹ dùng bơ tươi và cá hồng thì khỏi.

- Con sẽ tìm bơ tươi và cá hồng cho mẹ.

Sadi Lahhula đi đến thầy tế độ là Đức Xá Lợi phất với gương mặt sầu não, Đức Xá Lợi phất hỏi:

- Này Lahhula con, vì sao con sầu não như vậy?

Sadi Lahhula nói lên hoàn cảnh của bà Yasodharā (Daduđala).

Đức Xá Lợi phất đi vào Hoàng cung, vua Pasenadi cúng dường đến Ngài bơ tươi và cá hồng, Ngài mang về cho Sadi Lahhula.

Do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Supatta.

***Bốn sự Supatta** (Quạ chúa Supatta).

Thứ xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, Bồ tát là quạ chúa Supatta cai quản đàn quạ 84 ngàn con. Quạ chúa có hoàng hậu là Suphassā, quạ tướng quân là Sumukha.

Một hôm, quạ chúa Supatta và Suphassā đi kiếm ăn bay ngang qua bếp của vua thấy vị đầu bếp để thức ăn ngoài trời cho ngỗng, quạ Suphassā ngửi mùi thơm của các vật thực ấy, thèm khát món ăn ấy. Quạ Suphassā tỏ thật ý mình đến quạ chúa Supatta, quạ chúa Supatta đang suy nghĩ thì quạ tướng quân Sumukha đi đến, hỏi:

- Vì sao đại vương ưu tư vậy?

Quạ chúa Supatta nói lên ý thèm khát của quạ Suphassā, quạ Sumukha tình nguyện đi tìm vật thực ấy về cho quạ hoàng hậu Suphassā.

Nhân diện tiền thân.

Quạ Sumukha nay là Đức Xá Lợi phất, quạ Suphassā nay là bà Yasodharā, quạ chúa Supatta nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

(1)- JA. Chuyện số 281.

(2)- JA. Chuyện số 292.

***Hoan hỷ với thành tựu của người khác.**

Như tán thán Đức Mụckiềnliên đạt được thần thông,, tán thán Đức Anuruddha có các quyền trong sáng nhờ khéo an trú trên bốn Niệm xứ, tán thán Đức Mahā Koṭṭhita, tán thán Đức Ānanda

...
Khi Tôn giả Devadatta (Đềbàđạtđà) tu tập tốt đẹp, chúng đắc thiền định cùng thần thông phàm, Đức Xá lợi phất đã tán thán Tôn giả Devadatta trong thành Vương xá (Rājagaha) rằng: "*Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!*"⁽¹⁾.

b- Có tâm bi mẫn với các cư sĩ.

Như tế độ "người cày ruộng Punṇa", Dao phủ Nanh đồng (Tambadāṭhila), bà lão nghèo, hài tử Losaka, gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc), gia chủ Nakulapitu, gia chủ Citta, gia chủ Dhānañjāni ...

Tương truyền rằng: Cư dân thành Xá vệ thường tán dương "*Đức Xá lợi phất là bậc vô sân, có đức kham nhẫn. Cho dù bị lăm mng mạ hay bị đánh Ngài cũng không nóng giận*". Một Bà lamôn tà kiến nghe vậy hỏi:

- Không một ai có thể làm cho Ngài Xá lợi phất nổi giận được sao?
- Thật vậy, điều gì khiến Ngài Xá lợi phất nổi giận, điều ấy không hề có.
- Ta sẽ làm cho ông ấy nổi giận.
- Nếu làm được, ông hãy làm đi.

Khi Ngài Xá lợi phất đang ôm bát đi khất thực, gã Bà lamôn đi theo phía sau Ngài, đánh thật mạnh vào lưng Ngài, Ngài Xá lợi phất suy nghĩ: "Chuyện chi thế?", rồi Ngài vẫn tiếp tục đi, toàn thân gã Bà lamôn chột nóng ran, y hiểu rằng: "Ngài là bậc có ân đức cao trọng, ta đã mạo phạm đến Ngài rồi".

Gã Bà lamôn vội đến trước mặt Ngài Xá lợi phất, dảnh lễ Ngài Xá lợi phất, bạch rằng: "Xin Ngài hãy tha lỗi cho con".

- Đây gia chủ, chuyện gì thế?
- Con đã đánh Ngài để thử đức kham nhẫn của Ngài.
- Đây gia chủ, ta tha lỗi cho người đấy.
- Bạch Ngài, nếu Ngài tha lỗi cho con, con xin thỉnh Ngài đến nhà con, con xin được cúng dường vật thực đến Ngài.

Đức Xá lợi phất trao bát và đến nhà của Bà lamôn ấy để thọ thực. Việc Đức Xá lợi phất vô cớ bị ông Bà lamôn đánh lén lan nhanh trong kinh thành Xá vệ, các cư sĩ bất bình rằng: "Trưởng lão của chúng ta vô cớ bị gã Bà lamôn đánh, chúng ta sẽ trừng trị y mới được".

Những người này tay cầm gậy gộc đến trước cửa nhà của ông Bà lamôn, thưa với Đức xá lợi phất rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy nhận lại bát đi.
- Đây các gia chủ, chuyện gì thế?
- Gã Bà lamôn này vô cớ đánh Ngài, chúng con sẽ trừng trị hắn.
- Đây các gia chủ, các người bị đánh hay là ta bị đánh?
- Thưa, chính Ngài bị gã ấy đánh.

- Bà lamôn này đánh ta, đã xin ta tha lỗi và ta đã tha lỗi cho Bà lamôn ấy rồi, Vậy các người hãy về đi.

- Thế này là thế nào? Ngài Xá lợi phất vô cớ bị gã Bà lamôn đánh, Ngài lại nhận vật thực từ gã Bà lamôn này. Như vậy, kể từ nay các Tỳ khưu sẽ bị các Bà lamôn đánh nữa.

Vào buổi chiều, tại Giảng pháp đường nơi Đại tự Kỳ viên, các Tỳ khưu luận đàm về sự việc này, Đức Thế Tôn ngự Đến Giảng pháp đường, Ngài dạy rằng:

- Đây các Tỳ khưu, các Bà lamôn không hại Bà lamôn. Nhưng Bà lamôn tu sĩ sẽ bị hại bởi Bà lamôn cư sĩ.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

389- Na brāhmaṇassa pahareyya; nāssa muñcetha brāhmaṇo.

Dhi brāhmaṇassa hantāraṃ; tato dhī yassa muñcati.

"*Chớ có đập Phạm chí, Phạm chí chớ đập lại.*

Xấu thay đập phạm chí; đập trả lại xấu hơn".

390- Na brāhmaṇassetadakiñci seyyo; yadā nisedho manaso piyehi.

Yato yato hiṃsamano nivattati; tato tato sammattimeva dukkhaṃ.

"*Đối với Bà lamôn; đây không lợi ích nhỏ.*

Khi ý không ái luyến; tâm hại được chận đứng.

(1)- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm. Chương chia rẽ hội chúng, số 363.

Chỉ khi ấy khổ diệt”(HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

***Khiêm nhượng và nhu hòa.**

a-Khi Đức Mụckiềnliên cho biết “có con đạoxa đánh chùy vào đầu hiền giả”, Đức Xá lợiphất đã tán thán rằng “Tôn giả Mụckiềnliên là bậc đại thần lực, đại uy lực, thấy được đạoxa, trong khi một con ngựa quý tôi cũng không thấy”.

Thật ra, uy lực thần thông của Đức Xá lợiphất không thua kém Đức Mụckiềnliên (chỉ triển khai thần thông chậm hơn Đức Mụckiềnliên mà thôi. Ví như hai người chạy thi, người kia hơn người nọ nửa bước chân, người kia hạng nhất, người nọ hạng nhì. Cũng vậy, Đức Mụckiềnliên là đệ nhất thần thông, Đức Xá lợiphất là đệ nhị thần thông trong Tăng đoàn của Đức Phật).

b- Có lần do vô ý để vật y quét xuống đất, một vị Sadi nhắc nhở:

- Thừa Ngài Đại trưởng lão, y của Đức Thế Tôn ban cho, để quăn quanh mình, không nên để rơi xuống đất.

Đức Xá lợiphất hoan hỷ nhận lỗi, đắp lại chiếc y cho tề chỉnh, không khiếm trách vị Sadi “dám phạm thượng”.

c- Mỗi khi đi du hành xa, Đức Xá lợiphất thường chào hỏi các bậc đồng phạm hạnh, không phân biệt hạ lập cao thấp.

Có lần khi chuẩn bị đi du hành xa, Đức Xá lợiphất chào hỏi các vị Tỳkhuu rời lên đường, do vô ý Ngài không chào hỏi một vị Tỳkhuu trẻ đứng lẫn lộn trong Tăng chúng. Tưởng mình bị khinh thường, nhân chéo y của Đức Xá lợiphất quệt trúng, sau khi Đức Xá lợiphất cùng hội chúng lên đường đi du hành không bao lâu, vị Tỳkhuu trẻ suy nghĩ: “Giờ này có lẽ Ngài Xá lợiphất cùng hội chúng đã ra khỏi Đại tự Kỳ viên rồi”.

Vị Tỳkhuu trẻ đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Xá lợiphất nghĩ mình là “Thượng thủ Thịnh văn, nên đã đánh vào người con, không xin lỗi vẫn tiếp tục đi du hành”.

Đức Thế Tôn cho triệu tập Ngài Xá lợiphất đến để phân xử; ngay lúc ấy Đức Mụckiềnliên cùng Đức Ananda suy nghĩ: “Tôn giả Xá lợiphất không có đánh vị Tỳkhuu này, vị Tỳkhuu này đã vu khống cho Tôn giả Xá lợiphất. Hãy để Tôn giả Xá lợiphất rống lên tiếng rống con sư tử giữa hội chúng này”.

Hai vị trưởng lão đã mở hoát các cánh cửa đi vào Giảng pháp đường, kêu gọi Tăng chúng tề tựu đến Giảng pháp đường:

- Nay các hiền giả, hãy đến Giảng pháp đường đây đủ. Hôm nay, trước Đức Thế Tôn, Tướng quân Chánh pháp sẽ rống lên tiếng rống con sư tử.

Đức Xá lợiphất đi đến Giảng pháp đường, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Nay Xá lợiphất, Tỳkhuu này nói người đánh Tỳkhuu ấy, rồi bỏ đi du hành không có xin lỗi. Sự việc có thật như thế chăng?

Thay vì nói “con không có đánh vị Tỳkhuu này”, Ngài Xá lợiphất bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, với ai không tu tập “*thân hành niệm*” (kāyagatāsati), người ấy có thể xâm phạm bậc đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi du hành không xin lỗi.

Rồi Ngài Xá lợiphất tự xác nhận “có tu tập *thân hành niệm*”, tự ví “tâm mình” như 9 điều là: Đất, nước, lửa, gió, vải lau chùi, con của người nô lệ (caṇḍālaputta), bò đực bị gãy sừng, người mang xác chó hay rắn trên cổ, người mang cái bát thủng lỗ có đầy dầu. Làm sao Ngài có thể xâm phạm bậc đồng phạm hạnh, rồi bỏ đi du hành không xin lỗi.

Nghe được bài pháp vi diệu này, vị Tỳkhuu trẻ đắp lại thượng y chỉnh tề, quỳ trước Đức Thế Tôn xin sám hối tội “vu khống Tướng quân Chánh Pháp”.

Đức Thế Tôn dạy:

- Nay Xá lợiphất, hãy tha thứ cho kẻ ngu si này, nếu không đầu của nó sẽ bể làm 7 mảnh.

- Bạch Thế Tôn, con tha thứ cho Tôn giả ấy, nếu Tôn giả ấy nói với con “hãy tha thứ cho”, và cũng mong Tôn giả ấy tha thứ cho con⁽²⁾.

Các Tỳkhuu trong Giảng đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Nay các hiền giả, Tướng quân Chánh pháp có tâm độ lượng rộng lớn, không giận hờn kẻ vu khống mình, còn xin kẻ ấy tha thứ cho mình nữa.

Nghe các Tỳkhuu bàn luận như vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không thể nào làm cho hạng người như Xá lợiphất phát sinh tâm sân. Nay các Tỳkhuu, tâm của Xá lợiphất bình thản như mặt đất, vững chắc như trụ đá (indakhilā), trong sạch như nước trong hồ không bùn.

(1)- Dhp. Câu 389 – 390.

(2)- Xem A.iv, 373.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

95- Pathavisamo no virujjhati; indakhilupamo tādī subbato.

Rahadova apetakaddamo; saṃsārā na bhavanti tādino.

"*Như đất không hiểm hận; như cột trụ kiên trì.*

Như hồ không bùn nhơ; không luân hồi vị ấy" (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Tính nhu hòa của Đức Xá lợi phất còn được thấy qua hai sự kiện:

*** Một mình ở lại nơi nhà gia chủ.**

Một lần nọ có nhóm người hộ độ, tổ chức buổi cúng dường vật thực đến các Tỳkhuu, có Đức Xá lợi phất là vị Trưởng lão.

Các vị Tỳkhuu suy nghĩ: "*Đức Thế Tôn đã cho phép vị tỳkhuu trưởng lão tùy hỷ ở chỗ thọ thực*" nên để Đức Sāriputta ở lại một mình rồi ra đi.

Đức Xá lợi phất làm hoan hỷ hội chúng gia chủ bằng thời pháp thoại rồi ra đi một mình sau cùng.

Đức Thế Tôn nhìn thấy Ngài Xá lợi phất một mình từ xa đang đi lại, đã nói với Ngài Xá lợi phất rằng:

- Này Xá lợi phất, chắc hẳn bữa thọ thực được tốt đẹp?

- Bạch Thế Tôn, bữa thọ thực được tốt đẹp tuy nhiên các Tỳkhuu đã để con ở lại một mình và ra đi.

Nhân sự kiện ấy, sau khi thuyết giảng pháp thoại thích hợp, Đức Thế Tôn dạy:

- Này các Tỳkhuu, ta cho phép bốn hay năm vị Tỳkhuu trưởng lão hoặc các vị kế tiếp chờ đợi ở chỗ thọ thực⁽²⁾.

*** Tôn giả Devadatta gây chia rẽ Tăng đoàn.**

Vào lúc Đức Thế Tôn khoảng 71-72 tuổi thọ, bấy giờ Tôn giả Devadatta với tâm đã bị ám ảnh, bị chế ngự bởi lợi lộc, vinh hiển và danh vọng. Nên điều tham muốn như vậy đã khởi lên: "*Ta sẽ cai quản hội chúng Tỳkhuu.*"

Chính sự sinh khởi điều này trong tâm, Tôn giả Devadatta mất đi thần thông cùng thiền chứng của mình⁽³⁾.

Thế rồi, khi Đức Thế Tôn ngồi giữa hội chúng đông đảo, thuyết giảng giáo pháp đến hội chúng. Tôn giả Devadatta từ chỗ ngồi đứng dậy, đập thưng y một bên vai, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn, bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, gần cuối cuộc đời. Bạch Đức Thế Tôn, giờ đây xin Đức Thế Tôn hãy sống gần bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳkhuu hãy giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳkhuu.

- Này Devadatta, đủ rồi. Người chớ có mong được cai quản hội chúng Tỳkhuu.

Lần thứ nhì

Lần thứ ba, Tôn giả Devadatta đã bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, gần cuối cuộc đời. Bạch Đức Thế Tôn, giờ đây xin Đức Thế Tôn hãy sống gần bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳkhuu hãy giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳkhuu.

- Này Devadatta, ngay cả Sāriputta (Xá lợi phất) và Moggallāna (Mục Kiền Liên) ta còn không thể bàn giao hội chúng Tỳkhuu, làm sao (có thể bàn giao) cho kẻ tôi tệ đáng phỉ nhổ như người được?

Khi ấy, Devadatta (nghĩ rằng): "*Đức Thế Tôn đã bôi nhọ ta bằng cách gọi là kẻ đáng phỉ nhổ trước hội chúng có cả nhà vua và còn ca tụng Sāriputta và Moggallāna nữa*".

Tôn giả Devadatta trở nên tức tối, không hài lòng, đành lẻ Đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh và ra đi. Như thế, đây là mối ác cảm thứ nhất của Devadatta đối với Đức Thế Tôn (sđđ, số 361).

Sau đó, Đức Thế Tôn đã bảo các Tỳkhuu rằng:

- Này các Tỳkhuu, như vậy thì hội chúng hãy thực thi hành sự công bố (pakāsanīyakamma) về Devadatta trong thành Rājagaha (Vương xá) rằng: "*Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là (của) Đức Phật, Đức Pháp, hoặc Đức Tăng, mà nên xem điều ấy là (của) chính Devadatta.*"

Rồi Đức Thế Tôn bảo Đức Xá lợi phất công bố thông điệp này trong thành Vương xá. Đức Xá lợi phất thưa rằng:

(1)- DhpA. Câu số 95.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm II. Chương Phận sự, số 422.

(3)- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm (Culla vagga) II. Chương chia rẽ hội chúng, số 349.

- Bạch Thế Tôn, trước đây ở trong thành Rājagaha (Vương xá) con đã khen ngợi về Devadatta rằng: “*Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!*” Bạch Ngài, làm sao con công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha (Vương xá) được?

- Nay Xá lợi phất, khi người khen ngợi về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: “*Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng lực!*” phải chăng là đúng sự thật?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

- Nay Xá lợi phất, cũng tương tự như vậy, người hãy công bố đúng sự thật về Devadatta ở trong thành Rājagaha.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn (sđd, số 363).

H-Những người đối nghịch.

Tuy Đức Xá lợi phất là vị Thượng thủ tinh văn tay phải của Đức Thế Tôn, với đức hạnh và tính khiêm nhu như thế, nhưng không phải không có người ganh ghét, ngoài nhóm Tỳkhuu Assaji – Punabbasuka ra, gay gắt nhất là Tỳkhuu Kokālika.

***Tỳkhuu Kokālika** (còn gọi là Mahā Kokālika).

Để chia rẽ hội chúng Tăng, Tôn giả Devadatta tìm đến các Tỳkhuu Kokālika, Tỳkhuu Kaṭamorakattissaka, Tỳkhuu Khaṇḍadevīputta và Tỳkhuu Samuddadatto.

Tôn giả Devadatta đề nghị với bốn vị Tỳkhuu này “chúng ta sẽ chia rẽ hội chúng của Samôn Gotama (Cồ Đàm)”.

Ban đầu Tỳkhuu Kokālika còn e ngại:

- Nay Tôn giả Devadatta, Samôn Gotama thật sự có đại thần lực, có đại năng lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Samôn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được?

Khi nghe Tôn giả Devadatta đưa ra “năm thỉnh cầu” là:

- Vị Tỳkhuu phải sống ở rừng trọc đời.

- Vị Tỳkhuu phải sống ở cội cây trọc đời.

- Vị Tỳkhuu phải đi khất thực trọc đời.

- Vị Tỳkhuu phải mặc y cũ rách (paṃsukūla) trọc đời.

- Vị Tỳkhuu không được dùng thịt, cá trọc đời.

Tiếp theo Tôn giả Devadatta vạch ra phương án “chia rẽ Tăng”, Tỳkhuu Kokālika chấp thuận⁽¹⁾.

Khi các vị Tỳkhuu chỉ trích ác hạnh của Tôn giả Devadatta, Tỳkhuu Kokālika là người đứng ra biện hộ cho Tôn giả Devadatta⁽²⁾.

Khi Đức Xá lợi phất công bố thông điệp “*từ đây những việc làm của Tôn giả Devadatta là của chính Tôn giả Devadatta, không còn liên hệ đến Đức Phật, Đức pháp, Đức Tăng*”. Uy tín của Tôn giả Devadatta suy sụp, vua Axàthế nghe cư dân thành Vương xá phê phán “những việc làm” của Tôn giả Devadatta, vua Axàthế cũng e ngại, nên không còn cúng dường Tôn giả Devadatta như trước, đồng thời sự cúng dường của cư dân đến Tôn giả Devadatta không còn dồi dào sung mãn, Tỳkhuu Kokālika đi hết nhà này sang nhà khác, tán thán Tôn giả Devadatta rằng:

- Trưởng lão Devadatta là dòng dõi Sơ tổ Hoàng gia, thuộc hoàng tộc Okkāka. Trưởng lão Devadatta là bậc đa văn, đạt được thần thông, giọng nói du dương ngọt ngào, là một Luật sư thiện hảo. Hãy cúng dường đến Trưởng lão Devadatta, cúng dường đến Trưởng lão Devadatta là có nhiều phước báu, có quả báu lớn.

Đáp lại, Tôn giả Devadatta cũng ca ngợi Tỳkhuu Kokālika như sau:

- Trưởng lão Kokālika thuộc gia tộc **Bàlamôn phương Bắc**, là bậc tu hành tinh tấn, lâu thông kinh điển, là một Luật sư đại tài. Hãy cúng dường đến Trưởng lão Kokālika, cúng dường đến Trưởng lão Kokālika có nhiều phước báu, có quả báu lớn.

Hai Tôn giả này đi khắp thành Vương xá (Rājagaha) khen ngợi lẫn nhau như thế.

Nơi Giảng pháp đường trong “rừng Trúc”, các vị Tỳkhuu đàm luận với nhau về đề tài này.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, Ngài dạy rằng:

-Này các Tỳkhuu, đây không phải là lần đầu tiên các người ấy khen tặng lẫn nhau để có được vật thực. Trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Jambukhādaka.

***Bốn sự Jambukhādaka** (con quạ ăn trái trâm).

Thuở quá khứ khi vua Brahmadaṭṭa trị vì kinh thành Balanāi (Bārāṇasī); Bôtát là vị thần cây (rukkhadeva) trong khu rừng trâm (jambuvana).

(1)-ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm (Culla vagga) II. Chương. Chia rẽ hội chúng. Số 383.

(2)- Vin. iii, 174.

Một con quạ cái đang đậu trên nhánh cây trâm của Bôttát, ăn những quả trâm chín mọng, một con chó rừng chạy đến gốc cây trâm, nó đói bụng, nhìn lên cành cây trâm nơi quạ cái đứng. Chó rừng thèm ăn những trái trâm chín, chó rừng suy nghĩ: "Nếu ta nịnh con quạ này, có lẽ ta sẽ nhận được những trái chín mọng".

Chó rừng nói lời khen ngợi quạ cái rằng:

130- Koyam bindussaro vaggu; saravantānamuttamo.

Accuto jambusākhāya; moracchāpova kūjati'ti.

"Ai đó ngồi cây đào đỏ hồng.

Giọng ca thanh lịch rót vào lòng.

Dáng nàng uyển chuyển như công múa.

Và vẫn ngồi yên vẫn lặng không".

Quạ cái nghe chó rừng nịnh hót, lấy làm hãnh diện, trả lời rằng:

131- Kulaputtova jānāti; kulaputtam pasamsitum.

Byagghacchāpasarīvaṇṇa, bhuñja samma dadāmi te'ti.

"Kẻ nào gia thế cao sang.

Mới khen kẻ khác là hàng quý cao.

Chàng cùng mãnh hổ khác nào.

Đến đây ăn thứ tôi trao tặng chàng".

Nói xong, quạ cái nhún mạnh cành cây để làm rơi xuống đất vài trái trâm chín. Chứng kiến hai con vật nịnh hót ve vãn lẫn nhau, vị Thần cây nói lên kệ ngôn:

132- Cirassaṃ vata passāmi; musāvādī samāgate.

Vantādam kuṇapādañca; aññamaññam pasamsake'ti.

"Quân nói dối, ta đây rõ quá.

Tên quạ kia, tên chó rừng kia.

Chuyên ăn xác chết thối tha.

Nịnh nhau qua lại nghe ra om sòm". (B. Trần Phương Lan dịch).

Rồi vị Thần cây hóa rahình thù dữ tợn xua đuổi quạ cái và chó rừng đi nơi khác.

Nhận diện tiền thân.

Quạ cái nay là Tỳkhuư Kokālika, chó rừng nay là Tôn giả Devadatta, còn vị thần cây nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Nhờ Tỳkhuư Kokālika tích cực vận động cho Tôn giả Devadatta, nên Devadatta có 500 gia đình đệ tử sống trong một ngôi làng hộ độ cho Tôn giả Devadatta và trở thành 500 gia đình đệ tử của Tôn giả Devadatta.

Năm trăm gia đình này đã dèm pha, phỉ báng Đức Thế Tôn để ủng hộ thầy mình.

Khi Tôn giả Devadatta bị đất rút ở trước cổng Đại tự Kỳ viên, không lâu sau cả 500 gia đình này bị nước lũ dâng cao cuốn trôi sạch cả làng, tất cả đều mệnh chung tái sinh vào địa ngục Atỳ (Avīci niraya) như thầy của mình.

Các Tỳkhuư bàn luận với nhau về sự kiện "500 gia đình đệ tử của Tôn giả Devadatta đồng loạt bị tai hại".

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên Bản sự Samuddavāṇija .

***Bản sự Samuddavāṇija** (Thương nhân trên biển cả).

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai của xứ Kāsi.

Trong xứ ấy có một ngôi làng thợ mộc gồm 1.000 gia đình, nhóm thợ mộc này thường tự xưng là "thợ mộc thiện xảo", đóng những giường, ghế, nhà cửa ...

Nhưng họ là những người không có năng lực như lời "tự khen", khi có người thuê đóng những sản phẩm bằng gỗ, họ nhận tiền thù lao trước, nhưng rồi không thực hiện được theo yêu cầu của người thuê.

Mỗi khi tình cờ gặp họ, những người chủ thuê thường trách mắng, sỉ vả họ. Và họ không được ai thuê đóng bàn, ghế, giường ... dần dần họ lâm nợ, rồi bị chủ nợ gây phiền nhiễu, đến nỗi họ khó sống yên trong làng.

Nhóm thợ mộc bàn tính cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy bỏ làng, tìm nơi khác sinh sống.

Nhóm thợ mộc vào rừng đốn cây làm một con thuyền lớn, đẩy thuyền xuống sông đến một nơi cách xa làng. Rồi họ trở về làng, đến nửa đêm cùng nhau đưa gia đình đến chỗ con thuyền lớn, lên thuyền xuôi theo dòng nước ra biển.

(1)- JA. Chuyện số 294.

Con thuyền trôi giạt trên biển đi vào một đảo hoang. Trên đảo có nhiều loại cây lương thực như mía, chuối, xoài ...

Trên đảo có một người trước đây bị đắm thuyền, trôi vào hoang đảo này. Người ấy sống trên đảo ăn những cây lương thực, uống nước mía nên thân thể trở nên khỏe mạnh, cường tráng, nhưng không có y phục đồng thời râu tóc mọc dài ra.

Nhóm thợ mộc lạc vào hoang đảo, họ đi thám hiểm hoang đảo và gặp được người đắm tàu đến trước.

Khi biết hoang đảo này trù phú lương thực, một ngàn gia đình thợ mộc quyết định sống trên hoang đảo này, họ hỏi người đến trước rằng:

- Ở hang đảo này có gì tai hại chẳng?
- Nay các bạn, không có gì tai hại cả, ngoại trừ một điều.
- Điều gì?

- Đảo này có những vị thiên nhân bảo vệ, các thiên nhân sẽ nổi giận khi thấy và ngửi mùi hôi thối của phân. Do vậy, khi đại tiện các bạn phải đào hố, sau khi đại tiện xong thì lấp hố lại.

Một ngàn gia đình sống nơi đảo hoang nhiều năm, họ chia thành hai nhóm, mỗi nhóm có một trưởng nhóm.

Theo thời gian họ trở thành cường tráng và lực lưỡng, rồi một hôm nhóm thợ mộc bàn luận với nhau rằng:

- Đã lâu lắm rồi chúng ta không có dịp để vui chơi. Vậy chúng ta hãy tổ chức cuộc vui chơi đi. Chúng ta hãy làm rượu mạnh từ những trái cây rừng để cùng nhau vui chơi thỏa thích.

Họ đã làm ra chất rượu mạnh từ những cây mía, tổ chức tiệc vui, uống rượu, ca múa ... Do quá say họ quên mất điều cấm kỵ, nên đại tiện bừa bãi trên hoang đảo mà không chôn phân như trước, hoang đảo trở nên hôi thối.

Các thiên nhân trên đảo thấy phân, ngửi mùi thối của phân, trở nên tức giận. Bàn tính cùng nhau rằng:

- Chúng ta sẽ tạo ra những sóng lớn đánh ập vào đảo để rửa sạch đảo đồng thời trục xuất bọn người này ra khỏi đảo. Hôm nay tối trời, vào đêm trăng rằm chúng ta sẽ đưa sóng lớn vào đảo để "rửa sạch đảo".

Trong nhóm thiên nhân, có một thiên nhân ở phương Bắc đảo suy nghĩ: "Ta không đành lòng nhìn những người này bị tai hại. Vậy ta hãy thông báo cho họ, để họ ra khỏi đảo trước khi "sóng lớn" đánh vào đảo".

Thiên nhân phương Bắc hiện thân ở giữa không trung cho nhóm thợ mộc trông thấy, nói rằng:

- Nay các người, vì các người đã phóng uế trên đảo, các thần linh đang nổi giận, quyết định đưa sóng lớn từ biển vào để rửa sạch đảo, đồng thời cuốn các người ra biển. Vậy các người hãy ra khỏi đảo trước khi sóng lớn từ biển đánh ập vào đảo.

Rồi vị Thiên thần ấy trở về nơi ngụ của mình, bấy giờ một Ác thần ở phương Nam đảo suy nghĩ:

- Có lẽ nhóm này sẽ nghe theo lời vị thiên nhân kia, nhưng ta không cho bọn họ thoát thân, ta muốn tiêu diệt toàn bộ bọn người này".

Vị Ác thần phương Nam hiện ra giữa không trung, hỏi nhóm thợ mộc rằng:

- Có phải có vị Thần linh vừa xuất hiện phải không?
- Vâng, thưa Ngài.
- Vị ấy đã nói điều gì?

Nhóm thợ mộc tường thuật lại những lời của vị thần phương Bắc; vị thần phương Nam nói rằng:

- Ô! Trong cơn thịnh nộ, vị ấy không muốn các người sống ở đây nên đe dọa các người đấy. Các người cứ ở lại đây đi.

Rồi vị Ác thần biến mất, một người trưởng nhóm nói với nhóm của mình rằng:

- Vậy chúng ta hãy ở lại đây.

Người trưởng nhóm kia nói:

- Hai vị thần linh nói trái ngược nhau, hiện giờ chúng ta chưa thể tin ai nói lời chân thật. Vậy chúng ta hãy đóng chiếc thuyền lớn, nếu vị thần thứ nhất nói đúng chúng ta sẽ lên thuyền ra đi, nếu vị thần thứ hai nói đúng thì chúng ta sẽ cất thuyền.

Người trưởng nhóm kia chế giễu rằng:

- Anh cứ đi xem cá sấu nằm trong chén trà đi. Rồi khỏi đảo này chúng ta còn biết đi đâu nữa, anh cứ đi đóng thuyền cho nhóm anh, nhóm chúng tôi không đóng thuyền đâu.

Người trưởng nhóm khôn ngoan cùng nhóm mình đóng chiếc thuyền lớn, khi thấy những ngọn sóng từ biển kéo vào càng lúc càng lớn dần, người trưởng nhóm khôn ngoan cho kéo thuyền ra,

cùng nhau xuống thuyền. Nhóm kia bảo nhau rằng: “Sóng không thể nào lớn hơn được đâu” và họ vẫn ở lại đảo.

Sóng biển dâng cao dân phủ cả đảo cuốn hết 500 gia đình vào đại dương, nhóm của người trưởng nhóm khôn ngoan thoát khỏi tai hại ấy.

Nhận diện tiền thân.

Người trưởng nhóm ngu si nay là Tôn giả Devadatta, vị Ác thần nay là Tỳkhuu Kokālika, vị thiện thần nay là Đức Xá lợi phất. người trưởng nhóm khôn ngoan nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Khi Đức Thế Tôn trú tại Đại tự Kỳ viên, lúc bấy giờ tại cao nguyên Manosilā, nhiều Tỳkhuu trẻ học thuộc lòng rất nhiều bài kinh, đã tụng đọc các bài kinh ấy giữa Tăng chúng. Tỳkhuu Kokālika suy nghĩ rằng “các Tỳkhuu trẻ này được tán thán là bậc đa văn vì đọc tụng những đoạn kinh. Ta sẽ tụng đọc những đoạn kinh như thế, ta cũng sẽ được gọi là bậc Đa văn”.

Một hôm ở giữa Tăng chúng, Tỳkhuu Kokālika nói rằng:

- Vì các Tỳkhuu không yêu cầu ta đọc kinh, nếu được yêu cầu ta sẽ đọc kinh.

Các vị Trưởng lão biết rõ khả năng của Kokālika, suy nghĩ “chúng ta sẽ thử Kokālika”, nên nói rằng:

- Nay hiền giả Kokālika, vậy đêm nay hiền giả hãy đọc kinh.

- Lành thay, lành thay, hôm nay ta sẽ đọc kinh.

Tỳkhuu Kokālika uống nước cháo, dùng những loại vật thực hợp khẩu vị. Khi mặt trời lặn, đến thời tụng pháp, Kokālika đắp y phục chỉnh tề, đi đến Giảng pháp đường, đánh lễ các vị Trưởng lão rồi bước lên ngồi vào pháp tọa, cầm chiếc quạt ngủ sắc phe phẩy trên tay, nghĩ rằng: “Ta sẽ tụng pháp”.

Nhưng khi đọc được một câu kệ ngôn, vị ấy quên câu kế tiếp, mồ hôi rịn chảy trên mặt cùng châu thân, Kokālika run rẩy từ pháp tọa bước xuống, xấu hổ bước ra khỏi Giảng pháp đường trở về nơi liêu thất của mình.

Một vị Tỳkhuu trẻ bước lên Pháp tọa đọc những đoạn kinh kế tiếp, từ ấy trở đi các vị Tỳkhuu đều biết rõ sự trống rỗng của Tỳkhuu Kokālika.

Thế rồi, sự kiện “trống rỗng” của Tỳkhuu Kokālika được các vị Tỳkhuu bàn luận nơi Giảng Pháp đường trong Đại tự Kỳ viên.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không phải hôm nay Kokālika mới phơi bày sự “trống rỗng” của mình, trong quá khứ cũng từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Daddara.

***Bốn sự Daddara** (núi Daddara).

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai (Bārāṇasī), bấy giờ Bô tát sinh làm sư tử chúa trú ngụ trong hang Bạc (Rajataguhā) trong núi Daddara.

Một hôm, trời mưa lớn, các sư tử hội lại trước cửa hang, sư tử vương rống lên tiếng rống con sư tử, cùng các sư tử chơi đùa với trò chơi “tiếng rống sư tử”.

Cạnh hang Bạc có một hang khác, là nơi ở của con chó rừng, chó rừng nghe tiếng rống của các con sư tử, nó cũng bắt chước “rống lên”, nhưng là tiếng tru của loài chó rừng. Nghe tiếng tru của chó rừng, các con sư tử đều im lặng vì cảm thấy xấu hổ.

Một sư tử con, con của sư tử chúa hỏi cha:

- Thưa cha, tiếng tru ấy của con vật gì? Vì sao nghe tiếng tru ấy các sư tử đều im lặng?

- Nay con, đó là tiếng tru của con chó rừng, các sư tử im lặng vì cảm thấy xấu hổ khi nghe tiếng của con vật bần tiện nhất rong các loài thú.

Nhận diện tiền thân.

Con chó rừng nay là Tỳkhuu Kokālika, sư tử con nay là Ngài Rāhula (Lahāula), sư tử chúa nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

Một câu chuyện Bốn sự khác cũng tương tự như vậy, nhưng ở đây Tỳkhuu Kokālika muốn tự mình giảng pháp. Khi được thỉnh lên Pháp tọa, Kokālika không nói được câu pháp nào.

Và Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Sihakoṭṭhuka.

***Bốn sự Sihakoṭṭhuka** (Sư tử lai chó rừng).

Thời quá khứ, Bô tát là sư tử chúa, do cùng sống chung với chó cái rừng, sinh ra được con sư tử lai. Con sư tử lai này về hình dáng thì giống cha, nhưng tiếng hú thì giống mẹ.

Một hôm những con sư tử chơi trò “tiếng rống sư tử”, con sư tử lai cũng rống lên, nhưng lại là tiếng tru của loài chó rừng và các con sư tử đều im lặng.

(1)- JA. Chuyện số 466.

(2)- JA. Chuyện số 172.

Sư tử con của sư tử chúa hỏi cha:

- Thừa cha, con thú này về hình dáng giống như chúng con, nhưng tiếng hú của nó khác lạ. Nó là con thú gì vậy?

- Nay con, đó là con sư tử nhưng mẹ nó là con chó cái, giống cha về dung sắc nhưng giống mẹ về tiếng hú.

Rồi sư tử cha khuyên sư tử lai rằng:

-Này con, khi con sống ở đây, con chớ lên tiếng, chúng sẽ biết con là sư tử lai chó rừng.

Nhận diện tiền thân.

Sư tử lai nay là Tỳkhuư Kokālika, sư tử con nay là Ngài Lahāula, sư tử chúa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Một Bồn sự khác đề cập đến việc Tỳkhuư Kokālika muốn thuyết pháp, nhưng khi ngồi trên pháp tọa, ông không nhớ được gì, mồ hôi tuôn ra nhuế nhòa và ông bước xuống pháp tọa.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuật lại bồn sự Sīhacamma.

***Bồn sự Sīhacamma** (Tắm da sư tử).

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai (Bārāṇasī), Bô tát sinh ra trong một gia đình nông dân, sinh sống bằng nghề nông.

Có một người bán hàng rong đặt hàng hóa trên lưng con lừa để đem đến các vùng quê bán. Khi đến nơi bán hàng, người bán hàng rong trèo lên lưng lừa tắm da sư tử rồi thả lừa đi vào ruộng lúa của các nông dân ăn lúa gạo hay lúa mì.

Các nông dân nhìn thấy con lừa, tưởng là sư tử xuất hiện nên không dám đến gần.

Có lần, người bán hàng rong mang hàng đến làng của Bô tát để bán, ông khoác lên thân mình con lừa tắm da sư tử, rồi thả lừa đi vào ruộng lúa. Các nông dân ngỡ là sư tử nên không dám đến gần, thông báo cho dân làng biết "sư tử xuất hiện". E ngại sư tử làm hại gia súc trong làng, Bô tát tập trung những nông dân, cầm các loại vũ khí, thổi tù và, đánh trống chiêng inh ỏi để xua đuổi "sư tử" ra khỏi làng.

Con lừa kinh hoàng, sợ chết nên hí vang lên, nghe tiếng hí của lừa, Bô tát nói rằng: "Đây là tiếng hí của con lừa, không phải là tiếng gầm sư tử. Chắc chắn đây là con lừa đã đội lột sư tử".

Các nông dân đã đánh chết con lừa giả dạng sư tử.

Nhận diện tiền thân.

Con lừa ấy là tiền thân của Tỳkhuư Kokālika⁽²⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: "Kokālika này là một Bàlamôn ở Phương Bắc, là đệ tử của Tôn giả Devadatta, được gọi là Mahā Kokālika để phân biệt với Cūḷa Kokālika là con của một trưởng giả ở thị trấn Kokāli"⁽³⁾.

Nếu thật sự có hai "Kokālika" thì hình như có sự nhầm lẫn lớn giữa hai vị này, một Kokālika ủng hộ Devadatta và một Kokālika "thù hận" hai vị Thượng thủ tinh văn, vì trong câu chuyện dẫn nhập Bồn sự Takkāriyajātaka liên quan đến Cūḷa Kokālika trong các kinh khác.

Hai Bồn sự: *Sīhakoṭṭhuka* (Sư tử lai chó rừng) và *Sīhacamma* (Tắm da sư tử) có thể chỉ cho hai Kokālika.

Mặc khác, khi Tôn giả Devadatta chia rẽ hội chúng Tăng, dẫn 500 tân Tỳkhuư Vajji đến đỉnh đồi Gayāsisa. Theo lời dạy của Đức Thế Tôn, hai vị Thượng thủ tinh văn đến Gayāsisa để mang 500 tân Tỳkhuư Vajji về.

Khi hai vị Thượng thủ đi đến đỉnh đồi Gayāsisa, Tôn giả Devadatta hân hoan nói với các Tỳkhuư rằng:

- Nay các Tỳkhuư, hãy nhìn xem Giáo thuyết của ta khéo thuyết như thế nào, ngay cả các Thượng thủ tinh văn của Samôn Gotama là Xá lợi phất và Muckienniên cũng hoan hỷ với giáo thuyết của ta và đến với ta.

Tỳkhuư Kokālika đã nói với Tôn giả Devadatta rằng:

- Nay hiền giả Devadatta, chớ có tin tưởng Xá lợi phất và Muckienniên. Xá lợi phất và Muckienniên có ước muốn xấu xa và bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa⁽⁴⁾.

Có khả năng, Tỳkhuư Kokālika này khác với Tỳkhuư Kokālika "phỉ báng Đức Xá lợi phất bị rơi vào địa ngục Sen hồng (Paduma niraya)".

Vì nguyên nhân "thù hận Đức Xá lợi phất và Đức Muckienniên không phải là nguyên nhân này, đồng thời Tỳkhuư Kokālika này đã theo Tôn giả Devadatta tách ly khỏi giáo đoàn rồi, nên không thể

(1)- JA. Chuyện số 188.

(2)- JA. Chuyện số 189.

(3)- SnA.ii, 473; AA.ii, 850; SA.i, 167.

(4)- ĐĐ Indacando(d). Luật Tiểuphẩm (Cullavagga) II. Chương: Chia rẽ hội chúng, số 393.

đến diện kiến Đức Thế Tôn để “phỉ báng Đức Xá lợi phất”. Tỳkhuu Kokālika phỉ báng “hai vị thượng thủ”, đã mệnh chung trước đó ở trước cổng Đại tự Kỳ viên rồi (xem Cūḷa Kokālika).

Hỏi. Vậy tại sao Tỳkhuu Kokālika đã nói với Tôn giả Devadatta “Xá lợi phất và Mụckiền liên có ước muốn xấu xa và bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa”?

Đáp. Có khả năng Tỳkhuu Kokālika e ngại hai vị Thượng thủ thịnh văn nên cảnh báo cho Tôn giả Devadatta như thế. Hoặc nghe lời đồn “sai sự thật” về hai vị Thượng thủ qua câu chuyện của nhóm Tỳkhuu Assaji Punabbasuka hay của chính Cūḷa Kokālika.

*** Cao nguyên Manosilā.**

Cao nguyên này nằm trên dãy Hymālapson (Himalaya), khi đạoxa Ālavaka đọa Đức Phật, chân trái đứng trên cao nguyên Manosilātala, chân phải đứng trên đỉnh núi Kelāsa, dậm mạnh chân phải, hét lên như sấm nổ vang rền “ta là đạoxa Ālavaka”⁽¹⁾.

Cao nguyên Manosilā rộng 60 dotuần và có nhiều sư tử⁽²⁾, ở gần hồ Anotatta (hồ Lạnh) nên được người tắm hồ dùng làm nơi phơi khô thân mình cùng y phục⁽³⁾. Trên cao nguyên có động Kañcana (động Vàng) và ngọn Kālapabbata (núi Đen)⁽⁴⁾.

***Núi Daddara.**

Là một ngọn núi trong dãy Hymālapson⁽⁵⁾ như núi Bạc (Rajatapabbata), núi mang tên là Daddara vì có nhiều sấm sét.

***Động Vàng (Kañcanaguhā).**

Một hang động trên Hymālapson nằm đối diện với núi Cittakūṭa, động Kañcana nằm gần núi Bạc (Rajatapabbata).

Động Kañcana là nơi trú của Bôtát khi Ngài sinh làm sư tử chúa như được nói đến trong Bốn sự Virocanajātaka⁽⁶⁾ và Sigāljātaka⁽⁷⁾.

Động cũng là nơi cư trú của ngỗng trời nói trong Kacchapa Jātaka⁽⁸⁾, trong động có cây Xoài chính trung (Abbhataramba)⁽⁹⁾ sở hữu của Thiên vương Vessavana.

Gần động Vàng (Kañcana) có hồ Chaddanta nên Bôtát lúc tái sinh làm voi Chaddanta dùng động này làm cư trú⁽¹⁰⁾, trong Bốn sự này động Kañcana được gọi là Suvanṇaguhā (động Vàng) (có thể là một tên khác của Kañcanaguhā) nằm về phía Tây của hồ Chaddanta và được nói là rộng tới 12 dotuần. Tại đây voi chúa Chaddanta sống với đàn voi tám ngàn con.

Ấn sĩ khổ hạnh Nanda (Nandatāpasa) có lần trú tại động này bây ngày rồi đi đến Bắcculur châu (Uttarakurudīpa) khát thực⁽¹¹⁾.

Trong Sudhābhojana Jātaka⁽¹²⁾ động được nói là ở trên đỉnh núi Manosilātala.

Động Kañcanaguhā được kể là nơi sanh sống của sư tử bờm (*kersarasīhā*)⁽¹³⁾.

***Núi Đen (Kālapabbata).**

Dãy núi trên Hy Mã Lạp Sơn cao 6.000 m, tại đây Long nữ Irandatī hát lên bài hát chiêu phu “nếu ai có thể đem trái tim của Đại thần Vidhura của Vua Dhanañjaya Korabba về để chữa bệnh cho cho Long hậu Vimalā, ta nhận người ấy làm chồng”.

Vimalā là Hoàng hậu của Long vương Varuna, nghe Long vương Varuna tán thán pháp thoại của hiền trí Vidhura, Long hậu Vimalā muốn nghe pháp, nhưng rất khó thỉnh được hiền trí Vidhura xuống xứ rồng.

Bà già vờ bệnh cần phải có “trái tim” của hiền trí Vidhura để trị bệnh, Long nữ Irandatī trang điểm xinh đẹp, lên đỉnh núi Kāḷa hát lên bài hát chiêu phu.

Trên đường đi dự đại hội đạoxa, Đại tướng đạoxa Puṇṇaka nghe bài hát của Irandatī liền hứa sẽ đem trái tim của Đại thần Vidhura về hầu cầu hôn với Irandatī.

Sau khi bắt được hiền trí Vidhura, Puṇṇaka đem đến đỉnh núi Đen (Kālapabbata), tìm cách giết hiền trí Vidhura để lấy quả tim đem về xứ rồng làm sính lễ cưới Long nữ Irandatī.

(1)- SnA. i, 223.

(2)- JA. ii, 92, 219.

(3)- JA.i, 232; JA.iii, 379.

(4)- JA.vi, 265.

(5)- JA. ii. 8, 67; JA. iii. 16; Ap. ii. 536.

(6)- JA. Chuyện số 143.

(7)- JA. Chuyện số 113.

(8)- JA. Chuyện số 215.

(9)- JA. Chuyện số 281.

(10)- JA. Chuyện số 514.

(11)- JA.v, 316. 392.

(12)- JA. Chuyện số 535.

(13)- UdA. 71, 105.

Biết được thâm ý của đạoxa Puṇṇaka, hiền trí Vidhura nói rằng ông biết Chánh pháp mà thiện nhơn phải tuân theo, vậy trước khi chết, hãy đặt ông lên đỉnh núi và nghe ông nói Pháp lành của thiện nhơn.

Đạoxa Puṇṇaka làm theo lời Vidhura, hiền trí Vidhura ngồi lên pháp tòa trên chót núi thuyết pháp và chuyển hoá được đạoxa Puṇṇaka.

Rồi đạoxa Puṇṇaka đưa hiền trí Vidhura xuống xứ rông, nơi đây hiền trí Vidhura thuyết pháp đến Long hậu Vimalā, nghe xong thời pháp thoại của hiền trí Vidhura, tâm Long hậu Vimalā hân hoan dứt bệnh. Đạoxa Puṇṇaka đưa hiền trí Vidhura trở về kinh thành và cưới được nàng Long nữ Irandatī.

Kāḷapabbata còn có tên gọi là Kāḷagiri⁽¹⁾.

***Tỳkhuu Cūḷa Kokālika.**

Vị này là con của trưởng giả Kokāli ở thị trấn Kokāli, cách thành Xávệ (Sāvatthi) không xa lắm. Sau khi xuất gia, Tỳkhuu Kokālika sống trong một tự viện do cha ông xây dựng tại Kokāli.

Trong một lần an cư mùa mưa, hai vị Thượng thủ muốn tịnh cư. Hai vị Thượng thủ đến Tự viện của Tỳkhuu Kokālika, nói với Tỳkhuu Kokālika rằng:

- Nay hiền giả Kokālika, vì chúng ta muốn trú ngụ nơi Tự viện của hiền giả ba tháng mùa mưa, chúng ta muốn sống tịnh cư. Nếu được, hiền giả đừng thông báo cho cư dân nơi đây biết "có chúng ta đang an cư mùa mưa nơi tự viện này."

- Vâng, thưa các Tôn giả.

Khi mãn mùa an cư, hai vị Trưởng lão từ giả Tỳkhuu Kokālika để trở về Đại tự Kỳviên yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi từ giả Tỳkhuu Kokālika, hai Ngài ra khỏi thị trấn Kokāli, đi khất thực ở làng bên, Tỳkhuu Kokālika cũng đi khất thực chung với hai vị Thượng thủ, rồi trở về thị trấn Kokāli thông báo cho cư dân "hai vị Thượng thủ thỉnh văn an cư mùa mưa nơi tự viện này trọn ba tháng, đã trở về Đại tự Kỳviên".

Tỳkhuu Kokālika trách cư dân trong thị trấn Kokāli không tiếp đãi trọng hậu hai vị Trưởng lão, phỉ báng họ "như những con thú hoang".

Cư dân thị trấn Kokāli bất mãn Tỳkhuu Kokālika, đã nói rằng:

- Thưa Tôn giả Kokālika, chúng con không biết hai vị Thượng thủ an cư mùa mưa tại thị trấn này. Nay Tôn giả Kokālika nói ra chúng con mới biết.

Các thị dân Kokāli mang các lễ phẩm tứ vật dụng sung mãn như bơ, sữa ... theo Tỳkhuu Kokālika đến cúng dường hai vị Trưởng lão.

Tỳkhuu Kokālika suy nghĩ: "Hai Tôn giả này sống rất đạm bạc, không có tâm ham muốn đồng thời "biết đủ", khi nhận các lễ vật này các vị không mang theo hết, chỉ mang một phần nào vừa phải, phần còn lại sẽ cho đến ta".

Cư dân thị trấn Kokāli gặp được hai vị Thượng thủ trên đường trở về Đại tự Kỳviên, đến đánh lễ hai Ngài rồi bạch rằng:

- Kính bạch các Tôn giả, xin các Ngài tha thứ cho chúng con; chúng con không biết hai Ngài an cư mùa mưa nơi thị trấn Kokāli, chúng con vừa biết được từ Tôn giả Kokālika. Xin các Ngài vì lòng bi mẫn nhận lễ phẩm cúng dường của chúng con.

Nhưng hai Tôn giả không nhận lễ phẩm, vì vật cúng dường này do sự kêu gọi "không đúng Luật"⁽²⁾ của vị Tỳkhuu khác đến cho vị Tỳkhuu khác.

Cư dân thị trấn Kokāli thỉnh cầu rằng:

"Kính bạch hai Tôn giả, hôm nay các Ngài không nhận những lễ phẩm này. Xin các Ngài hãy đến nơi này lần nữa để chúng con có dịp tạo phước lành cho chính chúng con.

- Lành thay, lành thay, này các gia chủ.

Rồi hai vị Thượng thủ trở về Đại tự Kỳviên, đánh lễ Đức Thế Tôn. Tỳkhuu Kokālika rất tức giận vì hai vị Thượng thủ không nhận lễ phẩm cho mình, cũng không cho lễ phẩm đến Tỳkhuu Kokālika.

Sau một thời gian ngắn ở Đại tự Kỳviên, hai vị Thượng thủ cùng 1.000 Tỳkhuu tùy tùng (mỗi vị có 500 Tỳkhuu tùy tùng) đi đến thị trấn Kokāli.

Cư dân thị trấn Kokāli thỉnh các vị Tỳkhuu có hai Ngài Xá lợi phất và Mụckiềnliên dẫn đầu, đến tự viện mà hai Ngài đã an cư mùa mưa trước đây.

Rồi các cư sĩ mang y cùng với thuốc trị bệnh đến cúng dường chư Tăng, nhưng họ không cúng dường đến Tỳkhuu Kokālika (vì bất mãn trước đây).

(1)- JA.vi, 302, 304, 309, 326; xem thêm Mtu. ii. 300.

(2)- Gọi là "không đúng Luật" vì đó không phải là nhu cầu cần thiết phải có cho vị Tỳkhuu ấy. Giả như có vị Tỳkhuu bị bệnh, cần thuốc để trị, kêu gọi các cư sĩ cúng dường thuốc thuộc trị bệnh đến vị Tỳkhuu đang bị bệnh, gọi là "đúng Luật".

Phần nộ trước việc này, Tỳkhuu Kokālika đã thóa mạ Đức Xá lợi phất và Đức Mụckiềnliên:

- Xá lợi phất và Mụckiềnliên tràn đầy ác dục, trước kia không nhận lễ phẩm, nhưng nay nhận hết tất cả. Chẳng có gì có thể làm thỏa mãn cho hai người này, hai người này chẳng biết thương tưởng đến người khác.

Nghe vậy, hai vị Trưởng lão suy nghĩ: "Nếu chúng ta trú ngụ nơi này lâu dài, vị Tỳkhuu này sẽ tức tối vỡ tim mà mệnh chung".

Hôm sau hai Ngài cùng 1.000 Tỳkhuu tùy tùng lên đường. đồng thời quyết định sẽ không trở lại nơi này nữa.

Nghe tin hai Trưởng lão cùng các vị Tỳkhuu lên đường, cư dân thỉnh cầu hai Ngài ở lại, nhưng hai Ngài từ khước. Một vị Tỳkhuu trẻ trong đoàn nói rằng:

- Nay các gia chủ, hai Ngài không trở lại đây đâu; vị Tỳkhuu khó tính của các vị không muốn hai Ngài ở tại nơi này.

Cư dân thị trấn Kokāli nghe vậy, đi đến Tỳkhuu Kokālika nói rằng:

- Thưa Tôn giả, chúng con nghe nói "Tôn giả không muốn hai vị Trưởng lão Xá lợi phất và Mụckiềnliên ở trong trú xứ này". Hiện giờ hai vị Trưởng lão cùng các vị Tỳkhuu đã ra đi, Tôn giả hãy thỉnh các vị ấy trở lại hoặc là Tôn giả cũng phải rời khỏi thị trấn này".

Bị áp lực của cư dân thị trấn Kokāli, Tỳkhuu Kokālika tìm đến hai vị Thượng thủ, thỉnh cầu hai Ngài quay trở về Tự viện. Đức Xá lợi phất nói rằng:

- Nay hiền giả Kokālika, hiền giả hãy trở về tự viện của mình đi. Chúng tôi không trở lại tự viện ấy nữa đâu.

Không thể thuyết phục hai vị Thượng thủ thỉnh văn quay trở về tự viện, Tỳkhuu Kokālika bị cư dân trong thị trấn Kokāli tấn xuất ra khỏi thị trấn.

Tức tối, Tỳkhuu Kokālika cầm lấy y bát đi đến Đại tự Kỳ viên, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi hợp lễ rồi bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Xá lợi phất và Mụckiềnliên là hạng ác dục, bị ác dục chi phối.

- Nay Kokālika chớ có nói như vậy, nay Kokālika chớ có nói như vậy. Nay Kokālika hãy đặt niềm tin vào Xá lợi phất và Mụckiềnliên. Hiền thiện (pesalā) là Xá lợi phất và Mụckiềnliên.

Lần thứ hai, Tỳkhuu Kokālika bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, đầu Đức Thế Tôn có niềm tin và tin tưởng (paccayiko), đối với con, Xá lợi phất và Mụckiềnliên là ác dục, bị ác dục chinh phục. Chính mắt con đã thấy như thế.

- Nay Kokālika chớ có nói như vậy, nay Kokālika chớ có nói như vậy. Nay Kokālika hãy đặt niềm tin vào Xá lợi phất và Mụckiềnliên. Hiền thiện (pesalā) là Xá lợi phất và Mụckiềnliên.

Lần thứ ba ...

Rồi Tỳkhuu Kokālika từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Đức Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Trên đường ra cổng Đại tự Kỳ viên, toàn thân của Kokālika nổi lên những mục nhỏ như hạt cải rồi lớn dần lên bằng trái dưa, rồi bằng trái billi.

Những mục ấy vỡ ra mù và máu tuôn chảy⁽¹⁾, Kokālika ngã quỵ trước cổng Kỳ viên.

Sau khi Tỳkhuu Kokālika ra đi, vào buổi trưa Đức Thế Tôn thiền tịnh nơi Hương thất của Ngài, rồi hai vị Bíchchi Phạm thiên (Pacceka brahmā) là Subrahma và Suddhavāsa đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, mỗi vị đứng tựa vào một trụ cửa, nói lên kệ ngôn về Tỳkhuu Kokālika rằng:

Appameyyaṃ paminanto; kodha vidvā vikappaye.

Appameyyaṃ pamāyinaṃ; nivutaṃ taṃ maññe puthujjana'nti.

"Ai là người có trí; biết nhận xét phân tích.

Lại muốn đem ước lượng; bậc siêu vượt ước lượng.

Ta nghĩ kẻ phạm phu, bị hạn chế, bao vây.

Làm sao ước lượng được; bậc siêu vượt ước lượng" (HT.TMC d)⁽²⁾.

Trong đêm ấy, khi Tỳkhuu Kokālika lâm trọng bệnh nằm nơi cổng Đại tự Kỳ viên, vị Tế độ sư của Tỳkhuu Kokālika là bậc Thánh Anaham Bíchchi Phạm thiên Tudu (Pacceka Brahmā Tud)⁽³⁾ nghe tiếng than khóc của Kokālika, Bíchchi Phạm thiên Tudu hiện ra giữa hư không ở Đại tự Kỳ viên bảo Kokālika hãy đặt niềm tin vào hai Tôn giả Xá lợi phất và Mụckiềnliên.

Tỳkhuu Kokālika hỏi:

(1)- HT. TMC (d). Sn, 123. Kinh Kokālika (Kokālikasuttaṃ). Xem thêm S.i, 149.

(2)- S.i, 148.

(3)- Kinh điển có đề cập đến các Pacceka Brahmā (Bíchchi Phạm thiên), như Bích chi Phạm thiên Suddhavāsā, Bích chi Phạm thiên Subrahmā, Bíchchi Phạm thiên Tudu. Nhưng Sở giải không có giải thích về những vị Phạm thiên này, có thể đó là những vị Phạm thiên không trú trong Phạm thiên giới, mà sống biệt lập trong cõi riêng của mình.

- Này hiền giả, người là ai?
- Ta là Bíchchi Phạm thiên Tudu.
- Này hiền giả, phải chăng người được Đức Thế Tôn nói là “chúng quả Bất Lai”. Vậy người đến đời này làm gì? Người có thấy lỗi lầm của người chăng? (passa yāva te idaṃ aparaddhaṃ: Người không thể là bậc Nhất lai được. Đây là sự nhầm lẫn).

Bíchchi Phạm thiên Tudu nói lên kệ ngôn rằng:

Purisassa hi jātassa; kuṭhārī jāyate mukhe.

Yāya chindati attānaṃ, bālo dubbhāsitaṃ bhaṇaṃ.

"Phàm con người đã sinh; sinh với búa trong miệng.

Kẻ ngu khi nói bậy; tự chặt đứt lấy thân".

Yo nindiyaṃ paṣaṃsati; taṃ vā nindati yo paṣaṃsiyo.

Vicināti mukhena so kalim; kalinā tena sukhaṃ na vindati.

"Ai khen kẻ làm bậy; ai chê người làm hay.

Tự nhen nhúm bất hạnh; do lỗi miệng của mình.

Chính do bất hạnh ấy, nên không được an lạc".

Appamattako ayamā kali; yo akkhesu dhanaparājayo.

Sabbassāpi sahāpi attanā; ayameva mahantataro kali.

Yo sugatesu manamā padosaye.

"Nhỏ thay bất hạnh⁽¹⁾ này; trong canh bạc (rủi may).

Bị tan hoang tài sản; trong giờ phút đỏ đen.

Lớn hơn, sự bất hạnh; hơn mọi bất hạnh khác.

Do tự mình gây nên; cho tự ngã của mình.

Ai đối xử ác ý; với chư Phật Thiện Thế".

Sataṃ sahaṣṣānaṃ nirabbudānaṃ; chattiṃsati pañca ca abbudāni.

Yamariyagaraḥī nirayaṃ upeti; vācaṃ manañca pañidhāya pāpaka'nti.

"Phải trải qua thời gian; trăm ngàn, nhiều hơn nữa.

Ba mươi sáu và năm; trải thời gian thật dài.

Ai với lời và ý; phỉ báng bậc hiền thánh.

Dùng ác tâm chống đối; sẽ sa đọa địa ngục"(HT. TMC dịch)⁽²⁾.

Rồi Tỳkhuư Kokālika mệnh chung, tái sinh vào địa ngục Sen hồng (paduma niraya). Đại Phạm thiên Sahampati đến Đại tự Kỳ viên, đánh lễ Đức Thế Tôn, đứng vào một bên bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, Tỳkhuư Kokālika đã mệnh chung, tái sinh vào địa ngục Sen hồng, do có tâm hận thù với hai Tôn giả Xá lợi phất và Mục kiền liên.

Nói xong, Đại phạm thiên Sahampati đánh lễ Đức Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài rồi biến mất.

Hôm sau, nơi Giảng pháp đường trong Đại tự Kỳ viên, Đức Thế Tôn cho các vị Tỳkhuư biết lời của Đại phạm thiên Sahampati.

Một vị Tỳkhuư bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, tuổi thọ trong địa ngục Sen hồng là bao lâu?

- Này Tỳkhuư, thật là lâu, không thể ước lượng được bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm.

- Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng ví dụ?

- Này Tỳkhuư, có thể được. Này Tỳkhuư, ví như có một bao hạt mè nặng 20 Khārika⁽³⁾ theo đo lường ở xứ Kosala. Một trăm năm lấy đi một hạt mè, bao hạt mè ấy hết là tuổi thọ ở địa ngục *Abbuda*, 20 lần tuổi thọ địa ngục *Abbuda* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Nirabbuda*, 20 lần tuổi thọ địa ngục *Nirabbuda* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Ababa*⁽⁴⁾; 20 lần tuổi thọ địa ngục *Ababa* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Ahaha*; 20 lần tuổi thọ địa ngục *Ahaha* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Atata*; 20 lần tuổi thọ địa ngục *Atata* bằng 1 tuổi thọ địa ngục *Kumuda*; 20 lần tuổi thọ địa ngục *Kumuda* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Sogandhika*; 20 lần tuổi thọ địa ngục *Sogandhika* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Uppala* (Sen xanh); 20 lần tuổi thọ địa ngục *Uppala* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Pundarika* (Sen trắng); 20 tuổi thọ địa ngục *Pundarika* bằng 1 tuổi thọ ở địa ngục *Paduma* (Sen hồng)⁽⁵⁾.

(1)- Kali ở đây có nghĩa là "bất hạnh".

(2)- S.i, 149. Kinh Tudu Brahmā.

(3)- Là đơn vị đo lường của xứ Kosala, 20 khārika là sức nặng tương đương sức tải của một cỗ xe bò

(4)- *Ababa* là 10⁷⁶ (một con số 1 theo sau là 76 con số không, tùy theo đơn vị tính như: Năm, trăm năm...)

(5)- Những tên như: *Abbuda*, *Nirabbuda*, *Ababa*, *Ahaha*, *Atata*, *Kumuda*, *Sogandhika*, *Uppala*, *Pundarika*, *Paduma* không phải là tên của từng địa ngục, mà chỉ cho thời gian ở địa ngục Atỳ (Avīci).

Này các Tỳkhuu, Tỳkhuu Kokālika mệnh chung, tái sinh vào địa ngục Sen hồng, do có tâm “thù hận với Xá lợi phất và Mục kiền liên”⁽¹⁾.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên 22 kệ ngôn (sđd) về ác hạnh của kẻ nói vu khống bậc có Giới đức và những đau khổ của những ai vụng nói.

Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm)⁽²⁾, những kệ ngôn trên đề cập đến Cūḷa Kokālika. Theo Số giải kinh Tập (Sutta Nipāta – Atthakathā)⁽³⁾, hai kệ ngôn sau cùng không được *Mahā Atthakathā* (Đại Số giải) dẫn giải nên không thuộc kệ gốc Trong số 20 kệ ngôn còn lại, 14 kệ ngôn chót được Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) gọi là Turitavattugāthā và được Ngài Moggallāna đọc để giáo hoá trong lúc Kokālika nằm chờ chết. Nhưng theo một số kinh sách khác, 14 kệ này được nói là do Đại phạm thiên Sahampati nói lên.

Ba kệ ngôn đầu theo Saṃyutta nikāya là do Bíchchi Phạm thiên Tudu nói lên. Trong Tăng chi kinh (Aṅguttara nikāya) cũng ghi nhận như thế⁽⁴⁾, và Đức Thế Tôn lập lại lời vị Phạm thiên ấy.

Nơi Giảng pháp đường, các vị Tỳkhuu bàn luận với nhau rằng:

- Này các hiền giả, Kokālika đã phỉ báng hai Tôn giả Xá lợi phất và Mục kiền liên. Lời ác xuất phát từ miệng đã mang đến tai hại là rơi vào địa ngục Sen hồng.

Đức Thế Tôn nhân đó đã thuyết lên Bốn sự Takkāriya.

***Bốn sự Takkāriya.**

Bốn sự này còn được gọi là Mahātakkāri jātaka⁽⁵⁾.

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanai, Đức vua có vị đại thần tế lễ là một Balamôn có da ngăm đen và bị rụng hết răng. Ông có bà vợ thông dâm với một người giống ông, ông khuyên lơn nhưng không được, nên lập kế giết tình địch.

Vị Tế sư trình lên Đức vua, cho xây một cổng thành Nam, với lễ nghi do tế sư đặt ra là sẽ tế thần giữ cổng một Balamôn có da ngăm đen vào ngày lễ khánh thành.

Được Đức vua đồng ý, vị Tế sư đặc ý về nói với vợ rằng: “Mai này ta sẽ giết được gã Balamôn tình nhân của ngươi”.

- Làm sao ông làm được việc ấy?

- Mai này ta sẽ đem một Balamôn có da ngăm đen ra tế lễ cổng thành.

Bà vợ Tế sư thông tin cho tình nhân rằng: “Vào ngày mai, ông Tế sư sẽ tìm một Balamôn có da ngăm đen để tế thần giữ cổng thành hướng Nam. Ông hãy trốn khỏi kinh thành, đồng thời thông báo tin này cho các Balamôn có da ngăm đen biết”.

Thế là, tất cả các Balamôn có da ngăm đen đều trốn khỏi thành Balanai trừ vị Tế sư. Ngày khánh thành cổng không tìm được Balamôn da ngăm đen nào khác, cư dân thành Balanai yêu cầu mang vị Tế sư ra tế thần để tránh tai hoạ do thần giáng xuống.

Và vua Brahmadatta cử học trò vị tế sư là Hiền giả Takkāriya lên thay ông trong chức vụ tế sư. Vị Tế sư liền thú nhận âm mưu mình với Takkāriya; Takkāriya kể cho ông nghe nhiều chuyện, ám chỉ “im lặng là vàng”, như:.

*** Chuyện nàng kỹ nữ Kālī.**

Nàng Kālī là một kỹ nữ danh tiếng, thù lao cho nàng một ngày là 1.000 đồng vàng (kahāpaṇa), nàng có người anh tên là Tundila.

Tundila là một thanh niên hư hỏng, nàng Kālī cho tiền thì Tundila lao mình vào các cuộc trác táng, nàng Kālī nhiều lần khuyên giải nhưng không được.

Có lần Tundila thua bài phải mất cả quần áo đang mặc, gã quẩn quanh mình chiếc khố rách đi đến nhà nàng Kālī, nàng Kālī đã dặn nữ tỳ “không cho Tundila vào nhà”.

Tundila đứng bên hiên nhà than khóc, bấy giờ có con trai của một phú thương tìm đến nhà của nàng Kālī để vui thú, thấy Tundila đứng than khóc, hỏi rằng:

- Vì sao anh đứng đây than khóc vậy?

Tundila thuật lại sự việc thua bài, xin tiền em gái nhưng em gái không cho. Chàng trai ấy hứa rằng:

- Thôi được, ta sẽ vào nói giúp hộ anh.

Nhưng nàng kỹ nữ Kālī cương quyết không cho, nói rằng:

- Nếu anh thương Tundila thì hãy cho Tundila tiền đi, riêng tôi thì không.

(1)- Sn. 123; S.i, 149; A.v, 170.

(2)- SnA. ii, 473.

(3)- SnA. ii, 477.

(4)- A.v, 170. Ba kệ ngôn này còn được tìm thấy trong Nett. 132.

(5)- JA. ii. 175.

Nơi nhà của nàng Kỹ nữ Kālī có lệ là: Với 1.000 đồng vàng thì 500 đồng vàng là của nàng Kālī, 500 đồng còn lại là thuê đồ cùng các vật thơm, vật thực ...

Khách đến nơi này, sẽ mặc y phục sang trọng của nhà ấy, ở lại đêm nơi đó. Sáng ra, trả lại y phục, nhận lại y phục của mình rồi ra về.

Chàng trai này nhận y phục nơi nhà nàng Kālī, mang y phục của mình đem cho Tundila, nàng Kālī bảo các nữ tỳ: "Hôm sau phải lấy y phục mà chàng trai đang mặc, dù chàng trai trả nhiều tiền để mua bộ đồ đang mặc cũng không nhận".

Sáng hôm sau, chàng trai phải trả lại y phục của nhà ấy, mặc cho chàng van xin, nhưng nữ tỳ đã lột lấy y phục rồi tống chàng trai ra khỏi cửa.

Chàng trai phải lỏa thể trở về nhà, bị mọi người cười chế giễu, chàng hổ thẹn than khóc rằng: "Chỉ vì ta không giữ được miệng nên bị tai hại này".

*** *Chuyện chim đuôi chĩa.***

Do sự bất cẩn của người chăn dê, hai con dê đực húc nhau trên cánh đồng cỏ.

Một con chim đuôi chĩa suy nghĩ: "Ta sẽ ngăn cản chúng", nó bay vào giữa hai con dê đực đang húc nhau, la lên rằng: "Này các người đừng có đánh nhau nữa", nhưng hai con dê đang hăng máu húc nhau và con chim đuôi chĩa bị chúng húc chết.

*** *Chuyện con dê cái.***

Có một nhóm trộm bắt được con dê cái, mang vào rừng để làm tiệc. Để dê khỏi kêu, chúng buộc miệng dê lại rồi giấu trong bụi tre.

Hôm sau bọn trộm trở lại rừng để giết dê làm tiệc, nhưng chúng lại quên mang theo con dao, chúng bảo nhau rằng:

- Không có dao, dù chúng ta có giết chết con dê cũng không thể ăn thịt nó, chắc là phước phần của nó. Vậy chúng ta hãy thả nó đi.

Trước đó có người đi đốn tre, sau khi đốn được bó tre lớn, người ấy dự định hôm sau đến đốn tre tiếp, nên giấu con dao trong bụi tre.

Con dê được thả ra, nó vui mừng kêu lên đồng thời nhảy nhót trong bụi tre và con dao văng ra. Thế là nhóm trộm có dao đã giết chết con dê để ăn thịt.

*** *Chuyện nhân điều (Kinnara).***

Có người thợ săn đi vào núi Tuyết, may mắn bắt được đôi nhân điều (kinnara)⁽¹⁾.

Thợ săn mang đôi nhân điều dâng lên Đức vua. Đức vua chưa bao giờ thấy loài chim lạ và quý như vậy, nên hỏi rằng:

- Này thợ săn, đôi chim này có đặc tài gì?

- Thưa Đại vương, chúng hát rất du dương và nhảy múa rất điêu luyện.

Đức vua ban thưởng cho thợ săn, rồi bảo đôi nhân điều ca múa. Đôi nhân điều suy nghĩ: "Hiện giờ tâm trạng chúng ta không được hân hoan, nếu chúng ta ca múa không diễn tả đầy đủ ý nghĩa của bài hát, xem như bài hát thất bại. Hội chúng sẽ chế giễu làm thương tổn chúng ta. Lại nữa, kẻ nói nhiều thường hay rơi vào "nói dối", Vậy chúng ta nên im lặng".

Đôi nhân điều không ca múa, dù Đức vua nhiều lần bảo ca múa, Đức vua nổi giận nói rằng:

- Thì ra đôi chim này không biết ca múa, chúng bị câm. Gã thợ săn đã lừa dối ta, hãy giết chết lũ vô dụng này đi.

Nghe vậy, nhân điều mái suy nghĩ: "Nếu ta im lặng, nhà vua sẽ nổi giận giết chúng ta mất", nhân điều mái nói rằng:

- Thưa Đại vương, không phải chúng tôi câm hay không biết ca múa. Nhưng giờ đây tâm trạng chúng tôi không được hân hoan, nếu ca múa sẽ làm lạc lỏng bài hát, khiến Đức vua không hài lòng. Đồng thời "kẻ nói nhiều thường hay nói dối", do vậy chúng tôi im lặng.

Đức vua nghe được lời nói khôn ngoan của nhân điều mái, Đức vua hài lòng nói rằng: "Chim này nói đúng đạo lý, như vậy là có trí. Hãy thả chim về với rừng núi cũ".

Nhân điều trống suy nghĩ: "Giờ đây ta hãy nói lên, nếu không Đức vua cho ta là kẻ vô dụng, sẽ giết chết ta". Nhân điều trống nói rằng:

- Thưa Đại vương, người nương vào trâu bò để có lương thực sống, Đại vương nương vào thần dân, tôi đây nương vào Đại vương để được sống, vợ tôi nương vào tôi, nếu tôi chết thì vợ tôi cũng chết mất.

(1)- Kinnara theo thần thoại Ấn độ đó là loại "chim thần" của vua Trời Đế Thích, còn được dịch là "Thích đề hoàn nhân". Đây là loại chim có đầu mình giống người, nhưng có cánh như chim. Tương truyền, loài nhân điều này luôn sống có đôi, không bao giờ chúng sống tách lìa nhau. Con cái gọi là Kinnari.

Thưa Đại vương, mỗi người có cách riêng để giữ sự an lạc cho mình, trách người khác là không đúng. Điều này người khen đúng, kẻ khác lại cho là sai; chỉ có thiện pháp là đúng còn ác pháp là sai mà thôi. Xin thưa với Đại vương điều này vậy.

Đức vua nghe nhân điều trống nói những lời khôn ngoan, tâm phát sinh hoan hỷ nói rằng:

- Đôi chim này thật khôn ngoan, vậy hãy cho chúng trở về núi Tuyết đi.

Thuật xong bốn mẫu chuyện, hiền giả Takkāriya nói với thầy rằng:

- Thưa thầy, lời nói hợp thời sẽ mang đến lợi ích như đôi nhân điều, còn nói không đúng thời sẽ mang lấy tai hại.

Rồi hiền giả Takkāriya an ủi vị Tể sư rằng:

- Xin thầy đừng sợ, con sẽ cứu mạng thầy.

Vịn vào cố "các vì sao chỉ hội đủ vào lúc nửa đêm", cuộc tế lễ sẽ diễn ra vào ban đêm, hiền giả Takkāriya đem con dê đã chết để thế mạng cho vị Tể sư, nói rằng:

- Thầy hãy nhân đêm tối trốn ra khỏi thành, đừng nên trở lại đây,

Nhận diện tiền thân.

Vị Tể sư có da ngăm đen nay là Tỳkhuư Kokālika, hiền giả Takkāriya nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Một dịp khác, các Tỳkhuư lại bàn luận việc này nơi Giảng pháp đường trong Đại tự Kỳviên. Do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Kokālika.

***Bốn sự Kokālika** (Tỳkhuư Kokālika).

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, Bôtát là vị đại thần của vua Brahmadata.

Vua Brahmadata rất ham nói, Bôtát suy nghĩ "ta sẽ tìm cách trị bệnh nói nhiều của Đức vua", Ngài tìm dịp thuận lợi để khuyên nhủ.

Có lần vua và Bôtát vào vườn Ngự uyển du ngoạn, vua Brahmadata ngồi trên phiến đá của mình dưới cội cây xoài, trên cội cây xoài có một tổ quạ, trong tổ quạ có con chim cu con, con chim cu con kêu lên, bị con quạ cái mổ chết, ném xác chim cu con ra khỏi tổ.

Vì rằng: Có con chim cu mái lén vào tổ quạ đẻ trứng, quạ mái ngỡ là "của mình" nên ấp trứng nở thành con chim cu con, quạ mái tìm mồi về nuôi chim cu con.

Hôm ấy quạ mái mang mồi về cho chim cu con, chim cu con hót lên tiếng của mình, quạ mái suy nghĩ: "Đây không phải là tiếng hót của loài quạ, là tiếng hót của loài chim cu". Thế là quạ mái mổ chết chim cu và ném xác nó ra khỏi ổ.

Vua Brahmadata hỏi Bôtát "vì sao con chim con bị chết".

Nhân cơ hội, Bôtát thưa rằng:

- Thưa Đại vương, chim con này nói không đúng thời nên bị tai hại. Những người nhiều lời, nói không đúng lúc đều gặp không may như thế".

Nghe vậy, vua Brahmadata suy gẫm và trở nên thận trọng hơn với lời nói.

Nhận diện tiền thân.

Con chim cu con nay là Tỳkhuư Kokālika⁽²⁾.

Việc Tỳkhuư Kokālika bị cư dân thị trấn Kokāli bắt mẫn do "nói không hợp thời, đồng thời mắng nhiếc cư dân thị trấn Kokāli" nên bị tai hại, được các Tỳkhuư bàn luận nơi Giảng pháp đường trong Đại tự Kỳviên. Do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Kacchapa.

***Bốn sự Kacchapa** (chuyện con rùa).

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai, Bôtát là vị Tể sư của Đức vua. Vua Brahmadata có tính hay nói nhiều, khi vua nói thì không ai có thể xen vào, Bôtát tìm cơ hội trị tính "nói nhiều" của Đức vua.

Nơi núi Cittakūṭa có hai con ngỗng trời sinh sống, hai ngỗng trời kết bạn với con rùa sống trong hồ nước xanh trong rừng Tuyết Lãnh. Một hôm, ngỗng trời mời rùa đến nhà mình chơi, rùa nói:

- Tôi đi bằng phương tiện nào?

- Chúng tôi sẽ mang bạn đi, nếu bạn giữ đừng nói.

- Tôi giữ miệng được.

Hai ngỗng trời ngậm hai đầu que cây, rùa ngậm giữa que cây, hai ngỗng trời mang rùa bay giữa hư không.

Khi bay ngang qua kinh thành Balanai, trẻ con thấy lạ reo lên rằng: "Hai ngỗng trời mang con rùa trên cái cây", rùa mắng rằng "việc gì can hệ đến các người, đồ vô loại", khi mở miệng ra, rùa rơi từ không trung xuống sân đền vua, bị vỡ mai mà chết.

(1)- JA.Chuyện số 481.

(2)- JA. Chuyện số 331.

Vua Brahmadata hỏi Bôttát “vì sao con rùa bị rơi từ không trung xuống”.

Nhân dịp, Bôttát thưa rằng:

-Thưa Đại vương, vì rùa đang ngâm khúc que, mở miệng không hợp thời. Thường những ai nói không hợp thời thường mang nhiều tai hại.

Và vua Brahmadata trở thành người ít nói.

Nhân diện tiền thân.

Con rùa nay là Tỳkhuư Kokālika, hai ngỗng trời nay là hai vị Thượng thủ, vua Brahmadata nay là Đức Ānanda⁽¹⁾.

Một lần khác các Tỳkhuư bàn luận nơi Giảng pháp đường trong Đại tự Kỳviên “về việc Tỳkhuư Kokālika mời hai vị Thượng thủ quay trở lại tự viện, nhưng hai vị Thượng thủ từ khước”. Do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Vyaggha.

***Bốn sự Vyaggha** (chuyện con cọp).

Khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Balanai. Bôttát là vị thần cây trong khu rừng nhỏ, cạnh khu rừng nhỏ là rừng rậm, nơi khu rừng rậm này cũng có vị thần cây.

Trong khu rừng rậm là nơi sinh sống của con sư tử và con cọp, do sợ hai con vật này nên những người thợ rừng không dám vào khu rừng để đốn gỗ.

Sư tử và cọp săn mồi, chúng ăn những loại thịt ngon rồi bỏ lại những thịt thừa, những xác chết thúi sinh lên nên khu rừng rậm thường có mùi hôi thúi. Thần cây khu rừng rậm khó chịu, đến nói với thần cây khu rừng nhỏ rằng:

- Nay hiền giả, khu rừng rậm hôi thúi vì sư tử và cọp, tôi sẽ đuổi chúng ra khỏi khu rừng rậm.

Bôttát khuyên rằng:

- Nay hiền giả, chính sư tử và cọp đã bảo vệ khu rừng rậm được an toàn, chớ có đuổi chúng đi. Không còn sư tử và cọp thì khu rừng này sẽ bị phá trở thành đồng trống để trồng trọt.

Nhưng vị thần cây khu rừng rậm không nghe, hóa thành hình thù dữ tợn xua đuổi sư tử và cọp ra khỏi khu rừng rậm. Sư tử và cọp đi sang khu rừng khác sống.

Không còn thấy dấu chân sư tử và cọp, những thợ rừng đoán rằng “sư tử và cọp không còn trú trong khu rừng rậm”. Những người thợ rừng đã chặt những cây gỗ ở một góc rừng.

Thấy tai họa đến với khu rừng rậm, vị Thần cây đi tìm, mời sư tử và cọp trở lại trú xứ cũ, nhưng sư tử và cọp từ chối.

Không bao lâu sau, khu rừng rậm bị đốn hết cây rừng, trở thành nơi trống trọt. Và vị thần cây khu rừng rậm mất chỗ trú ngụ.

Nhân diện tiền thân.

Vị thần cây khu rừng rậm nay là Tỳkhuư Kokālika, sư tử nay là Đức Xá lợi phất, cọp nay là Đức Muckiēnliēn⁽²⁾.

I- Đức Xá lợi phất Viên tịch.

Đức Thế Tôn an cư mùa mưa cuối cùng ở làng Beluva (còn gọi là Veluvagāma) gần thành Vesālī. Sau khi mãn mùa an cư, Đức Thế Tôn trở về kinh thành Xá vệ, (Sāvatti), trú ngụ nơi Đại Tự Kỳviên.

Đức Xá lợi phất sau khi an trú trong thiền tịnh Alahán quả, xuất khỏi thiền tịnh, Ngài quán xét: “Chư Phật quá khứ viên tịch trước hai vị Thượng thủ tinh văn, hay hai vị Thượng thủ tinh văn viên tịch trước?”. Ngài thấy rằng “các vị Thượng thủ tinh văn luôn viên tịch trước Đức Chánh giác, đây là một thông lệ”, rồi Đức Xá lợi phất quán xét tuổi thọ của mình, thấy rằng chỉ còn 7 ngày nữa là chấm dứt.

Đức Xá lợi phất suy gẫm: “Tôn giả Rāhula (Lahāula viên tịch ở cõi Đạo lợi (Tāvatisa), Tôn giả Añña Koṇḍañña viên tịch ở hồ Chaddanta. Sau 44 năm thuyết giảng chân lý độ đời, giờ đây tuổi thọ của ta sắp mãn, vậy ta sẽ viên tịch ở nơi nào?”. Ngài chợt nhớ đến nữ Balamôn Rūpasārī:

“Ồ! mẹ ta có 7 người con, bốn trai và 3 gái, đều là những bậc thánh Alahán, nhưng bà không có niềm tin nơi Tam bảo. Mẹ ta có khả năng chứng đạt Thánh đạo nào không nhỉ?”.

Với trí tuệ của mình, Đức Xá lợi phất thấy rằng: “Nữ Balamôn Rūpasārī tích trữ nhiều phước báu, có khả năng chứng đạt Thánh quả Dự lưu (sotapatti)”, Ngài quán xét tiếp: “Nữ Balamôn Rūpasārī có duyên phước với vị nào? Vị nào sẽ tế độ bà an trú vào Thánh quả Dự lưu?”.

Ý nghĩ sau đã phát sinh đến Đức Xá lợi phất “chính ta sẽ tế độ nữ Balamôn Rūpasārī, bà sẽ chứng đạt “bốn sự thật” qua bài pháp của chính ta. Nếu ta không tế độ bà, mọi người sẽ nói: “Tôn giả Xá lợi phất chỉ phụ thuộc vào người khác. Thật vậy, với bài kinh Samacitta có đến một triệu vị thiên nhân cùng Phạm thiên chứng Thánh quả Alahán, số thiên nhân chứng Thánh quả thấp hơn

(1)- JA. Chuyện số 215.

(2)- JA. Chuyện số 272.

nhiều vô số kể. Những ai được được giải thoát nhờ chứng đạt “bốn sự thật” ở nơi này, nơi nọ thì rất nhiều, có 80 ngàn gia đình chư thiện đặt niềm tin vào Tôn giả Xá lợi phất, nhưng chính Tôn giả Xá lợi phất bất lực khi loại bỏ tà kiến trong tâm của nữ Balamôn Rūpasārī. Vậy ta hãy loại trừ tà kiến trong tâm nữ Balamôn Rūpasārī rồi hãy viên tịch”.

Khi đã quyết định như thế, Đức Xá lợi phất nói với Ngài Mahā Cunda rằng:

“Này Cunda, hãy thông báo đến 500 Tỳ khưu rằng: “Tôn giả Xá lợi phất muốn đi đến làng Nālaka trong ngày hôm nay”. Trưởng lão Mahā Cunda làm theo lời dạy.

Năm trăm vị Tỳ khưu tay cầm y bát cùng tọa cụ đi đến Ngài Xá lợi phất, Đức Xá lợi phất sau khi quét dọn liêu thất xong, Ngài trải tọa cụ ngồi nhìn vào liêu thất của mình, 500 vị Tỳ khưu đến ngồi phía sau, Đức Xá lợi phất nói: “Đây là lần cuối ta nhìn liêu thất này. Ta không còn quay trở lại đây nữa”.

Rồi Đức Xá lợi phất cùng 500 Tỳ khưu tùy tùng đi đến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên Đức Xá lợi phất bạch với Đức Thế Tôn rằng:

“Bạch Thế Tôn, xin Ngài cho phép con rời khỏi nơi này. Bạch Thế Tôn, đã đến thời, xin Ngài cho phép con được viên tịch (parinibbāna), tuổi thọ của con sắp mãn.

(Ở đây từ *anujānātu* trong câu “*anujānātu me bhante bhagavā...*” trong kinh điển được dịch là “*hãy cho phép con*” đó là ý nghĩa “yêu cầu”. Theo nghĩa bóng là “*bạch Thế Tôn, con biết được sự viên tịch của con, xin Ngài cũng nhận biết như vậy*”).

- Này Xá lợi phất, người viên tịch ở nơi nào?

- Bạch Thế Tôn, nơi con sinh ra, tại làng Nālaka trong xứ Magadha.

- Này Xá lợi phất, nay người muốn viên tịch thì Như Lai còn biết nói gì hơn nữa. Không còn cơ hội cho những Tỳ khưu gặp lại người lần nữa, ngay cả Đấng Như Lai cũng không còn được gặp người lần thứ hai.

Vậy, này Xá lợi phất, hãy thuyết pháp đến chúng Tỳ khưu lần sau cùng đi.

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Nên lưu ý.

Những vị Thánh đệ tử Alahán đến xin phép Đức Thế Tôn viên tịch, nếu Đức Thế Tôn dạy : “Được rồi”, các ngoại đạo hay những người tà kiến sẽ xuyên tạc rằng: “Samôn Gotama hoan hỷ với sự chết”.

Nếu Đức Thế Tôn nói: “Này con trai, đừng làm như vậy”, những ngoại đạo hay người có tà kiến sẽ xuyên tạc rằng: “Samôn Gotama còn tán thán sự khổ”.

Do vậy, Đức Thế Tôn mới hỏi Ngài Xá lợi phất: “Này Xá lợi phất, người viên tịch ở nơi nào” và “nay người muốn viên tịch thì Như Lai còn biết nói gì hơn nữa”.

Đức Xá lợi phất quán xét biết được ý Đức Thế Tôn rằng: “Đấng Đạo sư muốn ta thi triển thần thông trước khi thuyết lên pháp thoại”.

Đức Xá lợi phất đánh lễ Đức Thế Tôn rồi bay lên không trung cao bằng cây thốt nốt (tāla), rồi hạ xuống đất đánh lễ Đức Thế Tôn, bay lên hư không lần thứ hai cao bằng 2 cây thốt nốt rồi hạ xuống đất đánh lễ Đức Thế Tôn.

Theo cách này, lần thứ bảy Đức Xá lợi phất bay vào hư không cao bằng 7 cây thốt nốt rồi hạ xuống đất đánh lễ Đức Thế Tôn. Tiếp theo Ngài Xá lợi phất đứng giữa hư không thuyết lên pháp thoại, Ngài hiển lộ thần thông khiến âm thanh pháp thoại lan rộng khắp kinh thành Xá vệ, rồi đột nhiên Ngài biến mất nhưng âm thanh pháp thoại vẫn tuôn chảy, hoặc nửa trên hiện ra nửa dưới biến mất, bên trái hiện ra bên phải biến mất, bên phải hiện ra bên trái biến mất, hay núi Tuyết xuất hiện, núi Tudi (Sineru) xuất hiện, mặt trăng xuất hiện, mặt trời xuất hiện, Sư tử vương xuất hiện, vua Chuyển Luân xuất hiện, Tứ đại vương xuất hiện, vua trời Sakka xuất hiện ...

Đức Xá lợi phất thị hiện thần thông với hằng trăm, hàng ngàn cách trong khi âm thanh pháp thoại vẫn tuôn chảy như suối nguồn trong vắt. Toàn bộ cư dân thành Xá vệ tụ hội nghe thời pháp thoại này

Khi dứt pháp thoại, Đức Xá lợi phất đến đánh lễ Đức Thế Tôn, tay nắm chặt lấy cổ chân với đôi bàn chân như hình con rùa của Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, với công hạnh tích lũy qua 1 Atăng kỳ (asaṅkheyya) cùng 100 ngàn kiếp trái đất, con chỉ ước mong đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Ước nguyện ấy đã được thành tựu, đây là lần cuối cùng con đánh lễ dưới chân của Đức Thế Tôn, con không còn được gặp Ngài trong bất kỳ kiếp sống hay bất kỳ cảnh giới nào nữa, con sẽ đến cảnh giới an toàn mà hằng trăm chư Phật, cùng chư Thánh Alahán quá khứ đã đến.

Bạch Thế Tôn, nếu có bất kỳ sơ sót nào từ thân hay lời nói của con đã gây ra khiến Thế Tôn không hài lòng, con xin Thế Tôn tha thứ những lỗi lầm ấy cho con.

Bạch Thế Tôn, giờ đây đã đến lúc con phải ra đi.

- Nay Xá lợi phất, Như Lai đã tha thứ cho con từ lâu rồi, con không có điều gì sơ sót về thân hay lời nói. Nay Xá lợi phất, con hãy làm những gì mà con thấy là hợp thời.

Đức Thế Tôn cho phép Đức Xá lợi phất với những lời này, Đức Xá lợi phất xiết mạnh đôi tay có màu hồng vào đôi cổ chân của Đức Thế Tôn lần cuối, rồi Ngài đứng dậy. ngay khi ấy địa cầu rung chuyển mạnh như muốn nói rằng: "Ta đủ sức mang nặng ngọn núi Tuyết, đủ sức chịu đựng 7 dãy núi bao quanh núi Tuyết, nhưng hôm nay ta không đủ sức chịu đựng trước giây phút này". Nơi không trung một tiếng sấm vang rền dữ dội, rồi một đám mây đen xuất hiện giữa bầu trời trong xanh và trận mưa *pokkharavassa* (mưa như thác đổ) trút xuống.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Như Lai hãy đứng để tiễn Xá lợi phất ra đi lần cuối cùng. Như Lai không còn gặp lại vị Tướng quân Chánh pháp này nữa rồi".

Từ chỗ ngồi Đức Thế Tôn đứng dậy, Đức Xá lợi phất đi nhiều quah Đức Thế Tôn ba vòng, mặt hướng về Đức Thế Tôn từ từ lui bước cho đến khi mắt không còn nhìn thấy hình bóng của Đức Thế Tôn, Ngài mới xoay người hướng ra cổng Đại tự Kỳ viên.

Sự tuyệt hảo của Đức Xá lợi phất khiến trái đất rung chuyển lần thứ hai. Đức Thế Tôn dạy các vị Tỳ khưu rằng:

- Nay các Tỳ khưu, hãy tiễn vị Tướng quân Chánh pháp lần sau cùng đi.

- Lành thay, bạch Đức Thế Tôn.

Toàn bộ Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ cùng nhau đưa tiễn Đức Xá lợi phất lần cuối, cả khu rừng Jetavana giờ phút ấy chỉ còn đơn độc Đức Thế Tôn. Tự viện bỗng trở nên hoang vắng, không đơn lạnh mà dường như đơn lạnh, phảng phất đâu đây bóng dáng gã "quạnh hiu", gió ngưng thổi, mây ngưng trôi, chim rừng ngưng giọng hót, hoa lá lặng yên không màng lay động.

Đức Thế Tôn vẫn đứng đó bất động, mắt dõi theo bóng hình người đệ tử thân yêu từ từ cách xa, xa, xa mãi.

Cư dân thành Xá vệ nhận được tin "Trưởng lão Xá lợi phất từ biệt kinh thành Xá vệ, không còn quay lại nữa". Mong mỏi được nhìn vị đệ nhất trưởng lão lần cuối, cư dân thành Xá vệ kéo nhau ra trước cổng thành Xá vệ dày đặc, không còn chỗ trống để chen chân, trên tay mang đầy hoa thơm, vật thơm ...

Đức Xá lợi phất cùng 500 vị Tỳ khưu tùy tùng ra đi, theo sau là đoàn tứ chúng tiễn đưa với những tiếng khóc âm thầm cùng những giọng lệ hoan mi. Vừa đến cổng thành Xá vệ, những tiếng khóc vang lên: "Đâu rồi Ngài Xá lợi phất kính mến, vì sao Ngài ra đi? Vì sao Ngài bỏ Đức Thế Tôn? Vì sao Ngài bỏ hội chúng?".

Họ than van kêu khóc như vậy, từng bước từng bước theo chân Đức Xá lợi phất.

Đức Xá lợi phất với trí tuệ siêu việt Ngài sách tấn cư dân thành Xá vệ ngắn gọn rằng: "Nay các gia chủ, con đường dẫn đến cái chết của chúng sinh là tất yếu, không một ai có thể tránh khỏi, không một ai có thể vượt qua".

Rồi Ngài quay sang các vị Tỳ khưu đưa tiễn, nói rằng:

- Nay các hiền giả, như thế này là vừa đủ rồi. Các hiền giả đừng bỏ Đức Thế Tôn một mình, các hiền giả hãy trở về với Đức Thế Tôn.

Các Tỳ khưu nghe vậy, đành lễ Đức Xá lợi phất rồi quay về Đại tự Kỳ viên, thấy vậy một số cư dân thành Xá vệ cũng đành lễ Đức Xá lợi phất rồi trở về thành phố, số khác vẫn tiếp tục tiễn đưa Đức Xá lợi phất.

Đức Xá lợi phất cùng 500 vị Tỳ khưu tùy tùng hướng đến làng Nālāka, theo sau Ngài là những tiếng than vãn: "Trước đây vị Trưởng lão ra đi rồi trở lại. Nay vị Thánh siêu việt này ra đi không còn trở lại".

Đức Xá lợi phất lại thuyết giảng rằng:

- Nay các gia chủ là bậc có giới hạnh, hãy có niệm, hãy quán xét các pháp hành như vậy: "Dù thân hay tâm, nếu có sinh thì phải có diệt".

Và Đức Xá lợi phất làm cho các gia chủ giảm sâu não, Ngài dạy họ "hãy quay trở về".

Đức Xá lợi phất cùng đoàn tùy tùng chỉ trú lại ban đêm, ban ngày Ngài cùng 500 Tỳ khưu du hành. Vào đêm thứ sáu, chư Tăng đến làng Nālāka, trú đêm ở cội cây cổ thụ trước cổng làng.

Cậu bé Uparevata là cháu họ, gọi Đức Xá lợi phất là "ông chú" vào sáng hôm ấy có việc phải ra cổng làng, nhìn thấy Đức Xá lợi phất đang ngồi nơi gốc cây cổ thụ, cậu bé Uparevata đi đến đành lễ "ông chú". Ngài Xá lợi phất hỏi:

- Nay Uparevata, bà cháu là Rūpasārī có ở nhà không?

- Thưa Ngài, có.

- Nay cháu hãy về báo cho bà cháu biết, ta đã về đến làng Nālāka, ta muốn trở về nhà ngày hôm nay và nghỉ đêm tại căn phòng mà ta đã sinh ra. Cháu hãy báo bà dọn dẹp sạch sẽ căn phòng ấy, đồng thời dọn thêm 500 chỗ nghỉ.

Cậu bé Uparevata trở về làng, đi đến nhà bà Rūpasārī, nói rằng:

- Thưa bà, ông chú Upatissa vừa đến làng.
- Nay cháu, ông chú của cháu đang ở đâu?
- Thưa bà, đang ở cổng làng.
- Ông chú cháu đi một mình hay có ai tháp tùng?
- Thưa bà, có 500 vị Samôn cùng đi.

Rồi Uparevata lập lại những gì Ngài Xá Lợi Phất dặn bảo. Bà Rūpasārī suy nghĩ: "Ồ! Sao lại bảo ta chuẩn bị nhiều phòng cho các vị Tỳkhuu như thế?". Rồi bà suy nghĩ: "Con ta xuất gia khi còn trẻ, có lẽ muốn quay lại đời sống thế tục để an dưỡng lúc tuổi già", do suy nghĩ như vậy, bà Rūpasārī cho sửa sang lại căn phòng nơi Đức Xá Lợi Phất chào đời, chuẩn bị chỗ ngụ cho 500 vị Tỳkhuu.

Bà cho người mang vật thực đến cúng dường Đức Xá Lợi Phất cùng 500 Tỳkhuu.

Khi về đến nhà, Đức Xá Lợi Phất cùng các Tỳkhuu được bà Rūpasārī tiếp đón, đưa lên lầu 7, bà hỏi rằng:

- Nay Upatissa con, có phải con định hoàn tục, trở về đây sống chăng?
- Nay bà gia chủ, không phải vậy đâu. Tôi chỉ muốn trú lại một đêm nơi căn phòng tôi đã chào đời (*jāto varaka*).

Nghe vậy, bà Rūpasārī không hài lòng, bỏ đi. Đức Xá Lợi Phất bảo các vị Tỳkhuu rằng:

- Nay các hiền giả, hãy đến nơi ngụ đã được chuẩn bị sẵn.

Rồi Ngài đi đến căn phòng nơi mình chào đời, chứng bệnh kiết lỵ phát sinh đến Ngài, rồi máu tuôn ra (có lẽ là chứng bệnh xuất huyết bao tử).

Bấy giờ trời đã vào đêm, không tìm được lương y, cách chữa trị duy nhất cho Đức Xá Lợi Phất lúc ấy là "thay bình đựng máu này bằng bình khác". Bà Rūpasārī đứng tựa cửa nhìn vào, thấy Đức Xá Lợi Phất đang bệnh nằm nơi giường, bà suy nghĩ "ta không thích con trai ta bệnh như vậy".

Vào canh đầu, Tứ đại vương suy nghĩ: "Đêm nay Tướng quân Chánh pháp sẽ viên tịch, hiện Ngài đang nằm nơi căn phòng mình đã chào đời. Ta hãy đến đánh lễ Ngài lần cuối cùng".

Khi đến hào quang của Tứ đại vương chiếu sáng quanh vùng, bốn vị đại vương đến đánh lễ Đức Xá Lợi Phất, Ngài hỏi:

- Các vị thiên tử nào đến đây.
- Thưa Tôn giả, chúng tôi là Tứ đại vương. Chúng tôi đến chăm sóc bệnh cho Ngài.
- Lành thay, lành thay. Thôi đủ rồi, nay các thiên vương, tôi có vị Tỳkhuu chăm sóc rồi, các vị hãy về đi.

Tứ đại vương từ giả Đức Xá Lợi Phất ra về, đến nửa đêm vua trời Sakka (Đế Thích), đưa thiên nhân quán xét, thấy Đức Xá Lợi Phất lâm trọng bệnh, suy nghĩ rằng: "Tôn giả Xá Lợi Phất sẽ viên tịch vào rạng sáng hôm nay, ta hãy đến đánh lễ Ngài".

Thiên chủ Đế Thích đi đến đánh lễ Đức Xá Lợi Phất, hào quang của thiên chủ Đế Thích càng rực sáng hơn cả hào quang của Tứ đại vương, Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

- Vị thiên vương nào vậy?
- Thưa Tôn giả, tôi là Thiên vương Sakka. Tôi đến để chăm sóc cho Ngài.
- Lành thay, lành thay. Thôi đủ rồi, nay thiên chủ Sakka, tôi có vị Tỳkhuu chăm sóc rồi, Thiên chủ hãy về đi.

Vào canh ba của đêm, Đại phạm thiên Sahampati suy nghĩ: "Rạng sáng đêm nay, Tôn giả Xá Lợi Phất viên tịch, ta hãy đến đánh lễ Ngài".

Đại phạm thiên Sahampati đến đánh lễ Đức Xá Lợi Phất, hào quang của Đại phạm thiên tinh anh và sáng rực hơn cả hào quang của vua trời Đế Thích. Đức Xá Lợi Phất hỏi: "Vị thiên vương nào đến viếng vậy?".

- Thưa Tôn giả, tôi là Đại phạm thiên Sahampati.
- Lành thay, lành thay nay Đại phạm thiên có đại uy lực, có đại thần thần lực. Bấy nhiêu đó cũng đủ rồi. Đại Phạm thiên hãy trở về đi.

Khi Đại phạm thiên Sahampati đi rồi, bà Rūpasārī muốn biết "ai đã đến viếng con ta vậy?", nên đi vào phòng của Đức Xá Lợi Phất, đứng bên ngoài cửa hỏi Ngài Cunda (Ngài Cunda đang chăm sóc cho Đức Xá Lợi Phất) rằng:

- Nay Cunda, chuyện gì thế?
- Thưa bà gia chủ, Tôn giả Xá Lợi Phất đang bị bệnh.

Nghe vậy, Đức Xá Lợi Phất hỏi:

- Nay hiền giả Cunda, hiền giả đang nói chuyện với ai vậy?
- Thưa hiền giả Xá lợi phất, tôi đang nói chuyện với bà gia chủ Rūpasārī.
- Nay bà gia chủ, vì sao bà đến đây không hợp thời như vậy?
- Nay con thân, ta muốn biết thiên nhân nào đã đến đây.
- Nay bà gia chủ, đầu hôm là Tứ đại vương đến nơi này.

Bà Rūpasārī suy nghĩ: "Tứ đại vương phải đến viếng con ta. Chẳng lẽ con ta còn lớn hơn Tứ đại vương sao?", bà hỏi:

- Nay con thân, con còn lớn hơn cả Tứ đại vương sao?
- Thưa bà gia chủ, Tứ đại vương như những người canh gác tự viện của chúng tôi. Khi Đức Đạo sư nhập thai bào, Tứ đại vương phải cầm gươm canh gác bốn phương, để bảo vệ thai bào.
- Nay con thân, nửa đêm vị thiên nhân nào đến sau Tứ đại vương vậy?
- Thưa bà gia chủ, chính là Thiên vương Sakka (Đế Thích).
- Ồ! Con còn lớn hơn cả vua trời Sakka sao?
- Thưa bà gia chủ, thiên vương Sakka như vị Sadi mang bát cho Đức Thế Tôn. Khi Bạc Đạo sư từ cung trời "Ba mươi ba" (Tāvatiṃsa) ngự về nhân giới, vua trời Sakka ôm bát theo hầu Bạc Đạo sư.

- Nay con thân, ai đến cuối cùng vậy?
- Nay bà gia chủ, đó là Đại phạm thiên Sahampati, là vị chúa trời của bà đấy.
- Nay con thân, như vậy con còn lớn hơn vị Đại phạm thiên, vị chúa trời của chúng tôi sao?
- Thưa bà gia chủ, đúng vậy. Vào ngày Bạc Đạo sư sinh ra, không phải một mà là 4 vị đại phạm thiên mang tấm lưới vàng hứng Ngài.

Nghe vậy, bà Rūpasārī suy tưởng: "Giờ đây ta đã chứng kiến sự hùng tráng tuyệt vời của con trai ta. Con trai ta chỉ là đệ tử mà còn cao thượng như thế, thì còn nói gì đến Đức Thế Tôn bậc Đạo sư của con trai ta. Ôi! ân đức Phật thật là tuyệt vời, giờ đây ta mới được biết".

Khi bà suy tưởng đến ân đức của Đức Thế Tôn, năm loại hỷ lạc (pīti somanassa) phát sinh trong tâm của bà. Với tâm minh, Đức Xá lợi phất biết tâm bà Rūpasārī phát sinh năm loại hỷ lạc tràn ngập tâm, Ngài suy nghĩ: "Đây là thời điểm thích hợp để ta thuyết lên pháp thoại". Ngài hỏi rằng:

- Thưa bà gia chủ, bà đang nghĩ gì?
- Nay con thân, ta đang suy nghĩ đến ân đức cao thượng của Đức Thế Tôn, Bạc Đạo sư của con.

- Thưa bà gia chủ, ân đức của Đức Thế Tôn không thể nào đo lường được, không thể nào suy gẫm cho hết được. Từ khi Ngài sinh ra, Ngài lìa bỏ ngôi vua đi xuất gia, rồi Ngài chứng Vô thượng Chánh giác, khi Ngài khai mở bài kinh Chuyển pháp luân (Dhammacakka) có đến 180 triệu vị chư thiên Phạm thiên chứng đắc Thánh quả, cả 10 ngàn thế giới rung chuyển. Trong thế gian này, không một ai: Là chư thiên, Phạm thiên, người, Samôn, hay Bàlamôn nào có thể sánh được với Đức Đạo sư về giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Ngài có những hồng danh quý báu tuyện hảo là Arahant sammāsambuddha, Vijjācranasampanna ... Bhagavā.

Sau khi mô tả những ân đức tuyệt hảo qua 9 hồng danh của Bạc Đạo sư, tiếp theo Đức Xá lợi phất nói đến "bốn sự thật". Khi pháp thoại chấm dứt pháp nhãn phát sinh đến bà Rūpasārī, bà chứng đắc Thánh quả Dự lưu.

Bà Rūpasārī hân hoan nói rằng:

- Nay con thân, vì sao từ lâu con không cho ta nếm hương vị giải thoát này? Vì sao con không cho ta niềm an lạc vững chắc như thế này?

Đức Xá lợi phất suy nghĩ: "Giờ đây mẹ ta đã đạt được Thánh quả Dự lưu. Ta đã đền ơn bà đã sinh ra ta được rồi". Ngài nói rằng:

- Thưa bà gia chủ, bà hãy lui ra đi, tôi còn nhiều việc phải làm.

Khi bà Rūpasārī lui về phòng mình, Đức Xá lợi phất hỏi Ngài Cunda rằng:

- Nay Cunda, bây giờ vào thời điểm nào?
- Thưa Tôn giả, gần sáng rồi.

-Hãy triệu tập các Tỳkhuu đến đây.

Khi 500 vị Tỳkhuu tề tựu đầy đủ, Đức Xá lợi phất bảo Ngài Cunda đỡ Ngài ngồi dậy nói rằng:

- Thưa chư hiền, bất cứ điều nào do thân hay ngữ của tôi vô ý xúc phạm đến chư hiền, khi chư hiền cùng với tôi du hành suốt 44 năm qua. Những lỗi lầm ấy xin chư hiền hãy tha thứ cho tôi.

Hội chúng Tăng đáp rằng:

- Bạch Tôn giả, suốt 44 năm chúng tôi cùng sống với Tôn giả, chúng tôi không thấy có hành động hay lời nói của Tôn giả làm chúng tôi không vừa ý cả. Trong thực tế, chính Tôn giả là người

“hãy tha thứ cho chúng tôi những hành động cùng lời nói của chúng tôi do vô ý làm Tôn giả không hài lòng”.

Sau khi xin chư Tăng tha thứ những lỗi lầm do vô ý của mình rồi, Đức Xá lợi phất giáo giới các Tỳkhuu lần sau cùng (xem Kệ trưởng lão Tăng của Đức Xá lợi phất).

Rồi Ngài nằm xuống với cách nằm “của Đấng Đạo sư”, dùng tấm y đắp lên gương mặt của mình, tuần tự an trú tâm trong thiền tịnh theo 8 tầng thiền xuôi ngược nhiều lần, lần cuối cùng khi an trú tâm tuần tự từ Sơ thiền đến Tứ thiền. Khi xuất ra khỏi Tứ thiền thì Ngài viên tịch (parinibbāna). Và địa cầu rung chuyển.

Đức Xá lợi phất viên tịch vào ngày trăng tròn tháng Kattika (tháng 9 -10 dl)⁽¹⁾.

Vào buổi sáng, bà Rūpasārī mang nước cùng cây chà răng đến cho con trai, thấy chư Tỳkhuu đứng yên như bất động, Đức Xá lợi phất im lặng không nói lời nào. Linh cảm xuất hiện trong tâm người mẹ tuổi hơn trăm “có điều bất ổn đến con trai ta rồi”.

Bà đưa tay sờ vào chân của Đức Xá lợi phất và phát hiện Ngài đã viên tịch, không dẫn được xúc cảm, bà quy xuống dưới chân di thể Đức Xá lợi phất khóc than rằng: “Trước đây tôi không biết ân đức cao thượng của Ngài, đến khi biết được thì Ngài không còn. Giờ đây tôi không còn cơ hội cúng dường vật thực đến hằng trăm Tỳkhuu do Ngài dẫn đầu đi đến làng Nālāka này, không còn được cúng dường y phục đến hằng trăm Tỳkhuu có Ngài dẫn đầu, không còn được cúng dường chỗ ngụ đến hằng trăm Tỳkhuu có Ngài dẫn đầu ...”.

Bà than khóc như thế cho đến khi bình minh tỏ rạng, bà cho gọi những người thô kim hoàn đến, xuất những kho vàng cùng châu báu, rằng:

- Hãy kiến tạo một Giảng đường và 500 phòng bằng vàng..

Vua Trời Sakka bảo thiên thần kiến trúc là Visukamma rằng:

“Này bạn, Tướng quân Chánh pháp đã viên tịch, hãy tạo một giảng đường lớn ở giữa trung tâm làng Nālāka với chóp nhọn bằng vàng, cùng với 500 phòng bằng vàng ở chung quanh”.

Lễ hỏa táng được tổ chức nơi giảng đường ấy, chư thiên hóa thân thành nhân loại trộn lẫn với cư dân làng Nālāka, đánh lễ di thể của Đức Xá lợi phất.

***Nữ cận sự Revatī.**

Trong làng Nālāka có một nữ cận sự thuần thành của Đức Xá lợi phất, đó là nàng Revatī, khi hay tin Đức Xá lợi phất viên tịch lễ hỏa táng di thể của Ngài sắp diễn ra nơi giảng đường có chóp nhọn bằng vàng, nàng Revatī mang ba chiếc bình bằng vàng đi đến hỏa đài cúng dường đến di thể Đức Xá lợi phất.

Vào lúc đó Thiên chủ Sakka cũng đến hỏa đài cúng dường, thiên chủ Sakka mang theo 25 triệu thiên nữ đến hỏa đài ca múa, khi thiên chủ đến viếng, hào quang của các thiên nhân rực rỡ khiến mắt nhân loại chói lòa, dân làng Nālāka biết vua Trời Sakka đến nên kinh hoàng bỏ chạy về nhà. Cận sự nữ Revatī cũng chạy về nhà, nhưng nàng yếu sức, bị chúng dân xô ngã dẫm chết. Mệnh chung, cận sự nữ Revatī tái sinh về cõi “Ba mươi ba” (Tāvātimsa), là một thiên chủ tòa thiên cung xinh đẹp, có thân cao 3 gāvuta (= 12km) và có một ngàn thiên nữ tùy tùng. Thiên nữ Revatī quán xét biết được hạnh lành của mình là “cúng dường ba bình bằng vàng đến di thể Đức Xá lợi phất”, từ thiên cung nàng cùng thiên chúng tùy tùng mang hương hoa trời xuống hỏa đài cúng dường, đánh lễ di hài của Đức Xá lợi phất⁽²⁾.

Sau khi thực hiện giàn hỏa táng trong 7 ngày, giàn hỏa táng cao 99 cubit (1 cubit = 47, 5 cm) với gỗ trầm hương là nhiên liệu, quanh di thể là các loại hoa thơm, cỏ thơm và hương liệu.

Khi ngọn lửa hỏa táng đã lịm tắt, Đức Anuruddha dập tắt hơi nóng bằng những chậu nước thơm. Đức Mahā Cunda thu Xá lợi của Đức Xá lợi phất vào tấm vải lọc nước của Đức Xá lợi phất thường dùng, Ngài suy nghĩ rằng:

“Ta không nên trú lại làng Nālāka, ta phải trở về Đại tự Kỳ viên báo tin: “Tướng quân Chánh pháp đã viên tịch” lên Đức Thế Tôn và Tăng chúng”.

Đức Mahā Cunda thu nhặt y bát của Đức Xá lợi phất, rồi lên đường trở về thành Xá vệ. Chỉ trong một đêm Ngài đã về đến thành Xá vệ, đi vào Đại tự Kỳ viên, Ngài đến hồ sen trước cổng Đại tự, tắm rửa sạch sẽ, lên bờ hồ đắp y chỉnh tề.

Đức Mahā Cunda suy nghĩ: “Đức Thế Tôn là bậc long tượng cao quý, như sư tử vương tối thượng, như cây lọng quý 9 tầng. Ta không dám đi thẳng đến Đức Thế Tôn để báo tin đến Ngài, vậy ta nên đến ai trước?”.

Rồi Ngài Mahā Cunda nghĩ đến Đức Ānanda, suy nghĩ: “Tể độ sư của ta là Trưởng lão Ānanda, Ngài là bậc “giữ kho Pháp bảo”, là thị giả của Đức Thế Tôn, là bậc đồng phạm hạnh hiền thiện, là

(1)- Ngày rằm tháng 10 âm, theo lịch VN.

(2)- SA. iii. 177.

người bạn lành tốt đẹp của Tướng quân Chánh pháp. Ta nên đến gặp trưởng lão Ānanda trước tiên để báo tin”.

Sở dĩ Đức Mahā Cunda không dám đến gặp Đức Thế Tôn trước vì Ngài rất kính trọng Đức Phật cũng như đối với Tể độ sư của mình..

Sau khi đi đến Đức Ānanda, Ngài Cunda đánh lễ Đức Ānanda xong, ngồi xuống một bên, Ngài Mahā Cunda thưa với Đức Ānanda rằng:

- Thưa Tôn giả, đây là vại lọc nước đựng Xá lợi của Tôn giả Xá lợiphất, đây là y, bát của vị ấy.

Nghe vậy, Đức Ānanda lặng người, sau khi trấn tĩnh đã nói với Ngài Mahā Cunda:

- Nay hiền giả Cunda, chúng ta có một số điều cần gặp Đức Thế Tôn. Nay hiền giả Cunda, hãy cùng đi đến Đức Thế Tôn trình bạch lên Ngài về những điều này.

- Vâng, thưa Tôn giả Ānanda.

Rồi Đức Ānanda cùng với Ngài Cunda đi đến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn ngồi vào nơi hợp lễ, Đức Ānanda bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Cunda vừa thông báo cho con biết “Tôn giả Xá lợiphất đã viên tịch”. Đây là y bát cùng vại lọc nước có chứa Xá lợi của Tôn giả Xá lợiphất.

Nhận vại lọc nước đựng Xá lợi, Đức Thế Tôn đặt trên lòng bàn tay, nói rằng:

- Nay các Tỳkhuu, 15 ngày trước Xá lợiphất đã hiển thị những pháp thần thông, rồi xin Như Lai được viên tịch. Đây là những ngôi Xá lợi tinh anh có màu trắng trong sạch như vỏ ốc xacừ được đánh bóng.

Nay các Tỳkhuu, Xá lợiphất đã tu tập các pháp Balamật suốt một Atăng kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Xá lợiphất là người chuyển vận bánh xe pháp được Như Lai vận chuyển, là người kế tiếp Đấng Như Lai.

Nay các Tỳkhuu, Xá lợiphất là vị Thịnh văn tối thắng nhất trong hàng tứ chúng. Địa vị đệ nhất thịnh văn tối thắng được Xá lợiphất làm cho hiển lộ từ khi vị ấy chứng Thánh quả Alahán.

Nay các Tỳkhuu, Xá lợiphất là bậc đại trí, có trí rộng lớn như địa đại, có trí nhanh nhạy, có trí sắc bén, có trí trừ tuyệt những phiền não (kilesa), ô nhiễm (āsava), là bậc không còn ham muốn, biết đủ, thoát khỏi mọi chướng ngại (nīvaraṇa), là người kiên nghị, sách tấn người khác bằng cách chỉ ra những lỗi lầm của họ, không quan tâm đến địa vị trong xã hội của họ, là người bình đẳng không phân biệt giai cấp.

Nay các Tỳkhuu, Xá lợiphất có 500 kiếp sống đời ẩn sĩ sau khi từ bỏ đại gia sản, Xá lợiphất có tính kiên trì như địa đại; Xá lợiphất không tự tôn tự đại ví như con bò đã gãy sừng; Xá lợiphất có tâm nhu hòa như con người nô lệ (caṇḍālaputta).

Nay các Tỳkhuu, hãy giữ gìn Xá lợi của bậc có trí rộng lớn như địa đại, có trí nhanh nhạy, có trí sắc bén ... là người bình đẳng không phân biệt giai cấp

Tiếp theo Đức Thế Tôn nói lên những kệ ngôn:

a- Yo pabbaji jātisatāni pañcaca.

Pahāya kāmāni manoramāni.

Taṃ vitārāgaṃ susamāhi'ndriyaṃ.

Parinibbutaṃ vandatha sārīputtaṃ.

"Người xuất gia 500 kiếp sống.

Đã từ bỏ dục lạc với ý vui thích.

Người diệt trừ ái luyến, gìn giữ các quyền.

Xá lợiphất đã viên tịch, hãy đánh lễ vị ấy."

b- Khantipālo pathavisamo na kuppati.

Na cā'pi cittassa vasena vattati.

Anukampako kāruṇiko ca nibbuto.

Parinibbutaṃ vandatha sārīputtaṃ.

"Giữ điềm tĩnh với nghịch cảnh, không phẫn nộ.

Và không để tâm phóng túng.

Tâm bi mẫn, tể độ để dập tắt (phiền não).

Xá lợiphất đã viên tịch, hãy đánh lễ vị ấy."

c- Caṇḍālaputo yathā nagaraṃ pavittṭho.

Nīcamāno carati kaḷopihattho.

Tathā ayaṃ vicarati sārīputtaṃ.

Parinibbutaṃ vandatha sārīputtaṃ.

"Như con người nô lệ đi vào thị trấn.

Đi lang thang, ý khiêm nhường như tay nắm vận đên.

*Cũng vậy, Xá lợi phất thực hành như thế.
Xá lợi phất đã viên tịch, hãy đánh lễ vị ấy”.*

d- Usabho yathā chinnavisānako.
Ahetthayanto carati purantare vane.
Tathā ayam vicarati sārīputto.
Parinibbutam vandatha sārīputtam.
"Như bò Usabha gãy sừng.

Đi lang thang trong làng mạc hay rừng, vô tội vạ.

*Cũng vậy, Xá lợi phất thực hành như thế.
Xá lợi phất đã viên tịch, hãy đánh lễ vị ấy”.*

Khởi đầu như thế, tiếp theo Đức Thế Tôn tán thán những đức lành của Ngài Xá lợi phất với 500 kệ ngôn.

Nghe Đức Thế Tôn tán thán những hạnh lành của Ngài Xá lợi phất, tâm của Đức Ānanda càng xúc cảm rằng: "Ôi! Vào những giây phút cuối, ta chẳng lo liệu được gì đến Tôn giả Xá lợi phất, ví như con gà đang kê cận miệng mèo, chẳng thể làm được gì hơn”.

Ngài Ānanda bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, khinghe Tôn giả Xá lợi phất viên tịch, con cảm tưởng thân thể con cứng lại, các hướm quay cuồng, con không còn nhận định ra phương hướng. Pháp không còn hiển lộ nơi con, tâm trí con như tê liệt không còn hân hoan với những bài pháp đã học, không tha thiết đến những bài pháp chưa học.

- Nay Ānanda, Xá lợi phất viên tịch có mang theo *Giới* (sīla), *định* (samādhi), *tuệ* (paññā), *giải thoát* (vimutti), *giải thoát tri kiến* (vimuttiñānadassana) của người theo không?.

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá lợi phất viên tịch không mang theo Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của con theo cùng.

Bạch Đức Thế Tôn, trong thực tế Tôn giả Xá lợi phất đã sách tấn con, giúp con thông hiểu pháp, giúp con vững trú trong pháp, vị ấy lo lắng, giảng pháp đến con. Ân đức ấy không thể nào con quên được, con luôn nhớ đến sự chỉ dẫn pháp và hỗ trợ của vị ấy đối với con.

Biết Ngài Ānanda rất buồn trước sự viên tịch của Đức Xá lợi phất, Đức Thế Tôn nhổ mũi tên sầu muộn trong tâm của Ngài Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, Như Lai đã từng dạy về sự chia ly : Chia ly với người thân mến khi còn sống (nānābhāva) cũng có, chia ly khi chết (vinābhāva) cũng có, chia ly do các hữu khác biệt (aññathābhāva) cũng có.

Nay Ānanda, các pháp hữu vi luôn có bản chất sinh rồi diệt, làm sao muốn cái sinh mà không diệt được. Như cây đại thọ đang đứng vững, nhưng cành lớn của nó có thể bị hoại; cũng vậy, khi hội chúng Tỳkhuu còn đây, nhưng Xá lợi phất viên tịch. Làm sao muốn cái sinh ra đừng hoại diệt được.

Nay Ānanda, chúng sinh hãy tự nương tựa lấy chính mình, đừng tìm nơi nương tựa bên ngoài. Chúng sinh không nên đi tìm những pháp thế gian, nên tìm những pháp Siêu thế gian.

Nay Ānanda, hãy quán xét 5 uẩn này là vô thường, là khổ, là vô ngã, là khối “nhờ bản” để diệt trừ tham úc. Bằng cách đó, nay Ānanda, là người tự nương mình, không nương vào người khác, là người đi tìm Siêu thế pháp, không đi tìm pháp thế gian.

Nay Ānanda, nếu các Tỳkhuu trong hiện tại hay sau khi Như Lai viên tịch, sống nương tựa chính mình, không nương tựa vào ai khác; sống tìm kiếm Siêu thế pháp không tìm kiếm pháp thế gian. Những vị ấy sẽ thành tựu Thánh quả Alahán theo con đường Thánh đạo 8 chi phần.

Với thời pháp thoại này, Đức Thế Tôn đã nhổ mũi tên sầu muộn trong tâm Ngài Ānanda, khiến Ngài Ānanda giảm đi sự buồn khổ.

Rồi Đức Thế Tôn cho xây dựng bảo tháp tôn trí Xá lợi của Đức Xá lợi phất trong kinh thành Xá vệ (Sāvatti).

Dứt cuộc đời của Đức Xá lợi phất.

Soan xong vào ngày 9-3-2011, nhằm ngày 5-2 năm Tân Mão.

Lời nói đầu	4
E- Thân tộc của Đức Xá lợi phất (Sāriputta).....	5
1- Ngài Upasena.....	5
Tiền sự.....	9
Hang Đầu rắn (Sappasonḍika pabbhāra).....	9
a- Trưởng lão Upasena (2).....	9
b- Trưởng lão Upasena (3).....	9
Về tên Upatissa.....	10
1'- Upatissa.....	10
2'-Upatissa.....	10
3'- Trưởng lão Upatissa (1).....	10
4'- Trưởng lão Upatissa (2).....	10
5'- Trưởng lão Upatissa (3).....	10
6'- Trưởng lão Upatissa (4).....	10
7'- Trưởng lão Upatissa.....	10
Trưởng lão Vijitasena.....	10
Tiền sự.....	11
2- Trưởng lão Mahā Cunda.....	11
Sông Kakuttḥā.....	13
a- Cunda người thợ rèn.....	14
b- Hoàng tử Cunda.....	15
c- Đồ tể Cunda.....	16
3- Trưởng lão Revata.....	17
Chùa Đông Phương.....	22
Tiền sự.....	23
Bến nước Payāga.....	24
Trưởng lão Kaṅkhā Revata.....	27
Rừng Sừng bò.....	28
Làng Nādika.....	29
Tiền sự của Đức Kaṅkhārevata.....	30
4- Trưởng lão ni Cālā.....	31
5- Trưởng lão ni Upacālā.....	32
6- Trưởng lão ni Sisupacālā.....	33
7- Người cậu của Đức Xá lợi phất.....	35
8- Bà lamôn cháu của Đức Xá lợi phất.....	36
9- Uparevata.....	36
Uparevata khác.....	36
F- Kinh điển từ Đức Xá lợi phất.....	37
1- Trưởng Bộ kinh (Dīghanikāya).....	37
a- Kinh Tự Hoan hỷ.....	37
b- Kinh Phúng Tụng.....	39
Kinh thành Pāvā.....	39
Làng Sāmā.....	39
Trưởng lão Khaṇḍasumana.....	39
Tiền sự.....	40
c- Kinh Thập thượng.....	40
2- Trung bộ kinh (Majjhimanikāya).....	40
3- Tăng chi bộ kinh (Aṅgutāranikāya).....	46
4- Tương ứng bộ kinh (Saṃyuttanikāya).....	56
Tương ứng Xá lợi phất.....	56
Tương ứng khác.....	57

Trưởng lão Channa	63
Tương ứng Jambukhādaka	64
Trưởng lão Sāmaññakāni	67
Tiền sự	67
Trưởng lão Kātiyāna	67
5- Tiểu bộ kinh	72
Tập Nghĩa tích (Niddesa)	73
Về kinh “Tê ngư một sừng” (Khaggavisānasutta)	74
Tập Đạo vô ngại giải (Paṭisambhidāmagga)	74
Kinh Sāriputta (Sāriputtasuttaṃ)	75
Kệ ngôn Trưởng lão Xá lợi phất	78
Kiṭṭāgiri	82
Số giải kinh Bốn sự	83
1- Bốn sự Devadhamma (chuyện Thiên pháp)	83
2- Bốn sự Lakkhaṇa (con nai điềm lạnh)	84
3- Bốn sự Dasaratha (Đại vương Dasaratha)	85
4- Bốn sự Bhojanīya (con ngựa thuần chủng)	85
5- Bốn sự Tittira (con chim trĩ)	85
6- Bốn sự Visavanta (Rắn phun nọc độc)	86
7- Bốn sự Saccaṅkīra	86
8- Bốn sự Sīlavanāga (Tượng vương đức hạnh)	86
10- Bốn sự Parosahassa (Hơn ngàn kẻ ngu)	87
11- Bốn sự Jhānasodhana (chuyện Thiên quán)	87
12- Bốn sự Candābha (chuyện Nguyệt quang)	87
13- Bốn sự Dummedha (Những kẻ vô trí)	87
Bốn sự Mahākāṇha	88
14- Bốn sự Godha (con Cắc kè)	88
15- Bốn sự Romaka (chim Bồ câu)	89
16- Bốn sự Rājovāda (Giáo giới vua)	89
17- Bốn sự Alīnacitta	89
18- Bốn sự Susīma (vua Susīma)	89
19- Bốn sự Sīlavīmamsana (Thử thách giới đức)	90
21- Bốn sự Gijjha (chuyện chim Kên kên)	90
22- Bốn sự Catumaṭṭa (Bốn vẻ đẹp)	91
23- Bốn sự Jarudapāna (cái giếng cũ)	91
24- Bốn sự Kakkāru (chuyện Thiên hoa Kakkāru)	91
25- Bốn sự Kuruṅga (con nai núi)	92
28- Bốn sự Tittira (chuyện gà Gô)	92
29- Bốn sự Vaṇṇāroha (chuyện Sắc đẹp)	92
30- Bốn sự Kurudhamma (Pháp Kuru)	92
Bốn sự Sālitaka	93
34- Bốn sự Sayha (Quốc sư Sayha)	94
35- Bốn sự Pucimanda (cây Nimba)	94
36- Bốn sự Khativādī (Lời kham nhẫn)	94
38- Bốn sự Kesava (Ăn sĩ Kesava)	95
40- Bốn sự Nandiyamiga (Nai chúa hoan hỷ)	96
41- Bốn sự Setaketu (Bàlamôn Setaketu)	96
42- Bốn sự Kharaputta (chuyện con lừa)	97
44- Bốn sự Dasañṇaka (Nuốt lưỡi kiếm)	97
45- Bốn sự Sattubhasta (Túi da đựng bánh)	98
46- Bốn sự Mahāpaduma (Vương tử Liên Hoa)	99
47- Bốn sự Koṭisimbali (Thần cây Gòn gai)	99
48- Bốn sự Indriya	99
50- Bốn sự Kaṇhadīpāyana (chuyện Hắc nhân)	100
51- Bốn sự Bīlārikosiya (Trưởng gia keo kiệt)	101
54- Bốn sự Saṃvara (Vương tử Saṃvara)	101
56- Bốn sự Javanahaṃsa (Thiên nga thần tốc)	102

57- Bốn sự Sarabhamiga (Nai chúa Sarabha).....	102
58- Bốn sự Bhikhāparampara (Cúng dường đúng đẳng cấp).	102
59- Bốn sự Mahā Ukkusa (chuyện chim Ưng chúa).....	103
60- Bốn sự Pañcuposatha (chuyện 5 vị thực hành Bô tát giới).....	103
61- Bốn sự Bhisā (chuyện củ sen).....	104
62- Bốn sự Rohantamiga (Nai chúa Rahanta).....	105
63- Bốn sự Hamsa (Thiên nga chúa).	105
64- Bốn sự Somanassa (Hoàng tử Hoan lạc).....	105
Tạng Thắng pháp (Abhidhammapiṭaka).	106
G- Hạnh lành của Đức Xá lợi phất.	107
Nghiêm trì Giới Luật	107
Tôn giả Upananda.....	108
Có tính kiên định cao.....	115
Bốn sự Visavanta	116
Tri ân đệ nhất.....	116
a- Với các bậc đồng phạm hạnh.	116
Khi ở tự viện	116
Khi đi du hành với Đức Thế Tôn.....	116
Thường viếng thăm những vị Tỳkhuu bị bệnh	116
Có tâm bi mẫn với bậc đồng phạm hạnh.....	116
Trợ giúp các vị Tỳkhuu.....	117
Bốn sự Mamsa	117
Nâng đỡ các vị Samôn trẻ	118
Chăm sóc tận tình các đệ tử.....	118
Bốn sự Abbhantara (cây xoài Chính Trung).	119
Bốn sự Supatta (Quạ chúa Supatta).	120
Hoan hỷ với thành tựu của người khác	121
b- Có tâm bi mẫn với các cư sĩ.	121
Khiêm nhượng và nhu hòa	122
Một mình ở lại nơi nhà gia chủ.....	123
Tôn giả Devadatta gây chia rẽ Tăng đoàn.....	123
H-Những người đối nghịch.	124
Tỳkhuu Kokālika	124
Bốn sự Jambukhādaka (con quạ ăn trái trám).	124
Bốn sự Samuddavāṇija (Thương nhân trên biển cả).....	125
Bốn sự Daddara (núi Daddara).....	127
Bốn sự Sīhakoṭṭhuka (Sư tử lai chó rừng).....	127
Bốn sự Sīhacamma (Tấm da sư tử).	128
Cao nguyên Manosilā	129
Núi Daddara	129
Động Vàng (Kañcanaguhā).	129
Núi Đen (Kālapabbata).	129
Tỳkhuu Cūḷa Kokālika	130
Bốn sự Takkāriya	133
Chuyện nàng kỹ nữ Kālī.....	133
Chuyện chim đuôi chìa	134
Chuyện con dê cái.....	134
Chuyện nhân điểu (Kinnara).	134
Bốn sự Kokālika (Tỳkhuu Kokālika).....	135
Bốn sự Kacchapa (chuyện con rùa).....	135
Bốn sự Vyaggha (chuyện con cọp).	136
I- Đức Xá lợi phất Viên tịch.	136
Nữ cận sự Revatī	141